THÍCH THANH TỪ

KINH DUY MA CẬT

Giảng Giải



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ KINH 4
01. PHẨM PHẬT QUỐC 8
02. PHẨM PHƯƠNG TIỆN 43
03. PHẨM ĐỆ TỬ 54
XÁ-LỢI-PHẤT 54
MỤC-KIỀN-LIÊN 56
ĐẠI CA-DIẾP 59
TU-BỒ-ĐỀ 64
PHÚ-LÂU-NA 69
CA-CHIÊN-DIÊN 71
A-NA-LUẬT 73
ƯU-BA-LY 75
LA-HẦU-LA 81
A-NAN 84
04. PHẨM BỒ TÁT 89
BỒ-TÁT DI-LẶC 89
ĐỒNG TỬ QUANG NGHIÊM 96
BỒ-TÁT TRÌ THẾ 101
TRƯỞNG GIẢ THIỆN ĐỨC 109
05. PHẨM VĂN THÙ THĂM BỆNH 118
06. PHẨM BẤT TƯ NGHÌ 152
07. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH 176
08. PHẨM PHẬT ĐẠO 208
09. PHẨM PHÁP MÔN KHÔNG HAI 240
10. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH 263

11. PHẨM BỒ TÁT HẠNH 284
12. PHẨM THẤY PHẬT A SÚC 308
13. PHẨM CÚNG DƯỜNG PHÁP 329
14. PHẨM CHÚC LỤY 346
TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH 353

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ KINH

Trước khi giảng bộ kinh này, tôi nói sơ qua một vài đặc điểm.

I- PHIÊN DỊCH

Lược khảo bản kinh này chia ra ba phần: Phần dịch Phạn-Hán, phần sớ giải và phần dịch Hán-Việt.

1. Dịch Phạn - Hán

Theo lời giải thích của ngài Trí Giả đại sư, quyển kinh này có năm nhà dịch, nhưng hiện nay trong Hán tạng chúng ta chỉ thấy có ba bản dịch, còn hai bản khác đã thất truyền. Ba nhà dịch đó là:

- Ngài Chi Khiêm đời Ngô, dịch là Phật Thuyết Duy-ma-cật Kinh, hai quyển.

- Ngài Cưu-ma-la-thập đời Diêu Tần, dịch là Duy-ma-cật Sở Thuyết Kinh, còn gọi là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh, ba quyển.

- Ngài Huyền Trang đời Đường, dịch là Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh, sáu quyển.

2. Phần sớ giải

Ở Trung Hoa có tám nhà sớ giải:

- Ngài Trí Khải để tên là Duy-ma Kinh Huyền Sớ, sáu quyển.

- Ngài Trạm Nhiên để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ, mười quyển.

- Ngài Trí Viên để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ Thùy Dụ Ký, mười quyển.

- Ngài Cát Tạng để tên là Tịnh Danh Huyền Luận, tám quyển; và Duy-ma Kinh Nghĩa Sớ, sáu quyển.

- Ngài Khuy Cơ để tên là Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh Sớ, sáu quyển.

- Ngài Tăng Triệu chú để tên là Chú Duy-ma-cật Kinh, mười quyển.

- Ngài Huệ Viễn để tên là Duy-ma Nghĩa Sớ, bốn quyển.

- Gần đây nhất là ngài Thế Viên, để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ hay Lược Giải.

3. Dịch Hán - Việt

Có ba vị:

- Hòa thượng Huệ Hưng, dịch in vào năm 1951.

- Ông Đoàn Trung Còn.

- Sư bà Diệu Không.

Bộ kinh chúng ta học ở đây là bản do ngài Cưu-ma-la-thập dịch, gồm ba quyển, mười bốn phẩm. Mục đích kinh này giải thích về cõi Tịnh độ của Bồ-tát hay tịnh Phật quốc độ. Nghĩa là làm sao thanh tịnh tự tâm và giáo hóa chúng sanh được thanh tịnh thì cõi nước mới thanh tịnh. Đó là trang nghiêm tịnh độ, chứ không phải bỏ cõi Ta-bà để cầu sanh nơi khác. Vậy tịnh độ của kinh Duy-ma-cật là tịnh độ của tự tâm, tịnh độ của Kinh A-di-đà là tịnh độ căn cứ trên quả của Phật đã chứng, đã nguyện.

II- XUẤT XỨ

Vì lòng từ bi bình đẳng của Phật cho nên bộ kinh này ra đời. Ban đầu, chỉ có những người xuất gia tu học theo giáo pháp của đức Phật mới được giải thoát sanh tử chứng A-la-hán, còn hàng cư sĩ tối đa chỉ chứng quả A-na-hàm. Như vậy muốn giải thoát sanh tử phải xuất gia, nếu tại gia tu chỉ là nhân tốt để đời sau tiếp tục tu. Cho nên đã bao thế kỷ qua, từ lúc đức Phật còn tại thế đến nay, người phát tâm tu muốn được giải thoát đều tìm cầu xuất gia. Tuy vậy, người xuất gia dù có nhiều chăng nữa cũng chỉ là số ít, nếu chỉ có một ít phần được giải thoát sanh tử còn đa số không được, tức là số người tu đạt đạo ngày càng bị hạn chế. Thế nên kinh Duy-ma-cật ra đời để nâng cao tinh thần của người cư sĩ tại gia. Nếu cư sĩ tại gia cũng có khả năng tu đạt đạo siêu việt, điều này cho thấy chánh pháp

hay giáo lý Phật dạy đem lợi ích khắp mọi tầng lớp, chứ không chỉ dành riêng cho giới xuất gia.

Có một số nhà khảo cứu về lịch sử, thấy từ trước đến nay chỉ có hàng xuất gia đạt đạo chứng quả mà chưa ai nói đến cư sĩ chứng quả cao, bằng và hơn những người xuất gia. Nhưng đến khi kinh Duy-ma-cật ra đời, lại thấy một vị cư sĩ siêu xuất hơn cả người xuất gia nữa. Như vậy đó là một cuộc cách mạng để nâng cao giới cư sĩ, chứ không theo nếp cũ chỉ có người xuất gia mới đạt đạo, giải thoát tự tại v.v...

III- GIẢI THÍCH TÊN KINH

Quyển kinh chúng ta học là do ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Tuy ba nhà dịch đều nổi tiếng, nhất là ngài Huyền Trang, nhưng đối chiếu lại từ trước đến nay, hầu hết những nhà học Phật đều lấy bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập làm định bản, tức là bản quyết định. Bản của ngài Cưu-ma-la-thập có hai tên, là Duy-ma-cật Sở Thuyết Kinh hay Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh.

Duy-ma-cật (Vimalakirti) là chữ Phạn. Trung Hoa dịch là Tịnh Danh, cũng dịch là Vô Cấu, là tên một vị cư sĩ. Tịnh Danh, Tịnh là trong sạch, Danh là tên, tên trong sạch thì vô nghĩa, nhưng ở đây danh không có nghĩa là tên, mà là danh trong danh sắc của mười hai nhân duyên. Danh là tinh thần, là tâm; sắc là vật chất. Tịnh Danh nghĩa là tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch. Cư sĩ Duy-ma-cật là trưởng giả giàu có, thê thiếp, tiền bạc, tôi tớ đầy đủ mà không dính mắc trong danh lợi tài sắc, đó là tâm ông trong sạch, vì vậy gọi là Tịnh Danh. Vô Cấu là không nhơ tức trong sạch, cho nên hai chữ Tịnh Danh và Vô Cấu nghĩa không khác nhau. Kinh này do cư sĩ Duy-ma-cật nói ra nên có tên là Duy-ma-cật Sở Thuyết.

Bất khả tư nghì giải thoát, nghĩa là sự giải thoát không thể nghĩ bàn. Như có người muốn dứt hết những nhiễm ô trần tục, nên khi đang giàu có sang trọng, họ bỏ hết tất cả sự nghiệp tài sản, vợ đẹp con yêu để xuất gia. Vào chùa một bề tu hành thanh tịnh, không còn

nghĩ tưởng, dính mắc những dục lạc thế gian nữa, những vị đó được giải thoát thì dễ hiểu. Ngược lại, cư sĩ Duy-ma-cật là trưởng giả, vợ con tiền của đầy đủ, mà nói giải thoát thì thật khó tin. Chính vì ở trong cảnh đầy dẫy những nhiễm ô, lại không dính mắc mà còn làm tất cả Phật sự không chướng ngại, thì sự giải thoát đó không thể nghĩ bàn, thế nên gọi là *giải thoát bất khả tư nghì*. Đây chỉ nói đơn giản nhưng là phần chính yếu của ý nghĩa bộ kinh.

Ngoài ra, kinh Duy-ma-cật là bộ kinh liên hệ rất nhiều đến Thiền tông, thiền sư Huyền Giác do nghiên cứu kinh Duy-ma-cật mà giác ngộ. Một hôm ngài gặp và nói chuyện với thiền sư Huyền Sách, nhận thấy chỗ hiểu của ngài đúng với chư tổ, Huyền Sách mới khuyên ngài đến chỗ Lục Tổ để cầu ấn chứng. Qua lời đối đáp, ngài được Lục Tổ ấn chứng. Như vậy chúng ta thấy ngài ngộ từ kinh Duy-ma-cật, nên kinh này có ảnh hưởng rất lớn trong giới tu thiền.

IV- NỘI DUNG KINH

Trong những bộ kinh, phẩm đầu là phẩm Tự tức là lời tựa. Nhưng ở đây phẩm đầu là phẩm Phật Quốc. Bởi vì trong toàn bộ kinh Duy-ma-cật, chủ đích là *thanh tịnh cõi Phật*. Muốn thanh tịnh cõi Phật thì phải y cứ nơi tâm chúng sanh. Cõi Phật thanh tịnh là quả, tâm chúng sanh là nhân. Có tâm thanh tịnh mới có cõi Phật thanh tịnh. Như vậy phẩm Phật Quốc là phần tổng quát cho toàn bộ kinh, nên không có phẩm Tựa.

01. PHẨM PHẬT QUỐC

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở thành Tỳ-da-ly, vườn cây am-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn người chung hội, Bồ-tát có ba muôn hai ngàn vị là những bậc có tiếng tăm, đại trí bản hạnh thảy đều thành tựu. Do oai thần của chư Phật mà dựng lập nên, là thành để hộ pháp và thọ trì chánh pháp. Các vị Bồ-tát đó hay rống tiếng rống sư tử, danh tiếng đồn đãi khắp mười phương. Các ngài làm bạn không đợi chúng thỉnh, đến để an ủi họ. Và nối tiếp Tam bảo, hay khiến không đoạn dứt. Hàng phục các ma quái và chế ngự chúng ngoại đạo.

Các ngài đều đã thanh tịnh, hằng lìa triền cái. Tâm thường an trụ trong vô ngại giải thoát. Nào là niệm, định, tổng trì, biện tài không dứt. Nào là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện thảy đều đầy đủ, đều không sở đắc, không khởi pháp nhẫn.

Đã hay tùy thuận chuyển bánh xe bất thối. Khéo hiểu pháp tướng, biết được căn cơ của chúng sanh. Che chở các đại chúng được vô sở úy, dùng công đức trí tuệ để tu tâm, lấy tướng hảo để trang nghiêm sắc thân làm đệ nhất, xả bỏ hết các đồ trang sức ở thế gian.

Danh tiếng của các ngài cao xa, vượt cả núi Tu-di. Lòng tin vững chắc như kim cương. Pháp bảo này soi khắp như mưa nước cam lồ. Ở trong chúng nói pháp vi diệu đệ nhất. Các ngài thâm nhập được lý duyên khởi và đoạn các tà kiến, không dính mắc hai bên có không và không còn những tập khí thừa. Diễn pháp không sợ, như sư tử rống, những lời của

các ngài giảng nói ra như tiếng sấm vang, không có lượng và đã quá hạn lượng.

Nhóm họp các pháp bảo, như hải đạo sư, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp. Khéo biết chỗ qua lại và tâm sở hành của chúng sanh. Gần bậc Phật vô đẳng đẳng, tự tại tuệ, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng. Các vị Bồ-tát này đã đóng cửa tất cả các đường ác mà sanh trong ngũ thú để hiện thân kia.

Các ngài là vua thầy thuốc, khéo trị lành bệnh cho chúng sanh, hợp với bệnh cho thuốc, khiến đều được lành bệnh. Các ngài vô lượng công đức thảy đều thành tựu, vô lượng cõi Phật thảy đều trang nghiêm thanh tịnh. Ai thấy hay nghe được các ngài đều có lợi ích. Những việc làm của các ngài đều không luống uổng. Như thế tất cả công đức thảy đều đầy đủ.

Tên của các ngài là Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Huệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Quỷ, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sanh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng,

Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử... Như thế ba muôn hai ngàn vị.

Lại có muôn vị Phạm thiên, Phạm thiên vương, Thi Khí... từ ở tứ thiên hạ khác đến chỗ Phật để nghe pháp. Lại có một muôn hai ngàn thiên đế cũng từ ở tứ thiên hạ khác đến, ngồi ở trong hội. Cùng những vị chư thiên đại oai lực, long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già... thảy đến ngồi trong hội. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến ngồi ở trong hội.

Bấy giờ Phật cùng vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh mà vì họ nói pháp, ví như núi chúa Tu-di hiển hiện trong biển cả, ngài ngồi yên trên tòa báu sư tử che trùm khắp cả đại chúng.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly có ông trưởng giả tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả đều mang lọng bảy báu đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, mỗi vị lấy lọng của mình dâng lên cúng dường Phật. Phật dùng oai lực khiến cho các lọng báu hợp lại thành một cái, che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, mà những tướng của thế giới rộng lớn này thảy đều hiện ở trong đó. Lại có các núi Tu-di, núi Vân, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Bảo, núi Kim, núi Hắc, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, biển cả sông ngòi, các dòng suối và mặt trời mặt trăng, tinh tú, thiên cung, long cung, cung của các vị tôn thần ở tam thiên đại thiên thế giới này, thảy đều hiện trong cái lọng báu ấy. Lại chư Phật ở mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng đều hiện ở trong lọng báu ấy.

Khi ấy tất cả đại chúng xem thấy thần lực của Phật liền tán thán là điều chưa từng có, đều chắp tay lễ Phật, chiêm

ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề rời. Bấy giờ trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Phật làm bài tụng để tán thán:

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh,

Tâm tịnh vượt qua các thiền định;

Tịnh nghiệp lâu đời chẳng kể xiết,

Dùng tịch dẫn chúng nên cúi lạy.

Đã thấy Đại thánh dùng thần biến,

Khắp hiện mười phương vô lượng cõi;

Trong đấy chư Phật diễn nói pháp,

Nơi đây tất cả đều thấy nghe.

Pháp lực của Phật vượt quần sanh,

Thường dùng pháp tài thí tất cả;

Hay khéo phân biệt tướng các pháp,

Nơi nghĩa đệ nhất mà không động;

Đối với các pháp được tự tại,

Nên con cúi đầu lễ Pháp vương.

Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,

Do nhân duyên nên các pháp sanh;

Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,

Mà nghiệp thiện ác cũng không mất.

Trước sức hàng ma nơi Phật thọ,

Được cam lồ diệt, thành đạo giác;

Đã không tâm ý không thọ hành,

Mà đều hàng phục các ngoại đạo.

Ba phen chuyển pháp cõi đại thiên,
Pháp ấy xưa nay thường thanh tịnh;
Trời người đắc đạo đó là chứng,
Tam bảo bấy giờ hiện thế gian.
Dùng pháp mầu này độ chúng sanh,
Thọ rồi không lui, thường vắng lặng;
Khỏi già bệnh chết đấng Y vương,
Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.
Khen chê chẳng động như Tu-di,
Lòng từ chan rải kẻ lành dữ;
Tâm hạnh bình đẳng như hư không,
Nghe đấng Nhân bảo, ai chẳng kính.
Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này,
Cõi tam thiên con hiện trong đó;
Thiên cung, long, thần... đều nương ở,
Càn-thát-bà cùng với dạ-xoa;
Mọi vật trong đời đều thấy rõ,
Phật thương hiện ra biến hóa này;
Thấy việc hy hữu chúng khen Phật,
Con nay lễ đấng Tam giới tôn.
Đại thánh Pháp vương chúng quy ngưỡng,
Tâm tịnh quán Phật thảy vui vẻ;
Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.
Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,

Chúng sanh tùy loại, thảy được hiểu;
Đều bảo Thế Tôn đồng tiếng mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.
Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng;
Khắp được thọ hành đều lợi ích,
Đây là thần lực pháp bất cộng.
Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng;
Hoặc sanh nhàm lìa hoặc dứt nghi,
Đây là thần lực pháp bất cộng.
Kính lễ thập lực đại tinh tấn,
Kính lễ bậc được vô sở úy;
Kính lễ bậc trụ Pháp bất cộng,
Kính lễ tất cả Đại đạo sư;
Kính lễ hay đoạn các kiết phược,
Kính lễ bậc đã đến bờ kia;
Kính lễ hay độ các thế gian,
Kính lễ hằng lìa đường sanh tử.
Thảy biết chúng sanh tướng qua lại,
Khéo nơi các pháp được giải thoát;
Không chấp thế gian như hoa sen,
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch;
Đạt các pháp tướng không quái ngại,
Lễ đấng không nương tợ hư không.

Khi ấy ông trưởng giả Bảo Tích nói kệ này rồi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm ông trưởng giả này đều đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mong được nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn nói hạnh của các vị Bồ-tát ở cõi Phật thanh tịnh.

Phật bảo:

- Lành thay! Bảo Tích, mới hay vì chư Bồ-tát mà hỏi hạnh của Như Lai ở cõi tịnh. Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bảo Tích và năm trăm ông trưởng giả vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật bảo:

- Bảo Tích, những loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát. Vì cớ sao? Bồ-tát tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chỗ điều phục chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào vào được trí tuệ Phật mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ-tát mà nhận lấy cõi Phật. Vì cớ sao? Bồ-tát nhận lấy cõi tịnh độ, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Ví như có người muốn nơi cho đất trống xây dựng nhà cửa lâu đài, tùy ý không trở ngại. Nếu ở trong hư không thì trọn không thể xây dựng được. Bồ-tát cũng như thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện nhận lấy cõi Phật, nguyện nhận lấy cõi Phật chẳng phải là nguyện suông.

Bảo Tích nên biết! Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh không dua nịnh được sanh về cõi nước kia.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào đầy đủ công đức mới được sanh về cõi nước kia.

Bồ-đề tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào phát tâm Đại thừa sẽ được sanh vào cõi nước đó.

Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh hay xả bỏ tất cả được sanh về cõi nước kia.

Trì giới là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào thực hành mười điều thiện, hạnh nguyện đầy đủ, sẽ được sanh về cõi nước kia.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt sẽ sanh về cõi nước kia.

Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh siêng năng tinh tấn đầy đủ công đức thì sanh về cõi nước kia.

Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nhiếp tâm không loạn thì được sanh về cõi nước kia.

Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh chánh định thì được sanh về cõi nước kia.

Tứ vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sẽ được sanh về cõi nước kia.

Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi nước kia.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh đối tất cả pháp khéo phương tiện không ngăn ngại thì được sanh về cõi nước kia.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh được niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác chi, bát chánh đạo, được sanh về cõi kia.

Hồi hướng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật.

Nói trừ tám nạn ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và tám nạn.

Tự giữ giới hạnh chẳng có chê bai khuyết điểm của người khác, ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì cõi nước không có danh từ phạm giới.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì những chúng sanh mạng không bị chết yểu, giàu có, Phạm hạnh, nói ra những lời chân thật, thường nói lời nhỏ nhẹ, quyến thuộc không chia lìa, khéo điều hòa các sự thưa kiện, nói ra đều lợi ích cho người, không tật đố, không nóng giận, được chánh kiến sẽ được sanh về cõi nước kia.

Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng kia thì hay phát hạnh. Tùy phát hạnh đó liền được thâm tâm. Tùy thâm tâm kia ắt ý được điều phục. Tùy tâm ý điều phục ắt là được việc làm như lời nói. Khi lời nói việc làm đi đôi, mới hay hồi hướng. Tùy hồi hướng đó mà tiến tới phương tiện.

Tùy phương tiện ắt thành tựu chúng sanh. Tùy thành tựu chúng sanh ắt được cõi Phật thanh tịnh. Tùy cõi Phật thanh tịnh ắt nói pháp được thanh tịnh. Tùy nói pháp thanh tịnh đó thì trí tuệ thanh tịnh. Tùy trí tuệ thanh tịnh, tâm được

thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh ắt tất cả công đức được thanh tịnh.

Thế nên Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn được cõi tịnh độ phải tịnh tâm kia. Tùy tâm kia tịnh thì cõi Phật tịnh.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật, khởi nghĩ thế này: "Nếu tâm của Bồ-tát thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, đức Thế Tôn của ta ngày xưa khi làm Bồ-tát, ý đâu chẳng thanh tịnh, mà cõi Phật này bất tịnh như thế ấy?"

Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất, liền bảo ngài rằng:

- Ý ông nghĩ sao, mặt trời mặt trăng há chẳng sáng ư, mà người mù không thể thấy?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Lỗi là tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng.

Phật bảo:

- Xá-lợi-phất! Vì chúng sanh tội chướng không thấy được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Như Lai, chẳng phải lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất, cõi nước này của ta thanh tịnh mà ông không thấy.

Khi đó Phạm vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Chớ khởi nghĩ cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì cớ sao? Tôi thấy cõi Phật thanh tịnh của đức Thích-ca-mâu-ni ví như là cung của vua trời Tự Tại vậy.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi thấy cõi này gò nổng hầm hố, gai góc cát sỏi, đất đá núi non, nhơ nhớp dẫy đầy.

Phạm vương Loa Kế mới nói:

- Tâm nhân giả có cao thấp, không nương nơi trí tuệ Phật, cho nên thấy cõi này ô uế như vậy. Thưa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh thảy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh nương nơi trí tuệ Phật, hay thấy cõi Phật thanh tịnh.

Bấy giờ Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, liền khi đó tam thiên đại thiên thế giới, bao nhiêu trăm ngàn trân bảo trang sức, ví như là cõi nước Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng khen ngợi việc chưa từng có và đều tự thấy đang ngồi trên tòa sen báu. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy xem, cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe, nay cõi nước Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế, nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt, nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư thiên cùng một bát báu đựng thức ăn, tùy phước đức của những người kia mà sắc cơm trong bát có sai khác. Như thế Xá-lợi-phất, nếu người tâm tịnh sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Ngay khi đức Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, năm trăm trưởng giả do ngài Bảo Tích dẫn theo đều được Vô sanh pháp nhẫn, tám muôn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nhiếp thần túc, khi ấy thế giới trở lại như cũ. Ba muôn hai ngàn chư thiên và những người cầu Thanh văn thừa, đều biết pháp hữu vi thảy đều vô thường, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp, lậu tận ý giải.

Giảng:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở thành Tỳ-da-ly, vườn cây am-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn người chung hội, Bồ-tát có ba muôn hai ngàn vị là những bậc có tiếng tăm, đại trí bản hạnh thảy đều thành tựu. Do oai thần của chư Phật mà dựng lập nên, là thành để hộ pháp và thọ trì chánh pháp. Các vị Bồ-tát đó hay rống tiếng rống sư tử, danh tiếng đồn đãi khắp mười phương. Các ngài làm bạn không đợi chúng thỉnh, đến để an ủi họ. Và nối tiếp Tam bảo, hay khiến không đoạn dứt. Hàng phục các ma quái và chế ngự chúng ngoại đạo.

Đây là tán thán công đức của ba muôn hai ngàn vị Bồ-tát có mặt trong hội. Thường trong những thời Phật thuyết pháp có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo câu hội, ở đây có tám ngàn đại Tỳ-kheo mà không nêu tên, chỉ kể và đề cao các vị Bồ-tát. Đó là đặc điểm của bộ kinh. Những vị Bồ-tát này tất cả thiên hạ ai cũng nghe cũng biết, là những bậc trí tuệ rộng lớn và công hạnh đều đã thành tựu. Các ngài đã được chư Phật lâu đời dựng lập nên. Các vị Bồ-tát này là thành hộ pháp tức ủng hộ chánh pháp, và cũng thọ trì chánh pháp, hay giảng dạy, danh tiếng đồn khắp mười phương.

Các ngài làm bạn không đợi thỉnh mời, nói lên tâm của Bồ-tát khi cần làm lợi ích chúng sanh thì lăn xả vào làm. Còn chúng ta có ai mời mới giảng, như vậy chỉ là bạn khi nào có kẻ mời. Các ngài có khả năng nối nắm, hưng thịnh, duy trì Tam bảo, hàng phục ma quân và ngoại đạo.

Các ngài đều đã thanh tịnh, hằng lìa triền cái. Tâm thường an trụ trong vô ngại giải thoát. Nào là niệm, định, tổng trì, biện tài

không dứt. Chữ cái là ngũ cái, triền là thập triền. Các ngài hằng xa lìa được ngũ cái và thập triền. Tổng trì là gồm hết, nhớ hết. Biện tài là tài biện luận. Đó là khả năng của các ngài.

Nào là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện thảy đều đầy đủ, đều không sở đắc, không khởi pháp nhẫn. Tại sao tu mà không khởi pháp nhẫn? Như hiện giờ, chúng ta do tâm ý còn sân si nhiều, ai động đến liền nổi giận. Người muốn tu phải đè cơn giận xuống là nhẫn, nhẫn nhịn như thế gọi là tu. Nếu người nói tới mà ta không nhẫn thì dễ sân si. Nhưng tại sao ở đây các ngài lại không khởi pháp nhẫn? Đối với chúng ta, tưởng nhẫn hay là tu hay, nhưng nhẫn hay là tại sân nhiều. Còn các ngài tham sân si đã dứt, đâu cần khởi nhẫn! Vì vậy nên nói vô sở đắc.

Đã hay tùy thuận chuyển bánh xe bất thối. Khéo hiểu pháp tướng, biết được căn cơ của chúng sanh. Che chở các đại chúng được vô sở úy, dùng công đức trí tuệ để tu tâm, lấy tướng hảo để trang nghiêm sắc thân làm đệ nhất, xả bỏ hết các đồ trang sức ở thế gian.

Lấy công đức trí tuệ mà tu tâm thì dễ hiểu, còn lấy tướng tốt để trang nghiêm sắc thân làm bậc nhất, xả bỏ đồ trang sức thế gian là sao? Thường ở thế gian, muốn trang nghiêm thân phải có đồ trang sức để làm tăng vẻ đẹp. Đó chỉ là hình thức, là phương tiện bên ngoài. Với Bồ-tát thì lấy ba mươi hai tướng tốt của Phật để trang nghiêm thân. Ba mươi hai tướng tốt đều do công phu tu hành mà được. Nghĩa là muốn trang nghiêm thân thì lấy công đức tu hành để thân có đầy đủ tướng tốt, chứ không phải mượn các món trang sức bên ngoài. Trong ba mươi hai tướng tốt của Phật, như tướng lưỡi rộng dài là do tu hạnh không nói dối, trái tai dài được sống thọ là do tu hạnh không giết hại chúng sanh. Mỗi tướng tốt đều do công hạnh tu của các ngài mà được.

Như vậy muốn được những tướng tốt đó phải tu những công hạnh nêu trên. Lấy công hạnh để trang sức thân mình, chứ không vay mượn những thứ bên ngoài. Thế nên, các ngài bỏ hết những đồ trang sức ở thế gian là vậy.

Danh tiếng của các ngài cao xa, vượt cả núi Tu-di. Lòng tin vững chắc như kim cương. Pháp bảo này soi khắp như mưa nước cam lồ. Ở trong chúng nói pháp vi diệu đệ nhất. Các ngài thâm nhập được lý duyên khởi và đoạn các tà kiến, không dính mắc hai bên có không và không còn những tập khí thừa. Diễn pháp không sợ, như sư tử rống, những lời của các ngài giảng nói ra như tiếng sấm vang, không có lượng và đã quá hạn lượng.

Tiếng tăm của các ngài lưu truyền rộng khắp.

Pháp âm vang xa không ngằn mé.

Nhóm họp các pháp bảo, như hải đạo sư, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp. Khéo biết chỗ qua lại và tâm sở hành của chúng sanh. Gần bậc Phật vô đẳng đẳng, tự tại tuệ, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng.

Hải đạo sư là vị thầy dẫn đường đi biển. Pháp của Phật nói ra đều tùy bệnh cho thuốc, chúng sanh bệnh nhiều nên pháp Phật cũng nhiều. Các vị Bồ-tát nhóm họp các pháp bảo, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp, có đủ phương tiện dìu dắt chúng sanh như bậc thầy dẫn người đi biển. Các vị Bồ-tát này thường gần gũi đức Phật là bậc Vô đẳng đẳng, được tự tại tuệ, được thập lực, được tứ vô sở úy, thập bát bất cộng.

Các vị Bồ-tát này đã đóng cửa tất cả các đường ác mà sanh trong ngũ thú để hiện thân kia.

Đóng cửa các đường ác thì nghiệp dẫn sanh trong cõi xấu ác không còn nữa, nhưng ở đây nói các ngài đã đóng cửa tất cả đường ác lại hiện sanh trong ngũ thú. Câu này nghe mâu thuẫn, bởi các ngài đã không còn nghiệp để sanh trong tam giới. Nhưng vì lòng đại bi thệ nguyện vào trong ngũ thú để giáo hóa chúng sanh.

Các ngài là vua thầy thuốc, khéo trị lành bệnh cho chúng sanh, hợp với bệnh cho thuốc, khiến đều được lành bệnh. Các ngài vô lượng công đức thảy đều thành tựu, vô lượng cõi Phật thảy đều trang nghiêm thanh tịnh. Ai thấy hay nghe được các ngài đều có lợi ích.

Những việc làm của các ngài đều không luống uổng. Như thế tất cả công đức thảy đều đầy đủ.

Đoạn này tán thán công đức của những vị Bồ-tát rất đầy đủ.

Tên của các ngài là Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Huệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Quỷ, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sanh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử... Như thế ba muôn hai ngàn vị.

Lại có muôn vị Phạm thiên, Phạm thiên vương, Thi Khí... từ ở tứ thiên hạ khác đến chỗ Phật để nghe pháp. Lại có một muôn hai ngàn thiên đế cũng từ ở tứ thiên hạ khác đến, ngồi ở trong hội. Cùng những vị chư thiên đại oai lực, long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già... thảy đến ngồi trong hội. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến ngồi ở trong hội.

Bấy giờ Phật cùng vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh mà vì họ nói pháp, ví như núi chúa Tu-di hiển hiện trong biển cả, ngài ngồi yên trên tòa báu sư tử che trùm khắp cả đại chúng.

Đoạn này là phần tựa, diễn tả cảnh pháp hội Phật sắp thuyết giảng. Trong pháp hội gồm có những ai, số người tham dự và buổi họp đó diễn ra nơi nào, đều kể ra cho chúng ta biết.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly có ông trưởng giả tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả đều mang lọng bảy báu đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, mỗi vị lấy lọng của mình dâng lên cúng dường Phật. Phật dùng oai lực khiến cho các lọng báu hợp lại thành một cái, che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, mà những tướng của thế giới rộng lớn này thảy đều hiện ở trong đó. Lại có các núi Tu-di, núi Vân, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Bảo, núi Kim, núi Hắc, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, biển cả sông ngòi, các dòng suối và mặt trời mặt trăng, tinh tú, thiên cung, long cung, cung của các vị tôn thần ở tam thiên đại thiên thế giới này, thảy đều hiện trong cái lọng báu ấy. Lại chư Phật ở mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng đều hiện ở trong lọng báu ấy.

Đoạn này có hai phần: Sự và Lý.

Phần sự, trưởng giả Bảo Tích cùng năm trăm trưởng giả, mỗi người đem lọng báu của mình hiến dâng lên Phật. Do thần lực của Phật hóa hiện những lọng báu hợp lại thành một. Khi ấy tất cả núi sông đất liền... trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, cho tới hình ảnh cung trời, cùng các vị thần..., mười phương chư Phật nói pháp ở các cõi nước xa, đều hiển hiện trong đó.

Phần lý, trong bản kinh này chủ yếu là nói về tâm. Ở đây những lọng báu của các vị trưởng giả là dụ cho tâm riêng. Tâm riêng tư thì không có diệu dụng. Khi đã hợp nhất rồi, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì mười phương cõi Phật, cho tới sum la vạn tượng đều hiện rõ trong đó. Nên nói tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Đây là một bằng chứng cụ thể, không phải nói xa vời.

Thí dụ đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề, khi tâm hoàn toàn thanh tịnh thì mười phương cõi nước hay các hành tinh xa tít ngài đều nhìn

thấy rõ, cho nên ngài mới nói có hằng hà sa số thế giới. Do tâm thanh tịnh nên đức Phật thấy được vô số thế giới bên ngoài, cũng như thấy những vi trùng nhỏ tí ti, mà lúc đó chưa có phương tiện để thấy được như thời nay. Như vậy rõ ràng tâm tịnh thì tất cả đều hiện và thấy được hết. Đó là những điều có thật, không phải do tưởng tượng. Chúng ta tu không mơ ước thần thông, chỉ tiêu diệt phiền não để tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì mọi cảnh bên ngoài, những gì cần biết liền thấy liền biết, không còn nghi ngờ nữa. Chủ yếu của đạo Phật là đạt đến chỗ tâm thanh tịnh thì mới thành cõi Phật thanh tịnh.

Chúng ta mơ ước cõi Phật mà không tu, không điều phục tâm thì điều mơ ước đó chỉ là viển vông.

Khi ấy tất cả đại chúng xem thấy thần lực của Phật liền tán thán là điều chưa từng có, đều chắp tay lễ Phật, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề rời. Bấy giờ trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Phật làm bài tụng để tán thán.

Đoạn này ý nói, đại chúng thấy việc chưa từng có, nên chắp tay lễ Phật và tán dương ngài. Lúc bấy giờ trưởng giả Bảo Tích ở trước Thế Tôn làm kệ tán thán.

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh,

Tâm tịnh vượt qua các thiền định;

Tịnh nghiệp lâu đời chẳng kể xiết,

Dùng tịch dẫn chúng nên cúi lạy.

Câu thứ nhất tán thán sắc thân của Phật đẹp đẽ, vì Phật là bậc giác ngộ nên trí tuệ biểu hiện nơi con mắt trong sáng. Câu thứ hai tán thán tâm của Phật. Vì tâm ngài đã hoàn toàn thanh tịnh, nên vượt qua hết các tầng thiền định. Còn tâm chúng ta chưa thanh tịnh, nên phải ngồi thiền để hàng phục và an trụ tâm. Nếu tâm đã an định rồi thì đâu cần ngồi thiền chi nữa! Câu thứ ba tán thán về sự tích lũy vô lượng tịnh nghiệp của ngài. Câu thứ tư tán dương Phật là vị đại đạo sư dẫn dắt chúng sanh đến chỗ tịch tịnh Niết-bàn, cho nên đại chúng đảnh lễ ngài. Như vậy chỉ bốn câu kệ đầu, chúng ta thấy

đã tán thán đầy đủ: thân, tâm, tịnh nghiệp và luôn cả sự giáo hóa chúng sanh của đức Phật.

Đã thấy Đại thánh dùng thần biến,

Khắp hiện mười phương vô lượng cõi;

Trong đấy chư Phật diễn nói pháp;

Nơi đây tất cả đều thấy nghe.

Bốn câu này tán thán thần lực của Phật. Khi ngài dùng thần lực để hợp các lọng thành một, thì mười phương vô lượng cõi nước đều hiện rõ trong đó và chư Phật đang diễn nói pháp.

Pháp lực của Phật vượt quần sanh,

Thường dùng pháp tài thí tất cả;

Hay khéo phân biệt tướng các pháp,

Nơi nghĩa đệ nhất mà không động;

Bốn câu này tán thán Phật khéo nói pháp. Ngài là đấng Pháp vương, khéo dùng pháp lực để dẫn dắt chúng sanh siêu vượt hơn tất cả. Thường dùng cả tài thí và pháp thí để làm lợi ích cho mọi người. Lại khéo phân biệt tướng các pháp, đối với nghĩa đệ nhất không động. Còn phân biệt là động, nhưng ở đây đối với nghĩa đệ nhất, ngài phân biệt pháp tướng mà tâm không động. Thí dụ cái nhà vốn không tự có, do gạch, xi-măng, cát, nước, tôn, gỗ... hợp lại thành. Phân tích như vậy để thấy cái nhà không thật có, bởi tự tánh là không, mà tánh Không tức là đệ nhất nghĩa.

Đối với các pháp được tự tại,

Nên con cúi đầu lễ Pháp vương.

Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,

Do nhân duyên nên các pháp sanh;

Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,

Mà nghiệp thiện ác cũng không mất.

Hai câu đầu, ngài tán thán đức Phật đối với các pháp đã được tự tại, nên cúi đầu đảnh lễ đấng Pháp vương. Bốn câu kế là khen ngợi sự khéo léo nói pháp của Phật. Pháp Phật nói do nhân duyên nên các pháp sanh, không thuộc về có cũng không thuộc về không. Không ngã, không tạo tác, không thọ giả mà nghiệp thiện ác không mất. Thí dụ như bàn tay của tôi, khi xòe năm ngón ra rồi nắm lại thì gọi là nắm tay. Nắm tay có là do nhân duyên hợp. Trước khi năm ngón chưa co lại không có nắm tay, khi co lại tạm gọi là nắm tay, buông ra nắm tay không còn. Nắm tay trước không, sau cũng không. Nếu phân tích từng ngón, ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp, ngón út, tìm nắm tay cũng không có. Như vậy thể của nắm tay là không, duyên hợp tạm có. Nên nói nắm tay là có là không đều không được. Nó có như huyễn như hóa, là hư dối không thật. Thấy được lý nhân duyên thì thấy các pháp không thật, là người trí. Cho nên pháp Phật nói rất khó hiểu, vì trái với cái thấy của phàm phu ngu mê.

Các pháp là vô ngã, là không ta, không người tạo tác, cũng không người thọ nhận mà nghiệp thiện ác không mất. Chúng ta thường nói, đời này làm lành đời sau hưởng phước, như vậy có mình đời này làm và cũng có mình đời sau để hưởng thì dễ hiểu. Ở đây Phật nói vô ngã là không có ta thật, thì làm điều lành rồi đời sau ai hưởng? Mà không có ta thật thì ai làm lành?

Không có người làm cũng không có người hưởng, tại sao nghiệp báo không mất? Nói như vậy thật khó hiểu. Như hiện tại đây, cái gì là mình? Cái gì là ta? Cái ta thật khó chỉ. Ngay thân này cái gì là ta, chỉ ra không được. Thế mà lúc nào cũng nghĩ có cái ta làm chủ thân này, mà mình làm chủ được thân này chưa?

Giả sử, có một số trẻ con phá rào chui vô quậy phá vườn chùa, thầy Tri sự thấy liền ra đuổi bọn trẻ. Đó là làm chủ đối với sự việc bên ngoài, có ai xâm phạm mình liền biết và tự giải quyết. Còn trong thân chúng ta, khi ăn là vì muốn ăn hay bao tử trống đòi ăn? Nếu muốn ăn, khi bụng đã no thì dù gặp món rất thích cũng nuốt không vô. Do đó để thấy khi bao tử trống đòi hỏi nên phải ăn. Vậy mà lúc

nào cũng nói tôi muốn ăn. Khi ăn chúng ta chỉ biết đem thức ăn vào cơ thể, nó chuyển hóa thế nào, ra sao mình không hay biết. Phải chi ăn vô rồi muốn nó tạo thành chất bổ dưỡng như ý, thì mình mới là chủ. Cũng như những vi trùng ở ngoài xâm nhập vào cơ thể, mình có thể điều khiển các vi trùng bên trong tiêu diệt chúng không? Không thể được. Như vậy chủ ở chỗ nào? Có chủ không? Mà không chủ thì không có ta, không ta tức là vô ngã.

Tuy không chủ nhưng nếu người uống rượu, hút thuốc hoặc á phiện lâu ngày thành ghiền. Ghiền là thói quen khó bỏ, đã tạo thành nghiệp. Như vậy mới thấy không có ngã, không tạo tác, không thọ giả mà nghiệp không mất. Đây là điểm đặc biệt. Lâu nay chúng ta si mê cứ nghĩ mình là chủ, nhưng đó chỉ là tưởng tượng.

Cái giả mà tưởng là thật chứ không có thật. Vì ngay nơi con người, mình chỉ biết khái quát, như những nhu cầu đòi hỏi của thân, chẳng hạn cổ họng khô, uống nước vô cho đỡ khát, được mát mẻ, giúp cơ thể hoạt động... còn mọi sinh hoạt bên trong đều không biết.

Như vậy chúng ta thấy ý nghĩa của đạo Phật thật tế nhị, khó suy lường. Đó là bốn câu tán thán pháp Phật rất nhiệm mầu khó hiểu.

Trước sức hàng ma nơi Phật thọ,

Được cam lồ diệt, thành đạo giác;

Đã không tâm ý không thọ hành,

Mà đều hàng phục các ngoại đạo.

Khi đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề, ngài dùng sức định để hàng phục chúng ma. Trong tứ đế, diệt đế là Niết-bàn, nên cam lồ diệt tức là vị Niết-bàn. Được diệt đế mới giác ngộ thành đạo, lúc bấy giờ tâm ý và thọ hành, tức là nghiệp đều không còn, mà hàng phục được các ngoại đạo. Như vậy chỉ với mấy chữ thôi mà nghĩa lý thật thâm sâu. Thường thường chúng ta muốn hàng phục, muốn lý luận với ai, trước tiên phải suy nghĩ, tìm đủ lý lẽ để chinh phục họ, đó là sử dụng tâm ý trước. Còn đối với đức Phật, ý nghiệp đã hết, phiền não dứt sạch, tâm hoàn toàn thanh tịnh. Khi ma quái và ngoại đạo đến đề xướng

điều gì, ngài không cần suy nghĩ, thấy rõ mọi vấn đề nên khéo nhiếp phục họ.

Đó là điểm đặc biệt của Phật, gọi là thời trí.

Ba phen chuyển pháp cõi đại thiên,

Pháp ấy xưa nay thường thanh tịnh;

Trời người đắc đạo đó là chứng,

Tam bảo bấy giờ hiện thế gian.

Đây là tán thán đức Phật ba lần chuyển pháp luân tại vườn Lộc Uyển, cho năm anh em Kiều-trần-như. Ngoài ra, những vị hiện có mặt là trời, người... nhờ đó mà chứng được đạo. Pháp âm của Phật vang xa khắp cõi tam thiên, chư thiên ở các cõi trời, cõi Phạm thiên, long thần, thổ địa... đều lặp lại tiếng thuyết pháp đó. Nên nói là chuyển pháp luân cả đại thiên.

Ba phen chuyển pháp luân tức là chuyển pháp tứ đế, pháp đó xưa nay thường thanh tịnh. Chư thiên và người nhờ pháp này mà chứng được đạo quả. Từ đó mới có đầy đủ Tam bảo hiện ở thế gian. Tam bảo gồm có Phật là Phật bảo, pháp tứ đế là Pháp bảo, năm anh em Kiều-trần-như là Tăng bảo.

Dùng pháp mầu này độ chúng sanh,

Thọ rồi không lui, thường vắng lặng;

Khỏi già bệnh chết đấng Y vương,

Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.

Bốn câu này là nói kết quả của pháp Phật rất vi diệu, cứu giúp quần sanh. Người nghe được pháp này tâm không lui sụt, đạt đến chỗ thường vắng lặng thanh tịnh. Đức Phật là đấng Y vương, cho thuốc chúng sanh khỏi già bệnh chết. Thế nên kính lễ Pháp rộng lớn như biển không ngằn mé, có đầy đủ công đức vô lượng vô biên.

Khen chê chẳng động như Tu-di,

Lòng từ chan rải kẻ lành dữ;

Tâm hạnh bình đẳng như hư không,

Nghe đấng Nhân bảo, ai chẳng kính.

Bốn câu kệ này tán dương đức Phật, đối với khen chê tâm ngài đều không động, như núi Tu-di dù có giông bão vẫn không lay động. Ngài dùng tâm từ bi, với người thiện ác đều thương xót bình đẳng không riêng khác. Ở thế gian thấy người hiền gặp khổ thì thương, không thích người dữ nên họ khổ thì cười, còn Phật thì thương tất cả. Vì vậy nói tâm hành của ngài bình đẳng như hư không, nên ai nghe đến đấng quý báu hơn cả cõi trời cõi người, thảy đều kính trọng vâng theo.

Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này,

Cõi tam thiên con hiện trong đó;

Thiên cung, long, thần... đều nương ở,

Càn-thát-bà cùng với dạ-xoa;

Mọi vật trong đời đều thấy rõ,

Phật thương hiện ra biến hóa này;

Đoạn này khen ngợi thần lực của Phật. Khi ngài biến các lọng riêng thành một lọng lớn chung và các thế giới đều hiện trong ấy.

Thấy việc hy hữu chúng khen Phật,

Con nay lễ đấng Tam giới tôn.

Đại thánh Pháp vương chúng quy ngưỡng,

Tâm tịnh quán Phật thảy vui vẻ;

Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,

Đây là thần lực pháp bất cộng.

Đại chúng thấy việc làm của Phật thật hy hữu, nên tất cả đều tán thán và cung kính đảnh lễ ngài là bậc tối tôn trong tam giới. Phật là đấng Đại thánh, là đấng Pháp vương, mọi người đều quy hướng. Tâm ai thanh tịnh nhìn thấy Phật đều hoan hỷ như ngài đang ở trước mình. Đây là do thần lực của pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,

Chúng sanh tùy loại, thảy được hiểu;

Đều bảo Thế Tôn đồng tiếng mình,

Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật nói pháp chỉ một thứ tiếng mà mỗi người mỗi loài đều nghe như Phật đang dùng tiếng nói của mình, nên tất cả đều kính ngưỡng, đều nhận hiểu. Đó là do thần lực của pháp bất cộng. Như chúng ta nói tiếng Việt, người Việt nghe thì hiểu, còn người Hoa, người Nhật, người Pháp... họ sẽ không hiểu. Trong pháp hội của Phật, chúng quy tụ nào là người, trời, quỷ thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la... và chư Bồ-tát từ các nơi đến, mà ngài nói pháp ai cũng nghe cũng hiểu. Cho nên chỉ cần tu thành Phật rồi, nói một thứ tiếng mọi người đều nghe như tiếng của họ, chứ không phải nhọc nhằn học nhiều thứ tiếng nói thiên hạ mới nghe mới hiểu.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,

Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng;

Khắp được thọ hành đều lợi ích,

Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật dùng một thứ tiếng nói pháp, mỗi loài đều hiểu và thực hành được lợi ích. Đó cũng là do thần lực của pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,

Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng;

Hoặc sanh nhàm lìa hoặc dứt nghi,

Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật chỉ dùng một thứ tiếng, nói một pháp, mà có người nghe thì sợ, người nghe sanh vui mừng, người sanh nhàm chán, người lại dứt nghi. Thí dụ Phật nói làm thập ác phải đọa địa ngục, tu thập thiện được sanh lên cõi trời. Người làm thập ác nghe hoảng sợ, người tu thập thiện tâm sanh vui mừng. Những người từ trước đến giờ việc

lành việc ác đều có làm, khi nghe Phật dạy họ chán điều ác, cố làm điều lành, tức là chán lìa. Lại có người thấy người này làm lành, người kia làm ác, họ không biết kết quả ra sao, bây giờ nghe Phật dạy nên không còn nghi. Chỉ một câu nói mà có kẻ sợ, người mừng, kẻ chán, người hết nghi. Qua đó chúng ta thấy ý nghĩa của Phật diễn nói rất rộng rãi cũng do thần lực của pháp bất cộng.

Kính lễ thập lực đại tinh tấn,

Kính lễ bậc được vô sở úy;

Kính lễ bậc trụ Pháp bất cộng,

Kính lễ tất cả Đại đạo sư;

Kính lễ hay đoạn các kiết phược,

Kính lễ bậc đã đến bờ kia;

Kính lễ hay độ các thế gian,

Kính lễ hằng lìa đường sanh tử.

Đoạn này trưởng giả Bảo Tích kính lễ đức Phật là đấng đầy đủ thập lực, đại tinh tấn, đã chứng được tứ vô sở úy, trụ nơi pháp bất cộng, là vị Đại đạo sư của tất cả. Ngài đã đoạn dứt những trói buộc của ngũ dục trong tam giới, lìa đường sanh tử đến bờ giác ngộ, độ khắp thế gian.

Thảy biết chúng sanh tướng qua lại,

Khéo nơi các pháp được giải thoát;

Không chấp thế gian như hoa sen,

Thường khéo vào nơi hạnh không tịch;

Đạt các pháp tướng không quái ngại,

Lễ đấng không nương tợ hư không.

Sáu câu này ý nói Phật là người khéo thấy biết tướng qua lại trong ngũ đạo lục thú của chúng sanh, khéo đối các pháp được giải thoát. Ngài không dính mắc ở thế gian, như hoa sen ra khỏi bùn không hôi mùi bùn, thường khéo vào hạnh không tịch. Ngài thấu

suốt tướng các pháp không còn gì chướng ngại. Câu cuối trưởng giả Bảo Tích kính lễ Phật như hư không vô sở y. Đến đây, ông không còn lễ Phật hình tướng mà lễ Phật vô y, như trong nhà thiền thường nói *đạo nhân vô y*. Vô y tức là không chỗ nương tựa, không hình tướng, nên lễ Phật vô y là lễ Phật pháp thân. Pháp thân không tướng mạo không chỗ nương tựa, trùm khắp như hư không.

Tóm lại, toàn bài kệ này trưởng giả Bảo Tích tán thán Tam bảo, cuối cùng tán thán Phật pháp thân. Phật pháp thân sẵn có nơi mỗi người chứ không chỉ riêng đức Phật. Như vậy những đoạn trên chỉ là phần diễn tả hội của chư Bồ-tát tập hợp nghe Phật nói pháp và tán thán công đức của Phật thôi.

Khi ấy ông trưởng giả Bảo Tích nói kệ này rồi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm ông trưởng giả này đều đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mong được nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn nói hạnh của các vị Bồ-tát ở cõi Phật thanh tịnh.

Phật bảo:

- Lành thay! Bảo Tích, mới hay vì chư Bồ-tát mà hỏi hạnh của Như Lai ở cõi tịnh. Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bảo Tích và năm trăm ông trưởng giả vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật bảo:

- Bảo Tích, những loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát. Vì cớ sao? Bồ-tát tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chỗ điều phục chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào vào đươc trí tuệ Phật mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ-tát mà nhận lấy cõi Phật. Vì cớ sao? Bồ-tát nhận lấy cõi tịnh độ, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Ví như có người muốn nơi chỗ đất trống, xây dựng nhà cửa lâu đài, tùy ý không trở ngại. Nếu ở trong hư không thì trọn không thể xây dựng được. Bồ-tát cũng như thế, vì thành tựu chúng

sanh nên nguyện nhận lấy cõi Phật, nguyện nhận lấy cõi Phật chẳng phải là nguyện suông.

Đức Phật giải thích cho ngài Bảo Tích và các vị trưởng giả biết rằng, các loài chúng sanh là cõi tịnh độ của Bồ-tát. Tùy chúng sanh được giáo hóa hoặc được điều phục, tùy chúng sanh ưng cõi nước nào để đạt đến trí tuệ Phật, thì các vị Bồ-tát sẽ nhận lấy cõi Phật tương xứng để giáo hóa, khiến họ phát căn lành, tu hành đến quả vị Bồ-tát hay quả vị Phật.

Bồ-tát nhận lấy cõi Phật thanh tịnh không phải để thụ hưởng cho riêng mình, mà vì sự giáo hóa và lợi ích chúng sanh. Như làm Phật sự, muốn cất chùa to Phật lớn, thâu chúng đông để tạo uy tín riêng mình, vì danh lợi cá nhân mà làm thì không phải hạnh nguyện Bồ-tát. Còn nếu muốn có chỗ trang nghiêm, giúp mọi người an tâm tu hành, đem lợi ích đến cho nhiều người mà trải thân ra làm. Ấy là tâm hạnh Bồ-tát, vì chúng sanh tạo cảnh tịnh độ.

Bởi tâm Bồ-tát lúc nào cũng nhắm thẳng vào chúng sanh, nên các loài chúng sanh là tịnh độ của Bồ-tát. Câu này rất quan trọng. Nếu Bồ-tát làm ngoài ý muốn giáo hóa chúng sanh, đó không phải là Bồ-tát. Như vậy cõi Phật thanh tịnh của chư Bồ-tát là vì lợi ích chúng sanh mà lập, vì lợi ích chúng sanh mà tạo, chứ không phải để thụ hưởng.

Bảo Tích nên biết! Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh không dua nịnh được sanh về cõi nước kia.

Người thế gian sống vì danh lợi, tiền tài... nên họ chiều uốn để được những gì mong muốn. Còn chúng ta tu sống đơn giản, không nhà cửa, không gia đình, không có những nhu cầu quan trọng thì đâu cần có tâm quanh co chiều uốn, vậy mà thỉnh thoảng cũng có chút chút. Do đó, muốn vào cửa đạo hay muốn sanh về cõi nước của Bồ-tát thì phải trực tâm, vì trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát.

Lục Tổ cũng nói *trực tâm là đạo tràng*. Như vậy Phật và Tổ nhắc nhở chúng ta, đã vào đạo rồi tâm phải ngay thẳng, không chiều uốn để được lòng người. Bồ-tát do nhân trực tâm mà được cõi tịnh độ. Những chúng sanh muốn hưởng quả sanh về cõi nước Bồ-tát đó, cũng phải gieo nhân trực tâm, phải bỏ những dối trá mới được. Điều này không thể thiếu đối với người tu.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào đầy đủ công đức mới được sanh về cõi nước kia.

Thâm tâm là tâm sâu kín, tâm đã tạo đầy đủ nhân tốt, nhân lành; do đó nói thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát. Người muốn sanh về cõi Tịnh độ của Bồ-tát phải có đầy đủ công đức, nên nói khi Bồ-tát thành Phật rồi, chúng sanh nào đầy đủ những công đức mới được sanh về đó.

Bồ-đề tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào phát tâm Đại thừa sẽ được sanh vào cõi nước đó.

Ba thứ tâm này rất thâm thúy. Trực tâm là cửa, thâm tâm là dụng, Bồ-đề tâm là giác. Người tu muốn thành Phật, nhân ban đầu là trực tâm, kế là thâm tâm, sau cùng là giác ngộ. Thế nên người phát tâm Đại thừa là phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới được sanh về cõi kia. Vì cõi Phật do nhân giác ngộ mà thành, muốn về cõi Phật thanh tịnh mà thiếu giác ngộ thì không thể được.

Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh hay xả bỏ tất cả được sanh về cõi nước kia.

Trì giới là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào thực hành mười điều thiện, hạnh nguyện đầy đủ, sẽ được sanh về cõi nước kia.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt sẽ sanh về cõi nước kia.

Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh siêng năng tinh tấn đầy đủ công đức thì sanh về cõi nước kia.

Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nhiếp tâm không loạn thì được sanh về cõi nước kia.

Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh chánh định thì được sanh về cõi nước kia.

Pháp tu lục độ là nhân để Bồ-tát được quả cõi Phật thanh tịnh. Chúng sanh muốn được sanh về cõi ấy phải tu nhân lục độ.

Tứ vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sẽ được sanh về cõi nước kia.

Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi nước kia.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh đối tất cả pháp khéo phương tiện không ngăn ngại thì được sanh về cõi nước kia.

Tứ vô lượng tâm là bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Bồ-tát tu tứ vô lượng tâm, thành Phật thì cõi Phật được thanh tịnh. Những chúng sanh tu tứ vô lượng tâm, khi thành tựu viên mãn cũng được sanh về cõi của các ngài. Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, những chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi ấy.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh đối với các pháp khéo dùng phương tiện không ngại sẽ được sanh về cõi nước kia. Như vậy chúng ta thấy, muốn trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, Bồ-tát phải tu đủ các công hạnh như lục độ, tứ vô lượng tâm, tứ nhiếp pháp, phương tiện...

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh được niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác chi, bát chánh đạo, được sanh về cõi kia.

Hồi hướng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật.

Nói trừ tám nạn ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và tám nạn.

Tự giữ giới hạnh chẳng có chê bai khuyết điểm của người khác, ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì cõi nước không có danh từ phạm giới.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì những chúng sanh mạng không bị chết yểu, giàu có, Phạm hạnh, nói ra những lời chân thật, thường nói lời nhỏ nhẹ, quyến thuộc không chia lìa, khéo điều hòa các sự thưa kiện, nói ra đều lợi ích cho người, không tật đố, không nóng giận, được chánh kiến sẽ được sanh về cõi nước kia.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Ba mươi bảy pháp này giúp người tu hành thành tựu đạo quả, nên gọi là trợ đạo.

Hồi hướng tâm là khởi lòng đại bi cứu độ chúng sanh, chuyển công đức lành hướng về quả vị Vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát khi thành Phật, được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật. Sở dĩ gọi tám nạn vì ở tám chỗ này, cảm thọ quả khổ vui có khác, nhưng đều không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp. Ở đây đã trừ hết các nạn, nên cõi Phật không có ba đường ác, cũng không có tám nạn. Trong tám nạn này, chúng ta thấy có nạn sanh ở cõi trời Trường Thọ. Tại sao ở cõi trời Trường Thọ lại nói là nạn? Trong kinh Phật nói những người ở cõi trời đó sống lâu cả tiểu kiếp, luôn thụ hưởng sung sướng, nhưng không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp. Sống lâu để hưởng mà không có cơ hội để phát tâm làm phước lành, tỉnh giác tiến tu, thì như bị nhốt trong tháp ngà, hưởng hết phước rơi trở

lại trần tục, không được lợi ích. Hiểu điều này chúng ta mới thấy, đạo Phật cốt dạy người tu không nên thụ hưởng nhiều, sống trong hoàn cảnh nào mà dễ phát tâm, dễ thức tỉnh để lo tu hành đó là tốt.

Vậy người tu có sợ tai nạn, sợ khổ, sợ bệnh hoạn không? Nhờ bệnh mới thấy thân này vô thường, nhờ tai nạn mới thấy cuộc đời không gì bảo đảm, nhờ cuộc sống chật vật nghèo khó mới thấy cuộc đời là khổ đau. Thế nên những gì thế gian sợ, Phật cho là cần; thế gian ưa muốn Phật cho là nạn. Như người sanh trong gia đình luôn được sung sướng như ý, khó phát tâm tu. Hiểu vậy mới thấy không phải thiếu thốn khổ đau mới là nạn, mà sống trong si mê không biết tu Phật cũng gọi là nạn.

Giữ giới hạnh không chê bai khuyết điểm của người khác là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước của các ngài không có từ phạm giới. Bổn phận người tu là tự giữ giới hạnh. Người khác không giữ không nên chê bai, biết đâu họ là Bồ-tát thị hiện, làm những điều sai phạm để cảnh tỉnh giáo hóa người. Vì vậy sự tu hành của chúng ta, nếu không có bổn phận trách nhiệm thì không nên chê trách người, cũng không ghét người phạm giới để tỏ ra mình là người trong sạch. Đó là tự làm tổn công đức.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành tựu cõi nước thanh tịnh rồi, chúng sanh có đầy đủ những điều kiện là sống lâu, giàu có, phạm hạnh, nói chân thật, thường nói nhỏ nhẹ... không nóng giận, được chánh kiến. Mười điều lợi ích này là do tu nhân thập thiện mà được quả. Giữ giới không sát sanh kết quả là không chết yểu, không trộm cướp thì được giàu có, không tà dâm thì được phạm hạnh. Không nói dối thì được mọi người tin tưởng, không nói ác khẩu thì được người yêu mến, không nói ly gián thì được quyến thuộc không chia lìa, không vu oan cho người thì hòa hợp được sự tranh tụng, không nói thêu dệt thì đem lại lợi ích cho người. Không tham thì không bị tật đố, không sân thì không bị sân nhuế, không tà kiến thì được chánh kiến.

Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng kia thì hay phát hạnh. Tùy phát hạnh đó liền được thâm tâm. Tùy thâm tâm kia ắt ý được điều phục. Tùy tâm ý điều phục ắt là được việc làm như lời nói. Khi lời nói việc làm đi đôi, mới hay hồi hướng. Tùy hồi hướng đó mà tiến tới phương tiện. Tùy phương tiện ắt thành tựu chúng sanh. Tùy thành tựu chúng sanh ắt được cõi Phật thanh tịnh. Tùy cõi Phật thanh tịnh ắt nói pháp được thanh tịnh. Tùy nói pháp thanh tịnh đó thì trí tuệ thanh tịnh. Tùy trí tuệ thanh tịnh, tâm được thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh ắt tất cả công đức được thanh tịnh.

Từ tâm ngay thẳng nên làm việc gì đều lợi ích cho chúng sanh, gọi là phát hạnh. Nhờ hay làm điều lợi ích chúng sanh, nên mới được thâm tâm. Từ thâm tâm mới được ý điều hòa chinh phục. Từ điều hòa chinh phục được ý rồi, lời nói và việc làm mới đi đôi nhau v.v... Tóm lại từ trực tâm cho đến tùy tâm thanh tịnh, thì tất cả công đức đều được thanh tịnh. Câu này chúng ta phải gắng ghi nhớ.

Thế nên Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn được cõi tịnh độ phải tịnh tâm kia. Tùy tâm kia tịnh thì cõi Phật tịnh.

Bồ-tát muốn trang nghiêm tịnh độ, trước tiên tâm phải thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là nhân, cõi Phật thanh tịnh là quả. Nếu tâm cong vạy, nhơ nhớp muốn được về cõi Phật tịnh thì không thể được. Như người nguyện sanh về tịnh độ mà tâm không tịnh, thì cõi Phật làm sao tịnh được? Người biết tu phải lấy tâm làm gốc, không lệ thuộc vào cảnh. Chúng ta thường nghe nói thân là chánh báo, cảnh là y báo. Ở đây Phật nói thẳng, tâm mới là chủ, vì vậy phải sửa tâm trước thì cõi Phật mới được thanh tịnh. Đó là căn bản của sự tu.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật, khởi nghĩ thế này: "Nếu tâm của Bồ-tát thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, đức Thế Tôn của ta ngày xưa khi làm Bồ-tát, ý đâu chẳng thanh tịnh, mà cõi Phật này bất tịnh như thế ấy?"

Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất, liền bảo ngài rằng:

- Ý ông nghĩ sao, mặt trời mặt trăng há chẳng sáng ư, mà người mù không thể thấy?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Lỗi là tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng.

Phật bảo:

- Xá-lợi-phất! Vì chúng sanh tội chướng không thấy được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Như Lai, chẳng phải lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất, cõi nước này của ta thanh tịnh mà ông không thấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất khởi nghi này thật hợp lý. Vì nói tâm Bồ-tát thanh tịnh nên cõi nước được thanh tịnh. Vậy đức Phật Thích-ca thuở xưa tu hạnh Bồ-tát chẳng lẽ tâm ngài không thanh tịnh, mà bây giờ cõi Ta-bà của Phật lại ô uế thế này? Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất nên nói, mặt trời mặt trăng lúc nào cũng sáng nhưng vì người mù không thể thấy nên họ thấy tối. Tối là lỗi tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng. Cũng vậy, do chúng sanh tội nghiệp sâu dầy, nên không thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, đó là lỗi của chúng sanh chứ đâu phải lỗi của đức Như Lai.

Khi đó Phạm vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Chớ khởi nghĩ cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì cớ sao? Tôi thấy cõi Phật thanh tịnh của đức Thích-ca-mâu-ni ví như là cung của vua trời Tự Tại vậy.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi thấy cõi này gò nổng hầm hố, gai góc cát sỏi, đất đá núi non, nhơ nhớp dẫy đầy.

Phạm vương Loa Kế mới nói:

- Tâm nhân giả có cao thấp, không nương nơi trí tuệ Phật, cho nên thấy cõi này ô uế như vậy. Thưa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát đối với

tất cả chúng sanh thảy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh nương nơi trí tuệ Phật, hay thấy cõi Phật thanh tịnh.

Ngay cõi Ta-bà này mà ngài Xá-lợi-phất thì thấy dẫy đầy những điều bất tịnh, còn Phạm vương Loa Kế lại thấy thanh tịnh như cõi trời Tự Tại. Ông giải thích cho ngài Xá-lợi-phất biết, tại sao ngài lại thấy cõi này gai góc, sỏi sạn... Vì tâm ngài còn phân biệt cao thấp. Nếu tâm bình đẳng thì được thâm tâm thanh tịnh, nương nơi trí tuệ Phật sẽ thấy cõi Phật thanh tịnh. Như vậy ngài Xá-lợi-phất và Phạm vương Loa Kế, một bên thấy uế một bên thấy tịnh, là do thấy theo nghiệp.

Như cảnh thiền viện Thường Chiếu ai đến cũng khen đẹp, nhưng trong chúng có người tâm đang bất an, rối loạn thì cảm thấy bực bội, còn người tâm tự tại thoải mái lại thấy vui tươi. Cùng một cảnh, tùy tâm mỗi người nhìn thấy khác nhau. Tâm đang bực bội dù cảnh thế nào cũng thấy bực bội, tâm an lành tự tại nhìn cảnh nào cũng an lành tự tại.

Thế nên các thiền sư dù ở trong núi rừng vắng vẻ vẫn thấy an vui. Còn chúng ta ở trong chùa trang nghiêm thanh tịnh lại bực bội rầu rĩ, muốn bỏ chùa đi là tại sao? Vì trong tâm đang rối loạn. Bởi tâm không an nên dù trong cảnh nào cũng bất an. Do đó mà chúng ta mới thấy rõ trọng tâm phải đặt ở chỗ nào. Ở nơi tâm.

Bấy giờ Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, liền khi đó tam thiên đại thiên thế giới, bao nhiêu trăm ngàn trân bảo trang sức, ví như là cõi nước Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng khen ngợi việc chưa từng có và đều tự thấy đang ngồi trên tòa sen báu. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy xem, cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe, nay cõi nước Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Như vậy Phật chỉ cần ấn ngón chân, tôn giả Xá-lợi-phất và đại chúng liền thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh hiện ra. Ngài mới thưa với Phật, từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe. Cả đại chúng đều khen ngợi việc chưa từng có và thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế, nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt, nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư thiên cùng một bát báu đựng thức ăn, tùy phước đức của những người kia mà sắc cơm trong bát có sai khác. Như thế Xá-lợi-phất, nếu người tâm tịnh sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Cõi nước của Phật thường thanh tịnh, vì muốn độ chúng sanh những kẻ căn cơ hạ liệt nên ngài thị hiện ra cõi nước đầy cấu uế. Tùy theo nghiệp của mỗi người nên thấy khác nhau. Người tâm tịnh thấy cõi này trang nghiêm thanh tịnh, tâm không tịnh thì thấy cõi này nhớp nhúa. Đây là lẽ thật, không thể chối cãi.

Chúng ta ở nơi nào cảnh nào mà tâm thanh tịnh thì nơi đó thanh tịnh. Như những lúc tâm mình thanh thản nhẹ nhàng, ra ngồi dưới gốc điều lòng cảm thấy vui vui. Còn khi bị ai nói nặng nhẹ, bị làm khó dễ, ra ngồi gốc điều lòng cảm thấy buồn bực. Như vậy chúng ta thấy, tâm tịnh liền thấy cõi tịnh, tâm không tịnh dù cõi tịnh cũng biến thành không tịnh.

Tóm lại, muốn thấy cõi nước Phật thanh tịnh thì trước phải tịnh tâm. Tâm mình tịnh, cõi nước mới được thanh tịnh. Với tâm nhơ nhớp, muốn sanh lên cõi tịnh cũng không bao giờ được. Đó là trọng tâm tu hành.

Ở đây Phật dùng thí dụ, ngài nói chư thiên đều có bát báu giống nhau, tùy phước mỗi người mà thức ăn trong bát hiện ra màu sắc, ngon dở khác nhau. Thí dụ này của Phật chúng ta khó hiểu, vì mình chưa bao giờ biết. Thí dụ khác thực tế dễ hiểu hơn, như thí chủ cúng

dường một bữa ăn, mâm cao cỗ đầy. Nhưng tùy phước báo mỗi người, người khỏe mạnh ăn thấy ngon, người có bệnh ăn không ngon còn sợ, ngán. Như vậy tùy nghiệp phước của mỗi người mà cảm thọ có khác, chứ không phải do thức ăn.

Ngay khi đức Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, năm trăm trưởng giả do ngài Bảo Tích dẫn theo đều được Vô sanh pháp nhẫn, tám muôn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nhiếp thần túc, khi ấy thế giới trở lại như cũ. Ba muôn hai ngàn chư thiên và những người cầu Thanh văn thừa, đều biết pháp hữu vi thảy đều vô thường, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp, lậu tận ý giải.

Ngay khi Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, thì trưởng giả Bảo Tích và năm trăm trưởng giả đều được Vô sanh pháp nhẫn, còn tám muôn bốn ngàn vị khác đều phát tâm Bồ-đề. Như vậy khi cảnh trang nghiêm thanh tịnh đang hiện, những vị Bồ-tát liền được Vô sanh pháp nhẫn hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn hàng Thanh văn và người phải đợi đến lúc Phật thâu thần túc lại rồi, thì thấy đang là cõi tịnh bây giờ thành coi uế, các ngài mới ngộ được lý vô thường, nên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Các vị Tỳ-kheo chứng được lậu tận ý giải.

Bồ-tát thấy rõ cõi này vốn thanh tịnh, vì chúng sanh mê nên thấy là bất tịnh. Khi Phật hiện cõi thanh tịnh, các ngài nhận được tịnh độ là từ tâm, nên ngay đó phát tâm vô thượng hoặc chứng đạo. Hàng Thanh văn thấy cõi tịnh biến thành cõi uế, mới thức tỉnh nhận được lý vô thường, chứng được đạo quả Thanh văn. Do đó chúng ta thấy hai trình độ sai biệt nên kết quả cũng sai biệt.

02. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Chánh văn:

Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật và sâu trồng cội lành, được vô sanh nhẫn. Biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì. Được vô sở úy, hàng phục ma oán. Vào sâu trong pháp môn, khéo dùng trí độ người, thông suốt phương tiện, đại nguyện thành tựu. Biết rõ chỗ thú hướng của tâm chúng sanh, lại hay phân biệt các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thục, quyết định Đại thừa. Và mỗi hành vi tạo tác hay khéo suy lường. Giữ gìn oai nghi của Phật, tâm rộng như biển cả, chư Phật khen ngợi, hàng đệ tử, Đế-thích, Phạm vương, hoặc vua thế gian thảy đều cung kính.

Vì muốn độ người, khéo dùng phương tiện, ở thành Tỳ-da-ly đem của cải vô lượng thu nhiếp những người nghèo khổ. Giữ giới thanh tịnh để nhiếp phục những người phá hủy giới cấm. Dùng nhẫn nhục để điều phục những người nóng giận. Dùng đại tinh tấn để nhiếp phục những người lười biếng. Dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp phục những người loạn ý. Dùng trí tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí. Tuy làm cư sĩ mà vâng giữ giới luật, thực hành hạnh thanh tịnh của Sa-môn. Tuy là người tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi. Thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh. Hiện có quyến thuộc mà thường ưa sự xa lìa. Tuy mặc đồ trang sức đẹp đẽ mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân. Tuy cũng ăn uống mà dùng thiền duyệt làm vị. Hoặc đến chỗ cờ bạc hát xướng, đều vì nhiếp độ họ. Ông thọ học các đạo khác mà không hủy hoại chánh tín. Tuy thông suốt kinh sách thế gian mà thường ưa Phật pháp. Cung kính tất cả là sự cúng dường

bậc nhất. Ông giữ gìn chánh pháp, nhiếp độ người lớn và trẻ nhỏ. Tất cả sự sinh sống đều hài hòa, tuy được sự lợi ích thế gian mà không lấy làm vui.

Ông dạo nơi các ngã tư đường làm lợi ích chúng sanh. Vào chỗ chính trị lấy pháp cứu hộ tất cả. Vào chỗ giảng luận hướng dẫn người về Đại thừa. Vào các trường học để dẫn dắt trẻ thơ. Vào những chỗ dâm xá để chỉ lỗi lầm của dục. Vào quán rượu để giúp họ lập chí. Nếu ở trong hàng trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng trưởng giả, vì họ nói pháp thù thắng. Nếu ở trong cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, vì họ đoạn trừ tâm tham trước. Nếu ở trong dòng Sát-đế-lợi, là bậc tôn quý trong dòng Sát-đế-lợi, dạy họ phương pháp nhẫn nhục. Nếu ở trong dòng Bà-la-môn, là bậc tôn quý trong dòng Bà-la-môn, trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở nơi đại thần, là bậc tôn quý trong hàng đại thần, dùng chánh pháp dạy họ. Nếu trong hàng vương tử, là bậc tôn quý trong hàng vương tử, chỉ dạy họ trung hiếu. Nếu ở nội quan, là bậc tôn quý trong hàng nội quan, giáo hóa họ làm người cung nữ chân chánh. Nếu ở chỗ thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, dạy họ làm điều phước lành. Nếu ở chỗ Phạm thiên, là bậc tôn quý trong Phạm thiên, dạy bảo họ trí tuệ thù thắng. Nếu ở trong trời Đế-thích, là bậc tôn quý trong Đế-thích, thị hiện cảnh vô thường. Nếu ở trong cõi trời Hộ Thế, là bậc tôn quý trong trời Hộ Thế, bảo hộ các chúng sanh.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sanh.

Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Vì ông có bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... và hàng vương tử cùng với các quan lại quyến thuộc khác, vô số

ngàn người đều đến thăm bệnh ông. Những người đến thăm, ông Duy-ma-cật nhân đó dùng thân bệnh vì họ rộng nói pháp:

- Này các nhân giả! Thân này là vô thường, không mạnh mẽ, không sức lực, không bền bỉ, là pháp chóng hư hoại, không thể tin được vậy. Nó là khổ, là não, là chỗ nhóm họp của các bệnh.

Này các nhân giả, thân này như thế, người trí sáng suốt không nên nương cậy vào nó. Thân này như chùm bọt, không thể nắm bắt. Thân này như bong bóng nước, không được lâu bền. Thân này như sóng nắng, từ khát ái sanh. Thân này như cây chuối, ở trong không có lõi chắc. Thân này như huyễn hóa, từ điên đảo dấy khởi. Thân này như mộng, do thấy hư dối mà thành. Thân này như bóng, từ nơi nghiệp duyên hiện. Thân này như vang, thuộc về các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong chốc lát biến diệt. Thân này như làn điện chớp, niệm niệm không dừng. Thân này không chủ, như là đất. Thân này không có ngã, như là lửa. Thân này không thọ mạng, như là gió. Thân này không có nhân, như là nước. Thân này không thật, do tứ đại làm nhà. Thân này là không, lìa ngã và ngã sở. Thân này là vô tri, như cỏ cây ngói gạch. Thân này không tạo tác, do sức gió mà chuyển. Thân này nhơ nhớp, ô uế dẫy đầy. Thân này là hư dối, tuy nhờ do tắm gội ăn mặc, tất phải trở về tiêu tan. Thân này là tai họa, một trăm lẻ một bệnh làm não loạn. Thân này như gò giếng, bị cái già bức bách. Thân này không chắc chắn, rốt cuộc phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ giặc thù, như xóm rỗng, vì do ấm giới các nhập chung hợp mà thành.

Này các nhân giả, thân này là tai họa đáng chán, phải ưa thích thân Phật. Vì cớ sao? Thân Phật tức là pháp thân. Từ vô lượng công đức trí tuệ sanh; từ giới, định, tuệ, giải thoát,

giải thoát tri kiến sanh; từ từ bi hỷ xả sanh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, siêng năng hành tinh tấn, thiền định, giải thoát tam-muội, đa văn, trí tuệ, các ba-la-mật sanh; từ phương tiện sanh; từ lục thông sanh; từ tam minh sanh; từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh; từ chỉ quán sanh; từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh; từ đoạn tất cả pháp bất thiện, nhóm họp tất cả các pháp thiện sanh; từ chân thật sanh; từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai.

Chư nhân giả, muốn được thân Phật, đoạn tất cả bệnh của chúng sanh, phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như thế ông Duy-ma-cật vì các người đến thăm bệnh, tùy mỗi người mà nói pháp, làm cho vô số ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Phương tiện là phương pháp khéo léo dùng để hướng dẫn người tu đạt đến chỗ cứu cánh.

Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, và sâu trồng cội lành, được vô sanh nhẫn. Biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì. Được vô sở úy, hàng phục ma oán. Vào sâu trong pháp môn, khéo dùng trí độ người, thông suốt phương tiện, đại nguyện thành tựu. Biết rõ chỗ thú hướng của tâm chúng sanh, lại hay phân biệt các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thục, quyết định Đại thừa. Và mỗi hành vi tạo tác hay khéo suy lường. Giữ gìn oai nghi của Phật, tâm rộng như biển cả, chư Phật khen ngợi, hàng đệ tử, Đế-thích, Phạm vương, hoặc vua thế gian thảy đều cung kính.

Đoạn này tán thán công hạnh của cư sĩ Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng căn lành nhiều đời, chứng

vô sanh pháp nhẫn, được biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì, được vô sở úy, hàng phục các ma oán không chướng ngại, thâm nhập pháp môn, khéo dùng trí độ chúng sanh, thông suốt mọi phương tiện, đại nguyện thành tựu, tâm rộng như biển cả. Cư sĩ Duy-ma-cật được chư Phật khen ngợi, không những hàng phàm phu mà cả đệ tử Phật, trời Đế-thích, Phạm vương, vua thế gian thảy đều cung kính. Vì có những khả năng và công hạnh như thế nên ông mới khéo dùng phương tiện để hóa độ người.

Học kinh là để học theo gương hạnh của các vị Bồ-tát, chứ không nên đồng hóa mình với các ngài, vì sánh với công đức của chư vị, chúng ta không bì kịp.

Vì muốn độ người, khéo dùng phương tiện, ở thành Tỳ-da-ly đem của cải vô lượng thu nhiếp những người nghèo khổ. Giữ giới thanh tịnh để nhiếp phục những người phá hủy giới cấm. Dùng nhẫn nhục để điều phục những người nóng giận. Dùng đại tinh tấn để nhiếp phục những người lười biếng. Dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp phục những người loạn ý. Dùng trí tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí. Tuy làm cư sĩ mà vâng giữ giới luật, thực hành hạnh thanh tịnh của Sa-môn. Tuy là người tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi. Thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh. Hiện có quyến thuộc mà thường ưa sự xa lìa. Tuy mặc đồ trang sức đẹp đẽ mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân.

Vì muốn làm lợi ích cho người, ngài Duy-ma-cật phương tiện làm cư sĩ tại gia. Tuy hình thức cư sĩ mà ông khéo độ người, thu nhiếp người nghèo khó bằng của cải vô lượng, nhiếp phục kẻ phá giới bằng sự giữ giới thanh tịnh, lấy nhẫn nhục để độ người nóng giận, dùng sức tinh tấn giáo hóa người biếng lười. Ở đây nói ông là cư sĩ tại gia mà thực hành hạnh Sa-môn, thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh, không nhiễm trước ba cõi... là ý gì? Hiện chúng ta đang ở cõi Dục là cõi thấp nhất trong tam giới mà còn say mê chìm đắm, ông tuy là cư sĩ tại gia mà tâm được tự tại giải thoát nên đối với tam giới không nhiễm.

Tại sao nói dùng tướng hảo để trang nghiêm thân? Đức Phật sở dĩ có ba mươi hai tướng tốt là do công đức tu hành mà được. Cũng vậy, cư sĩ Duy-ma-cật tuy có những đồ trang sức, áo quần đẹp đẽ nhưng với ông không quan trọng, chỉ dùng công hạnh tu để trang nghiêm thân. Như đức Phật có tướng lưỡi rộng dài vì nhiều đời ngài tu hạnh không nói dối. Tướng nhục kế là do nhiều đời hiếu kính cha mẹ, kính thuận sư trưởng... Như vậy mỗi tướng tốt là do công đức tu hành của ngài.

Tuy cũng ăn uống mà dùng thiền duyệt làm vị. Hoặc đến chỗ cờ bạc hát xướng, đều vì nhiếp độ họ. Ông thọ học các đạo khác mà không hủy hoại chánh tín. Tuy thông suốt kinh sách thế gian mà thường ưa Phật pháp. Cung kính tất cả là sự cúng dường bậc nhất. Ông giữ gìn chánh pháp, nhiếp độ người lớn và trẻ nhỏ. Tất cả sự sinh sống đều hài hòa, tuy được sự lợi ích thế gian mà không lấy làm vui.

Tuy ăn uống mâm cao cỗ đầy, cư sĩ Duy-ma-cật không thấy quan trọng, mà chỉ vui trong thiền vị, nên nói thiền duyệt vi thực. Hằng ngày chúng ta thưởng thức đủ mùi vị, vậy khi ngồi thiền có được hưởng vị thiền chăng? Người tu thiền khi tâm an định thân nhẹ nhàng, ngồi thiền là thảnh thơi an lành nhất, đó là nếm được vị thiền, nên nói thiền duyệt vi thực. Duyệt là vui, lấy vui trong tọa thiền làm thức ăn. Vì vậy ngày nào thiếu một giờ ngồi thiền là cảm thấy đói. Còn người không biết tu, giờ ngồi thiền được ngủ thì vui thích, là no chứ đâu có đói? Do chưa tự tại an lành trong việc tu.

Cư sĩ Duy-ma-cật đã được thần thông du hý tự tại, nên vào sòng bạc, đến hý trường... để hóa độ người chứ không phải để vui chơi. Chúng ta tâm còn nhơ nhiễm, vào chỗ đó thì nhiễm nhơ thêm. Các vị Bồ-tát có quyền làm như vậy vì các ngài đã đầy đủ khả năng, thành tựu các công đức nên đến để nhiếp độ người không bị trở ngại.

Theo học ngoại đạo mà không mất chánh tín. Thông hiểu sách vở thế gian mà vui thích Phật pháp. Đối với cư sĩ Duy-ma-cật, cúng dường Tam bảo là sự tôn trọng bậc nhất. Giữ gìn chánh pháp để hóa

độ mọi người. Cuộc sống luôn được hài hòa thoải mái, không gì trở ngại. Những điều lợi lộc của thế tục, như làm ăn buôn bán... chẳng lấy đó làm vui.

Ông dạo nơi các ngã tư đường làm lợi ích chúng sanh. Vào chỗ chính trị lấy pháp cứu hộ tất cả. Vào chỗ giảng luận hướng dẫn người về Đại thừa. Vào các trường học để dẫn dắt trẻ thơ. Vào những chỗ dâm xá để chỉ lỗi lầm của dục. Vào quán rượu để giúp họ lập chí. Nếu ở trong hàng trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng trưởng giả, vì họ nói pháp thù thắng. Nếu ở trong cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, vì họ đoạn trừ tâm tham trước. Nếu ở trong dòng Sát-đế-lợi, là bậc tôn quý trong dòng Sát-đế-lợi, dạy họ phương pháp nhẫn nhục. Nếu ở trong dòng Bà-la-môn, là bậc tôn quý trong dòng Bà-la-môn, trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở nơi đại thần, là bậc tôn quý trong hàng đại thần, dùng chánh pháp dạy họ. Nếu trong hàng vương tử, là bậc tôn quý trong hàng vương tử, chỉ dạy họ trung hiếu. Nếu ở nội quan, là bậc tôn quý trong hàng nội quan, giáo hóa họ làm người cung nữ chân chánh. Nếu ở chỗ thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, dạy họ làm điều phước lành. Nếu ở chỗ Phạm thiên, là bậc tôn quý trong Phạm thiên, dạy bảo họ trí tuệ thù thắng. Nếu ở trong trời Đế-thích, là bậc tôn quý trong Đế-thích, thị hiện cảnh vô thường. Nếu ở trong cõi trời Hộ Thế, là bậc tôn quý trong trời Hộ Thế, bảo hộ các chúng sanh.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sanh.

Cư sĩ Duy-ma-cật thường dạo chơi khắp phố phường để làm lợi ích chúng sanh. Tham gia việc chính trị, pháp luật để giúp đỡ quốc dân. Vào dâm xá, quán rượu để chỉ cho người biết lỗi lầm của dục, độc hại của rượu rồi lập chí bỏ rượu, xa lìa ái dục...

Dù ở giai cấp nào Cư sĩ cũng dự vào, được quý kính và có đủ phương tiện để hóa độ. Như Sát-đế-lợi là dòng võ tướng, đi chinh phục cầm binh ra trận, nên dạy họ cách nhẫn nhục. Bà-la-môn là

dòng dõi cao quý nhất, tâm thường ngã mạn nên dạy họ phải diệt trừ.

Vì sao ở trong hàng Đế-thích thị hiện cảnh vô thường? Trời Đế-thích là vua cõi trời, thừa hưởng ngũ dục lạc khó biết tu, nên cư sĩ Duy-ma-cật hiện cảnh vô thường già bệnh chết để thức tỉnh chư thiên.

Tóm lại, tất cả việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật đều dùng phương tiện độ sanh, chứ không phải vì nghiệp lôi. Trường hợp nào cũng nhắm thẳng lợi ích cho người mà đến, không phải vì thụ hưởng, vì an vui riêng mình. Như vậy với người giàu sang quyền quý hoặc người lầm lỡ... thì đến để khuyên răn, cảnh tỉnh. Với người nghèo khó, thứ dân, trẻ thơ... thì giúp đỡ họ.

Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Vì ông có bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... và hàng vương tử cùng với các quan lại quyến thuộc khác, vô số ngàn người đều đến thăm bệnh ông. Những người đến thăm, ông Duy-ma-cật nhân đó dùng thân bệnh vì họ rộng nói pháp.

Nghe cư sĩ Duy-ma-cật bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... vô số ngàn người đều đến thăm. Cư sĩ Duy-ma-cật thị hiện thân bệnh để làm phương tiện vì người thuyết pháp, chứ không phải vì nghiệp chướng mà bệnh. Còn chúng ta bệnh, có nói pháp cho người khác nghe hay nằm rên rỉ than thở? Tuy chúng ta không được như cư sĩ Duy-ma-cật, nhưng nếu có bệnh, ai tới thăm, nên nói thân này là vô thường, hôm qua còn đi nhanh nhẹn, nay lại nằm, dậy không nổi. Đó cũng là nhân duyên bệnh mà cảnh tỉnh người.

Này các nhân giả! Thân này là vô thường, không mạnh mẽ, không sức lực, không bền bỉ, là pháp chóng hư hoại, không thể tin được vậy. Nó là khổ, là não, là chỗ nhóm họp của các bệnh.

Này các nhân giả, thân này như thế, người trí sáng suốt không nên nương cậy vào nó.

Thân này là vô thường, không sức mạnh, không bền chắc, là vật mau hư mục, là ổ chứa các thứ khổ não. Người trí sáng suốt không bao giờ tin cậy vào nó, còn chúng ta đối với thân này thì sao? Cứ tin mình khỏe mạnh sống lâu, không biết hôm nay đang đi mai chết cũng có, hiện tại ngồi đây ngày mai bệnh cũng có, không gì nhất định. Không biết ngày nào chết làm sao tin được thân này bền chắc. Vậy mà bất chợt bệnh đến, tâm sanh bực bội, ai bảo mình sắp chết thì lo sợ, hoảng hốt. Nếu hiểu rõ thân này không gì bảo đảm thì có gì đáng tin.

Thân này như chùm bọt, không thể nắm bắt. Thân này như bong bóng nước, không được lâu bền. Thân này như sóng nắng, từ khát ái sanh. Thân này như cây chuối, ở trong không có lõi chắc. Thân này như huyễn hóa, từ điên đảo dấy khởi. Thân này như mộng, do thấy hư dối mà thành. Thân này như bóng, từ nơi nghiệp duyên hiện. Thân này như vang, thuộc về các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong chốc lát biến diệt. Thân này như làn điện chớp, niệm niệm không dừng. Thân này không chủ, như là đất. Thân này không có ngã, như là lửa. Thân này không thọ mạng, như là gió. Thân này không có nhân, như là nước. Thân này không thật, do tứ đại làm nhà. Thân này là không, lìa ngã và ngã sở. Thân này là vô tri, như cỏ cây ngói gạch. Thân này không tạo tác, do sức gió mà chuyển. Thân này nhơ nhớp, ô uế dẫy đầy. Thân này là hư dối, tuy nhờ do tắm gội ăn mặc, tất phải trở về tiêu tan. Thân này là tai họa, một trăm lẻ một bệnh làm não loạn. Thân này như gò giếng, bị cái già bức bách. Thân nay không chắc chắn, rốt cuộc phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ giặc thù, như xóm rỗng, vì do ấm giới các nhập chung hợp mà thành.

Đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật chỉ cho chúng ta thấy sự giả tạm, mong manh... của thân. Thân này như bọt biển có thể nắm được không? Đụng đến nó liền tan. Khi hạt mưa trên mái nhà rơi xuống, bong bóng nổi lên chốc lát liền vỡ. Thân này cũng không bền chắc như vậy.

Thân này như sóng nắng từ khát ái sanh, không có thật. Khát ái là yêu thích. Con nai khi khát nước, nhìn ánh nắng chập chờn đằng xa tưởng là dòng nước, chạy nhanh tới để tìm uống. Càng chạy càng thất vọng vì không thấy nước. Chúng ta cũng vậy, yêu thích thân này, cứ bám giữ mãi mà có được đâu, rồi cũng tan hoại.

Thân này không chắc như cây chuối, cứ lột ra từng bẹ từng bẹ, tìm lõi cây cứng không có.

Hằng ngày thân này cuốc đất, gặt lúa... làm đủ thứ mà nói không tạo tác thật khó chấp nhận. Nhưng sự thật tất cả hoạt động của thân đều do gió mà ra. Khi ăn nếu nhai hoài mà không có gió đưa thức ăn vào thì không thể nuốt được. Uống cũng do gió hút nước theo vào. Như vậy ăn uống, các hoạt động của cơ thể như tim đập, máu chảy... đều nhờ gió đem vô nuôi thân này. Khi tống ra cũng phải nhờ gió. Vậy mà chúng ta không biết, tưởng mọi hoạt động trong cơ thể do mình làm chủ, nhưng không ngờ chính là nhờ sức gió.

Thân này không cố định, không chắc chắn, rốt cuộc phải đi đến chỗ chết.

Đoạn trên phân tích về thân quá kỹ, nào là không thể tin, không đáng nương cậy, thân này là tạm bợ, là tai họa, là nhơ nhớp. Và ở đây lại nói thân này như rắn độc, như kẻ oán thù, giặc cướp cứ chực chờ để giành giật lẫn nhau. Thân này như xóm rỗng, do ấm giới nhập chung lại mà thành. Vậy mà chúng ta lại thấy nó thật! Nếu biết rõ thân không bền, không đáng trông cậy, là tạm bợ, nhớp nhúa, khổ đau, có gì đáng quý mà chấp. Không chấp là nhân để đi tới vô ngã, giải thoát.

Cư sĩ Duy-ma-cật chỉ ra tai họa của thân rất đáng chán chê, nhưng chán thân này rồi phải làm gì?

Này các nhân giả, thân này là tai họa đáng chán, phải ưa thích thân Phật. Vì có sao? Thân Phật tức là Pháp thân. Từ vô lượng công đức trí tuệ sanh; từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sanh; từ từ bi hỷ xả sanh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, siêng

năng hành tinh tấn, thiền định, giải thoát tam-muội, đa văn, trí tuệ, các ba-la-mật sanh; từ phương tiện sanh; từ lục thông sanh; từ tam minh sanh; từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh; từ chỉ quán sanh; từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh; từ đoạn tất cả pháp bất thiện, nhóm họp tất cả các pháp thiện sanh; từ chân thật sanh; từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai.

Chúng ta phải nhàm chán thân tạm bợ hôi hám nhớp nhúa để ưa thích thân Phật. Thân Phật là chỉ cho pháp thân bất sanh bất diệt, chứ không phải là thân ba mươi hai tướng tốt. Pháp thân là do sự tích tụ vô lượng công đức trí tuệ nhiều đời nhiều kiếp mà thành tựu, nên mới trang nghiêm đẹp đẽ, còn thân tứ đại ngũ uẩn này là bất tịnh, là tạm bợ... Vì vậy người trí phải thấy xa và nhàm chán để cầu pháp thân trí tuệ kia.

Chư nhân giả, muốn được thân Phật phải đoạn tất cả bệnh của chúng sanh, phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như thế ông Duy-ma-cật vì các người đến thăm bệnh, tùy mỗi người mà nói pháp, làm cho vô số ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cư sĩ Duy-ma-cật tùy theo trình độ, nghiệp duyên của người đến thăm bệnh, mà nói pháp thích hợp với sở nguyện, để họ được lợi ích và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Học qua đoạn này mới thấy tinh thần của Bồ-tát, mỗi hành động, cử chỉ phát ra là vì chúng sanh. Trường hợp cư sĩ Duy-ma-cật bệnh cũng vì chúng sanh mà bệnh chứ không phải vì nghiệp duyên.

03. PHẨM ĐỆ TỬ

XÁ-LỢI-PHẤT

Chánh văn:

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật tự nghĩ, nằm bệnh trên giường, Thế Tôn là đấng đại từ, đâu chẳng thương xót.

Phật biết ý ông Duy-ma-cật, liền bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, từng ở trong rừng ngồi yên dưới cội cây, khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Xá-lợi-phất, không hẳn ngồi thế ấy là ngồi yên. Phàm ngồi yên thì ở tam giới mà không hiện thân ý, ấy là ngồi yên. Không khởi Diệt tận định mà hiện các oai nghi, ấy là ngồi yên. Không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, ấy là ngồi yên. Tâm không trụ trong cũng không ở ngoài, ấy là ngồi yên. Đối các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ấy là ngồi yên. Không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, ấy là ngồi yên. Nếu có thể ngồi như thế thì Phật sẽ ấn chứng cho."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con nghe những lời nói này, lặng thinh mà thôi, không thể nào đáp được. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Khi nằm bệnh, cư sĩ Duy-ma-cật thầm nghĩ, đức Thế Tôn đại bi thế nào cũng đến thăm. Ông vừa khởi niệm, Phật liền cảm ứng bảo tôn giả Xá-lợi-phất tới thăm bệnh. Qua đó chúng ta thấy, do tâm thanh tịnh nên dễ được cảm ứng. Nếu tâm thanh tịnh vừa nhớ Phật, Phật liền ứng; vừa nhớ pháp, pháp liền hiện; nhớ tăng, tăng liền có.

Được Phật cử đi, tôn giả Xá-lợi-phất xin từ chối vì đã từng bị cư sĩ Duy-ma-cật chất vấn.

Phàm ngồi yên thì ở tam giới mà không hiện thân ý, ấy là ngồi yên. Chúng ta thường quan niệm ngồi một mình trong rừng vắng, dưới cội cây, hoặc trên thiền đường, hoặc trong thất riêng mới là ngồi yên. Nhưng cư sĩ Duy-ma-cật nói, ngồi yên là ngay khi đang sống trong tam giới mà không hiện thân ý. Nghĩa là ngay trong tam giới mà vẫn biết thân là huyễn hóa không thật, tâm ý hư vọng, không loạn động mới thật là ngồi yên. Còn chúng ta ngồi nghiêm chỉnh trong thiền đường mà chấp thân thật, đó là còn hiện thân. Tâm ý cứ chạy lăng xăng, nghĩ hết việc này đến việc khác là động, chứ chưa phải ngồi yên. Như vậy, khi nào thân ý không động mới gọi là ngồi yên.

Không khởi Diệt tận định mà hiện các oai nghi, ấy gọi là ngồi yên. Hàng Nhị thừa khi nhập Diệt tận định thân dường như chết, chỉ còn chút hơi ấm mà không còn hơi thở. Người bình thường không còn hơi thở gọi là chết. Cư sĩ Duy-ma-cật nói, không khởi tức không xả Diệt tận định, là hằng sống trong Diệt tận định mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên; còn nhập Diệt tận định ngồi yên như chết, ngưng hoạt động, không phải là yên thật. Ở đây ý muốn nói, đi đứng nằm ngồi, mọi hành động bình thường mà tâm như người nhập Diệt tận định. Lục Tổ cũng nói, nếu thấy có xuất nhập là còn động, chưa phải đại định.

Không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, ấy là ngồi yên. Không xả đạo pháp là sống đúng với tinh thần đạo pháp mà làm các việc phàm phu. Như cuốc rẫy, làm ruộng v.v... chỉ biết việc mình đang làm không nghĩ nhớ xa xôi, không suy tính trúng thất. Làm mọi việc mà tâm không rời đạo pháp, đó mới thật ngồi yên.

Tâm không trụ trong cũng không ở ngoài, ấy là ngồi yên. Chúng ta hoặc là thấy tâm ở trong hoặc là thấy tâm chạy ra ngoài. Khi phóng ra thì thấy tâm ở ngoài, khi không phóng nghĩ là đang yên ở

trong. Tâm thật thì trùm khắp, không ở trong không ở ngoài, đó mới thật là ngồi yên.

Đối các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ấy là ngồi yên. Muốn tu theo chánh pháp, phải diệt tà kiến mới được chánh kiến. Ở đây tà kiến không cần diệt, chỉ cần tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đã hành chánh kiến. Đó mới là ngồi yên.

Không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, ấy là ngồi yên. Nếu có thể ngồi như thế thì Phật sẽ ấn chứng cho. Chúng ta thấy nên đoạn phiền não để vào Niết-bàn, cư sĩ Duy-ma-cật cho rằng không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn mới là ngồi yên, mới được Phật ấn chứng.

Đoạn này ý cư sĩ Duy-ma-cật chỉ cho tôn giả Xá-lợi-phất cũng như chúng ta biết, muốn được yên không phải thân tướng ở chỗ vắng vẻ mới yên, mà tâm không còn thấy hai, đó mới thật là yên.

MỤC-KIỀN-LIÊN

Chánh văn:

Phật bảo ngài Đại Mục-kiền-liên:

- Ông đi đến thăm bệnh Duy-ma-cật.

Ngài Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa vào đại thành Tỳ-da-ly, ở trong đường hẻm, vì các người cư sĩ nói pháp. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con:

"Thưa ngài Đại Mục-kiền-liên, vì bạch y cư sĩ nói pháp, không phải như nhân giả đã nói. Phàm nói pháp phải như pháp mà nói. Pháp không có chúng sanh vì lìa chúng sanh cấu. Pháp không có ngã vì lìa ngã cấu. Pháp không thọ mạng vì lìa sanh tử. Pháp không có người vì mé trước mé sau dứt. Pháp thường lặng lẽ vì diệt các tướng. Pháp lìa nơi tướng vì không có sở duyên. Pháp không có danh tự vì ngôn ngữ đoạn.

Pháp không có thuyết vì lìa giác quán. Pháp không hình tướng vì như hư không. Pháp không hý luận vì cứu cánh không. Pháp không ngã sở vì lìa ngã sở. Pháp không phân biệt vì lìa các thức. Pháp không so sánh vì lìa đối đãi. Pháp chẳng thuộc nhân vì không thuộc duyên. Pháp đồng pháp tánh vì vào các pháp. Pháp tùy nơi như vì không chỗ tùy. Pháp trụ thật tế vì các bên không động. Pháp không dao động vì chẳng nương nơi sáu trần. Pháp không đến đi vì thường không trụ. Pháp thuận không, tùy vô tướng, ứng vô tác. Pháp lìa đẹp xấu, pháp không tăng giảm, pháp không sanh diệt, pháp không chỗ trở về. Pháp vượt ra ngoài mắt tai mũi lưỡi thân tâm. Pháp không cao thấp, pháp thường trụ chẳng động, pháp lìa tất cả quán hạnh. Thưa ngài Đại Mục-kiền-liên, pháp tướng như thế, há có thể nói ư?

Phàm người thuyết pháp không nói không chỉ. Người nghe pháp kia không nghe không được. Ví như thầy huyễn vì người huyễn nói pháp. Phải dựng lập ý này mà vì người nói pháp. Phải biết rõ căn cơ chúng sanh có lợi độn, khéo nơi tri kiến không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi mà tán thán Đại thừa, nhớ đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, sau đó mới nói pháp."

Khi ông Duy-ma-cật nói lời ấy, tám trăm cư sĩ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không có biện tài này, thế nên không thể đến thăm bệnh ông được.

Giảng:

Tôn giả Xá-lợi-phất và tôn giả Mục-kiền-liên là hai vị thượng thủ trong giáo đoàn của Phật. Đầu tiên là tôn giả Xá-lợi-phất đã xin rút lui, bây giờ đến tôn giả Mục-kiền-liên. Ngài kể lại, có lần trong đường hẻm đang thuyết pháp cho cư sĩ nghe, cư sĩ Duy-ma-cật đến bảo rằng, nói pháp không phải như tôn giả nói, phải như pháp mà

nói. Thường các vị đệ tử của Phật cũng như chúng ta bây giờ, nói pháp là đứng trên tướng của các pháp mà phân biệt giảng nói, đó là nói theo pháp tướng. Còn cư sĩ Duy-ma-cật bảo như pháp mà nói, là đi thẳng vào pháp tánh chứ không theo pháp tướng.

Như chúng ta nói pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tứ đế, thập nhị nhân duyên... là nói trên tướng. Còn pháp tánh là pháp không có chúng sanh, vì lìa chúng sanh, vì không còn cấu nhơ của chúng sanh. Pháp tánh đó không có ngã vì lìa ngã cấu... Như vậy, đứng về mặt pháp tánh thì không có tất cả.

Pháp tùy nơi như vì không chỗ tùy. Pháp trụ thật tế vì các bên không động. Pháp là pháp tánh, như là như như. Pháp tánh không sanh không diệt, không dao động nên nó là như. Bởi như nên không có chỗ tùy, nói tùy mà không có chỗ tùy. Pháp tánh trụ mé chân thật, vì không bên này bên kia nên không động.

Pháp thuận không, tùy vô tướng, ứng vô tác. Pháp tánh không tướng nên nói thuận không, không tướng nên gọi là tùy vô tướng, bởi vô tướng nên không tạo tác gọi là ứng vô tác.

Pháp lìa đẹp xấu, pháp không tăng giảm, pháp không sanh diệt, pháp không chỗ trở về. Pháp vượt ra ngoài mắt tai mũi lưỡi thân tâm. Nếu thấy có đẹp xấu, thêm bớt, sanh diệt là còn đứng trên pháp tướng. Pháp tánh không có tất cả thứ đó nên nói vượt ra ngoài cả mắt tai mũi lưỡi thân tâm.

Phàm người thuyết pháp không nói không chỉ. Người nghe pháp kia không nghe không được. Pháp tánh không thể nói, không chỉ bày được. Vừa mở miệng nói là đối đãi, là tướng chứ không phải tánh. Pháp tánh thì lấy gì nghe? Nếu nghe ngôn ngữ thì ngôn ngữ thuộc về đối đãi, nên nói người nghe pháp không nghe, không được. Như vậy pháp tánh là tự khế hợp, nghe pháp tánh cũng tự nhận ra, còn có nói có nghe là không thật.

Ví như thầy huyễn vì người huyễn nói pháp. Phải dựng lập ý này mà vì người nói pháp. Người nói pháp phải thấy mình là huyễn,

người nghe cũng huyễn, là không chấp có ngã có nhân, như vậy mới đúng tinh thần nói pháp. Nếu thấy người nói người nghe là thật, là còn đối đãi. Khi nói pháp, chúng ta thường chỉ dạy, đây là pháp thiện nên tu pháp ác nên bỏ. Nhưng phải thấy thiện ác đều không thật, vì còn trong sanh diệt, thuộc về pháp tướng.

Phải biết rõ căn cơ chúng sanh có lợi độn, khéo nơi tri kiến không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi mà tán thán Đại thừa, nhớ đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, sau đó mới nói pháp. Nói pháp phải biết căn cơ chúng sanh, khéo đối với thấy biết không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi tán thán pháp Đại thừa để đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, mới nên nói pháp.

Chúng ta chưa có tha tâm thông làm sao biết được căn cơ chúng sanh. Như có người đến tha thiết học đạo, trước phải hỏi họ đã xem qua những kinh sách gì, ứng dụng pháp tu nào... Nhờ trình bày mới biết sự tu học của họ tới đâu. Do đó dễ gần và hiểu được tâm ý của người. Có nhiều sư trẻ, thấy đạo lý hay quá, gặp ai cũng muốn thuyết giảng mà không cần biết họ có hiểu không, đó là chưa kinh nghiệm. Ở đây dạy, phải biết căn cơ lợi độn của chúng sanh, khéo đối với sự thấy biết không bị chướng ngại và khởi tâm đại bi, đề cao pháp Đại thừa. Như vậy nói pháp là đền ơn Phật, chứ không phải để chứng tỏ mình thông hiểu Phật pháp. Đó mới xứng đáng là người nói pháp.

Tóm lại, tôn giả Mục-kiền-liên nói pháp cho cư sĩ là đứng về mặt pháp tướng, chia chẻ phân tích cho họ hiểu. Còn cư sĩ Duy-ma-cật cho rằng nói pháp như vậy là không hợp, phải nói thẳng nơi pháp tánh. Nhưng rốt ráo của pháp tánh là không có người hay nói và cũng không có người nghe. Đó là tinh thần nói pháp cứu cánh chân thật của cư sĩ Duy-ma-cật.

ĐẠI CA-DIẾP

Chánh văn:

Phật bảo ngài Đại Ca-diếp:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ca-diếp bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, con đi khất thực trong xóm nghèo, khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa tôn giả Đại Ca-diếp, có lòng từ bi mà không rộng khắp, bỏ nhà giàu đến nhà nghèo khất thực. Ngài Ca-diếp, phải trụ nơi pháp bình đẳng, nên theo thứ lớp mà khất thực. Vì không ăn nên đi khất thực. Vì phá hoại tướng hòa hợp nên nhận thức ăn từng nắm. Vì không thọ nên nhận thức ăn kia. Vì dùng tưởng không tụ vào trong xóm làng. Thấy sắc cùng với người mù đồng, nghe tiếng cùng với âm vang đồng, ngửi mùi hương cùng với gió đồng, nếm vị không phân biệt, thọ các xúc như trí chứng, biết các pháp như tướng huyễn. Không tự tánh, không tha tánh. Vốn tự không sanh, nay cũng không diệt. Này Ca-diếp, nếu hay không xả tám tà vào tám giải thoát, dùng tướng tà vào chánh pháp. Dùng một bữa ăn thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, sau đó mới có thể ăn. Ăn như thế không phiền não không lìa phiền não. Chẳng vào định ý cũng chẳng khởi định ý. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết-bàn. Người thí không có phước lớn không có phước nhỏ, không được lợi ích không bị tổn hại, ấy chính là vào Phật đạo, không y nơi hàng Thanh văn. Ngài Ca-diếp, nếu ăn như thế là không uổng thức ăn của thí chủ."

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe nói lời này rồi, được việc chưa từng có, liền đối với tất cả Bồ-tát sâu khởi tâm cung kính, lại khởi nghĩ thế này: "Đây là hàng danh tiếng được biện tài trí tuệ mới có thể nói được như thế! Ai nghe mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Từ đây về sau, con không dám dùng pháp Thanh văn hay Bích-chi Phật để

khuyên dạy người thực hành. Thế nên con không kham đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Giảng:

Pháp khất thực của hai tôn giả Ca-diếp và Tu-bồ-đề là có tâm thiên lệch. Tôn giả Ca-diếp thì thương người nghèo nên đi khất thực trong xóm nghèo để họ gieo căn lành, sau này mới thoát khỏi cái nghèo. Nếu sợ họ nghèo không dám đến yêu cầu làm phước thì tâm ích kỷ của họ càng tăng, làm sao đời sau có phước. Vì muốn chuyển tâm của họ, từ nghèo trở thành giàu, nên ngài tìm đến nhà nghèo để khất thực, ngay cả người cùi... cũng xin của họ nữa. Qua đó chúng ta thấy, phải là người có tâm từ bi mới làm được như vậy. Ngược lại tôn giả Tu-bồ-đề thì khất thực nhà giàu. Ngài quan niệm đơn giản, họ dư mình xin một chút đâu có tổn hại gì. Như vậy việc khất thực không làm thiệt thòi cho người cúng. Đây cũng là lòng từ bi của ngài. Hai vị đại đệ tử này, một bên thì muốn gieo duyên với người nghèo, một bên lại nghĩ xin người giàu không làm họ khó khổ và thiệt thòi. Như vậy cả hai ngài đều vì lòng từ bi, nhưng tâm còn thiên lệch.

Cư sĩ Duy-ma-cật thấy tôn giả Ca-diếp đến xóm nghèo khất thực nên nói, tôn giả đi khất thực mà bỏ người giàu xin người nghèo là lòng từ bi không bình đẳng. Ngài phải trụ nơi pháp bình đẳng, theo thứ lớp mà khất thực, theo thứ tự từng nhà, đến đâu người ta cho thì nhận, chứ không lựa chọn giàu nghèo. Đó mới gọi là bình đẳng.

Vì không ăn nên đi khất thực. Không ăn thì đi khất thực làm gì? Chữ thực ở đây không có nghĩa là ăn, mà có nghĩa là tâm duyên theo sáu trần. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, tâm không dính mắc nghĩa là không ăn. Không ăn như vậy mới xứng đáng đi khất thực. Nếu là thân này thì phải có ăn để nuôi mạng sống tu hành. Tu để nhận ra pháp thân, sống với pháp thân. Mà pháp thân đâu có ăn. Nhận được lý đó mới nên đi khất thực.

Vì phá hoại tướng hòa hợp nên nhận thức ăn từng nắm. Hòa hợp tướng là chỉ thân tứ đại hay thân ngũ uẩn hòa hợp, giả dối không

thật. Sở dĩ đi khất thực là vì cầu sự giải thoát, chứ không phải muốn tiếp tục nuôi dưỡng thân giả tướng này. Khất thực như thế mới đúng pháp.

Vì không thọ nên nhận thức ăn kia. Chúng ta có năm giác quan. Năm giác quan đó đối với năm trần có cảm thọ. Còn pháp thân thì không cảm thọ. Vì vậy nói phải dùng không thọ mà đi khất thực.

Vì dùng tưởng không tụ vào trong xóm làng. Tưởng không tụ tức là tưởng thân này giống như một chỗ trống, không người, không thật, không chủ tức là vô ngã. Nếu vào trong xóm làng khất thực mà tâm vô ngã thì không bị dính mắc.

Thấy sắc cùng với người mù đồng, nghe tiếng cùng với âm vang đồng. Người mù thì không thấy sắc. Thấy sắc mà sao như mù được? Vì thấy mà không có niệm phân biệt đẹp xấu, nên nói thấy như mù. Nghe tiếng khen chê tưởng như tiếng vang trong núi dội lại thì đâu có giận đâu có mừng. Nhưng chúng ta nghe chê thì buồn, nghe khen lại vui, là tại sao? Là vì mình chưa sống với pháp bình đẳng đó.

Ngửi mùi hương cùng với gió đồng. Ngửi mùi thơm hôi cũng như gió thoảng, qua rồi mất, đừng để nó chi phối.

Nếm vị không phân biệt, thọ các xúc như trí chứng. Khi thức ăn vào lưỡi không khởi phân biệt, chứ không phải không biết ngon dở. Chỗ này có lắm người nghe nói không phân biệt ngon dở thì tưởng lầm ăn mà không biết gì hết. Nếu không biết ngon dở thì lưỡi đã mất cảm giác. Như vậy không phân biệt nghĩa là sao? Vị vào lưỡi vẫn biết ngon dở, nhưng không ưa ngon ghét dở, gọi là không phân biệt. Thế mới đúng là nếm vị mà không phân biệt.

Tóm lại, mắt thấy như mù là thấy mà không phân biệt đẹp xấu. Thấy đẹp vẫn biết đẹp, xấu vẫn biết xấu, nhưng không có niệm đuổi theo cái đẹp chán ghét cái xấu, thì gọi là như mù. Lưỡi nếm vị ngon biết ngon, dở biết dở, nhưng ngon không luyến dở không chán ghét, đó gọi là không phân biệt vị. Khi xúc chạm, trí liền nhận biết đúng như thật, chứ không phải theo cảm giác. Thường khi xúc chạm là có

cảm giác, những cảm giác đó có ưa thích, vui buồn. Nhưng sự cảm thọ và xúc chạm, mình đều thấy như huyễn như hóa không thật có, do đó tâm không nhiễm trước, nên gọi là thọ các xúc như trí chứng.

Biết các pháp như tướng huyễn. Không tự tánh, không tha tánh. Vốn tự không sanh, nay cũng không diệt. Các pháp ở thế gian này đều là tướng hư huyễn. Vì không tự tánh, không tha tánh, do duyên sanh nên nó không thật có. Như muốn có cái bàn, phải đủ các duyên gỗ, đinh, thợ mộc... hợp lại mới thành. Cái bàn vốn không tự tánh, gỗ đinh thợ mộc đều không thật có nên cũng không tha tánh. Tự tánh tha tánh đã không thì cái gì sanh diệt? Không sanh diệt tức là vô sanh. Cho nên nói xưa không sanh nay cũng không diệt.

Này Ca-diếp, nếu hay không xả tám tà vào tám giải thoát, dùng tướng tà vào chánh pháp. Dùng một bữa ăn thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, sau đó mới có thể ăn. Ở đây chỉ cho pháp vượt ngoài đối đãi, bình đẳng không phân biệt tà chánh, trói buộc hay giải thoát, tức không còn kẹt hai bên. Ngay trong tà đã có chánh, trong phiền não có giải thoát, trong sanh tử có Niết-bàn. Được như vậy mới có thể dùng một bữa ăn cúng dường chư Phật, chư hiền thánh và bố thí cho tất cả, rồi sau mới ăn. Vì đã có tâm bình đẳng, nên món ăn dù ít cũng trùm khắp không bị hạn cuộc.

Ăn như thế không phiền não không lìa phiền não. Chẳng vào định ý cũng chẳng khởi định ý. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết-bàn. Người thí không có phước lớn không có phước nhỏ, không được lợi ích không bị tổn hại, ấy chính là vào Phật đạo, không y nơi hàng Thanh văn. Ngài Ca-diếp, nếu ăn như thế là không uổng thức ăn của thí chủ.

Đã thấy các pháp bình đẳng tức là nhất tướng bình đẳng thì đâu còn thấy hai bên, phiền não và lìa phiền não, không nhập định và xuất định, không trụ thế gian và trụ Niết-bàn. Người thí thấy các pháp bình đẳng thì không có phước lớn phước nhỏ, không tăng không giảm, không lợi ích không tổn hại. Không nương nơi hàng Thanh văn, vì Thanh văn còn nhìn trên đối đãi. Được vậy mới thẳng vào Phật

đạo, mới đúng là hành Phật đạo. Người nhận thức ăn như thế mới không uổng công thí chủ cúng dường.

Tóm lại, đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật muốn nhắc ngài Ca-diếp, người khất thực phải có tâm bình đẳng không còn thấy hai mới đi thẳng vào Phật đạo.

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe nói lời này rồi, được việc chưa từng có, liền đối với tất cả Bồ-tát sâu khởi tâm cung kính, lại khởi nghĩ thế này: "Đây là hàng danh tiếng được biện tài trí tuệ mới có thể nói được như thế! Ai nghe mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Từ đây về sau, con không dám dùng pháp Thanh văn hay Bích-chi Phật để khuyên dạy người thực hành. Thế nên con không kham đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Tôn giả Ca-diếp khi thuật lại câu chuyện bị cư sĩ Duy-ma-cật vấn nạn, liền tỏ ngộ điều chưa từng có, phát khởi thâm tâm cung kính đối với tất cả các vị Bồ-tát. Ngài lại thầm thán phục đây là bậc biện tài trí tuệ, ai nghe mà không phát tâm Bồ-đề. Như vậy chính ngài đã chuyển tâm niệm, không còn chấp pháp của hàng Nhị thừa. Đó là điểm đặc biệt của tôn giả Ca-diếp khác hơn những vị trước.

TU-BỒ-ĐỀ

Chánh văn:

Phật bảo ngài Tu-bồ-đề:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ lại thuở xưa, con vào nhà ông Duy-ma-cật khất thực, khi ấy ông nhận bát của con, sớt thức ăn đầy bát, bảo con rằng: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu đối với thức ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng thì đối với

thức ăn cũng bình đẳng. Hành khất thực như thế mới nên nhận lấy thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không đoạn tham sân si cũng không chung cùng với nó. Không phá hoại thân mà tùy nhất tướng. Không diệt si ái mà khởi được giải thoát. Do tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, cũng không mở không trói. Không thấy tứ đế và không phải không thấy tứ đế. Không được quả cũng không phải không được quả. Không phàm phu, không lìa pháp phàm phu. Không thánh nhân, không chẳng thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp mà lìa tướng các pháp, mới có thể nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không thấy Phật, không nghe pháp, những lục sư ngoại đạo kia là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-xí-xá Kham-bà-la, Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đó là thầy của ông. Nhờ những lục sư ngoại đạo đó mà ông xuất gia, những ông thầy đó đọa thì ông cũng phải đọa, như vậy mới nên nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề vào trong các tà kiến không đến bờ kia. Trụ nơi tám nạn, chẳng được không nạn. Đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ông được Vô tránh tam-muội, tất cả chúng sanh cũng được định ấy. Người thí cho ông không gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông rơi vào ba đường ác. Ông và chúng ma nắm tay nhau làm bạn lữ, ông cùng với chúng ma và các trần lao đồng nhau không khác. Đối với tất cả chúng sanh có tâm oán, chê bai Phật hủy báng pháp, không vào chúng tăng, trọn không được diệt độ. Ông nếu như thế mới nên nhận thức ăn."

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe lời nói này, mờ mịt không biết phải nói gì, không biết dùng lời nào để đáp. Con liền để

bát xuống, muốn chạy ra khỏi nhà ông. Ông Duy-ma-cật nói: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nhận bát chớ có sợ. Ý ông nghĩ sao? Như đức Như Lai hóa ra một người, người ấy đem việc này hỏi ông thì ông đâu có sợ phải không?" Con nói: "Không vậy." Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, nay ông không nên sợ. Vì cớ sao? Tất cả lời nói không lìa tướng ấy. Đến với người trí, không chấp văn tự nên không sợ. Vì cớ sao?

Tánh văn tự lìa, không có văn tự, ấy là giải thoát. Tướng giải thoát ắt là các pháp vậy."

Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp nhãn trong sạch, thế nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Nếu ngài Tu-bồ-đề không đoạn tham sân si cũng không chung cùng với nó. Không phá hoại thân mà tùy nhất tướng. Không diệt si ái mà khởi được giải thoát. Do tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, cũng không mở không trói. Không thấy tứ đế và không phải không thấy tứ đế. Không được quả cũng không phải không được quả. Không phàm phu, không lìa pháp phàm phu. Không thánh nhân, không chẳng thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp mà lìa tướng các pháp, mới có thể nhận thức ăn.

Đoạn này nói đến chỗ chân thật bình đẳng không hai. Trong tham sân si có giải thoát, giải thoát là từ tham sân si. Hai pháp đó không rời nhau, không riêng khác, nên không giải thoát cũng không trói buộc. Không thấy tứ đế cũng không chẳng thấy tứ đế... cả hai bên đều không có, được như vậy là thấy pháp bình đẳng, mới nên nhận thức ăn.

Pháp không có hai bên, còn đối đãi không phải là pháp thật. Chúng ta thường nói tu là diệt sạch tham sân si mới giải thoát. Như

có người bị trói chặt vào thân cây bằng ba sợi dây, muốn thoát khỏi ba sợi dây đó thì phải mở, vậy mở là từ trói mới có. Tất cả chúng ta, lẽ thật đâu có ai bị trói mà cần phải mở. Trói mở chỉ là tạm thời. Cũng vậy, lập giải thoát khi nào thấy có triền phược. Triền phược không thì giải thoát cũng không. Trên giả tướng có triền phược có giải thoát, còn trên tánh thì không. Mọi đối đãi đều không phải là pháp tánh. Nếu nhận được pháp tánh mới xứng đáng đi khất thực.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không thấy Phật, không nghe pháp, những lục sư ngoại đạo kia là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-xí-xá Kham-bà-la, Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đó là thầy của ông. Nhờ những lục sư ngoại đạo đó mà ông xuất gia, những ông thầy đó đọa thì ông cũng phải đọa, như vậy mới nên nhận thức ăn.

Không thấy Phật là không chấp Phật, không nghe pháp là không kẹt nơi pháp. Quan niệm của chúng ta đối với Phật pháp luôn tôn sùng, còn đối với ngoại đạo thì chống đối. Đó là tâm không bình đẳng. Không chống đối tức hòa thuận, nghĩa là xem như vị thầy xuất gia của mình, nên thầy đọa trò cũng đọa theo.

Nhưng ở đây lục sư ngoại đạo theo thiền sư giảng, ngầm ý chỉ cho sáu căn. Chúng ta tu cũng căn cứ trên sáu căn mà chuyển. Sáu căn chạy theo sáu trần gọi là bị đọa, không chạy theo gọi là xuất gia, là giải thoát. Như vậy là thoát khỏi sự chấp trước nơi căn trần, đó mới kham thọ nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề vào trong các tà kiến không đến bờ kia. Trụ nơi tám nạn, chẳng được không nạn. Đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ông được Vô tránh tam-muội, tất cả chúng sanh cũng được định ấy. Người thí cho ông không gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông rơi vào ba đường ác. Ông và chúng ma nắm tay nhau làm bạn lữ, ông cùng với chúng ma và các trần lao đồng nhau không khác. Đối với tất cả chúng sanh có tâm oán, chê bai Phật hủy báng pháp, không vào chúng tăng, trọn không được diệt độ. Ông nếu như thế mới nên nhận thức ăn.

Những câu này nghe thật lạ lùng. Ngài Huệ Nam mỗi khi đến thưa hỏi đạo lý với thiền sư Từ Minh, đều bị Sư mắng chửi đuổi ra. Đến khi không còn kham nhẫn nổi, Huệ Nam nói:

- Mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!

Ngài Từ Minh cười nói:

- Đó là mắng chửi sao?

Ngay câu này ngài Huệ Nam đại ngộ.

Đây cũng vậy, vì ngôn ngữ là không thật, là tánh ly. Những lời cư sĩ Duy-ma-cật nói với tôn giả Tu-bồ-đề là dùng ngôn ngữ ngược lẽ thường. Như người thí không có phước, người cúng dường rơi vào ba đường ác, ông là bạn của chúng ma và đồng các trần lao không khác, có tâm oán giận chúng sanh, chê bai Phật hủy báng pháp... Vì ngôn ngữ không thật, nếu chấp là thật tức còn mê muội.

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe lời nói này, mờ mịt không biết phải nói gì, không biết dùng lời nào để đáp. Con liền để bát xuống, muốn chạy ra khỏi nhà ông. Ông Duy-ma-cật nói: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nhận bát chớ có sợ. Ý ông nghĩ sao? Như đức Như Lai hóa ra một người, người ấy đem việc này hỏi ông thì ông đâu có sợ phải không?" Con thưa: "Không vậy."

Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa. Nay ông không nên sợ. Vì có sao? Tất cả lời nói không lìa tướng ấy. Đến với người trí, không chấp văn tự, nên không sợ. Vì có sao? Tánh văn tự lìa, không có văn tự, ấy là giải thoát. Tướng giải thoát ắt là các pháp vậy."

Tôn giả Tu-bồ-đề nghe những lời nói táo bạo đó liền hoảng sợ, muốn để bát xuống bỏ chạy. Cư sĩ Duy-ma-cật giải thích với tôn giả Tu-bồ-đề, những ngôn ngữ tôi nói là không thật, mà ngài thấy thật là còn mê còn chấp. Còn mê chấp thì không đáng thọ thực. Như vậy mới thấy ý của cư sĩ Duy-ma-cật.

Tóm lại, với tôn giả Tu-bồ-đề thì cư sĩ Duy-ma-cật nói từng phần. Phần trước chỉ cho khất thực phải tâm bình đẳng, thấy pháp bình đẳng. Phần kế phải chuyển được sáu căn đến chỗ giải thoát. Phần sau phải thấy ngôn ngữ văn tự là không thật. Như vậy mới xứng đáng nhận thức ăn.

PHÚ-LÂU-NA

Chánh văn:

Phật bảo ngài Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử:

- Ông hãy đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đi đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa trong rừng Đại Lâm, ở dưới cội cây vì các vị tân học Tỳ-kheo nói pháp. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Phú-lâu-na, trước phải nhập định, quán tâm của những người này, sau đó mới nói pháp. Không nên đem đồ nhơ để trong bát báu, phải biết tâm niệm của các thầy Tỳ-kheo này, không nên cho lưu ly đồng với thủy tinh kia. Ông không thể biết căn nguyên của chúng sanh, không được dùng pháp Tiểu thừa phát khởi. Những người kia tự không thương tích, ông chớ làm thành thương tích. Muốn đi con đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ. Không đem biển cả để vào dấu chân trâu. Không đem ánh sáng mặt trời sánh với ánh sáng đom đóm. Thưa ngài Phú-lâu-na, những vị Tỳ-kheo này xưa kia phát tâm Đại thừa, giữa chừng quên ý này, sao lại dùng pháp Tiểu thừa mà hướng dẫn họ? Tôi xem trí tuệ Tiểu thừa rất là cạn cợt, giống như người mù, không thể phân biệt tất cả căn cơ lợi độn của chúng sanh."

Khi ấy ông Duy-ma-cật liền nhập định, khiến cho những vị Tỳ-kheo này tự nhớ lại túc mạng, từng ở chỗ năm trăm đức

Phật gieo trồng cội gốc công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền khi đó hoát nhiên nhớ được tâm trước. Lúc đó các thầy Tỳ-kheo này cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật. Khi ông Duy-ma-cật nhân vì họ nói pháp thì những vị đó đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thối chuyển. Con nghĩ hàng Thanh văn không quán được căn cơ chúng sanh thì không nên nói pháp, thế nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, chữ Hán dịch là Mãn Từ Tử. Khi Phật nói những bài pháp đơn giản ngắn gọn, chư Tỳ-kheo không hiểu đến hỏi, Tôn giả giảng rộng ra cho mọi người đều hiểu. Vì vậy ngài được nổi tiếng là người nói pháp rất tài giỏi, là đại đệ tử thuyết pháp bậc nhất của Phật. Vậy mà cư sĩ Duy-ma-cật chê trách tôn giả Phú-lâu-na thậm tệ. Thuyết pháp mà không biết căn cơ chúng sanh, chẳng khác nào đem món ăn dơ để trong bát báu, đem ngọc lưu ly sánh với thủy tinh, đem pháp Tiểu thừa để giáo hóa; không nên đem nước biển cả đổ vào dấu chân trâu... Nhưng chúng ta chỉ nghe tôn giả Phú-lâu-na thuật lại, gần như mạt sát mình cho hội chúng nghe, chứ không nghe từ miệng cư sĩ Duy-ma-cật nói. Qua đó chúng ta thấy tinh thần vô ngã của Tôn giả. Đương thời là người thuyết pháp đệ nhất, vậy mà ngài không chút phiền muộn khi nghe những lời chỉ trích thậm tệ từ một ông cư sĩ, mà còn nể phục.

Tóm lại, cư sĩ Duy-ma-cật nói, muốn thuyết pháp phải biết trình độ căn cơ của người, mới có lợi ích cho họ. Như cư sĩ Duy-ma-cật nhập định khiến người nghe nhớ được bản tâm, biết được túc mạng. Còn chúng ta không nhập định được, phải dò dẫm để biết trình độ căn cơ sở thích của họ thì khi giảng pháp người nghe mới có thể nhận hiểu được.

CA-CHIÊN-DIÊN

Chánh văn:

Phật bảo ngài Ma-ha Ca-chiên-diên:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ca-chiên-diên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, Phật vì các thầy Tỳ-kheo lược nói pháp yếu, con liền sau đó diễn bày nghĩa kia, nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Ca-chiên-diên, không nên dùng tâm hạnh sanh diệt mà nói pháp thật tướng. Này Ca-chiên-diên, các pháp rốt ráo không sanh không diệt, ấy là nghĩa vô thường. Ngũ thọ ấm rỗng suốt không chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ. Các pháp cứu cánh không chỗ có, ấy là nghĩa không. Ngã và vô ngã không hai, ấy là nghĩa vô ngã. Pháp xưa không sanh nay ắt không diệt, ấy là nghĩa tịch diệt."

Khi ông nói pháp này, những vị Tỳ-kheo đó tâm liền được giải thoát. Cho nên con không thể đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Tôn giả Ca-chiên-diên là người nổi tiếng luận nghị đệ nhất. Khi Tôn giả đang diễn bày pháp yếu của Phật dạy về vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn cho những vị Tỳ-kheo nghe, liền bị cư sĩ Duy-ma-cật quở: Không nên dùng tâm hạnh sanh diệt để nói thật tướng các pháp. Ngài nói về nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn tịch tĩnh là còn trên đối đãi, đứng về pháp tướng hư dối mà nói, chứ không phải thật tướng.

Các pháp rốt ráo không sanh không diệt, ấy là nghĩa vô thường. Pháp tướng có sanh diệt nên nói vô thường. Pháp cứu cánh không sanh không diệt, tại sao nói vô thường? Nói vô thường là chỉ cho cái

giả tướng duyên hợp. Đứng về pháp tánh thì không sanh không diệt, nhưng duyên hợp thành tướng mới có sanh diệt. Cái không sanh không diệt đâu rời tướng sanh diệt, cho nên nói các pháp cứu cánh không sanh không diệt là nghĩa vô thường. Như cái bàn tánh nó là không, do duyên hợp tạm có, đủ duyên thì hợp hết duyên thì tan, nên có sanh có diệt là pháp vô thường. Như vậy vô thường là chỉ cho giả tướng duyên hợp, còn pháp tánh thì không sanh không diệt.

Ngũ thọ ấm rỗng suốt không chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ. Thân của chúng ta do năm ấm chung hợp tạm có, bị chi phối bởi sanh già bệnh chết. Chúng sanh vô minh chấp năm ấm là thật, khi bị sanh diệt thì khổ đau. Nói khổ là trên tướng của năm ấm, còn trên tánh thì năm ấm rỗng suốt, là không. Từ cái tánh đó duyên hợp thành tướng, cho nên nói năm ấm rỗng không không có chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ.

Các pháp cứu cánh không chỗ có, ấy là nghĩa không. Các pháp cứu cánh không, vì các pháp vốn không thật có mà do duyên hợp. Không pháp nào tự có nên cứu cánh là không. Như vậy mới gọi là nghĩa không.

Ngã và vô ngã không hai, ấy là nghĩa vô ngã. Nếu thấy cái ngã này là thật, vô ngã cũng thật, tức là thấy hai. Mà ngã và vô ngã không rời nhau, nên thấy có hai cái riêng khác là hư dối. Như người thế gian thấy thân này là thật, là hữu ngã. Khi biết tu thấy thân này không thật, không có chủ, là vô ngã. Như vậy hữu ngã, vô ngã cũng căn cứ trên thân này. Nếu không mắc kẹt bên hữu ngã, bên vô ngã tức là một niệm bình đẳng. Đó là nghĩa vô ngã.

Pháp xưa không sanh nay ắt không diệt, ấy là nghĩa tịch diệt. Tịch diệt tức là Niết-bàn. Thường chúng ta nghĩ tịch diệt là lặng lẽ, là đang động rồi dừng. Nhưng đây nói trước không sanh sau không diệt là lặng lẽ tịch diệt. Như Lục Tổ nói: *Niệm trước không sanh tức tâm, niệm sau không diệt tức Phật*, chính là nghĩa này.

Trước không sanh, nay không diệt. Thấy không sanh không diệt chính là đạt được nghĩa tịch diệt. Ngay thân tứ đại này nếu thấy

thật mới có sanh tử, còn nếu không thật thì đâu có sanh tử. Như bóng hiện rồi mất, mất rồi hiện thì sự mất hiện đó không có nghĩa sanh tử, chỉ là cái bóng, là huyễn hóa. Bởi thấy huyễn hóa nên sanh không thật sanh, tử không thật tử, vấn đề sanh tử đã hết, ngay đó là giải thoát. Giải thoát cũng không nói giải thoát mới thật là bất nhị. Như vậy muốn đạt tới chỗ tịch diệt Niết-bàn thì thấy các pháp nguyên thể là không sanh không diệt. Đó là ý nghĩa tịch diệt.

Tóm lại, cư sĩ Duy-ma-cật nói nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn là đứng trên pháp tánh. Còn tôn giả Ca-chiên-diên căn cứ trên pháp tướng mà nói, nên đồng với cái thấy hiểu theo nghĩa tương đối của chúng ta.

A-NA-LUẬT

Chánh văn:

Phật bảo ngài A-na-luật:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài A-na-luật bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ lại ngày xưa, ở một chỗ đi kinh hành, khi đó có Phạm vương tên là Nghiêm Tịnh cùng với muôn vị Phạm vương phóng hào quang sáng suốt, đến chỗ của con cúi đầu làm lễ, hỏi con: "A-na-luật, thiên nhãn của ngài thấy xa được bao nhiêu?" Con liền đáp rằng: "Này nhân giả! Tôi thấy cõi tam thiên đại thiên thế giới của đức Phật Thích-ca-mâu-ni này như xem trái am-ma-lặc ở trong long bàn tay."

Khi đó ông Duy-ma-cật đến hỏi con: "Thưa ngài A-na-luật, thiên nhãn của ngài thấy, là làm ra tướng mà thấy hay không làm ra tướng mà thấy? Giả sử làm ra tướng thì cùng với ngũ thông của ngoại đạo không khác. Nếu không làm ra tướng ấy là vô vi, vô vi thì không nên có thấy."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con lặng thinh. Những vị Phạm vương kia nghe lời nói này rồi thì được chưa từng có. Liền làm lễ mà hỏi rằng: "Ở trên đời này ai có được chân thiên nhãn?"

Ông Duy-ma-cật đáp: "Có đức Phật Thế Tôn được chân thiên nhãn, thường ở trong chánh định, thảy đều thấy các cõi chư Phật không do hai tướng."

Khi ấy, Phạm vương Nghiêm Tịnh và quyến thuộc năm trăm vị Phạm thiên đều được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, bỗng nhiên biến mất. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Đoạn này chúng ta thấy cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật khác với tôn giả A-na-luật. Tôn giả A-na-luật được thiên nhãn, thấy thế giới đức Phật Thích-ca giáo hóa không chỉ cõi Ta-bà, mà cả tam thiên đại thiên thế giới, giống như nhìn trái ổi hay trái xoài trong lòng bàn tay rõ ràng không khác. Cái thấy đó quá sức tưởng tượng của mọi người. Nhưng bị cư sĩ Duy-ma-cật gạn hỏi, ngài thấy đó là do có tướng mà thấy hay không tướng mà thấy? Nếu có tướng mà thấy thì giống như ngoại đạo. Ngoại đạo được ngũ thông, trong đó có thiên nhãn thông cũng thấy được rộng như ngài A-na-luật. Nếu không tạo ra tướng mà thấy là vô vi, vô vi làm sao có thấy! Như vậy với cư sĩ Duy-ma-cật, thiên nhãn còn nằm trong đối đãi, chưa phải thiên nhãn chân thật.

Đến đây chư thiên hỏi thế nào là chân thiên nhãn, ai có chân thiên nhãn? Ông đáp, chỉ đức Phật mới có. Chân thiên nhãn của Phật là ngay trong chánh định thấy tất cả cõi nước của chư Phật, không rơi vào hai tướng có không, không kẹt hai bên, hằng sống trong chánh định nên mới có chân thiên nhãn. Tôn giả A-na-luật chỉ thấy thế giới trong phạm vi giáo hóa của đức Phật Thích-ca, cái thấy

của đức Phật vượt hơn hẳn ngài A-na-luật, Phật thấy rõ chư Phật ở các cõi nước, danh hiệu của các ngài, đang thuyết pháp gì...

Qua đó chúng ta thấy trên phương diện tu hành, tôn giả A-na-luật tuy tâm được thanh tịnh nhưng còn trong đối đãi, nên cái thấy cũng chưa rộng khắp. Khi nào vượt khỏi đối đãi, tâm hoàn toàn thanh tịnh, hằng sống trong chánh định thì chẳng những nhìn thấy một cõi Phật mà còn thấy hằng hà sa số cõi Phật. Đó là chỗ tu hành, không phải chuyện huyền bí, mà đây là lẽ thật. Do trí tuệ sáng suốt của ngài thấy được rõ ràng chứ không phải ức thuyết hay tưởng tượng. Đức Phật thấy trong bầu hư không này thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Sông Hằng chảy từ núi Tuyết ra tới biển, có chừng bao nhiêu cát? Như sông Đồng Nai, chúng ta còn không thể đếm được số cát của nó, huống nữa là sông Hằng. Thế mà Phật nói cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng. Vậy mới thấy giá trị của sự tu.

Chúng ta tu thiền, cốt cho tâm an định, khi tâm an thì trí sáng, tâm bất an trí rối loạn. Trí sáng đó hiển lộ qua sáu căn nên gọi là lục thông. Do tâm an định, trí tự sáng, đó là thần thông chân thật. Còn thần thông do luyện tập thì có giới hạn. Cho nên những điều Phật nói thật khó hiểu, vì cái thấy của ngài vượt quá sức tưởng tượng của chúng ta. Đức Phật nói, điều ta dạy các ngươi giống như lá cây trong nắm tay ta, còn những điều ta biết mà không nói ra, nhiều như lá cây trong rừng.

Thế nên tu đến chỗ tâm thanh tịnh bình đẳng thì hiệu quả không thể nào lường được, không thể dùng trí phàm tục mà biết đến được.

ƯU-BA-LY

Chánh văn:

Phật bảo ngài Ưu-ba-ly:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ lại thuở xưa có hai vị Tỳ-kheo phạm luật hạnh, cho là hổ thẹn không dám hỏi Phật, đến hỏi con: "Thưa ngài Ưu-ba-ly, chúng tôi phạm giới luật, thật là xấu hổ, không dám đến hỏi Phật, cúi mong ngài giải quyết nghi ngờ cho chúng tôi, để được thoát khỏi những lỗi này!"

Con liền đúng như pháp vì họ giải nói. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Ưu-ba-ly, không nên thêm tội cho hai thầy Tỳ-kheo này! Phải thẳng trừ diệt, chớ có làm nhiễu loạn tâm hai vị ấy. Vì cớ sao? Vì tánh tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, như lời Phật nói tâm cấu nên chúng sanh cấu, tâm tịnh nên chúng sanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, tâm kia như thế, tội cấu như thế, các pháp cũng như thế, không ra ngoài chân như. Như ngài Ưu-ba-ly, khi do tâm tướng được giải thoát, há có cấu chăng?"

Con trả lời: "Không vậy." Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu, cũng lại như thế. Thưa ngài Ưu-ba-ly, vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Này ngài Ưu-ba-ly, tất cả pháp sanh diệt không trụ không dừng, như huyễn như điện, các pháp không đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều là vọng kiến, như mộng, như sóng nắng, như trăng trong nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh. Người biết được như thế mới gọi là giữ giới luật. Người biết được như thế, ấy mới gọi là khéo hiểu."

Khi ấy hai thầy Tỳ-kheo nói: "Thật là thượng trí thay! Ngài Ưu-ba-ly không thể nào bì kịp, ngài là người giữ giới hơn hết mà cũng không thể nói được."

Con liền đáp: "Ngoài đức Như Lai ra, chưa có hàng Thanh văn hay Bồ-tát nào có thể chế phục được nhạo thuyết biện tài của ông Duy-ma-cật, trí tuệ minh đạt của ông là như vậy đó."

Lúc bấy giờ hai thầy Tỳ-kheo liền dứt hết các nghi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và phát nguyện: "Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như thế." Cho nên con không thể đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Giảng:

Đoạn này chúng ta thấy tôn giả Ưu-ba-ly đứng trên phương diện giới tướng kết tội, giải nghi cho hai vị Tỳ-kheo. Như người phạm giới sát hay dâm dục, về tướng thì đã phạm giới bị kết tội, vì thấy tội đó là thật, không thể giảm chế được. Còn cư sĩ Duy-ma-cật đứng về phương diện tánh để luận tội.

Trong bài sám hối hằng đêm của chúng ta có câu:

Tội tánh bản không do tâm tạo,

Tâm nhược diệt thời tội diệt vong;

Tội vong tâm diệt lưỡng câu không,

Thị tắc danh vi chân sám hối.

Tánh tội vốn là không, vì tội không thật, không cố định, làm sao kết tội được. Như chúng ta làm tội, trước do ý thức nhiễm. Từ ý thức khởi, thân miệng mới hành, tạo thành nghiệp thành tội. Như vậy động cơ chủ yếu tạo tội là ý thức. Nhưng ý thức khởi tạo tội ở đâu, ở trong, ở ngoài, hay ở chặng giữa, nó thật hay không thật? Tìm lại thì mất, chỉ là một mớ vọng tưởng liên tục tạm gọi là ý thức. Khi biết bản chất vọng tưởng là gốc tạo tội không thật, nghiệp do tội tạo ra cũng không thật thì tướng của tội đâu có thật.

Thí dụ có người xây nhà lầu ba tầng, tầng một không bền chắc thì tầng hai tầng ba sẽ mau hư hoại. Cũng vậy, từ tâm khởi niệm tạo tội, khẩu thân cũng theo đó tạo thành tội thành nghiệp nên kết quả phải chịu quả báo của tội. Tâm là gốc, vốn không thật thì khẩu thân

cũng không thật. Nếu đứng trên tướng tội mà luận thì chưa rốt ráo, trên tánh tội thấy nó không thật thì tội đâu còn, mới là rốt ráo.

Trở lại bài sám hối: Tánh tội vốn là không, do tâm tạo, mà tâm không thật, nên khi nhìn lại nó mất tức là tâm diệt. Tâm diệt thì tội theo đó cũng không còn. Như vậy gọi là sám hối về tánh tội.

Kế đây nói về tánh của tâm. Chúng sanh thành cấu thành tịnh là do tâm cấu tịnh, thành người xấu người tốt là do tâm nghĩ xấu nghĩ tốt. Như vậy tốt xấu là gốc từ tâm. Mà tâm vốn không thật có, không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở chặng giữa. Tìm đến rốt ráo thì trở về lặng lẽ như như. Tâm đã như, các tội cũng như. Các tội như thì chúng sanh cũng như. Chúng ta tu nếu biết phản quan thì thấy tâm không thật, tội lỗi theo đó dứt. Thấy được như vậy là thấy tột cùng gốc tội lỗi. Trên giả tướng, tội lỗi là tướng hư dối. Vì thân và nghiệp đều là tướng biến dịch, không thật. Thế nên tu là phải tìm tận gốc tánh của tội và tánh của tâm.

Cư sĩ Duy-ma-cật dẫn chứng cho tôn giả Ưu-ba-ly, tâm tướng của ngài do tu hành thanh tịnh được giải thoát. Khi giải thoát nó còn cấu hay không? Tôn giả Ưu-ba-ly đáp không. Cư sĩ Duy-ma-cật kết luận, tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu cũng lại như thế. Nếu tâm chúng sanh cố định là cấu thì không thể bỏ cấu được tịnh. Phật tánh đã sẵn có nơi mỗi người, nhưng vì lớp vỏ phiền não cấu uế phủ che bên ngoài nên không thể thấy. Khi nào phá được lớp vỏ đó thì tâm cấu trở thành tịnh. Vì vậy ai tu cũng có thể giác ngộ giải thoát thành Phật được. Vậy trên đường tu chúng ta chỉ cần khéo gạn lọc, phiền não cấu uế nơi tâm sạch rồi, Phật tánh sẽ hiển bày chứ không tìm kiếm đâu xa.

Ví như người cha có của báu để trong hũ chôn dưới đất, dặn bảo con, cha có chôn hũ vàng ở bụi tre sau vườn, khi cha chết con đào lên lấy để xài. Cha qua đời, người con biết rõ chỗ cha chỉ, đào lên lấy được hũ vàng. Người đó có ngán đào không? Dù mệt cũng cố đào vì biết sẽ được của báu. Của báu sẵn có trong nhà dại gì không lấy ra xài. Cũng vậy, chúng ta đầy đủ phước duyên, được học Phật pháp

nên biết được tâm giác ngộ giải thoát có sẵn nơi mỗi người. Chỉ cần nỗ lực tiến tu, dẹp hết những nhơ cấu trong tâm sẽ nhận được của báu, đừng chần chừ nhút nhát, uổng phí một đời.

Tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu, cũng lại như thế. Thưa ngài Ưu-ba-ly, vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh.

Việc tu của chúng ta là buông bỏ vọng tưởng để tâm được tịnh. Tâm tịnh tức được giải thoát, giác ngộ. Nếu còn vọng tưởng là còn cấu nhơ. Có vọng tưởng mới có điên đảo, trong kinh Bát-nhã gom vọng tưởng và điên đảo chung thành một. Như vậy vọng tưởng điên đảo là cấu, không vọng tưởng điên đảo là tịnh.

Người xuất gia phải giữ giới luật, nếu giữ giới mà chấp ngã nặng thì không thể giải thoát. Thí dụ giới luật Tỳ-kheo không được cuốc đất, không làm tổn hại cỏ cây... Mình giữ luật nghiêm trang, người khác không giữ được thì khinh họ. Vậy là còn chấp ngã, là chưa giải thoát. Dù lăn lộn giữa quần chúng mà không chấp ngã thì vẫn thanh tịnh, còn nếu ngồi trong đạo tràng mà chấp ngã cao cũng là cấu uế. Chủ yếu là đừng chấp ngã. Cội gốc phiền não, ngã mạn, nóng giận, kiêu căng v.v... đều do chấp ngã mà ra. Vì thấy ta là quan trọng nên ai động tới liền nổi sân. Không ngã thì không phiền não, tâm được an tịnh. Như vậy lời giảng của cư sĩ Duy-ma-cật rất chí lý, chỉ thẳng cái thật cho mình biết, không nên chấp tướng.

Trong luật Tỳ-kheo, phần y và bát gần hết một phần ba số giới luật. Người tu ra khỏi trú xứ cách đêm phải mang theo ba y và bình bát. Hiện nay vẫn còn một số vị giữ đúng luật này. Nhưng ở thiền viện hay ngôi già-lam, ra đường không quấn y mang bát đi khất thực, như vậy là có bỏ giới luật không? Theo tinh thần Đại thừa, giữ giới luật không cố chấp trên hình thức khuôn khổ. Có nhiều vị tu thiền tập quán chiếu theo trí Bát-nhã, chính khi tu như vậy là đã giữ giới luật. Giới luật của Phật ngăn cấm những tâm niệm phóng túng buông lung, không cho chạy theo sáu trần ô nhiễm. Bây giờ vọng

tưởng dấy lên không theo là đã giữ giới, đây là giữ giới tận gốc rễ, không phải bằng hình tướng bên ngoài. Nếu giữ giới tướng mà còn chấp ngã là chưa đúng tinh thần giữ giới của Phật dạy. Phải biết tất cả các pháp là hư giả không theo, đó là chỗ thiết yếu. Cư sĩ Duy-ma-cật giải thích cho tôn giả Ưu-ba-ly nghe tường tận, cũng là dạy gián tiếp cho chúng ta.

Tất cả pháp sanh diệt không trụ không dừng, như huyễn như điện, các pháp không đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều là vọng kiến, như mộng, như sóng nắng, như trăng trong nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh. Người biết được như thế mới gọi là giữ giới luật. Người biết được như thế, ấy mới gọi là khéo hiểu.

Hằng thấy các pháp như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như bóng trong gương và biết tất cả đều do vọng tưởng sanh, người đó đã giữ giới luật. Sở dĩ Phật cấm không cho tham nhiễm ngũ dục vì ngũ dục tạo nên tội lỗi. Thấy ngũ dục huyễn hóa thì còn gì tham nhiễm. Thấy đúng như vậy là đã giữ giới, biết được như vậy gọi là người khéo hiểu.

Tóm lại, đoạn trước ông chỉ cho chúng ta thấy tánh tội không thật, từ tâm mà ra. Tâm không thật, tội cũng không thật nên trở về như.

Đoạn giữa, chỉ tâm cấu, ngã cấu và chúng sanh cũng cấu, tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Vọng tưởng là nhơ, hết vọng tưởng là sạch v.v... Như vậy, tất cả tội gốc từ tâm ra. Tâm thanh tịnh, muôn tội theo đó đều hết.

Đoạn sau, thấy biết tất cả pháp như huyễn hóa thì không còn dính mắc, là người chân chánh giữ giới luật.

Khi ấy, hai thầy Tỳ-kheo liền dứt hết nghi và phát tâm vô thượng Bồ-đề.

LA-HẦU-LA

Chánh văn:

Phật bảo ngài La-hầu-la:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài La-hầu-la bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa ở thành Tỳ-da-ly, các con ông trưởng giả đến chỗ của con, cúi đầu làm lễ, hỏi con rằng: "Thưa ngài La-hầu-la, ngài là con của Phật, đã bỏ ngôi Chuyển luân thánh vương đi xuất gia hành đạo. Xuất gia đó có những lợi ích gì?" Con liền đúng như pháp vì họ nói lợi ích của công đức xuất gia. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con rằng: "Thưa ngài La-hầu-la, không nên nói cái lợi của công đức xuất gia. Vì cớ sao? Không lợi, không công đức, ấy là xuất gia. Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi, có công đức. Phàm xuất gia là pháp vô vi, mà trong pháp vô vi thì không lợi, không công đức. La-hầu-la, xuất gia đó không kia không đây, cũng không khoảng giữa. Lìa sáu mươi hai kiến chấp, ở nơi Niết-bàn. Người trí thọ nhận là chỗ sở hành của hàng thánh giả. Hàng phục chúng ma, qua được năm đạo, trong sạch ngũ nhãn, được ngũ lực, lập ngũ căn. Không não hại người khác, lìa các tạp ác. Dẹp phá các ngoại đạo, vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy, không bị trói buộc. Không ngã sở, không sở thọ. Không bị nhiễu loạn, trong tâm vui vẻ.

Bảo hộ ý kia, tùy thuận thiền định, lìa các lỗi ác. Nếu hay như thế, ấy là chân xuất gia."

Khi đó ông Duy-ma-cật bảo các con trưởng giả: "Các ông ở trong chánh pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì cớ sao? Vì Phật ra đời rất khó được gặp."

Các con trưởng giả thưa: "Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật nói cha mẹ không cho thì không được xuất gia."

Ông Duy-ma-cật nói: "Đúng vậy! Ngay khi các ông phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó chính là xuất gia, đó chính là thọ giới Cụ túc."

Khi ấy ba mươi hai người con ông trưởng giả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Tôn giả La-hầu-la nói về lợi ích của công đức xuất gia là trên hình thức. Trong kinh Phật cũng nói về việc này nhưng trên phương diện đối đãi của tướng hữu vi, chứ không nói đến nghĩa vô vi. Còn cư sĩ Duy-ma-cật nói thẳng đến chỗ vô vi không tướng. Không tướng thì nói gì có lợi, có công đức! Ở đây giống ý tổ Đạt-ma trả lời câu hỏi của vua Lương Võ Đế, ông cất chùa và nuôi tăng chúng v.v... rất nhiều, vậy có lợi ích, có công đức gì không? Tổ đáp, hoàn toàn không công đức. Nói công đức, phước đức chỉ là tướng sanh diệt, còn chỗ chân thật ra ngoài tướng đối đãi, nên nói là không.

Như vậy cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật gần với nhà thiền. Quan niệm của đa số người xuất gia cho rằng không lợi, không công đức thì tu làm gì. Nhưng đến chỗ vô vi giải thoát không còn nằm trên giả tướng thì đâu còn thấy có lợi, có công đức.

Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi, có công đức. Phàm xuất gia là pháp vô vi, mà trong pháp vô vi thì không lợi, không công đức. Câu này cư sĩ Duy-ma-cật xác nhận, không lợi không công đức là đứng trên pháp vô vi. Như nói người xuất gia không bận việc gia đình, khỏi lo con cái, nên rảnh rang tu hành, đó là lợi về hình thức. Chủ yếu người xuất gia đâu chỉ muốn được phước tương đối, mà mục đích cứu cánh là mong cầu giải thoát, tức là đi tới chỗ vô vi.

La-hầu-la, xuất gia đó, không kia không đây, cũng không khoảng giữa. Lìa sáu mươi hai kiến chấp, ở nơi Niết-bàn. Người trí thọ nhận là chỗ sở hành của hàng thánh giả. Hàng phục chúng ma, qua được năm đạo, trong sạch ngũ nhãn, được ngũ lực, lập ngũ căn. Không não hại người khác, lìa các tạp ác. Dẹp phá các ngoại đạo, vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy, không bị trói buộc. Không ngã sở, không sở thọ. Không bị nhiễu loạn, trong tâm vui vẻ. Bảo hộ ý kia, tùy thuận thiền định, lìa các lỗi ác. Nếu hay như thế, ấy là chân xuất gia.

Như vậy người xuất gia là người thoát khỏi ngã nhân chúng sanh, là chỗ thọ nhận của người trí, chỗ sở hành của bậc thánh, hàng phục chúng ma, qua được năm đạo. Nếu nói chỉ từ bỏ nhà thế tục, nhà cha mẹ vào chùa là xuất gia, hiểu như thế thì đời tu chưa có giá trị. Theo cư sĩ Duy-ma-cật, xuất gia không phải chỉ ra khỏi nhà thế tục mà phải ra khỏi nhà phiền não và nhà tam giới. Phải rời ngã ngã sở, hằng ở nơi Niết-bàn, hằng vượt ra khỏi mọi trói buộc nhiễm ô và hằng ở trong thiền định. Đó mới là mục đích cứu cánh của người chân chánh xuất gia. Như vậy ông đã làm sáng tỏ thêm ý nghĩa xuất gia chứ không phải nói lý suông.

Khi đó ông Duy-ma-cật bảo các con trưởng giả: "Các ông ở trong chánh pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì có sao? Vì Phật ra đời rất khó được gặp." Cư sĩ Duy-ma-cật khuyên các con trưởng giả nên ở trong chánh pháp phát tâm xuất gia, vì được gặp Phật ra đời là rất khó.

Các con trưởng giả thưa: "Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật nói cha mẹ không cho thì không được xuất gia."

Ông Duy-ma-cật nói: "Đúng vậy! Ngay khi các ông phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó chính là xuất gia, đó chính là thọ giới Cụ túc."

Theo luật Phật chế, muốn xuất gia thì phải được sự chấp thuận của cha mẹ, phải vào chùa cạo bỏ râu tóc. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật

không nặng về hình thức, mà cho rằng ngay khi phát tâm cầu thành Phật, đó là xuất gia, là thọ giới Cụ túc. Thế nên người xuất gia phải luôn nhớ và nhắm thẳng mục đích cứu cánh là cầu thành Phật để tiến tu.

Khi ấy ba mươi hai người con ông trưởng giả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Tóm lại, ở đây cư sĩ Duy-ma-cật muốn nói nghĩa xuất gia là pháp vô vi, là đi thẳng vào giải thoát, nên khuyên tôn giả La-hầu-la đừng lấy lợi của pháp hữu vi mà nói với các con ông trưởng giả. Đoạn kế muốn giản trạch, người xuất gia là phá được tất cả phiền não, ra khỏi nhà tam giới, ở nơi Niết-bàn. Đó là ý nghĩa xuất gia chân thật.

A-NAN

Chánh văn:

Phật bảo ngài A-nan:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, Thế Tôn thân có chút bệnh phải dùng sữa bò, con liền mang bát đến đứng trước cửa nhà đại Bà-la-môn. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến hỏi con: "Thưa ngài A-nan, vì sao sáng sớm mang bát đến đứng đây?"

Con đáp: "Này cư sĩ, thân Thế Tôn có chút bệnh phải dùng sữa bò, nên tôi đến đứng đây."

Ông Duy-ma-cật nói: "Thôi, thôi! A-nan chớ có nói lời ấy. Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt, các thiện đã đầy đủ, sao phải có bệnh, sao phải có não? Lặng lẽ mà đi, A-nan. Chớ phỉ báng Như Lai, chớ cho những người khác nghe lời

thô này. Không nên để chư thiên đầy đủ oai đức và những vị Bồ-tát đến từ các cõi tịnh độ khác nghe được lời nói này. A-nan, vị Chuyển luân thánh vương chỉ có chút ít phước còn được không bệnh, huống chi Như Lai đầy đủ vô lượng phước đức thù thắng đó ư! Hãy đi A-nan! Chớ khiến chúng tôi phải chịu sự hổ thẹn. Ngoại đạo, Phạm chí nếu nghe được lời này thì sẽ khởi nghĩ rằng: "Sao gọi là thầy? Tự mình không thể cứu bệnh mà có thể cứu bệnh cho người khác?" Ngài nên lén đi mau, chớ để cho người nghe. A-nan nên biết, thân Như Lai tức là pháp thân không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt qua cả tam giới. Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt. Thân Phật vô vi, không rơi vào các số. Thân như thế sao còn có bệnh? Sao còn có não?"

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con thật là hổ thẹn, chẳng lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư?

Liền khi ấy ở trong không trung có tiếng: "Này A-nan, đúng như cư sĩ nói. Chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trược ác thế nên thị hiện pháp này để độ thoát chúng sanh. Hãy đi A-nan, nhận lấy sữa chớ hổ thẹn."

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật trí tuệ biện tài như thế. Nên con không dám đến thăm bệnh ông.

Như thế năm trăm vị đại đệ tử mỗi vị hướng về Phật nói về bản duyên kia, thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói: "Con không kham đến thăm bệnh ông ấy!"

Giảng:

Đức Thế Tôn có chút bệnh, tôn giả A-nan mang bát đến trước cửa nhà một vị đại Bà-la-môn để xin sữa.

Khi ấy cư sĩ Duy-ma-cật đến hỏi tôn giả A-nan, vì sao sáng sớm mang bát đứng đây làm gì? A-nan nói, vì thân Thế Tôn có chút bệnh

nên tôi đến đây để xin sữa. Cư sĩ Duy-ma-cật nói: Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt, các thiện đã đầy đủ, sao lại nói có bệnh có não? Tôn giả A-nan hãy lặng lẽ đi mau. Nói như vậy là phỉ báng Như Lai, đừng để ngoại đạo, chư thiên và chư Bồ-tát đến từ các cõi tịnh độ khác nghe lời nói này, thật là xấu hổ.

A-nan, vị Chuyển luân thánh vương chỉ có chút ít phước còn được không bệnh, huống chi Như Lai đầy đủ vô lượng phước đức thù thắng đó ư! Hãy đi A-nan! Chớ khiến chúng tôi phải chịu sự hổ thẹn. Ngoại đạo, Phạm chí nếu nghe được lời này thì sẽ khởi nghĩ rằng: Sao gọi là thầy? Tự mình không thể cứu bệnh mà có thể cứu bệnh cho người khác? Vì sao tôn giả A-nan nói thân Như Lai bệnh mà cư sĩ Duy-ma-cật cho là hổ thẹn? Vì ông sợ ngoại đạo, Phạm chí nghe nói lời này sẽ đặt câu hỏi: Đã là một vị thầy, có bệnh không tự cứu, làm sao có thể cứu bệnh cho người khác được?

Bệnh có thân bệnh và tâm bệnh. Về thân, tôi thường dạy các Phật tử siêng năng ngồi thiền, thân sẽ ít bệnh. Nói về tâm, tu là để diệt phiền não hết khổ đau, chứ đâu có ai nói tu là nuôi phiền não. Mình chưa diệt phiền não làm sao dạy người diệt phiền não được. Người xuất gia dù chỉ mới tu năm tháng mười tháng, ít ra phải bớt phiền não, gương mặt luôn vui tươi. Như vậy mới tạo niềm tin cho người phát tâm đến với đạo.

Có Phật tử nói: "Hôm trước, Thầy con giận mấy chú điệu, muốn bỏ chùa đi. Tụi con phải năn nỉ, xin Thầy ở lại." Thầy dọa bỏ đi không phải là vì phiền não. Tâm nguyện vị thầy luôn muốn đệ tử trở thành người hữu dụng trong Phật pháp, nên phải răn dạy, rầy la mỗi khi họ làm những điều sai quấy. Nếu không họ cứ tưởng làm như vậy là hay là đúng. Rầy la như thế là vì lòng từ bi.

Người tu phải vượt qua những khó khăn buổi đầu, như ngồi thiền phải chịu đau chân, lúc bệnh không rên không than. Phải tập có sức chịu đựng, thắng được những cơn bệnh nhỏ, chứ đừng yếu đuối. Gốc của việc tu là giải thoát, mà không chịu nắm giữ, cứ vịn những cành lá phiền não rồi nhọc nhằn với nó. Phải gan dạ, dứt khoát buông bỏ

mới có thể tiến được. Trước kia tôi bệnh phổi, bác sĩ đang điều trị, bệnh chưa dứt hẳn, nhưng nhờ tôi ngồi thiền nhiều nên hết bệnh lúc nào không hay. Người tu thiền, khi bị cảm ho chỉ cần dụng công ngồi thiền đúng phương pháp, bệnh sẽ tự khỏi.

Ngài nên lén đi mau, chớ để cho người nghe. A-nan nên biết, thân Như Lai tức là pháp thân không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt qua cả tam giới. Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt. Thân Phật vô vi, không rơi vào các số. Thân như thế sao còn có bệnh? Sao còn có não?

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con thật là hổ thẹn. Chẳng lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư?

Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật bảo tôn giả A-nan phải lén đi cho nhanh, chớ để cho người khác nghe. Vì thân Phật là pháp thân, là thân đã vượt ra khỏi tam giới, không còn lậu hoặc nên không còn bệnh không còn não.

Lúc đó tôn giả A-nan quá hổ thẹn, cứ bị đuổi đi hoài nên cảm thấy tủi thân. Thầm nghĩ, Phật bệnh mình đi xin sữa cho Phật mà bị ông ấy đuổi như vậy, chẳng lẽ gần bên Phật mà mình nghe lầm chăng?

Liền khi ấy ở trong không trung có tiếng: "Này A-nan, đúng như cư sĩ nói. Chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trược ác thế nên thị hiện pháp này để độ thoát chúng sanh. Hãy đi A-nan, nhận lấy sữa chớ hổ thẹn."

Tôn giả A-nan đang suy nghĩ, bỗng trên không trung có tiếng nói xác nhận thêm lời cư sĩ Duy-ma-cật là đúng. Pháp thân Như Lai đâu có bệnh, nhưng vì phương tiện Phật thị hiện sanh trong đời ác ngũ trược, nên cũng có sanh già bệnh chết như chúng sanh để giáo hóa cứu độ họ. Đó là ứng thân của Như Lai. Thế nên tôn giả A-nan phải đi xin sữa cho đức Thế Tôn, đâu có gì phải hổ thẹn.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật trí tuệ biện tài như thế. Nên con không dám đến thăm bệnh ông.

Như thế, năm trăm vị đại đệ tử mỗi vị hướng về Phật nói về bản duyên kia, thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói: "Con không kham đến thăm bệnh ông ấy!"

Trong kinh sử của Phật giáo Nguyên thủy nói rất rõ, hàng Nhị thừa quan niệm thân Phật là thân hiện hữu ở thế gian, có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, đó là báo thân hay ứng thân. Còn trong giáo lý Đại thừa thấy thân Phật là pháp thân, là thể kim cương bất sanh bất diệt. Kim cương là chất cứng rắn nhất, không gì hoại được, nên trong kinh dùng thể kim cương dụ cho pháp thân. Pháp thân không có tướng, chứ không phải thân hiện hữu khi Phật còn ở Ấn Độ. Pháp thân không tướng làm sao có bệnh mà nói đi xin sữa.

Qua đó chúng ta thấy mỗi bên có cái nhìn khác nhau, một bên nhìn về báo thân hay ứng thân, còn một bên nhìn về pháp thân. Ứng thân hay báo thân là tướng sanh diệt. Nếu tu chỉ được phước tướng, qua mấy mươi năm rồi cũng phải hoại. Mục đích cứu cánh của người tu là phải đạt được pháp thân bất sanh bất diệt. Tuy nhiên, nhờ thân sanh diệt này để tu mới đạt được pháp thân, cho nên từ tướng sanh diệt để tiến tới chỗ vô sanh, mới đúng ý nghĩa cứu cánh chân thật.

Tóm lại, ngoài mười vị đệ tử lớn kể trên còn năm trăm vị đại đệ tử nữa, mỗi vị đều hướng về Phật nói nhân duyên trước kia để khen ngợi cư sĩ Duy-ma-cật, đều nói không kham đến thăm bệnh ông ấy. Chúng ta thấy tinh thần nêu lên ở đây, dù là cư sĩ nhưng đạt đến chỗ cứu cánh thì người xuất gia vẫn khen ngợi tán thán. Muốn đến chỗ cứu cánh bình đẳng chân thật thì phải thấy thẳng pháp tánh, nhận ra pháp thân.

Thanh văn và Bồ-tát khác nhau, nhưng hỗ tương nhau để triển khai từ tướng thẳng vào tánh, chứ không phải các ngài chống đối nhau. Hàng Thanh văn thì nương trên tướng, còn Bồ-tát đi thẳng vào tánh. Muốn tu thì từ thân này mà tu, mới thấy được pháp thân.

Pháp thân là thể, ứng thân hay hóa thân là dụng.

04. PHẨM BỒ TÁT

BỒ-TÁT DI-LẶC

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Di-lặc bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con vì Thiên vương ở cung trời Đâu-suất và quyến thuộc của người, nói về hạnh bất thối chuyển. Lúc ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Ngài Di-lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho nhân giả, một đời sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy đời nào ngài được thọ ký? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? Nếu đời quá khứ, thì quá khứ đã qua. Nếu đời vị lai, thì vị lai chưa đến. Nếu đời hiện tại, thì hiện tại không dừng. Như lời Phật nói: "Này các Tỳ-kheo! Chính ông hiện nay, cũng sanh già chết." Nếu do vô sanh được thọ ký thì vô sanh đó là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao ngài Di-lặc một đời được thọ ký? Là từ Như sanh được thọ ký hay từ Như diệt được thọ ký? Nếu do Như sanh được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu do Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả pháp cũng Như, các vị thánh hiền cũng Như, cho đến Bồ-tát Di-lặc cũng Như. Nếu ngài Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký.

Vì cớ sao? Phàm Như thì không hai không khác, nếu Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả

chúng sanh đều cũng phải được. Vì cớ sao? Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ. Vì cớ sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh cứu cánh tịch diệt chẳng còn diệt nữa.

Thế nên, ngài Di-lặc chớ dùng pháp này mà dạy bảo các thiên tử, thật không có phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có thối chuyển. Này Di-lặc, phải khiến cho những vị thiên tử này bỏ kiến chấp phân biệt về Bồ-đề. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề không thể do thân mà được, cũng không do tâm mà được. Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt các tướng. Chẳng quán là Bồ-đề, vì lìa các duyên. Chẳng hành là Bồ-đề, vì không có ức niệm. Đoạn là Bồ-đề, vì xả các kiến chấp. Lìa là Bồ-đề, vì lìa các vọng tưởng. Chướng là Bồ-đề, vì chướng các nguyện. Chẳng nhập là Bồ-đề, vì không tham trước. Thuận là Bồ-đề, vì thuận nơi Như. Trụ là Bồ-đề, vì trụ pháp tánh. Đến là Bồ-đề, vì đến được thật tế. Bất nhị là Bồ-đề, vì lìa ý pháp. Bình đẳng là Bồ-đề, vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề, vì không sanh trụ diệt. Tri là Bồ-đề, vì rõ biết tâm hành chúng sanh. Chẳng hội là Bồ-đề, vì các nhập không hội. Chẳng hiệp là Bồ-đề, vì lìa phiền não tập. Vô xứ là Bồ-đề, vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề, vì danh tự là không. Như hóa là Bồ-đề, vì không thủ xả. Không loạn là Bồ-đề, vì thường tự tĩnh. Thiện tịch là Bồ-đề, vì tánh thanh tịnh. Không thủ là Bồ-đề, vì lìa các phan duyên. Không khác là Bồ-đề, vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề, vì không thể thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề, vì các pháp khó biết."

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp Vô sanh nhẫn. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phẩm trên nói về hàng Thanh văn đệ tử hiện hữu của Phật, phẩm này nói về các vị Bồ-tát, một số vị có mặt trong hội, một số từ phương khác đến.

Trước tiên Phật cử Bồ-tát Di-lặc đến thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật nhưng ngài từ chối. Ngài kể lại nhân duyên thuở xưa, khi đang thuyết về hạnh bất thối chuyển cho thiên vương và quyến thuộc ở trời Đâu-suất, lúc ấy cư sĩ Duy-ma-cật đi đến nói với ngài, đức Thế Tôn thọ ký cho ngài một đời sẽ thành Phật, vậy đời nào được thọ ký, là quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Nếu đời quá khứ thì quá khứ đã qua. Nếu đời vị lai thì vị lai chưa đến. Nếu đời hiện tại thì hiện tại không dừng. Như lời Phật nói: Này các Tỳ-kheo, chính ông hiện nay cũng sanh già chết.

Cư sĩ Duy-ma-cật gạn hỏi, Phật nói Bồ-tát Di-lặc một đời nữa được thành Phật là đời nào? Đời quá khứ thì đã qua, đời vị lai chưa đến, đời hiện tại không dừng. Ngay con người hiện tại cũng có sanh già chết. Nghĩa là ngay trong khoảnh khắc có cả ba tướng sanh già chết, nên đâu thể nói hiện tại được. Vậy đời nào gọi là được Phật thọ ký?

Nếu nói ngay thân hiện tại có sanh già chết thì ít ai thấy biết, nhưng xét từng tế bào trong cơ thể luôn luôn chuyển đổi, có những tế bào mới sanh, những tế bào đã già, cũng có những tế bào bị hoại. Như vậy thân này thay đổi liên tục không dừng, làm sao có thể nói cố định thời gian được.

Nếu do vô sanh được thọ ký thì vô sanh đó là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao ngài Di-lặc một đời được thọ ký? Chánh vị nghĩa là ngôi vị chân chánh hay chân thật, còn gọi là chân như. Chân như là thể không sanh không diệt, nên không thọ ký cũng không thành Phật. Nếu còn sanh tức là còn trong quá khứ, hiện tại, vị lai, mà cả ba thời đều không thật. Như vậy nói được thọ ký là ở trong sanh hay trong vô sanh? Sanh cũng không thể được, vô sanh thì còn

gì thọ ký, còn gì thành Phật, cả hai đều không thể được. Vậy tại sao Bồ-tát Di-lặc được thọ ký một đời sẽ thành Phật?

Là từ Như sanh được thọ ký hay từ Như diệt được thọ ký? Cư sĩ Duy-ma-cật chỉ thẳng thể tánh chân như không sanh không diệt, mà đã không sanh không diệt thì lấy gì để thọ ký. Nếu Như sanh thọ ký không được thì Như diệt cũng không được thọ ký. Tại sao?

Nếu do Như sanh được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu do Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả pháp cũng Như, các vị thánh hiền cũng Như, cho đến Bồ-tát Di-lặc cũng Như. Nếu ngài Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký.

Nói về bản thể của chân như thì tất cả chúng sanh đều Như. Tất cả pháp đều Như. Nếu từ chân như được thọ ký thì tất cả chúng sanh Như, hiền thánh Như, Di-lặc Như. Vậy Bồ-tát Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh đều được thọ ký.

Vì có sao? Phàm Như thì không hai không khác, nếu Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng phải được. Vì có sao? Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ.

Vì có sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh cứu cánh tịch diệt chẳng còn diệt nữa.

Chân như thì không hai không khác, Bồ-tát Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng phải được. Bồ-tát Di-lặc có tướng Bồ-đề thì tất cả chúng sanh cũng có tướng Bồ-đề. Niết-bàn là tịch diệt, tất cả chúng sanh đều có tướng Niết-bàn, tức là tướng tịch diệt. Như vậy chẳng lẽ lại có tịch diệt lần thứ hai.

Thế nên, ngài Di-lặc chớ dùng pháp này mà dạy bảo các thiên tử, thật không có phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có thối chuyển. Này Di-lặc, phải khiến cho những vị thiên tử

này bỏ kiến chấp phân biệt về Bồ-đề. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề không thể do thân mà được, cũng không do tâm mà được.

Cư sĩ Duy-ma-cật bảo Bồ-tát Di-lặc chớ giảng dạy về hạnh bất thối chuyển cho chư thiên và thiên tử nghe. Vì sao? Vì thể chân như không tiến không lui, không sanh không diệt, không còn đối đãi, thì làm sao có phát tâm Bồ-đề, làm sao có thối chuyển Bồ-đề, mà ngài dạy về hạnh bất thối chuyển. Phân biệt Bồ-đề là phân biệt có thối chuyển và không thối chuyển. Dạy hạnh bất thối chuyển vì có thối chuyển, mà thể Bồ-đề thì đâu có thối chuyển, cũng không có bất thối chuyển. Nên cư sĩ Duy-ma-cật nói, chớ dùng kiến chấp này mà dạy các vị thiên tử, vì Bồ-đề không phải do thân được, không phải do tâm được.

Tịch diệt là Bồ-đề vì diệt các tướng. Chẳng quán là Bồ-đề vì lìa các duyên. Chẳng hành là Bồ-đề vì không có ức niệm. Đoạn là Bồ-đề vì xả các kiến chấp. Lìa là Bồ-đề vì lìa các vọng tưởng. Chướng là Bồ-đề vì chướng các nguyện. Chẳng nhập là Bồ-đề vì không tham trước. Thuận là Bồ-đề vì thuận nơi Như. Trụ là Bồ-đề vì trụ pháp tánh. Đến là Bồ-đề vì đến được thực tế. Bất nhị là Bồ-đề vì lìa ý pháp. Bình đẳng là Bồ-đề vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề vì không sanh, trụ và diệt. Tri là Bồ-đề vì rõ biết tâm hành chúng sanh. Chẳng hội là Bồ-đề vì các nhập không hội. Chẳng hiệp là Bồ-đề vì lìa phiền não tập. Vô xứ là Bồ-đề vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề vì danh tự là không. Như hóa là Bồ-đề vì không thủ xả. Không loạn là Bồ-đề vì thường tự tĩnh. Thiện tịch là Bồ-đề vì tánh thanh tịnh. Không thủ là Bồ-đề vì lìa các phan duyên. Không khác là Bồ-đề vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề vì không thể thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề vì các pháp khó biết.

Thường khi chúng ta quán là phân tích các duyên. Ở đây đã lìa các duyên rồi, còn gì phân tích nữa, cho nên nói chẳng quán là Bồ-đề vì lìa các tướng. Hành tức là tâm hành, khi tâm hành dứt thì không còn nghĩ tưởng, ấy là Bồ-đề. Đoạn là Bồ-đề vì xả các kiến chấp.

Buông vọng tưởng không theo là lìa, ngay khi lìa vọng tưởng đó là Bồ-đề.

Thường thường nói không có chướng mới là Bồ-đề, tại sao ở đây nói *chướng là Bồ-đề, vì chướng các nguyện*? Chướng là ngăn trở, nguyện là mong muốn. Nhưng đến chỗ chân thật tịch diệt rồi thì không còn gì mong muốn, nên nói chướng các nguyện.

Chẳng nhập là Bồ-đề vì không tham trước. Nhập là sáu nhập, vì sáu căn còn tham trước còn dính mắc với sáu trần nên mới sanh ra sáu nhập. Khi căn không tham trước không dính mắc với trần thì không có nhập, ấy chính là Bồ-đề.

Tùy thuận là Bồ-đề, vì thuận chân như. Trụ là Bồ-đề vì an trụ nơi pháp tánh. Bồ-đề là chỗ thực tế không còn tướng đối đãi sanh diệt, nên nói *đến là Bồ-đề vì đến được thực tế.*

Bất nhị là Bồ-đề vì lìa ý pháp. Tất cả những ý niệm chúng ta dấy lên đều chạy theo pháp trần, pháp trần là đối đãi, là hai. Đến chỗ bất nhị thì ý thức và pháp trần lìa nhau, ý thức không còn duyên theo pháp trần, đó là Bồ-đề.

Bình đẳng là Bồ-đề vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề vì không sanh, trụ và diệt. Pháp còn nằm trong sanh trụ diệt thì gọi đó là hữu vi, Bồ-đề thì không còn sanh trụ diệt nên gọi là vô vi. Tri là Bồ-đề vì rõ biết tâm hành của chúng sanh. Bồ-đề là giác ngộ, nghĩa là khi đã giác ngộ thì biết rõ tâm niệm dấy khởi của chúng sanh.

Chẳng hội là Bồ-đề vì các nhập không hội. Hội là nhóm họp. Nếu các nhập nhóm họp thì có thân, còn sanh tử. Khi các nhập không chung họp lại thì gọi là Bồ-đề, tức là giải thoát sanh tử. Chẳng hiệp là Bồ-đề vì lìa phiền não tập. Phiền não nhóm họp là tập đế, khi không còn nhóm họp phiền não nữa, ấy là Bồ-đề.

Vô xứ là Bồ-đề vì không có hình sắc. Chân tâm không hình sắc, không hình sắc thì đâu có chỗ nơi. Khi có người hỏi: “Chân tâm ở chỗ

nào? Ở trong ở ngoài hay chặng giữa?" Nếu nói có chỗ, là có nơi chốn, có hình sắc đều không đúng.

Giả danh là Bồ-đề vì danh tự là không. Tất cả ngôn ngữ, văn tự... đều không thật. Người nhận hiểu được như thế là hằng sống với tánh Bồ-đề.

Như hóa là Bồ-đề vì không thủ xả. Ưa thì thủ, ghét thì xả. Nếu thấy các pháp như huyễn như hóa thì lúc đó không còn nhiễm trước, không có thủ xả.

Không loạn là Bồ-đề vì thường tự tĩnh, tĩnh tức là lặng lẽ. Thiện tịch là Bồ-đề vì tánh thanh tịnh, thiện là khéo, tịch là lặng lẽ, tức là khéo lặng lẽ, đó là Bồ-đề vì tánh thường trong sạch.

Không thủ là Bồ-đề vì không chạy theo duyên. Không khác là Bồ-đề vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề vì không thể lấy gì để thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề vì các pháp khó biết. Thể tánh của Bồ-đề mầu nhiệm, không thể suy lường được cho nên nói các pháp khó biết.

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp Vô sanh nhẫn. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Tóm lại, đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật giải thích thêm về nghĩa *nhất sanh bổ xứ* của đức Phật thọ ký cho Bồ-tát Di-lặc. Đức Thế Tôn thọ ký cho Bồ-tát Di-lặc một đời nữa sẽ thành Phật. Cư sĩ Duy-ma-cật mới gạn lại, một đời là đời nào? Vì ông nhìn trên thể tánh chân như nên thấy ba thời không thật. Ba thời không thật thì làm sao nói có một đời được thọ ký, căn cứ trên cái gì để thọ ký? Nếu căn cứ trên chân như thì chân như là thể tánh không sanh không diệt. Không sanh diệt thì làm sao có thọ ký, có thành Phật! Bồ-tát Di-lặc nhìn trên tướng sanh diệt của kiếp người, mà tướng chỉ là giả danh, tạm nói tạm dùng, không thật, nên mới thấy có thọ ký một đời, hai đời...

Qua đó chúng ta thấy, trên lý tánh Bồ-tát Di-lặc cũng như chúng sanh đều sẵn có chân như Phật tánh, nên Bồ-tát Di-lặc thành Phật

thì tất cả chúng sanh cũng sẽ thành Phật. Khi dứt hết tất cả phiền não tập khí sanh tử thì tánh giác hiện tiền, ngay đó là Niết-bàn, chứ không còn nói thọ ký thành Phật.

ĐỒNG TỬ QUANG NGHIÊM

Chánh văn:

Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Quang Nghiêm liền bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, khi con ra khỏi đại thành Tỳ-da-ly, lúc đó ông Duy-ma-cật mới vào thành. Con liền chào và hỏi: "Cư sĩ từ đâu đến đây?" Ông trả lời: "Tôi từ đạo tràng đến." Con hỏi: "Đạo tràng là chỗ nào?" Ông đáp: "Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả. Phát hạnh là đạo tràng, vì hay biện sự. Thâm tâm là đạo tràng, vì tăng ích các công đức. Bồ-đề tâm là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không mong quả báo. Trì giới là đạo tràng, vì nguyện được đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sanh không tâm chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng vì không biếng nhác lui sụt. Thiền định là đạo tràng, vì tâm điều nhu. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì bình đẳng đối với chúng sanh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn chịu những sự đau khổ. Hỷ là đạo tràng, vì ưa thích pháp. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu ghét. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu lục thông. Giải thoát là đạo tràng, vì hay bội xả. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sanh. Tứ nhiếp pháp là đạo tràng, vì nhiếp phục chúng sanh. Đa văn là đạo tràng, vì như nghe mà thực hành. Phục tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, vì bỏ các

pháp hữu vi. Tứ đế là đạo tràng, vì không dối thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tột. Các phiền não là đạo tràng, vì biết như thật. Chúng sanh là đạo tràng, vì biết vô ngã. Tất cả pháp là đạo tràng, vì biết các pháp không. Hàng ma là đạo tràng, vì không bị khuynh động. Ba cõi là đạo tràng, vì không chỗ đến. Sư tử rống là đạo tràng, vì không chỗ sợ. Ngũ lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp là đạo tràng, vì không có các lỗi lầm. Tam minh là đạo tràng, vì không chướng ngại khác. Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Như thế, này thiện nam tử! Bồ-tát nếu dùng các ba-la-mật mà giáo hóa chúng sanh, những hành động tạo tác, giở chân hạ chân, phải biết đều là từ đạo tràng đến, trụ nơi Phật pháp vậy."

Khi ông nói pháp này, năm trăm vị trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Đối với Phật, công hạnh những vị Bồ-tát chưa viên mãn nên gọi là đồng tử.

Phật bảo đồng tử Quang Nghiêm đến thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật, đồng tử Quang Nghiêm xin khước từ, vì có lần đã gặp cư sĩ Duy-ma-cật trên đường vào thành Tỳ-da-ly. Đồng tử chào và hỏi cư sĩ từ đâu đến thành này? Cư sĩ Duy-ma-cật trả lời: *Tôi từ đạo tràng đến* đã làm cho Đồng tử vô cùng ngạc nhiên. Đạo tràng là nơi quy tụ nghe pháp và tu tập. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật từ ngoài thành Tỳ-da-ly đi vào gặp đồng tử Quang Nghiêm, vậy mà nói từ đạo tràng đến. Đồng tử mới hỏi *Đạo tràng là chỗ nào? Ông đáp:*

Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả. Phát hạnh là đạo tràng, vì hay biện sự. Thâm tâm là đạo tràng, vì tăng ích các công đức. Bồ-

đề tâm là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không mong quả báo. Trì giới là đạo tràng, vì nguyện được đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sanh không tâm chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng nhác lui sụt. Thiền định là đạo tràng, vì tâm điều nhu. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì bình đẳng đối với chúng sanh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn chịu những sự đau khổ. Hỷ là đạo tràng, vì ưa thích pháp. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu ghét. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu lục thông. Giải thoát là đạo tràng, vì hay bội xả. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sanh. Tứ nhiếp pháp là đạo tràng, vì nhiếp phục chúng sanh. Đa văn là đạo tràng, vì như nghe mà thực hành. Phục tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, vì bỏ các pháp hữu vi. Tứ đế là đạo tràng, vì không dối thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tột.

Theo cư sĩ Duy-ma-cật, đạo tràng là không hình tướng, không nơi chốn. Khi đi đứng nằm ngồi, bất cứ nơi nào, dù ở giữa chợ ồn náo..., tâm vẫn như như bất động, thanh tịnh bình trực, ngay đó là đạo tràng chứ không cần tìm kiếm ở đâu xa.

Duyên khởi là đạo tràng vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tận. Trong mười hai nhân duyên, khởi đầu là vô minh đến cuối cùng là lão tử. Tại sao nói duyên khởi là đạo tràng? Vì đối với mười hai nhân duyên, người mê bị dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Người tỉnh biết mười hai nhân duyên là do duyên hợp không thật có, không tự tánh, nên không bị chi phối trong sanh tử. Vì vậy nói duyên khởi là đạo tràng.

Các phiền não là đạo tràng, vì biết như thật. Vì sao nói phiền não là đạo tràng? Vì khi phiền não dấy lên liền biết phiền não không thật, không tự tánh, thì ngay đó là đạo tràng. Thường chúng ta muốn tìm cầu chân chánh ở ngoài tà ngụy. Nhưng khi nhận biết được tà ngụy thì đó là chân chánh rồi. Điều này nghe như khó hiểu mà là một lẽ thật.

Chúng sanh là đạo tràng, vì biết vô ngã. Chúng ta ai cũng có thân, nếu chấp thân này là thật, đó là chúng sanh mê muội. Nếu biết thân do duyên hợp hư dối, là vô ngã không có chủ thì hết mê lầm. Ngay nơi thân chúng sanh mà thấy vô ngã, chứ không có vô ngã ngoài chúng sanh. Hiểu như vậy rồi không còn chấp thân nữa vì nó là vô ngã, đó là đạo tràng.

Tất cả pháp là đạo tràng, vì biết các pháp không. Không tức là không tự tánh. *Hàng ma là đạo tràng, vì không bị khuynh động. Ba cõi là đạo tràng, vì không chỗ đến.* Hàng ma là khi đối với trần cảnh ngũ dục, niệm khởi liền biết không theo, trở về với tâm thanh tịnh bất động như như, đó là biết hàng ma. Trong ba cõi này mà không tạo nghiệp để dẫn sanh trong tam giới thì ba cõi là đạo tràng.

Sư tử rống là đạo tràng, vì không chỗ sợ. Ngũ lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp là đạo tràng, vì không có các lỗi lầm. Tam minh là đạo tràng, vì không chướng ngại khác. Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Phật thuyết pháp như sư tử rống, vì những gì ngài nói ra là từ trí tuệ thấy biết như thật, nên ngài không sợ; giả sử có ai cần hỏi ngài sẵn sàng giải đáp tường tận, thông suốt.

Tam minh là đạo tràng vì không chướng ngại khác. Chúng ta phải lập đạo tràng như cư sĩ Duy-ma-cật để mọi hành động của mình đều từ trong đạo tràng mà đến, dù ở đâu cũng là ở trong Phật pháp. Được như vậy chúng ta sẽ không bị chướng ngại.

Nhất thiết trí là trí tuệ hiểu biết tất cả các pháp đúng như thật. Trí này duy chỉ đức Phật, bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới có. Cho nên nói, một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Như thế, này thiện nam tử! Bồ-tát nếu dùng các ba-la-mật mà giáo hóa chúng sanh, những hành động tạo tác, giở chân hạ chân, phải biết đều là từ đạo tràng đến, trụ nơi Phật pháp vậy. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật kết luận, Bồ-tát nên dùng pháp ba-la-mật để giáo hóa

chúng sanh. Mọi hành động tạo tác từ giở chân lên để chân xuống, bước tới bước lui... đều ở trong đạo tràng, đều an trụ trong Phật pháp.

Khi ông nói pháp này, năm trăm vị trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Chỗ này làm cho chúng ta sáng thêm về ý nghĩa đạo tràng. Đạo tràng là nơi tụ hội để học đạo, để tu. Thí dụ, người từ thành phố đi tới trước cửa thiền viện Thường Chiếu, thấy người ở trong cổng Thường Chiếu đi ra, hỏi huynh ở đâu đến? Người kia trả lời, tôi ở trong đạo tràng Thường Chiếu mới ra, tức là vừa rời khỏi chỗ tu tập. Còn ở đây một ông từ trong thành đi ra, một ông ngoài thành đi vào, không có chùa chiền, không có tịnh xá, hỏi ông từ đâu vào, lại nói từ đạo tràng vào. Như vậy quan niệm về đạo tràng của cư sĩ Duy-ma-cật khác với chúng ta. Chúng ta thấy đạo tràng trên hình tướng, nếu trong tâm ta nghĩ điều tốt điều hay, biết ứng dụng pháp tu để được tỉnh giác thì đó mới là đạo tràng. Dù đi đâu, dù ở chỗ nào mà sống được như thế thì nơi nơi đều là đạo tràng. Nếu ngồi thiền ở trên chùa nhưng trong tâm nghĩ tưởng những điều xấu thì tuy đang ở đạo tràng vẫn không phải là đạo tràng. Như vậy thì đạo tràng của chúng ta chỉ là đạo tràng hình thức, chưa đi sâu trong tâm tánh.

Cư sĩ Duy-ma-cật nói đạo tràng là đi thẳng vào tâm tánh. Cho nên ông nói trực tâm là đạo tràng, phát hạnh là đạo tràng. Trực tâm là tâm ngay thẳng. Phát hạnh là khởi tâm làm những điều thiện. Thâm tâm là đạo tràng. Bồ-đề tâm là đạo tràng. Bố thí là đạo tràng. Trì giới là đạo tràng. Cho tới lục độ, hàng ma, giảng pháp, giảng kinh... lúc nào cũng là đạo tràng.

Nói tóm lại, đạo tràng của cư sĩ Duy-ma-cật là đạo tràng của tự tâm, của hành động chân thật, từ tâm chân thật phát ra. Như vậy nghĩa của đạo tràng rất sâu rộng. Khi tâm chúng ta thanh tịnh, sống hợp với đạo lý, dù ở nơi đâu cũng đều là đạo tràng. Ở đâu mà chúng ta làm lợi ích chúng sanh, đem lợi ích đến cho mọi người mà không ngã không nhân thì nơi đó cũng là đạo tràng.

Hiểu được nghĩa đạo tràng này chúng ta mới thấy, người tu dù ở bất cứ nơi nào, trong chùa, tịnh xá để an lành tu, hoặc phải đi giáo hóa, vào chợ búa, xóm làng mà vẫn giữ tâm thanh tịnh, ý nghĩ việc làm trong sạch, thảy đều là đạo tràng. Đừng chấp phải ở chỗ vắng vẻ mới là đạo tràng, ra chợ búa vào xóm làng không phải đạo tràng. Chấp như vậy là bệnh. Chủ yếu nhắm thẳng vào tâm, nên mọi hành động của Bồ-tát có khi dường như không hợp đạo lý, mà vẫn là đạo lý, vì tâm các ngài không còn dính mắc, luôn vị tha.

BỒ-TÁT TRÌ THẾ

Chánh văn:

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, con ở trong tịnh thất, khi đó ma Ba-tuần đem một muôn hai ngàn Thiên nữ, dáng giống như là Đế-thích, đánh nhạc ca hát, đi đến chỗ của con cùng những quyến thuộc của nó, đầu lễ dưới chân con, chắp tay cung kính đứng qua một bên. Con nghĩ đó là Đế-thích nên nói rằng: "Lành thay! Kiều-thi-ca, ông tuy có phước, không nên tự buông lung, nên quán ngũ dục là vô thường để cầu căn lành, nơi thân mạng, tài sản mà tu pháp kiên cố."

Liền khi ấy, ma vương nói với con: "Này Chánh sĩ, nên nhận một muôn hai ngàn Thiên nữ này, có thể đủ để quét dọn." Con nói rằng: "Kiều-thi-ca, không nên đem vật phi pháp mà cúng dường cho Sa-môn Thích tử. Đây không phải chỗ ta nên nhận."

Con vừa nói rồi, khi ấy ông Duy-ma-cật đi đến bảo con: "Không phải là trời Đế-thích, ấy là ma đến nhiễu loạn ông đó!"

Ngài Duy-ma-cật liền nói với ma: "Những người nữ này có thể đem cho tôi. Như tôi thì mới đáng nhận." Ma liền hoảng sợ, nghĩ rằng ông Duy-ma-cật đâu không làm não hại ta, muốn ẩn hình đi mà không thể ẩn được. Dùng hết thần lực của nó cũng không thể đi được. Liền nghe trong hư không có tiếng nói: "Ba-tuần, hãy đem những người nữ này cho đi thì mới có thể đi được." Ma vì sợ nên mới miễn cưỡng mà cho.

Khi ấy ông Duy-ma-cật mới bảo những người nữ ấy: "Ma đã đem các chị cho tôi rồi. Nay các chị đều phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Liền tùy căn cơ thích hợp mà vì nói pháp, khiến cho các vị đó phát ý đạo. Lại nói rằng: "Các chị đã phát ý đạo, có pháp lạc có thể tự vui. Không nên lại vui theo ngũ dục nữa."

Các Thiên nữ liền hỏi: "Những gì là pháp lạc?"

Ngài đáp: "Vui thường tin Phật, vui muốn nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng, vui lìa ngũ dục, vui quán ngũ ấm như oán tặc, vui quán tứ đại như rắn độc, vui quán nội nhập như xóm rỗng. Vui tùy hộ ý đạo, vui làm lợi ích cho chúng sanh, vui cung kính bậc sư trưởng. Vui rộng làm việc bố thí, vui kiên trì giới luật, vui nhẫn nhục nhu hòa, vui siêng làm các căn lành, vui thiền định không loạn, vui lìa cấu được trí tuệ sáng suốt. Vui rộng phát tâm Bồ-đề, vui hàng phục các ma, vui đoạn các phiền não, vui thanh tịnh cõi nước Phật, vui thành tựu những tướng tốt nên tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo tràng. Vui nghe những pháp thâm sâu không sợ. Vui ba môn giải thoát, không vui phi thời. Vui gần những người đồng học, vui với những người không phải đồng học, tâm không giận không ngại. Vui đem sự bảo hộ những người ác tri thức, vui gần gũi những thiện tri thức. Vui tâm hỷ

thanh tịnh, vui tu pháp vô lượng đạo phẩm. Ấy là pháp vui của những vị Bồ-tát."

Khi ấy Ba-tuần bảo những Thiên nữ rằng: "Ta muốn cùng các ngươi trở về thiên cung."

Các vị Thiên nữ nói: "Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, có pháp vui, chúng tôi rất là vui, không trở lại vui cái vui ngũ dục nữa."

Ma nói: "Cư sĩ có thể xả những người nữ này không? Tất cả những sở hữu đem cho người, ấy mới gọi là Bồ-tát."

Ông Duy-ma-cật liền bảo: "Ta đã xả rồi. Ngươi hãy đem những người đó đi, khiến cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ."

Khi ấy những vị Thiên nữ hỏi ông Duy-ma-cật: "Chúng tôi làm sao mà ở trong cung ma được?"

Ông Duy-ma-cật nói: "Này các chị, có pháp môn tên Vô tận đăng, các chị nên học. Vô tận đăng đó, ví như một ngọn đèn mồi trăm ngàn ngọn đèn, những chỗ tối đều sáng, sáng khắp không cùng tận. Như thế, các chị! Phàm một vị Bồ-tát đã mở được đạo, khiến trăm ngàn chúng sanh đều được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với ý đạo kia cũng không có diệt hết, tùy chỗ nói pháp, mà tự tăng trưởng lợi ích tất cả pháp lành, ấy gọi là Vô tận đăng. Các chị tuy ở trong cung ma, dùng pháp Vô tận đăng này khiến cho vô số thiên tử thiên nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để đền ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh vậy."

Khi ấy Thiên nữ cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, đi theo ma trở về cung, bỗng nhiên biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật có thần lực tự tại, trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Giảng:

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, con ở trong tịnh thất, khi đó ma Ba-tuần đem một muôn hai ngàn Thiên nữ, dáng giống như trời Đế-thích, đánh nhạc ca hát, đi đến chỗ của con cùng những quyến thuộc của nó, đầu lễ dưới chân con, chắp tay cung kính đứng qua một bên. Con nghĩ đó là trời Đế-thích nên nói rằng: "Lành thay! Kiều-thi-ca, ông tuy có phước, không nên tự buông lung, nên quán ngũ dục là vô thường để cầu căn lành, nơi thân mạng tài sản mà tu pháp kiên cố."

Liền khi ấy, ma vương nói với con: "Này Chánh sĩ, nên nhận một muôn hai ngàn Thiên nữ này, có thể đủ để quét dọn." Con nói rằng: "Kiều-thi-ca, không nên đem vật phi pháp mà cúng dường cho Sa-môn Thích tử. Đây không phải chỗ ta nên nhận."

Con vừa nói rồi, khi ấy ông Duy-ma-cật đi đến bảo con: "Không phải là trời Đế-thích, ấy là ma đến nhiễu loạn ông đó!"

Bồ-tát Trì Thế còn đang tu hạnh thanh tịnh ở thất vắng, tuy tâm Bồ-tát nhưng chưa nhập thế nên bị ma Ba-tuần đánh lừa. Ma giả làm trời Đế-thích, ngài lầm tưởng là Đế-thích thật. Sau khi thưa hỏi qua lại xong, ma còn đem một muôn hai ngàn Thiên nữ cúng dường cho ngài. Ngài nghĩ mình là người tu phải nghiêm trì giới luật, nên không nhận và nói đây là sự cúng dường phi pháp. Lúc đó cư sĩ Duy-ma-cật đến và giản trạch cho ngài Trì Thế biết, đó không phải là trời Đế-thích mà chính là ma Ba-tuần, ngài đã lầm. Bây giờ ông bắt đầu nói chuyện với ma.

Ngài Duy-ma-cật liền nói với ma: "Những người nữ này có thể đem cho tôi. Như tôi thì mới đáng nhận." Ma liền hoảng sợ, nghĩ rằng ông Duy-ma-cật đâu không làm não hại ta, muốn ẩn hình đi mà không thể ẩn được. Dùng hết thần lực của nó cũng không thể đi được.

Liền nghe trong hư không có tiếng nói: "Ba-tuần, hãy đem những người nữ này cho đi thì mới có thể đi được." Ma vì sợ nên mới miễn cưỡng mà cho.

Khi ấy ông Duy-ma-cật mới bảo những người nữ ấy: "Ma đã đem các chị cho tôi rồi. Nay các chị đều phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Ma Ba-tuần muốn cúng các Thiên nữ cho Bồ-tát Trì Thế, cư sĩ Duy-ma-cật liền nói, hãy để cho tôi. Ma sợ quá miễn cưỡng cho.

Liền tùy căn cơ thích hợp mà vì nói pháp, khiến cho các vị đó phát ý đạo. Lại nói rằng: "Các chị đã phát ý đạo, có pháp lạc có thể tự vui. Không nên lại vui theo ngũ dục nữa."

Các Thiên nữ liền hỏi: "Những gì là pháp lạc?"

Ngài đáp: Vui thường tin Phật, vui muốn nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng...

Sau đó cư sĩ Duy-ma-cật tùy căn cơ thích hợp nói pháp cho chúng ma nghe, khiến họ được phát ý đạo. Như vậy ba cái vui đầu của người học đạo là vui đối với Tam bảo, vui tin Phật, vui nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng.

Vui lìa ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như oán tặc, vui quán tứ đại như rắn độc, vui quán nội nhập như xóm rỗng. Những cái vui này là vui nhận rõ được thật tướng của thân, vui vì đã xa lìa ngũ dục. Thân năm ấm của chúng ta luôn phiền nhiễu, khổ đau, không có gì vui thích, không có gì đáng để mến yêu; mà lại mê lầm sanh mến yêu nó. Cho nên phải vui quán thân năm ấm như là oán tặc, vui quán tứ đại như bốn con rắn độc, luôn chực chờ hại nhau, vui quán nội nhập như xóm rỗng, không có gì là thật.

Vui tùy hộ ý đạo, vui làm lợi ích cho chúng sanh, vui cung kính bậc sư trưởng. Vui tùy hộ ý đạo tức là vui tùy hỷ. Người có tâm đạo phải bảo bọc để tâm đạo họ không mất, không lui sụt, đó cũng là cái vui của mình. Vui làm lợi ích cho chúng sanh. Vui cung kính, cúng dường các bậc sư trưởng. Đó là ba cái vui bên ngoài đối với thầy bạn.

Vui rộng làm việc bố thí, vui kiên trì giới luật, vui nhẫn nhục nhu hòa, vui siêng làm các căn lành, vui thiền định không loạn, vui lìa cấu được trí tuệ sáng suốt. Những cái vui kể trên là vui lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Mỗi pháp đều có lợi ích riêng, như thiền định thì tâm không loạn, trí tuệ thì lìa được cấu uế.

Vui rộng phát tâm Bồ-đề, vui hàng phục các ma, vui đoạn các phiền não, vui thanh tịnh cõi nước Phật, vui thành tựu những tướng tốt nên tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo tràng. Đây là những niềm vui do công đức tu hành mà được. Vui khi phát tâm Bồ-đề rộng lớn, vui dứt trừ hết phiền não, vui hàng phục các ma, vui thanh tịnh cõi Phật và trang nghiêm đạo tràng.

Vui nghe những pháp thâm sâu không sợ. Vui ba môn giải thoát, không vui phi thời. Vui gần những người đồng học, vui với những người không phải đồng học, tâm không giận không ngại. Vui đem sự bảo hộ những người ác tri thức, vui gần gũi những thiện tri thức.

Vui gần gũi bạn đồng học thì dễ. Vui với những người không phải là bạn đồng học, không cùng tư tưởng, không cùng quan điểm tu hành, lại phải sống chung với họ mà tâm không sân giận, không chướng ngại, vui đó thật là khó. Chúng ta phải cố gắng thực hành được như vậy mới là tiến bộ.

Thiện tri thức, mình gần gũi thân cận, bảo hộ là lẽ đương nhiên, là bổn phận phải làm. Với ác tri thức, dù sống chung với họ, chẳng những không ghét không hại mà còn vui bảo hộ họ, việc này thật khó làm. Như những việc thông thường, hợp đạo lý mình vui thì dễ. Việc không hợp đạo lý vẫn vui, điều đó hết sức khó.

Tóm lại, bạn đồng học và thiện tri thức là những người thuận duyên, phải bảo hộ, người không đồng học và ác tri thức là những người nghịch duyên, cũng phải bảo hộ. Dù thuận hay nghịch mình vẫn xử sự tốt hết. Được như vậy mới thật là tâm hạnh của Bồ-tát.

Vui tâm hỷ thanh tịnh, vui tu pháp vô lượng đạo phẩm. Ấy là pháp vui của những vị Bồ-tát. Các pháp vui của Bồ-tát như tâm tùy hỷ, tu vô lượng đạo phẩm, tương đối dễ. Còn những pháp vui đã nói ở trên rất khó thực hành, muốn được nguồn vui đó phải huân tập những tánh tốt như nhẫn nhục, nhu hòa... để khi gặp những điều trái ý nghịch lòng không thấy chướng ngại.

Khi ấy Ba-tuần bảo những Thiên nữ rằng: "Ta muốn cùng các ngươi trở về thiên cung."

Các vị Thiên nữ nói: "Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, có pháp vui, chúng tôi rất là vui, không trở lại vui cái vui ngũ dục nữa."

Nghe qua những lời giảng dạy của cư sĩ Duy-ma-cật, các Thiên nữ nhận hiểu được nên thấy vui. Như vậy mới biết pháp Bồ-tát tuy khó, nhưng người nghe nhận hiểu được là đã có chủng tử lành. Chúng ta thường có quan niệm ma là xấu, nhưng đôi khi ma biết chuyển tâm cũng thành tốt vậy. Còn người tu là tốt nhưng có lúc cũng khởi tâm xấu. Cho nên đừng lầm cho ma là hoàn toàn xấu hết.

Ma nói: "Cư sĩ có thể xả những người nữ này không? Tất cả những sở hữu đem cho người, ấy mới gọi là Bồ-tát." Ma Vương muốn cư sĩ Duy-ma-cật trả lại những Thiên nữ nên mới nói, nếu ông tu hạnh Bồ-tát thì tất cả những gì thuộc về ông, nên thí xả cho người mới gọi là Bồ-tát.

Ông Duy-ma-cật liền bảo: "Ta đã xả rồi. Ngươi hãy đem những người đó đi, khiến cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ." Tôi đã thí xả các vị ấy rồi, vì muốn họ làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đều được pháp nguyện đầy đủ. Ngươi hãy đem họ đi đi.

Khi ấy những vị Thiên nữ hỏi ông Duy-ma-cật: "Chúng tôi làm sao mà ở trong cung ma được?"

Ông Duy-ma-cật nói: Này các chị, có pháp môn tên Vô tận đăng, các chị phải học. Vô tận đăng đó, ví như một ngọn đèn sáng, mồi trăm ngàn ngọn đèn, những chỗ tối đều sáng, sáng khắp không cùng tận. Như thế, các chị! Phàm một vị Bồ-tát đã mở được đạo, khiến

trăm ngàn chúng sanh đều được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với ý đạo kia cũng không có diệt hết, tùy chỗ nói pháp, mà tự tăng trưởng lợi ích tất cả pháp lành, ấy gọi là Vô tận đăng.

Những Thiên nữ này đã phát tâm Bồ-đề là đã ra khỏi cung ma, thì đâu thể theo ma vương được. Bấy giờ ông mới giảng pháp Vô tận đăng cho họ nghe. Tuy ở cung ma, nhưng một người đã sáng giống như một ngọn đèn thắp sáng, mỗi trăm ngàn ngọn đèn khác thảy được sáng. Tất cả chỗ tối đều sáng. Ông dạy những Thiên nữ đã phát tâm Bồ-đề nên trở về cung ma khai đạo, hướng dẫn những quyến thuộc ma quay về Phật đạo, để cho trăm ngàn chúng sanh được phát tâm vô thượng Bồ-đề. Những vị đó đối với ý đạo không thể mất, tùy chỗ nói pháp làm tăng trưởng những điều lành. Như vậy gọi là Vô tận đăng.

Các chị tuy ở trong cung ma, dùng pháp Vô tận đăng này khiến cho vô số Thiên tử Thiên nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để đền ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh vậy. Như vậy ở ngay trong cung ma mà đem pháp Phật giáo hóa mọi người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là đã đền ơn Phật, làm lợi ích cho chúng sanh. Đây chính là phương tiện hành đạo rất tốt.

Khi ấy Thiên nữ cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, đi theo ma trở về cung, bỗng nhiên biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật có thần lực tự tại, trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Lâu nay chúng ta cố chấp ma là đáng ghét đáng sợ. Chẳng những ma không biết tu, không bao giờ phát tâm Bồ-đề, mà còn phá hại người tu. Như ngài Trì Thế là Bồ-tát vẫn bị ma giả Đế-thích để lừa gạt. Cư sĩ Duy-ma-cật cũng là Bồ-tát, nhưng thấy ma liền biết là ma tới quấy phá nhiễu loạn Bồ-tát. Ông giáo hóa khiến ma phát tâm Bồ-đề. Như vậy ma có thật xấu hay không? Ở đây ma ngầm chỉ cho

những người xấu ác. Chúng ta không nên có quan niệm người xấu ác không thể tu hành, chẳng qua vì mình chưa đủ năng lực, phương tiện để chuyển hóa họ. Như vậy mình có một phần lỗi, họ cũng một phần, chứ đừng hoàn toàn đổ hết lỗi cho họ.

Tóm lại, ở đây hai vị Bồ-tát, Bồ-tát xuất gia bị ma gạt, Bồ-tát cư sĩ lại giáo hóa được ma. Như vậy đâu phải ma chỉ hại người, nếu khéo chuyển thì ma cũng phát tâm Bồ-đề được. Vậy nên, dù kẻ trộm cướp, kẻ xấu xa, nếu chúng ta có đủ phương tiện, đủ đức độ, cũng có thể cảm hóa họ được, chứ không nên một bề quy trách nhiệm cho họ. Hiểu như vậy, chúng ta mới là người sáng suốt, là người thật công bình.

TRƯỞNG GIẢ THIỆN ĐỨC

Chánh văn:

Phật bảo trưởng giả Thiện Đức:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Thiện Đức bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con ở trong nhà cha của con, lập hội đại thí cúng dường tất cả vị Sa-môn, Bà-la-môn và những người ngoại đạo, bần cùng, hạ tiện, cô độc, người ăn xin... suốt cả bảy ngày. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến trong hội bảo con rằng: "Này ông trưởng giả, phàm làm đại thí hội thì không phải là việc như ông đã làm. Phải làm hội pháp thí, đâu dùng hội tài thí làm gì!"

Con mới hỏi: "Này cư sĩ, thế nào gọi là hội pháp thí?"

Ông đáp: "Hội pháp thí là không trước không sau, đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, ấy gọi là hội pháp thí."

Con hỏi: "Nghĩa là sao?"

Ông bảo: "Nghĩa là vì Bồ-đề, khởi tâm từ; vì cứu giúp chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì gìn giữ chánh pháp, khởi tâm hỷ; vì nhiếp trí tuệ, hành tâm xả. Vì nhiếp xan tham, khởi bố thí ba-la-mật; vì giáo hóa phạm giới, khởi trì giới ba-la-mật; vì không ngã pháp, khởi nhẫn nhục ba-la-mật; vì lìa tướng thân tâm, khởi tinh tấn ba-la-mật; vì tướng Bồ-đề, khởi thiền định ba-la-mật; vì Nhất thiết trí, khởi trí tuệ ba-la-mật. Giáo hóa chúng sanh mà khởi nơi Không; chẳng xả pháp hữu vi mà khởi vô tướng; thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác; hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi tứ nhiếp pháp; vì kính thờ tất cả, khởi trừ pháp mạn; đối với thân mạng tài, khởi ba pháp kiên cố; ở trong sáu niệm, khởi pháp tư niệm; ở trong sáu pháp hòa kính, khởi tâm chánh trực; thực hành thiện pháp chân chánh, khởi tịnh mạng; tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi thân cận bậc hiền thánh; không ghét người ác, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì như lời nói thực hành, khởi đa văn; vì pháp vô tránh, khởi ở chỗ vắng vẻ; hướng đến Phật tuệ, khởi ở chỗ an tọa; mở trói buộc cho chúng sanh, khởi chỗ tu hành; vì đầy đủ tướng hảo và thanh tịnh cõi Phật, khởi nghiệp phước đức; biết tất cả tâm niệm chúng sanh, tùy đó nói pháp, khởi nơi nghiệp trí; biết tất cả pháp không thủ không xả, vào môn nhất tướng, khởi ra nghiệp tuệ; đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện, khởi ra tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo. Như thế, này thiện nam tử! Đấy là hội pháp thí. Nếu Bồ-tát trụ nơi hội pháp thí này, là đại thí chủ cũng là phước điền của tất cả thế gian."

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, trong chúng Bà-la-môn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con khi ấy tâm được thanh tịnh, tán

thán điều chưa từng có. Cúi đầu đảnh lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, liền cởi xâu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn để dâng lên cho ông mà ông không nhận. Con nói: "Thưa cư sĩ, mong ngài nhận, tùy ý mà cho."

Ông Duy-ma-cật mới nhận chuỗi anh lạc, phân làm hai phần: một phần thí cho người ăn mày thấp nhất ở trong hội, còn một phần dâng lên đức Phật Nan Thắng. Tất cả chúng hội đều thấy cõi nước Quang Minh của đức Phật Nan Thắng, lại thấy xâu chuỗi anh lạc ở chỗ Phật kia biến thành đài báu bốn trụ, bốn phía trang nghiêm không che lấp chướng ngại nhau.

Khi đó ông Duy-ma-cật hiện thần biến rồi lại nói: "Nếu vị thí chủ mà tâm bình đẳng thí cho người ăn mày thấp nhất cũng như là tướng phước điền của Như Lai, không chỗ phân biệt, bình đẳng đại bi, không cầu quả báo, ấy gọi là pháp thí đầy đủ." Người ăn mày thấp nhất trong thành thấy được thần lực này rồi, nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Như thế các Bồ-tát mỗi vị đến trước Phật trình bày duyên xưa của mình, khen ngợi và thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói rằng chúng con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phật bảo trưởng giả Thiện Đức:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Thiện Đức bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con ở trong nhà cha của con, lập hội đại thí cúng

dường tất cả vị Sa-môn, Bà-la-môn và những người ngoại đạo, bần cùng, hạ tiện, cô độc, người ăn xin... suốt cả bảy ngày. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến trong hội bảo con rằng: "Này ông trưởng giả, phàm làm đại thí hội thì không phải là việc như ông đã làm. Phải làm hội pháp thí, đâu dùng hội tài thí làm gì!"

Con mới hỏi: "Này cư sĩ, thế nào gọi là hội pháp thí?"

Ông đáp: "Hội pháp thí là không trước không sau, đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, ấy gọi là hội pháp thí."

Con hỏi: "Nghĩa là sao?"

Ông bảo: Nghĩa là vì Bồ-đề, khởi tâm từ; vì cứu giúp chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì gìn giữ chánh pháp, khởi tâm hỷ; vì nhiếp trí tuệ, hành tâm xả. Người sống với tánh Bồ-đề được an vui, muốn đem niềm an vui đó đến cho người, nên nói khởi lòng từ là do tâm Bồ-đề; sở dĩ có tâm bi vì muốn cứu độ chúng sanh; sở dĩ có tâm hỷ vì gìn giữ chánh pháp; sở dĩ có tâm xả vì nhiếp được trí tuệ. Đó là bốn pháp tâm vô lượng, từ bi hỷ xả.

Vì nhiếp xan tham, khởi bố thí ba-la-mật; vì giáo hóa phạm giới, khởi trì giới ba-la-mật; vì không ngã pháp, khởi nhẫn nhục ba-la-mật; vì lìa tướng thân tâm, khởi tinh tấn ba-la-mật; vì tướng Bồ-đề, khởi thiền định ba-la-mật; vì Nhất thiết trí, khởi trí tuệ ba-la-mật. Lục độ là sáu pháp ba-la-mật, gồm có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ ba-la-mật. Lục độ thì mỗi độ đều có căn do. Vì nhiếp kẻ xan tham nên tu hạnh bố thí. Vì giáo hóa kẻ phạm giới nên tu trì giới... Như vậy mỗi pháp của lục độ đều trị một bệnh của chúng sanh.

Giáo hóa chúng sanh mà khởi nơi Không; chẳng xả pháp hữu vi mà khởi vô tướng; thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác. Tam giải thoát môn là Không, vô tướng, vô tác. Sở dĩ có ba môn giải thoát này là vì giáo hóa chúng sanh nên khởi ra Không, do xả pháp hữu vi nên khởi vô tướng, do thị hiện thọ sanh nên khởi vô tác. Như vậy Không, vô tướng, vô tác (hay vô nguyện) đều có lý do mà khởi.

Hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi tứ nhiếp pháp; vì kính thờ tất cả, khởi trừ pháp mạn; đối với thân mạng tài, khởi ba pháp kiên cố; ở trong sáu niệm, khởi pháp tư niệm; ở trong sáu pháp hòa kính, khởi tâm chánh trực.

Vì hộ trì chánh pháp nên khởi sức phương tiện, nghĩa là dùng phương tiện để bảo hộ chánh pháp; vì độ chúng sanh mà khởi tứ nhiếp pháp nên tứ nhiếp pháp là phương tiện; do kính thờ tất cả nên trừ pháp mạn. Chữ mạn nói chung là ngã mạn, tăng thượng mạn... Đối với thân thể, mạng sống, tài sản mà khởi ba pháp kiên cố. Ba pháp kiên cố là pháp thân, tuệ mạng, công đức pháp tài. Chúng ta ai cũng có ba pháp là thân, mạng, tài. Thân này là vô thường, mạng sống tạm bợ, tài sản cũng vô thường. Như vậy ba pháp vô thường tạm bợ đổi thành ba pháp kiên cố, đó là pháp thân bất sanh bất diệt, trí tuệ là mạng không bị sanh diệt, tài là công đức pháp tài.

Sáu niệm là niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Ở trong sáu niệm mà khởi tư duy pháp. Ở trong sáu pháp hòa kính khởi tâm chánh trực. Như vậy đối với những pháp hiện tại, phải trừ dẹp hoặc tăng trưởng những pháp tu của mình.

Thực hành thiện pháp chân chánh, khởi tịnh mạng; tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi thân cận bậc hiền thánh; không ghét người ác, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì như lời nói thực hành, khởi đa văn; vì pháp vô tránh, khởi ở chỗ vắng vẻ; hướng đến Phật tuệ, khởi ở chỗ an tọa; mở trói buộc cho chúng sanh, khởi chỗ tu hành; vì đầy đủ tướng hảo và thanh tịnh cõi Phật, khởi nghiệp phước đức.

Vì thực hành thiện pháp chân chánh nên khởi tịnh mạng, nghĩa là tu hành đúng như pháp lành của Phật dạy. Tịnh mạng là mạng sống thanh tịnh nên cũng gọi là chánh mạng, ngược lại là tà mạng. Vì tâm thanh tịnh hoan hỷ nên khởi thân cận hiền thánh. Muốn tâm được thanh tịnh, được sự hoan hỷ thì phải nên gần gũi bậc hiền thánh. Vì không ghét người ác nên khởi tâm điều phục. Thường chúng ta đối với người dễ thương hoặc đáng ghét mà không sanh tâm

thương ghét, điều đó là khó. Họ đáng ghét mình đừng ghét thì thôi. Như vậy vì chẳng ghét người ác mà khởi điều phục tâm. Khéo điều phục tâm để những niệm ganh ghét, bực bội không khởi lên.

Vì pháp xuất gia mà khởi thâm tâm. Thâm tâm là hành theo pháp của Phật. Vì muốn xuất gia nên trong thâm tâm luôn ghi nhớ và thực hành những điều Phật dạy. Vì như lời nói mà thực hành nên khởi đa văn. Chúng ta có bệnh học nhiều mà quên tu, hoặc ham tu mà không chịu học. Đó là hai cực đoan cần phải tránh. Ở đây vì muốn nói được là làm được, nên cần phải học rộng nghe nhiều. Nghe để hiểu, hiểu rồi mới hành đúng pháp. Học tới đâu tu tới đó, chứ không phải học để nói suông. Vậy muốn như nói mà hành thì phải đa văn. Nói được thì hành được. Học như thế mới đúng là tinh thần học đạo.

Vì pháp vô tránh mà khởi ở chỗ vắng vẻ. Vô tránh là không tranh cãi. Vì không muốn tranh cãi nên ở chỗ vắng vẻ, để thân tâm được thanh tịnh dễ tiến tu. Vì muốn hướng đến Phật tuệ nên khởi an tọa. Ngồi thiền là hướng về Phật tuệ, không cho những niệm thế gian chen vào, nên mới ngồi yên để khai mở trí tuệ Phật. Vì mở trói buộc cho chúng sanh nên khởi tu hành. Như vậy tu là cốt để mở những trói buộc cho chúng sanh, chứ không phải tu cho riêng mình.

Vì muốn đầy đủ tướng tốt và trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, nên tu nghiệp phước đức. Nghiệp phước đức là làm những điều lành, điều tốt cho người. Làm điều lành điều tốt có hai ý, nghĩa là trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt cho mình và trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Phật là Phật tự tâm chứ không phải Phật bên ngoài. Thế nên muốn đầy đủ tướng tốt và cõi nước thanh tịnh thì phải tu nghiệp phước đức. Như vậy là làm những phước đức đó để trang nghiêm cho thân thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh. Và phải làm với thân tâm không lười mỏi, thì khả dĩ mới thành tựu tâm nguyện.

Biết tất cả tâm niệm chúng sanh, tùy đó nói pháp, khởi nơi nghiệp trí; biết tất cả pháp không thủ không xả, vào môn nhất tướng, khởi ra nghiệp tuệ; đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả

pháp bất thiện, khởi ra tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo.

Như thế, này Thiện nam tử! Đấy là hội pháp thí. Nếu Bồ-tát trụ nơi hội pháp thí này là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả thế gian.

Bồ-tát hành đạo, vì muốn biết tâm niệm chúng sanh nên khởi nghiệp trí. Tu nghiệp trí để tìm hiểu, thấu suốt những gì Phật dạy, tùy tâm niệm mỗi người, nói pháp giáo hóa và lợi ích cho họ. Biết tất cả pháp không thủ không xả vào môn đệ nhất tướng, đó là khởi nghiệp tuệ. Đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện mà khởi tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo.

Trên đây cư sĩ Duy-ma-cật đã trả lời đầy đủ câu hỏi của trưởng giả Thiện Đức: Hội pháp thí nghĩa là sao? Và ông tán thán, nếu Bồ-tát trụ nơi hội pháp thí này là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả thế gian.

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, trong chúng Bà-la-môn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con khi ấy tâm được thanh tịnh, tán thán điều chưa từng có. Cúi đầu đảnh lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, liền cởi xâu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn để dâng lên cho ông mà ông không nhận. Con nói: "Thưa cư sĩ, mong ngài nhận, tùy ý mà cho."

Ông Duy-ma-cật mới nhận chuỗi anh lạc, phân làm hai phần: một phần thí cho người ăn mày thấp nhất ở trong hội, còn một phần dâng lên đức Phật Nan Thắng. Tất cả chúng hội đều thấy cõi nước Quang Minh của đức Phật Nan Thắng, lại thấy xâu chuỗi anh lạc ở chỗ Phật kia biến thành đài báu bốn trụ, bốn phía trang nghiêm không che lấp chướng ngại nhau.

Như vậy khi dâng chuỗi anh lạc lên đức Phật Nan Thắng, toàn chúng trong hội nhìn thấy cõi nước Quang Minh của Phật Nan Thắng rất sáng suốt. Lại thấy phân nửa xâu chuỗi đó biến thành đài

báu bốn trụ, bốn phía đều đẹp đẽ thông suốt, không gì che lấp chướng ngại nhau.

Khi đó ông Duy-ma-cật hiện thần biến rồi lại nói: "Nếu vị thí chủ mà tâm bình đẳng thí cho người ăn mày thấp nhất cũng như là tướng phước điền của Như Lai, không chỗ phân biệt, bình đẳng đại bi, không cầu quả báo, ấy gọi là pháp thí đầy đủ." Người ăn mày thấp nhất trong thành thấy được thần lực này rồi, nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Qua đoạn này chúng ta thấy có hai lối thí: bố thí tài và bố thí pháp. Ở trước, cư sĩ Duy-ma-cật giản trạch cho trưởng giả Thiện Đức biết bố thí tài không bằng bố thí pháp, nhưng cuối cùng ông nói, bố thí bình đẳng mới gọi là hội pháp thí. Bình đẳng là sao? Dù đức Phật là bậc đầy đủ vô lượng công đức hay kẻ ăn mày thấp nhất trong hội mà vẫn thấy như nhau. Một xâu chuỗi anh lạc chia hai là bình đẳng không khác. Bố thí mà không một niệm cầu phước đức riêng mình, đó là hội pháp thí. Pháp thí như vậy mới đầy đủ.

Chúng ta xét lại, hội pháp thí đầy đủ như trước thì khó làm, còn hội pháp thí sau nghe như dễ! Giả sử, đang cầm nải chuối định đem cúng Phật, lúc đó người ăn mày đói khát đến xin, mình có dám chia họ phân nửa hay họ đói thì mặc họ, nhất định đem cúng Phật chứ không chia nửa nải cho họ? Nhưng nếu có chia cho họ thì cũng phải với lòng cung kính như đem dâng cúng Phật, chứ không phải cho mà khinh mạn. Bởi chúng ta thường có tâm quý kính người trên, người quan trọng, khinh khi người nhỏ, thấp hèn, nên những gì dành cho người mình cung kính mà kẻ khác đến xin là sanh bực bội, chẳng những không cho mà còn rầy nữa. Kính thì kính quá, khinh cũng khinh quá. Vậy chúng ta thấy, dù cho một nải chuối hay xâu chuỗi anh lạc mà chia với tâm bình đẳng, cũng gọi là hội pháp thí. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật gọi là cụ túc pháp thí, nghĩa là pháp thí đầy đủ.

Tóm lại, ý của đoạn này muốn nói, hội tài thí là hội bố thí tài sản bảy ngày, cũng được phước nhiều. Nhưng phước đó chỉ là phước thế

gian, không bằng phước pháp thí. Cho nên cư sĩ Duy-ma-cật mới chỉ ra bao nhiêu pháp để dạy như trên. Đem những pháp đó ứng dụng bố thí cho người thì gọi đó là hội pháp thí. Nhưng kết thúc, với hình ảnh xâu chuỗi anh lạc, phân nửa cúng Phật, phân nửa cúng người bần cùng hạ tiện, mới là đầy đủ pháp thí. Như vậy bố thí bình đẳng là trên hết. Chúng ta phải hiểu cả ba trường hợp, tài thí, pháp thí và bình đẳng thí cho thật tường tận.

Như thế các Bồ-tát mỗi vị đến trước Phật trình bày duyên xưa của mình, khen ngợi và thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói rằng chúng con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Phẩm trước tất cả đệ tử Thanh văn của Phật đều không dám thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật. Đến đây các vị Bồ-tát cũng từ chối luôn.

05. PHẨM VĂN THÙ THĂM BỆNH

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó mà đối đáp được vì đã thâm đạt được thật tướng, khéo nói pháp yếu, biện tài thông suốt, trí tuệ vô ngại, tất cả các pháp thức của Bồ-tát thảy đều biết hết, những bí tàng của chư Phật không chỗ nào mà chẳng nhập, hàng phục các chúng ma và được thần thông du hý, trí tuệ phương tiện kia đều đã vượt qua. Tuy nhiên con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.

Khi đó ở trong chúng hội, các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử, trời Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều khởi nghĩ thế này: "Nay hai vị đại sĩ là Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật cùng luận đàm với nhau, ắt là nói diệu pháp!" Liền khi ấy tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân đều muốn đi theo.

Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát, các vị đại đệ tử và chư thiên nhân cung kính đi nhiễu để vào đại thành Tỳ-da-ly.

Lúc ấy trưởng giả Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Nay Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng đồng đến!" Ông liền dùng thần lực làm cho trong thất trống rỗng, dẹp hết đồ đạc và các thị giả, chỉ để một giường bệnh mà nằm.

Ngài Văn-thù-sư-lợi đã vào trong nhà ông Duy-ma-cật, thấy thất trống rỗng không có vật gì, chỉ có một mình ông nằm trên giường. Khi ấy ông Duy-ma-cật nói:

- Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.

Ngài Văn-thù liền đáp:

- Như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì cớ sao? Đến không từ đâu đến, đi không có chỗ đến, chỗ có thể thấy càng không thể thấy. Hãy gác việc đó lại. Cư sĩ, bệnh ông có thể chịu nổi chăng? Điều trị có bớt không, không đến nổi tăng chứ? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông. Này cư sĩ! Bệnh ấy do nhân gì mà khởi? Bệnh sanh đã lâu chưa? Làm sao để hết bệnh?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Từ si có ái, ắt là bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh hết bệnh thì bệnh tôi cũng dứt. Vì cớ sao? Bồ-tát vì chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử ắt có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ-tát cũng không bệnh. Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, đứa con kia bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh. Nếu đứa con hết bệnh thì cha mẹ cũng khỏi. Bồ-tát cũng như thế, đối với chúng sanh yêu mến như con. Chúng sanh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì Bồ-tát cũng lành bệnh. Lại nói bệnh ấy từ nhân duyên nào mà khởi? Bồ-tát bệnh đó là do lòng đại bi mà khởi.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Này cư sĩ, thất này vì sao trống không không có thị giả?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi nước của chư Phật cũng đều trống không.

Lại hỏi: - Lấy gì làm không ?

Đáp rằng: - Lấy không làm không.

Lại hỏi: - Không đâu cần không?

Đáp: - Do không phân biệt không, nên không.

Lại hỏi: - Không có thể phân biệt được sao?

Đáp: - Phân biệt cũng không.

Lại hỏi: - Cái không ấy phải cầu ở đâu?

Đáp: - Ở trong sáu mươi hai kiến chấp mà cầu.

Lại hỏi: - Sáu mươi hai kiến chấp phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải ở trong giải thoát của chư Phật mà cầu.

Lại hỏi: - Giải thoát của chư Phật phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải cầu ở trong tất cả tâm hạnh chúng sanh. Lại nhân giả hỏi, sao không có thị giả? Tất cả chúng ma và ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì cớ sao? Chúng ma ưa sanh tử, Bồ-tát đối với sanh tử chẳng bỏ. Ngoại đạo thì ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối các kiến chấp chẳng động.

Ngài Văn-thù hỏi: - Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy-ma-cật đáp: - Bệnh tôi không hình tướng không thể thấy.

Lại hỏi: - Bệnh này hợp với thân chăng? Hợp với tâm chăng?

Đáp: - Không hợp với thân vì lìa thân tướng, cũng chẳng hợp với tâm, vì tâm như huyễn.

Lại hỏi: - Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nơi tứ đại này thì đại nào bệnh?

Đáp: - Bệnh ấy không phải địa đại cũng chẳng lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng lại như thế.

Các chúng sanh bệnh là từ tứ đại khởi, vì chúng sanh có bệnh thế nên tôi bệnh.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát nên làm thế nào để an ủi những vị Bồ-tát bệnh?

Ông Duy-ma-cật mới nói:

- Nói thân vô thường mà không nói chán lìa thân. Nói thân có khổ mà không nói ưa Niết-bàn. Nói thân là vô ngã mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh. Nói thân không tịch, không nói cứu cánh tịch diệt. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ. Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Phải làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Bồ-tát nên như thế mà an ủi những Bồ-tát có bệnh, khiến cho những vị này được hoan hỷ.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, Bồ-tát có bệnh thì làm sao mà điều phục tâm kia?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát có bệnh nên khởi nghĩ thế này: "Nay ta bệnh đây đều là từ đời trước vọng tưởng điên đảo các phiền não sanh, không có một pháp thật thì ai nhận bệnh! Vì cớ sao? Vì tứ đại hợp nên giả danh là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã, lại bệnh này khởi đều do chấp ngã. Thế nên, đối với ngã không nên sanh chấp trước." Đã biết gốc bệnh tức trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Phải khởi pháp tưởng, nên khởi nghĩ thế này: "Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại pháp này mỗi pháp không biết nhau, khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt." Những vị Bồ-tát có bệnh kia vì diệt pháp tưởng

nên phải khởi nghĩ thế này: "Pháp tưởng này cũng là điên đảo, điên đảo đó tức là đại họa, ta phải lìa nó." Thế nào là lìa? Lìa ngã, ngã sở. Thế nào là lìa ngã, ngã sở? Nghĩa là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Nghĩa là không nghĩ các pháp trong ngoài, thực hành bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng. Vì cớ sao? Vì ngã và Niết-bàn cả hai đều không. Vì sao lại không? Chỉ vì danh tự nên không. Như thế hai pháp này không có tánh quyết định. Được bình đẳng như thế thì không có các bệnh khác, chỉ có bệnh không; bệnh không cũng không. Bồ-tát có bệnh này do không chỗ thọ mà thọ các thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ mà thủ chứng. Dù thân có khổ, nghĩ đến chúng sanh trong đường ác mà khởi tâm đại bi, ta đã điều phục cũng sẽ điều phục tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp, vì đoạn gốc bệnh mà giáo hóa họ. Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, từ có phan duyên ắt là gốc bệnh.

Sao gọi là phan duyên? Nghĩa là tam giới. Làm sao đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không có phan duyên. Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là lìa hai kiến chấp. Sao gọi là hai kiến chấp? Nghĩa là kiến chấp bên trong, kiến chấp bên ngoài, ấy là vô sở đắc. Văn-thù-sư-lợi, ấy là Bồ-tát có bệnh dùng tâm kia để mà điều phục, vì đoạn khổ già bệnh chết, ấy là Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không như thế thì chỗ tu trị của mình không có trí tuệ bén nhạy. Thí như thắng được kẻ thù mới gọi là dũng sĩ. Như thế trừ hết già bệnh chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh kia nên lại khởi nghĩ như thế này: "Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có, bệnh của chúng sanh cũng chẳng phải thật, cũng chẳng phải có." Khi

khởi quán như thế đối với các chúng sanh, khởi ái kiến đại bi tức nên xả ly. Vì cớ sao? Bồ-tát đoạn trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi. Ái kiến bi đó tức là đối với sanh tử có tâm mệt mỏi nhàm chán. Nếu hay lìa được cái này, không có mệt mỏi nhàm chán, sanh ở chỗ nào cũng không bị ái kiến che lấp. Chỗ sanh không bị trói buộc, hay vì chúng sanh nói pháp mở trói buộc, như lời Phật nói: "Nếu tự có trói buộc mà hay cởi mở cho người khác thì không có lẽ ấy. Nếu tự mình không trói buộc mà hay mở cho người, điều ấy là có được." Do đó Bồ-tát không nên khởi trói buộc. Sao gọi là trói? Sao gọi là mở? Tham trước thiền vị, ấy là Bồ-tát bị trói; vì phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở. Lại không có phương tiện tuệ là bị trói, có phương tiện tuệ gọi là mở; không có tuệ phương tiện là trói, có tuệ phương tiện là mở. Sao gọi không có phương tiện tuệ bị trói? Nghĩa là Bồ-tát do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sanh, đối với các pháp Không, vô tướng, vô tác mà tự điều phục, ấy gọi là không phương tiện tuệ bị trói. Sao gọi là có phương tiện tuệ mở? Nghĩa là không do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, đối trong ba pháp Không, vô tướng, vô tác, tự điều phục mà không mệt mỏi nhàm chán, ấy gọi là có phương tiện tuệ mở. Sao gọi là không có tuệ phương tiện bị trói? Nghĩa là Bồ-tát trụ nơi các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, ấy gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Sao gọi là có tuệ phương tiện mở? Nghĩa là lìa các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là có tuệ phương tiện mở.

Văn-thù-sư-lợi, những vị Bồ-tát có bệnh kia nên quán các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã, ấy gọi là tuệ. Tuy thân có bệnh mà thường ở trong sanh

tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh không biết chán mỏi, ấy gọi là phương tiện. Lại nữa quán thân, thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Dù thân có bệnh mà không hằng diệt, ấy gọi là phương tiện.

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm kia, chẳng trụ ở trong ấy cũng lại chẳng trụ chẳng điều phục tâm. Vì cớ sao? Nếu trụ chẳng điều phục tâm, ấy là pháp của người ngu; còn nếu trụ ở điều phục tâm, ấy là pháp của Thanh văn. Vì thế Bồ-tát không nên trụ ở nơi điều phục và chẳng điều phục tâm, lìa hai pháp này, ấy gọi là hạnh Bồ-tát. Ở trong sanh tử không làm những hạnh ô uế, trụ nơi Niết-bàn mà không hằng diệt độ, ấy là hạnh Bồ-tát. Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Chẳng phải hạnh cấu, chẳng phải hạnh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy vượt qua hạnh ma mà hiện hàng phục chúng ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Cầu nhất thiết trí, không cầu phi thời, ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy quán mười hai nhân duyên khởi, mà vào các tà kiến, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy nhiếp phục tất cả chúng sanh mà không ái trước, ấy là hạnh Bồ-tat. Tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi diệt thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy đi trong tam giới mà không hoại pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tướng mà độ chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành lục ba-la-mật mà khắp biết tâm vương tâm sở của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành

lục thông mà không có tận lậu, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ vô lượng tâm mà không tham trước sanh ở cõi trời Phạm thiên, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành thiền định giải thoát tam-muội mà không sanh theo cõi Thiền, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tuy hành tứ niệm xứ mà không hằng lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ như ý túc mà được tự tại thần thông, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành ngũ căn mà phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành thất giác phần mà phân biệt trí tuệ Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành bát chánh đạo mà ưa hành vô lượng Phật đạo, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo mà cứu cánh không rơi vào tịch diệt, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hiện oai nghi Thanh văn Bích-chi Phật mà không xả Phật pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy tùy tướng thanh tịnh cứu cánh của các pháp mà tùy sở ứng để hiện thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy quán cõi nước chư Phật hằng tịch như không mà hiện các cõi Phật thanh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy được Phật đạo chuyển pháp luân vào Niết-bàn mà không bỏ đạo Bồ-tát, ấy là hạnh Bồ-tát.

Khi nói lời ấy rồi, đại chúng đi theo ngài Văn-thù-sư-lợi, trong đó tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Khi ấy Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó mà đối đáp được vì đã thâm đạt được thật tướng, khéo nói pháp yếu, biện tài thông suốt, trí tuệ vô ngại, tất cả các pháp thức của Bồ-tát thảy đều biết hết, những bí tàng của chư Phật không chỗ nào mà chẳng nhập, hàng phục các chúng ma và được thần thông du hý, trí tuệ phương tiện kia đều đã vượt qua. Tuy nhiên con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.

Trước khi vâng lời Phật dạy đến thăm cư sĩ Duy-ma-cật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hết lời tán thán ông là người đã thâm nhập thật tướng của các pháp, lại khéo giảng pháp yếu cho người nghe. Ông có đủ biện tài không chướng ngại, trí tuệ không gì ngăn trở, thông suốt tất cả những pháp thức của Bồ-tát, vào được kho bí mật của chư Phật, hàng phục tất cả ma, được thần thông du hý và trí tuệ phương tiện... Tất cả những điều ông đạt được thật đáng kính nể. Ngài Văn-thù là bậc thượng thủ trong chúng hội của Phật, mà không nhận lời thì còn ai có thể đi thăm nữa! Vì vậy đến đây ngài Văn-thù phải chấp nhận.

Khi đó ở trong chúng hội, các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử, trời Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều khởi nghĩ thế này: "Nay hai vị đại sĩ là Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật cùng luận đàm với nhau, ắt là nói diệu pháp." Liền khi ấy tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân đều muốn đi theo.

Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát, các vị đại đệ tử và chư thiên nhân cung kính đi nhiễu để vào đại thành Tỳ-da-ly.

Chúng ta bây giờ cũng vậy, khi nghe những vị có uy tín, có tiếng tăm đàm luận với nhau thì muốn đi nghe thử xem quý vị luận bàn việc gì. Ở đây số người đi theo Bồ-tát Văn-thù rất đông, nhưng thất cư sĩ Duy-ma-cật quá nhỏ, làm sao chứa được tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân, vậy mà vẫn dung được hết. Đó là điều đặc biệt.

Lúc ấy trưởng giả Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Nay Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng đồng đến!" Ông liền dùng thần lực làm cho trong thất trống rỗng, dẹp hết đồ đạc và các thị giả, chỉ để một giường bệnh mà nằm.

Tuy bệnh nằm trong thất nhưng cư sĩ Duy-ma-cật vẫn biết Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng sẽ đến thăm. Ông liền dùng thần lực dẹp hết đồ đạc và thị giả, làm cho thất trống, chỉ còn lại một cái giường để ông nằm. Chỗ này nghĩa lý rất sâu xa. Thất của cư sĩ Duy-ma-cật là chỉ cho tâm của tất cả chúng sanh hay của chư Bồ-tát. Tâm đó muốn được đầy đủ tuệ giác thì phải dẹp tất cả mọi vọng tưởng, còn một giường nằm bệnh là chỉ cho phương tiện độ sanh.

Ngài Văn-thù-sư-lợi đã vào trong nhà ông Duy-ma-cật, thấy thất trống rỗng không có vật gì, chỉ có một mình ông nằm trên giường. Khi ấy ông Duy-ma-cật nói:

- Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.

Ngài Văn-thù liền đáp:

- Như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì có sao? Đến không từ đâu đến, đi không có chỗ đến, chỗ có thể thấy càng không thể thấy.

Thường chúng ta gặp nhau thì chào anh mới đến, mới đến đó là tướng đến. Nếu nói thật có đến là phàm phu, còn theo tinh thần Bồ-tát, thấy có đến mà không thật đến, có đi mà không thật đi. Gặp nhau là thấy, mà thấy cũng không thật thấy. Ở đây hai bậc thượng thủ này vừa gặp nhau chào hỏi một câu nghe thật tẻ lạnh: *Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy!* Trong luận Trung Quán, Bồ-tát Long Thọ nói, *không có đến thật, không có đi thật, nhưng có giả tướng đến, giả tướng đi.* Như vậy tướng thật không đến nhưng giả tướng thì có đến, tướng thật không thấy nhưng giả tướng thì có thấy. Chính vì vậy mà ngài Văn-thù mới đáp lại rằng: Đúng như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì

cớ sao? Vì người đến không từ đâu đến, người đi không đi về đâu. Vì vậy tìm cái đến cái đi thật không có. Chỗ có thể thấy càng không thể thấy. Cho nên nói tướng thấy thì không thấy. Hai ngài gặp nhau, lý sự một chút rồi trở lại thực tế. Bồ-tát Văn-thù nói:

Hãy gác việc đó lại. Cư sĩ, bệnh ông có thể chịu nổi chăng? Điều trị có bớt hay không, không đến nỗi tăng chứ? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông. Tôi đến thăm bệnh ông mà nói chuyện xa vời quá, thôi hãy gác chuyện đó lại đi. Bây giờ thật tình mà hỏi, bệnh ông có nặng lắm không? Có chịu nổi không? Ông trị liệu có giảm bớt hay tăng? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông.

Này cư sĩ! Bệnh ấy do nhân gì mà khởi? Bệnh sanh đã lâu chưa? Làm sao để hết bệnh? Đó là ba câu hỏi để cư sĩ Duy-ma-cật trả lời. Câu hỏi thứ nhất là nhân duyên gì mà sanh bệnh? Câu hỏi thứ hai, bệnh đó đã lâu chưa? Câu hỏi thứ ba, làm sao cho hết bệnh? *Ông Duy-ma-cật nói:*

Từ si có ái, ắt là bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh hết bệnh thì bệnh tôi cũng dứt. Ông trả lời câu đầu nguyên nhân bệnh là do si ái sanh ra. Câu thứ hai là tất cả chúng sanh có bệnh thì tôi có bệnh, không biết bao lâu. Câu thứ ba, chừng nào chúng sanh hết bệnh thì chừng đó tôi lành bệnh. Như vậy ông đã trả lời hết ba câu hỏi.

Vì cớ sao? Bồ-tát vì chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử ắt có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ-tát cũng không bệnh. Ông giải thích Bồ-tát vì chúng sanh mà vào trong sanh tử. Chúng sanh do si ái nên có sanh tử, có sanh tử thì có bệnh. Ông với tâm hạnh từ bi của Bồ-tát, thương chúng sanh nên vào trong sanh tử. Nếu chúng sanh hết sanh tử thì Bồ-tát đâu còn vào trong sanh tử nữa. Chúng sanh hết bệnh thì Bồ-tát cũng hết bệnh.

Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, đứa con kia bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh. Nếu đứa con hết bệnh thì cha mẹ cũng khỏi. Bồ-tát cũng như thế, đối với chúng sanh yêu mến như con. Chúng

sanh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì Bồ-tát cũng lành bệnh. Lại nói bệnh ấy từ nhân duyên nào mà khởi, Bồ-tát bệnh đó là do lòng đại bi mà khởi.

Chúng sanh đang lăn lộn trong sanh tử gọi là bệnh. Bồ-tát vào trong sanh tử để độ chúng sanh, nên gọi là Bồ-tát bệnh. Bệnh đó là do lòng đại bi, chứ không phải do tứ đại bất hòa, không phải do phiền não mà bệnh. Bồ-tát thương chúng sanh như thương con. Những đứa con khôn ngoan cũng thương mà mừng, nó sẽ mau tỉnh; những đứa ngu ngốc cũng thương mà tội nghiệp, không biết chừng nào nó tỉnh! Thương hết không ghét đứa nào. Nếu có tâm ghét là tâm chúng sanh, còn thật tâm Bồ-tát thì người hay cũng thương, người dở cũng thương, không bỏ sót một ai.

Chúng ta kiểm lại xem mình là tâm Bồ-tát hay tâm chúng sanh? Dễ thấy quá. Dù người gây khó khăn cho mình, mình cũng thấy dễ thương, đó là tâm của Bồ-tát.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Này cư sĩ, thất này vì sao trống không không có thị giả?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi nước của chư Phật cũng đều trống không.

Lại hỏi: - Lấy gì làm không?

Đáp rằng: - Lấy không làm không.

Lại hỏi: - Không đâu cần không?

Đáp: - Do không phân biệt không, nên không.

Lại hỏi: - Không có thể phân biệt được sao?

Đáp: - Phân biệt cũng không.

Lại hỏi: - Cái không ấy phải cầu ở đâu?

Đáp: - Ở trong sáu mươi hai kiến chấp mà cầu.

Lại hỏi: - Sáu mươi hai kiến chấp phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải ở trong giải thoát của chư Phật mà cầu.

Lại hỏi: - Giải thoát của chư Phật phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải cầu ở trong tất cả tâm hạnh chúng sanh. Lại nhân giả hỏi, sao không có thị giả? Tất cả chúng ma và ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì cớ sao? Chúng ma ưa sanh tử, Bồ-tát đối với sanh tử chẳng bỏ. Ngoại đạo thì ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối các kiến chấp chẳng động.

Đoạn lý luận này nghe rất thâm thúy. Bồ-tát Văn-thù hỏi tại sao trong thất của ông trống không, không có thị giả. Cư sĩ Duy-ma-cật đáp chẳng những thất tôi mà thất của chư Phật cũng đều trống không. Tại sao cõi nước chư Phật cũng đều trống không? Bởi vì tất cả cõi chư Phật đều không có mọi kiến chấp, không có mọi phân biệt mới được thành Phật, mới được giác ngộ. Cho nên nói cõi chư Phật cũng là không. Hỏi thế nào là không? Đáp: Bởi không nên không. Nghe thật khó hiểu! Lại hỏi thêm: Đã không thì đâu cần không mà nói do không nên không? Đáp: Do không phân biệt không, nên không. Cái không này cần phải hiểu cho thật rõ, cái không ban đầu là không của nội tâm, do tâm không phân biệt nên nói tâm không. Như bài kệ tụng của ông Bàng Uẩn:

Thử thị tuyển Phật trường,

Tâm không cập đệ quy.

Nghĩa là:

Đây là trường thi Phật,

Tâm không được đậu về.

Tâm không là đối trước ngoại cảnh mà không dấy khởi niệm phân biệt, không phân biệt thì ngoại cảnh cũng thành không, nên nói do không mà không. Vì vậy mà gọi là không không. Bồ-tát lại hỏi: Không có thể phân biệt chăng? Đáp: Phân biệt cũng không. Đã không thì còn gì phân biệt, không phân biệt nên nói không cũng là không. Như vậy cả hai đều không.

Lại hỏi cái không đó từ đâu mà tìm? Tức là tìm lý do để thấy không tất cả phân biệt. Ở đây nói, phải từ sáu mươi hai kiến chấp mà tìm. Nghĩa là còn nằm trong một kiến chấp nào thì chưa phải không. Trong sáu mươi hai kiến chấp, không động không dính ấy gọi là không. Sáu mươi hai kiến chấp tìm từ đâu? Đáp: Từ trong pháp giải thoát của chư Phật. Muốn dứt sáu mươi hai kiến chấp thì ngay trong pháp giải thoát của Phật mà dứt, chứ không đâu xa hết.

Chúng ta ai cũng quý trọng pháp giải thoát của Phật. Hỏi pháp giải thoát của Phật từ đâu mà tìm? Từ nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh. Tâm hạnh mình có pháp giải thoát của Phật không? Nếu mắt thấy sắc mà không dính với sắc, tai nghe tiếng mà không mắc kẹt tiếng... cho đến tâm duyên với pháp trần mà không dính với pháp trần, đó là pháp giải thoát của Phật. Như vậy tất cả pháp giải thoát không ở bên ngoài mà từ tâm hạnh của chúng ta. Chúng ta biết tu, biết gỡ mọi dính mắc thì được giải thoát, chứ không tìm giải thoát ở đâu xa.

Hỏi tại sao không có thị giả? Đáp: Tất cả chúng ma và ngoại đạo là thị giả của tôi. Tại sao? Vì chúng ma ưa sanh tử nên dẫn người đi trong sanh tử, còn Bồ-tát đối với sanh tử không bỏ, lao mình trong sanh tử, cùng chúng ma làm bạn để độ chúng ma, nên nói chúng ma là thị giả của tôi. Ngoại đạo ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối với các kiến chấp không động. Nghĩa là đối với sáu mươi hai kiến chấp, Bồ-tát không bỏ dẹp cũng không dính mắc, gọi là không động. Không động cho nên gần được với chúng ngoại đạo, vì vậy nói ngoại đạo là thị giả của tôi.

Ngài Văn-thù hỏi: Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy-ma-cật đáp: Bệnh tôi không hình tướng, không thể thấy. Thí dụ nói tôi nhức đầu, tôi đau bụng... thì đó là có tướng bệnh. Ông Duy-ma-cật trả lời bệnh tôi không có tướng, không thể thấy được.

Lại hỏi: Bệnh này hợp với thân chăng? Hợp với tâm chăng?

Đáp: Không hợp với thân vì lìa thân tướng, cũng chẳng hợp với tâm vì tâm như huyễn. Bệnh đó không hợp với thân cũng không hợp với tâm. Vì thân đã lìa thân tướng, tâm đã thấy như huyễn.

Lại hỏi: Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nơi tứ đại này thì đại nào bệnh?

Đáp: Bệnh ấy không phải địa đại cũng chẳng lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng lại như thế. Các chúng sanh bệnh là từ tứ đại khởi, vì chúng sanh có bệnh thế nên tôi bệnh.

Đất, nước, gió, lửa vốn không bệnh, nhưng hợp lại thành thân mới sanh ra bệnh. Đối với ông, tứ đại không có bệnh, còn chúng sanh chấp tứ đại là thật nên thấy có bệnh. Tứ đại có bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh, là để nói bệnh của ông từ nơi chúng sanh mà có. Thế nên nói vì chúng sanh có bệnh nên tôi bệnh.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát nên làm thế nào để an ủi những vị Bồ-tát bệnh?

Ông Duy-ma-cật mới nói:

- Nói thân vô thường mà không nói chán lìa thân. Nói thân có khổ mà không nói ưa Niết-bàn. Nói thân là vô ngã mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh. Nói thân không tịch, không nói cứu cánh tịch diệt. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ. Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Phải làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Bồ-tát nên như thế mà an ủi những Bồ-tát có bệnh, khiến cho những vị này được hoan hỷ.

Như có vị Bồ-tát bệnh, Bồ-tát khác tới thăm thì phải làm sao để an ủi? Trước hết ông nhắc, thân này là vô thường. Thanh văn thấy thân vô thường thì chán, nhưng Bồ-tát thấy thân vô thường mà không chán lìa thân. Tại sao? Nếu chán lìa thân thì làm sao vào sanh tử độ chúng sanh được. Thanh văn thấy thân là khổ nên cầu Niết-

bàn an vui. Bồ-tát không cầu Niết-bàn vì thương chúng sanh, nếu vào Niết-bàn thì đâu cứu độ chúng sanh được. Nói thân vô ngã là không có ta thật mà luôn luôn nói pháp giáo hóa chúng sanh. Nói rỗng lặng nhưng không phải hoàn toàn rỗng không. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ, nghĩa là không chấp có quá khứ thật. Nếu có quá khứ thật là chấp nhận ba thời thật sao! Đó là điểm đặc biệt của Bồ-tát.

Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Chúng ta phải học câu này cho thấm. Khi mình bệnh thân thể bị hành hạ nhức nhối, phải chịu đau đớn khổ sở thế nào, nghĩ tới người khác bệnh, phải thương xót họ như lúc mình đang bệnh. Được vậy thì thế gian này đỡ khổ biết bao. Còn nếu thấy người bệnh mà ngó lơ, không chút quan tâm thì thật vô tình vô nghĩa, không có sự cảm thông giữa mình với người.

Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Phải nhớ rằng chúng ta từ trước tới giờ sanh ra chết đi không biết bao nhiêu kiếp, chịu biết bao nhiêu khổ, vậy nên thương chúng sanh còn đang chìm đắm, phải ráng tu, ráng giải thoát, khéo dùng phương tiện, phát tâm độ họ thoát ly các khổ. Đừng nghĩ mình đã được giác, đã có khả năng thoát ly khổ sanh tử mà không thương chúng sanh thì không được.

Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Chúng ta được đầy đủ phúc duyên, sớm gặp Phật pháp, là do đời trước đã có tu, đã gieo trồng căn lành, thật đáng mừng. Vì vậy phải cố gắng tinh tấn tu hành, ráng sống đời sống thanh tịnh. Nhất là người mới mười lăm mười bảy tuổi mà phát tâm vào đạo là càng mừng hơn, vì biết mình có phước hơn những người khác. Phải vui mừng vì túc duyên lành, sao lại buồn chán? Buồn chán là tâm niệm rất xấu, là phủi bỏ những công lao tu tạo trước của mình. Được vậy thì niệm tu hành đạo đức mới sâu dày.

Làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Nghĩa là dùng Phật pháp làm thuốc để trị tâm bệnh cho tất cả chúng sanh. Phát khởi tâm niệm mạnh mẽ như vậy mới là hạnh nguyện Bồ-tát.

Trên đây là những điều cư sĩ Duy-ma-cật đã trả lời câu hỏi của Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát phải nên an ủi những Bồ-tát bệnh như thế nào, khiến cho những vị này được hoan hỷ. Chúng ta cũng vậy, khi đến thăm viếng an ủi người bệnh, chỉ dùng những lời đạo lý để nhắc nhở nhau, chớ theo thường tình. Phải học theo gương cao thượng của Bồ-tát, mới xứng đáng là người tu.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, Bồ-tát có bệnh thì làm sao mà điều phục tâm kia?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát có bệnh nên khởi nghĩ thế này: "Nay ta bệnh đây đều là từ đời trước vọng tưởng điên đảo các phiền não sanh, không có một pháp thật thì ai nhận bệnh! Vì có sao? Vì tứ đại hợp nên giả danh là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã, lại bệnh này khởi đều do chấp ngã. Thế nên, đối với ngã không nên sanh chấp trước."

Từ vô số kiếp đời trước do vọng tưởng điên đảo nên phát khởi các thứ phiền não, nhân đó sanh ra bệnh. Vọng tưởng phiền não vốn không thật, đã không thật thì bệnh đâu có thật. Cho nên không có pháp thật, bệnh thật. Lúc đau bụng, đau đầu... cũng không có cái đau thật thì rên khóc làm gì? Vậy bệnh từ đâu khởi, nó hành hạ ra sao mặc kệ, đừng để ý lệ thuộc vào nó. Như vậy đã biết trọng tâm phát khởi bệnh là không thật thì ai là người chịu bệnh, ai là người đang đau? Thế nên, thấy các thứ không thật thì tự nhiên bệnh không thật. Thân này do tứ đại hợp, giả danh tạm gọi là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã. Bệnh sanh là do chấp ngã vì vậy đối với ngã không nên sanh chấp trước.

Đã biết gốc bệnh tức trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Phải khởi pháp tưởng, nên khởi nghĩ thế này: "Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại pháp này

mỗi pháp không biết nhau, khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt."

Biết gốc bệnh là do chấp ngã, vì vậy phải trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Ngã tưởng là tưởng mình thật, chúng sanh tưởng là tưởng người thật. Khởi pháp tưởng là nên khởi nghĩ thế này: *Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt.* Khi tứ đại hợp thì thân này sanh, tứ đại rã thì thân này hoại. Hợp tan là chuyện của pháp, chứ đâu phải chuyện của mình.

Lại pháp này mỗi pháp không biết nhau, *khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt.* Tứ đại khi hợp lại cũng không nói chúng ta cùng nhau hợp, khi tan cũng không nói chúng ta cùng nhau đi. Tự nó đến tự nó đi, còn mình không biết gì hết, như vậy nó đâu dính gì với mình, còn gì phải lo sợ.

Những vị Bồ-tát có bệnh kia vì diệt pháp tưởng nên phải khởi nghĩ thế này: "Pháp tưởng này cũng là điên đảo, điên đảo đó tức là đại họa, ta phải lìa nó." Bồ-tát khởi diệt trừ pháp tưởng phải nên khởi nghĩ pháp tưởng này cũng là điên đảo. Như vậy ban đầu bỏ chúng sanh tưởng, ngã tưởng mà khởi pháp tưởng. Kế đó khởi pháp tưởng hợp tan không thật. Cuối cùng pháp tưởng cũng phải bỏ luôn. Như vậy mới rốt ráo.

Thế nào là lìa? Lìa ngã, ngã sở. Thế nào là lìa ngã, ngã sở? Nghĩa là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Nghĩa là không nghĩ các pháp trong ngoài, thực hành bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng. Vì cớ sao? Vì ngã và Niết-bàn cả hai đều không. Vì sao lại không? Chỉ vì danh tự nên không. Như thế hai pháp này không có tánh quyết định.

Chúng ta thường nghe nói Niết-bàn là chỗ không sanh tử, còn ngã là tướng sanh tử khổ. Niết-bàn không sanh tử nên an vui. Bây giờ khởi tâm bình đẳng, không thấy trong không thấy ngoài. Không dính ngã cũng không kẹt Niết-bàn, nghĩa là không còn dính kẹt ngã và pháp, cả hai đều thấy như nhau, không có tâm thiên lệch. Ngã và

Niết-bàn đều không, sanh tử không thật Niết-bàn cũng không thật, chỉ là giả danh. Đến chỗ cứu cánh không còn những danh tự đó nữa.

Được bình đẳng như thế thì không có các bệnh khác, chỉ có bệnh không; bệnh không cũng không. Bồ-tát có bệnh này do không chỗ thọ mà thọ các thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ mà thủ chứng.

Bồ-tát bệnh mà không nhận tất cả những bệnh, tuy không nhận mà vẫn còn có cái nhận. Tại sao? Thấy mình chưa đầy đủ công đức độ sanh, thì còn phải thọ thân trong sanh tử để cứu độ chúng sanh, không vì không thọ mà nhập Niết-bàn. Thế nên nói, không thọ mà thọ các thọ.

Dù thân có khổ, nghĩ đến chúng sanh trong đường ác mà khởi tâm đại bi, ta đã điều phục cũng sẽ điều phục tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp, vì đoạn gốc bệnh mà giáo hóa họ.

Bồ-tát dù thân đang bệnh đau đớn khổ sở mà vẫn nhớ những chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh phải chịu đau khổ gấp mấy ngàn lần mình. Do nghĩ như vậy nên Bồ-tát khởi tâm thương xót mà quên bệnh của mình, cố gắng tự điều phục và điều phục chúng sanh trong ba đường ác.

Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp. Thân chúng ta là do năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức hợp thành. Chấp năm uẩn là mình là chấp ngã. Vì chấp ngã nên có khổ có vui, đó là bệnh. Như vậy đối với thân năm uẩn này, chúng ta chỉ phá bệnh chấp ngã chứ không phá năm uẩn. Nên nói trừ bệnh mà không trừ pháp, vì muốn đoạn gốc bệnh là gốc sanh tử cho chúng sanh, mới dạy dỗ họ. Bồ-tát lúc nào cũng nghĩ tới chúng sanh nhiều hơn là bản thân mình. Dù đang bệnh khổ mà không nghĩ đến bệnh của mình, chỉ nhớ làm sao dạy bảo cho mọi người hết được gốc bệnh, tức là hết được gốc sanh tử.

Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, từ có phan duyên ắt là gốc bệnh. Sao gọi là phan duyên? Nghĩa là tam giới.

Phan duyên tức là đuổi theo, nắm bắt, buông cái này chụp cái kia. Tâm mãi đuổi theo ngoại cảnh, chạy theo sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp, đó là tâm phan duyên. Chính tâm phan duyên tạo thành nghiệp mà có thân này, là gốc của bệnh. Phan duyên ở đây là đuổi theo nắm bắt những cảnh trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thí dụ những người tâm duyên tưởng theo các định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền v.v... nếu ngang đó mà chết thì sanh vào cõi trời Sắc giới, đó gọi là phan duyên cõi trời Sắc giới. Những người đuổi theo các định Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ v.v... khi chết thì sanh vào cõi trời Vô sắc giới, đó gọi là phan duyên Vô sắc giới. Hiện nay chúng ta đang ở trong cõi Dục giới mà còn nắm bắt không ngừng, tâm ý chạy tứ tung không kìm nổi, huống nữa là cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Như vậy sở dĩ mình có thân là vì tâm phan duyên theo cảnh trong tam giới.

Làm sao đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không có phan duyên. Muốn dứt tâm phan duyên thì phải thấy tất cả pháp đều không thật. Những được mất hơn thua... chỉ là tạm bợ giả dối, có gì đáng mà đuổi theo! Nhưng chúng ta thường đuổi theo sắc, thanh, hương, vị... Như có một huynh đệ tốt bụng luộc ba củ khoai lang, một củ phần mình, hai củ còn lại chia cho hai huynh đệ, trong đó có một củ bị sùng mà không hay biết.

Người nhận được củ khoai sùng, nghĩ mình bị huynh đệ đối xử không tốt, trong lòng ôm ấp mãi không vui, nên mỗi khi gặp nhau là nhớ đến chuyện đã qua. Thế đó, chúng ta cứ bám víu, dính mắc bởi những chuyện không đâu, lầm nhận những thứ hư giả không thật cho là thật, nên phải chịu trầm luân muôn kiếp. Hiểu được điều này thì tâm phan duyên dứt, việc tu hết sức rõ ràng.

Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là lìa hai kiến chấp. Sao gọi là hai kiến chấp? Nghĩa là kiến chấp bên trong, kiến chấp bên ngoài, ấy là vô sở đắc. Kiến chấp bên trong là chấp thân, kiến chấp bên ngoài là chấp cảnh. Sở dĩ thấy có được mất là do chấp thân thật và cảnh ngoài thật. Không chấp thân và cảnh thật thì tất cả đều vô sở đắc.

Tóm lại, phan duyên là chạy theo sáu trần, duyên theo ngoại cảnh. Còn phan duyên tức còn vọng tưởng, mà vọng tưởng là gốc của bệnh. Sở dĩ chúng ta sanh trong lục đạo là từ tâm vọng tưởng chạy theo cảnh, mà cảnh đó không ngoài tam giới. Muốn dứt tâm chạy theo cảnh thì phải vô sở đắc, nghĩa là không chấp nhận một pháp nào thật. Không có năng thì không có sở, trong không có ngã, ngoài không ngã sở, không có một pháp thật thì tâm phan duyên hết. Nếu trong còn chấp thân, ngoài còn chấp cảnh, trong có vọng tưởng, ngoài có sáu trần, đó là thấy hai. Dứt được cái thấy hai tức là vô sở đắc.

Văn-thù-sư-lợi, ấy là Bồ-tát có bệnh dùng tâm kia để mà điều phục, vì đoạn khổ già bệnh chết, ấy là Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không như thế thì chỗ tu trị của mình không có trí tuệ bén nhạy. Thí như thắng được kẻ thù mới gọi là dũng sĩ. Như thế trừ hết già bệnh chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh phải dùng tâm vô sở đắc mà điều phục. Vậy khi Bồ-tát khởi tâm đại bi thương xót chúng sanh thì phải biết gốc bệnh của chúng sanh là gì, rồi theo đó chỉ dạy, để dẹp hết khổ già bệnh chết cho họ. Gốc bệnh là do chấp ngã và ngã sở.

Bồ-tát phải lấy Bồ-đề, giác ngộ của mình để dứt các khổ già bệnh chết. Cũng như người chiến thắng được kẻ thù mới gọi là mạnh, mới gọi là dũng sĩ. Đó là chỗ giác ngộ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát bệnh, nếu không có tâm thương xót nghĩ nhớ đến nỗi khổ của chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tìm cách cứu họ ra khỏi sanh tử... thì việc tu sửa của Bồ-tát không có trí tuệ bén nhạy.

Bồ-tát có bệnh kia nên lại khởi nghĩ như thế này: "Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có, bệnh của chúng sanh cũng chẳng phải thật, cũng chẳng phải có." Khi khởi quán như thế đối với các chúng sanh, khởi ái kiến đại bi tức nên xả ly. Khi Bồ-tát bệnh phải khởi nghĩ, bệnh của ta không phải thật có. Không phải thật có là sao? Vì bệnh là do duyên, đã là duyên sanh thì nó như huyễn như hóa, nên nói không phải thật có. Bệnh chúng sanh cũng lại như thế. Thường chúng ta ai cũng thấy bệnh là thật, là có. Nếu nó là thật thì

lúc nào cũng đau, uống thuốc đâu có hết! Nhưng vì nó không thật nên gặp đúng thuốc trị bệnh sẽ dứt chứ đâu còn mãi. Như vậy cái gì khi có khi không, khi còn khi mất thì không phải thật. Quán như thế rồi, đối với chúng sanh nếu có khởi ái kiến đại bi thì nên xả bỏ.

Vì cớ sao? Bồ-tát đoạn trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi. Ái kiến bi đó tức là đối với sanh tử có tâm mệt mỏi nhàm chán. Nếu hay lìa được cái này, không có mệt mỏi nhàm chán, sanh ở chỗ nào cũng không bị ái kiến che lấp.

Khách trần phiền não nghĩa là sao? Theo kinh Lăng-nghiêm, có người tới nhà người khác xin ở trọ một đêm rồi sáng ra đi. Người đó gọi là khách. Còn người ở trong nhà không đi đâu, gọi là chủ. Cũng như khi mặt trời lên, ánh sáng xuyên qua kẽ hở rọi vào nhà, nhìn thấy trong hư không có những hạt bụi bay lăng xăng. Bụi bay lăng xăng đó gọi là trần. Hư không đâu có bay lăng xăng, chỉ đứng yên một chỗ, gọi là chủ, còn khách là trần thì có đến có đi.

Khách trần phiền não là tâm vọng tưởng chợt sanh chợt diệt, chợt có chợt không. Trong khi dẹp trừ phiền não vọng tưởng đó, khởi tâm thương xót và muốn cứu độ chúng sanh, đó là tâm đại bi. Sao ở đây lại nói là ái kiến đại bi? Nghĩa là Bồ-tát khởi tâm thương và muốn đoạn trừ phiền não cho họ, nhưng đi trong sanh tử mãi, cảm thấy mệt mỏi chán nản, nên khởi nghĩ chỉ đời này thôi, mệt quá rồi không muốn trở lại độ họ nữa. Khởi tâm như vậy là ái kiến đại bi. Ái kiến là kiến ngã. Ai mệt? Ta mệt. Thương chúng sanh nhưng còn thấy mình mệt mỏi thì gọi đó là ái kiến đại bi. Lìa được tâm này thì sanh bất cứ nơi đâu, lúc nào cũng không bị ái kiến che lấp. Sanh ra liền nhớ bản hạnh độ sanh của mình để tiếp tục hành đạo. Nếu còn tâm ái kiến đại bi thì sanh ra liền bị ái kiến che lấp, quên bản nguyện ban đầu của mình.

Qua đó mới hiểu được tâm nguyện cao thượng, siêu thoát của Bồ-tát. Còn chúng ta có khả năng làm được việc gì thì chỉ làm một vài lần, chứ lâu dài dễ sanh mệt mỏi chán nản. Cái gì mệt? Cái ngã. Vì còn thấy mình thật nên chấp ngã sanh ái kiến. Đây là điểm yếu

dở và tầm thường của mình. Giả sử ngang đây mà chết, đời sau sanh ra chắc quên hết, vì tâm ái kiến còn nặng quá, muốn nhớ lại cũng phải gần bạc đầu! Như vậy chúng ta đã biết cội gốc của sự tu, phải hiểu cho thật kỹ thì việc hành đạo mới khỏi lầm lẫn. Vì vậy nếu không học và hành theo công hạnh của Bồ-tát thì đâu thể thành Phật. Thế mà những việc làm của Bồ-tát, mình chưa được tí ti nào, thật đáng xấu hổ.

Chỗ sanh không bị trói buộc, hay vì chúng sanh nói pháp mở trói buộc, như lời Phật nói: "Nếu tự có trói buộc mà hay cởi mở cho người khác thì không có lẽ ấy. Nếu tự mình không trói buộc mà hay mở cho người, điều ấy là có được." Do đó Bồ-tát không nên khởi trói buộc. Bồ-tát dứt ái kiến đại bi thì sanh nơi nào cũng không bị ái kiến che lấp, không có gì ràng buộc và thường nói pháp để mở trói buộc cho chúng sanh. Như lời Phật dạy, người đang bị trói buộc mà muốn cởi mở cho người khác thì không có lẽ đó. Thí dụ một đám cướp vô nhà, bắt hết mọi người trong nhà, cột mỗi người vào một cây cột. Chúng lấy hết đồ đạc và bỏ đi. Người nào cũng bị cột bị trói, muốn mở trói cho nhau có được không? Dù rất thương mà chính mình chưa mở được thì cũng khó mở được cho người. Cho nên Phật dạy chúng ta phải tự mở. Muốn tự mở thì phải phá hai kiến chấp, đó là kiến chấp về ngã và ngã sở, mình không bị trói buộc mới có thể mở được trói buộc cho người khác. Đó là lẽ thật. Khởi trói buộc tức là khởi những ái kiến về ngã và ngã sở. Người đã thọ giới Bồ-tát thì phải học những lời dạy này để thực hành theo hạnh Bồ-tát.

Sao gọi là trói? Sao gọi là mở? Tham trước thiền vị, ấy là Bồ-tát bị trói; vì phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở. Sao gọi là trói? Thí dụ những vị tu thiền đạt được Diệt tận định. Khi nhập Diệt tận định rồi, muốn an trú trong sự tĩnh lặng và say sưa mãi trong đó thì gọi là Bồ-tát bị trói. Vì như vậy là không có phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh. Nên nói Bồ-tát tham trước thiền vị, gọi là bị trói. Sao gọi là mở? Nghĩa là trong khi Bồ-tát được thiền vị mà khởi phương

tiện, tức là khởi lòng đại bi, muốn chỉ cho chúng sanh thoát khổ như mình, đó là mở. Nên nói do phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở.

Lại không có phương tiện tuệ là bị trói, có phương tiện tuệ gọi là mở; không có tuệ phương tiện là trói, có tuệ phương tiện là mở. Sao gọi không có phương tiện tuệ bị trói? Nghĩa là Bồ-tát do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sanh, đối với các pháp Không, vô tướng, vô tác mà tự điều phục, ấy gọi là không phương tiện tuệ bị trói. Chúng ta tu mà cố chấp những pháp mình được, rồi an trú và bị trói trong chỗ sở đắc, nên nói không có tuệ phương tiện bị trói. Còn nếu có tuệ phương tiện mà không chấp vào sở đắc đó, làm lợi ích cho mọi người nên nói có tuệ phương tiện là mở. Đây chỉ thêm chỗ cao tột. Trong lúc tu, Bồ-tát khởi tâm ái kiến trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sanh, đối với ba môn giải thoát Không vô tướng vô tác mà tự điều phục, thì gọi là không phương tiện tuệ bị trói.

Sao gọi là có phương tiện tuệ mở? Nghĩa là không do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, đối trong ba pháp Không, vô tướng, vô tác, tự điều phục mà không mệt mỏi nhàm chán, ấy gọi là có phương tiện tuệ mở. Không có phương tiện tuệ bị trói và có phương tiện tuệ mở, khác nhau chỗ nào? Nghĩa là cả hai đều tu ba môn giải thoát để trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sanh, nhưng sở dĩ nói không có phương tiện tuệ bị trói vì còn tâm ái kiến, có phương tiện tuệ mở là không tâm ái kiến.

Như việc xây dựng một ngôi chùa, nếu người có ý muốn xây chùa cho thật đẹp, để làm nơi tu dưỡng an nhàn, nghĩ như vậy là có tâm ái kiến. Còn nếu cất chùa để nuôi chúng và có chỗ nơi hướng dẫn chúng cùng Phật tử tu hành, tiến tới chỗ giải thoát, mà không nghĩ cho riêng mình, đó là không tâm ái kiến. Phải hiểu rõ lời của Bồ-tát chỉ cho mình biết bệnh để tránh, mới mong được giải thoát và tiến lên Phật quả.

Sao gọi là không có tuệ phương tiện bị trói? Nghĩa là Bồ-tát trụ nơi các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng

các cội công đức, ấy gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Sao gọi là có tuệ phương tiện mở? Nghĩa là lìa các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là có tuệ phương tiện mở. Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sanh, làm mọi việc phước đức, thấy ai nghèo khổ, bệnh hoạn thì cứu giúp... làm đủ mọi việc mà động tới thì nổi sân đùng đùng, gặp duyên thì tâm tham dấy khởi. Cho nên làm việc công đức mà còn tham dục, sân nhuế, tà kiến... thì gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Còn Bồ-tát gieo trồng các cội công đức mà dứt lìa các phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... rồi hướng về Phật đạo thì gọi là có tuệ phương tiện mở. Đó là được giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi, những vị Bồ-tát có bệnh kia nên quán các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã, ấy gọi là tuệ. Tuy thân có bệnh mà thường ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh không biết chán mỏi, ấy gọi là phương tiện. Lại nữa quán thân, thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Dù thân có bệnh mà không hằng diệt, ấy gọi là phương tiện.

Bồ-tát có bệnh dùng các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã của Phật dạy, quán chiếu tự thân, thấu suốt được lý này, gọi đó là trí tuệ của Bồ-tát. Tuy thân bệnh, biết nó tạm bợ hư dối vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, không biết mệt mỏi. Đó gọi là Bồ-tát có phương tiện. Hàng Thanh văn cũng quán chiếu các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã như Bồ-tát, nhưng vào được cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh rồi thích an trú trong đó. Vì thấy thân này tạm bợ, không có giá trị, nên muốn bỏ thân để nhập Niết-bàn, không phát tâm độ sanh. Nhị thừa và Bồ-tát khác nhau chỗ đó. Còn hàng phàm phu lầm chấp thân này là thật là quý, chết đi muốn sanh trở lại vì vậy mới trầm luân trong biển khổ sanh tử.

Ở đây nói Bồ-tát phải quán thân, thân không lìa bệnh, bệnh cũng không lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Tại sao? Chúng ta xét thân với bệnh, hai cái đó rời nhau

không? Bệnh từ ngoài thân vào hay từ trong thân ra? Nếu bệnh không ngoài thân, tức thân không lìa bệnh, mà bệnh cũng không lìa thân. Nhưng bệnh và thân không phải mới cũng không phải cũ. Vừa phát bệnh thì nói là mới, còn bệnh năm xưa gọi là cũ, sao đây nói không phải mới không phải cũ? Như lời Phật đã dạy thân này là tứ đại hợp. Tứ đại hợp thì có chống trái nhau, mà chống trái là gốc bệnh. Cho nên có thân tứ đại là có bệnh liền, như vậy không phải mới. Gốc bệnh nằm sẵn trong thân, khi chưa đủ duyên nó chưa phát, gặp duyên mới phát, nên nói bệnh không phải là cũ. Thấy được như vậy gọi là có trí tuệ.

Vì thấy chúng sanh mê muội, thân giả tưởng là thật, khổ tưởng là vui... Bồ-tát biết thân này là gốc của bệnh, nhưng không nhập Niết-bàn, muốn còn thân để giáo hóa chúng sanh, ấy gọi là phương tiện của Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm kia, chẳng trụ ở trong ấy cũng lại chẳng trụ chẳng điều phục tâm. Vì cớ sao? Nếu trụ chẳng điều phục tâm, ấy là pháp của người ngu; còn nếu trụ ở điều phục tâm, ấy là pháp của Thanh văn. Vì thế Bồ-tát không nên trụ ở nơi điều phục và chẳng điều phục tâm, lìa hai pháp này, ấy gọi là hạnh Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh nên như thế mà tự điều phục tâm, nhưng chẳng trụ trong chỗ điều phục đó. Tại sao? Nếu Bồ-tát mãi lo điều phục tâm là rất tốt, nhưng cố chấp cho việc đó là cứu cánh rồi quên làm lợi ích cho chúng sanh, ấy là pháp của Thanh văn. Còn người chưa biết điều phục tâm, cứ chạy theo vọng tâm điên đảo, đó là pháp của người ngu. Pháp của Bồ-tát thì cao thượng hơn, lìa hai pháp của Thanh văn và người ngu. Các ngài tự điều phục tâm, nhưng không trụ trong ấy, mà vẫn làm lợi ích cho mọi người, ấy là hạnh của Bồ-tát.

Ở trong sanh tử không làm hạnh ô uế, trụ nơi Niết-bàn mà không hằng diệt độ, ấy là hạnh Bồ-tát. Sống trong sanh tử như chúng sanh mà không làm những hạnh ô uế như tham, sân, si, hay

phá trai, phạm giới... Trụ Niết-bàn mà không hằng diệt độ là trụ ở tâm thanh tịnh không dấy động, hằng như như. Như vậy Bồ-tát tuy ở trong sanh tử mà tâm hằng được thanh tịnh như như. Tuy tâm hằng thanh tịnh như như mà không muốn nhập Niết-bàn vô sanh. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Người mê say rượu chè... đó là người xấu, thuộc hạng phàm phu. Người tu giữ giới thanh tịnh, biết rượu chè... là tội lỗi, tránh xa không bén mảng đến, đó là người tốt người hiền. Như vậy kẻ mê say, người xa lánh. Phàm phu ngồi quán rượu vì say rượu, mê rượu. Người hiền biết chỗ đó xấu nên tránh xa. Bồ-tát không phải vậy, không mê say rượu chè, nhưng có khi ngồi quán rượu để dạy người bỏ rượu, vì giáo hóa họ, đó là hạnh của Bồ-tát. Phải có đủ đạo lực mới dám làm việc này, đừng lấy cớ tu hạnh Bồ-tát rồi sớm la cà quán rượu, chiều lại đến thanh lâu, nói để giáo hóa người. Nhưng giáo hóa ai chưa biết mà mình ghiền trước, đó là đại tội. Bồ-tát tới những chỗ đó vì lòng từ bi chứ không phải như tâm phàm phu.

Chẳng phải hạnh cấu, chẳng phải hạnh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tham lam, nóng giận v.v... đó là hạnh cấu, hạnh nhơ nhớp. Không tham lam, không nóng giận... là hạnh tịnh. Nhưng Bồ-tát thì không phải thế, các ngài vì thương nên cũng có khi la rầy, đánh đập để răn sửa những chúng sanh ngoan cố. Những hành động này bên ngoài thấy như là hạnh cấu, nhưng làm vì tâm từ chứ không phải vì tham sân. La rầy đánh đập sao gọi là tịnh được! Cho nên không phải là hạnh tịnh cũng không phải hạnh cấu, ấy là hạnh Bồ-tát. Thật ra hạnh Bồ-tát là hạnh không thể lường được, phàm phu khó thấy, khó biết. Chúng ta luôn thấy có hai bên, nhìn một cách cạn cợt. Thấy ai xấu thì chê, ai tốt thì khen.

Còn việc làm của Bồ-tát, có khi thấy như xấu mà tâm không phải xấu. Thật không thể nghĩ bàn!

Tuy vượt qua hạnh của ma mà hiện hàng phục chúng ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát không bị nghiệp chướng sanh trong các loài ma

vương hay quỷ thần. Nhưng các ngài không tránh xa chúng, mà đôi khi phải thị hiện sống chung và làm những việc của ma để hàng phục chúng.

Cầu nhất thiết trí, không cầu phi thời, ấy là hạnh Bồ-tát. Nhất thiết trí là trí biết tất cả. Hàng Thanh văn thì được Nhất thiết trí, còn Phật thì gọi là Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát cầu Nhất thiết trí để biết tất cả tâm địa và các pháp vì muốn làm lợi ích chúng sanh, chứ không phải cầu an trụ Niết-bàn để thoát ly sanh tử cho bản thân mình. Vì vậy mà nói không cầu phi thời. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị, ấy là hạnh Bồ-tát. Nghĩa là quán thấy các pháp không thật tánh, do duyên hợp tự tánh là không. Tự tánh không thì duyên hợp gọi là sanh, duyên ly tán gọi là diệt. Cái sanh diệt đó không thật nên nói các pháp chẳng sanh. Thấy không sanh mà không nhập chánh vị. Chánh vị là chỉ cho Niết-bàn vô sanh. Tuy thấy các pháp không sanh mà không nhập chỗ không sanh. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy quán mười hai nhân duyên khởi, mà vào các tà kiến, ấy là hạnh Bồ-tát. Pháp duyên khởi là pháp trọng yếu Phật đã dạy cho hàng Thanh văn, Bồ-tát và tất cả chúng đệ tử. Thấy các pháp do duyên sanh là thấy đúng chân lý, thấy đúng lẽ thật. Còn nếu thấy có không phải quấy là thật, đó là tà kiến. Bồ-tát lúc nào cũng thấy rõ các pháp là duyên khởi, nhưng với chúng sanh phải dạy họ bỏ ác làm lành. Điều ác điều thiện là duyên hợp không thật, nhưng vẫn nói nó thật để khuyên người tránh ác, bảo người làm lành. Như vậy có tà kiến không?

Chúng ta phải hiểu cho thật rõ, nhiều khi chỉ nhìn một chiều, thấy cái gì cũng duyên khởi tánh không, nói gì cũng không, không hết. Những người mới vào đạo, nghe nói các pháp không thật, họ không biết phải tu như thế nào. Thế nên với những người này phải chỉ thẳng: đây là tội nếu tạo sẽ bị đọa địa ngục, đây là phước nếu tu thì sanh thiên. Nói khẳng định như vậy giống tà kiến, nhưng đó là

hạnh Bồ-tát vì làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nói theo cái thấy riêng của mình.

Tuy nhiếp phục tất cả chúng sanh mà không ái trước, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi diệt thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát thương cái mê lầm của chúng sanh nên nhiếp phục, giáo hóa họ, chứ không phải vì tình cảm ái nhiễm, đó là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi thân tâm. Các ngài thấy thân nhớp nhúa, tạm bợ không thật, nên không đắm trước thân này cảnh này. Biết thân là gốc khổ, biết cảnh là hư giả, nhưng vì lòng đại bi, muốn giáo hóa mọi người cùng thấy cùng hiểu như mình, nên không đoạn dứt thân tâm, vẫn tiếp tục tái sanh. Tuy không yêu thân, nhưng phải nhờ nó để cứu độ chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy đi trong tam giới mà không hoại pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Pháp tánh là thể tánh của các pháp. Thể tánh các pháp là không. Như cái nhà không có thực thể cái nhà, cái chuông không có thực thể cái chuông, cái mõ không có thực thể cái mõ... Tất cả đều là tướng hư dối không có thực thể. Dục giới không có thực thể thì Sắc giới, Vô sắc giới cũng không có thực thể. Các ngài tuy qua lại trong tam giới hành hạnh Bồ-tát mà không hoại pháp tánh, chứ không phải như chúng ta đi trong tam giới rồi mê đắm, tới đâu tưởng thật tới đó.

Tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát. Có người mới học đạo, nghe nói các pháp do duyên hợp tánh không, tội phước cũng không thật v.v... thì nói đâu cần phải làm phước, rồi tha hồ sống buông thả. Tuy biết rõ các pháp tự tánh không, nhưng vẫn không quên làm mọi việc công đức, đó là hạnh của Bồ-tát. Nhiều khi chúng ta học hiểu chưa thấu đáo, làm chướng ngại việc lành. Đức Phật công đức vô lượng mà còn bòn mót từng chút phước như việc xỏ kim, còn chúng ta phước đức kém mà nhiều khi thấy việc lành không muốn làm. Thấy huynh đệ làm việc nặng nhọc, nhờ phụ giúp thì ngó lơ, thật là quá dở. Thế nên nói, tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành vô tướng mà độ chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành vô tướng tức là thấy tất cả pháp không có tướng thật. Như cái đồng hồ, phàm phu cho là thật, thấy đẹp thấy xấu. Duyên giác thì thấy đồng hồ chỉ do các bộ phận ráp lại tạm gọi là đồng hồ, tìm thật thể đồng hồ không có. Như cái nhà có nhiều hình tướng khác nhau, chẳng qua chỉ do một mớ duyên ráp lại, chỉ là giả tướng, tạm gọi là nhà. Vậy tất cả pháp không có tướng thật thì chúng sanh đâu có thật. Chúng sanh không thật, khổ vui cũng không thật, thì họ khổ mặc kệ, cứu độ làm chi! Đó chưa phải là tâm niệm của Bồ-tát. Tuy không có tướng thật mà luôn luôn cứu độ chúng sanh, làm lợi ích cho chúng sanh mới là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành Vô tác mà hiện thọ thân, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát không còn nghiệp dẫn đi trong sanh tử, nhưng luôn nguyện hiện thân trong tam giới để giáo hóa chúng sanh, đó là hạnh của Bồ-tát. Còn chúng ta tu, mỗi ngày nhận lãnh sự cúng dường của đàn-na thí chủ, mà chỉ mong cho hết nghiệp để được giải thoát còn thiên hạ ai sao mặc kệ, như vậy có tàn nhẫn không? Chúng ta phải có tâm niệm cao thượng của Bồ-tát để thấy rõ việc cần phải làm, chứ nhiều khi chỗ tu của mình không khéo biến thành ích kỷ, nhận của người mà cứ lo phần mình. Có phải là trốn nợ không? Hiểu cho rõ mới thấy Bồ-tát hết nghiệp rồi nhưng vẫn hiện thọ thân. Chúng ta tu phải dừng được nghiệp sanh tử của thân khẩu ý, nhưng vẫn nguyện tiếp tục sanh trong cõi Ta-bà hay trong tam giới để giáo hóa chúng sanh.

Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành, ấy là hạnh Bồ-tát. Tất cả pháp không có thật tướng thì cái gì sanh, cái gì diệt? Sanh tức là khởi. Tuy thấy các pháp không sanh không diệt mà luôn luôn khởi tất cả hạnh lành để làm lợi ích chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành lục ba-la-mật mà khắp biết tâm vương tâm sở của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát hành sáu pháp ba-la-mật để đạt đến bờ giải thoát, nhưng không an trú ở Niết-bàn mà phải biết được tâm niệm, tâm vương, tâm sở, tâm thiện, tâm ác của chúng sanh, tùy theo đó dùng phương tiện giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành lục thông mà không có tận lậu, ấy là hạnh Bồ-tát. Lục thông là Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lậu tận thông. Bồ-tát tuy tu đủ lục thông, nhưng còn giữ chút phiền não để trở lại trong tam giới độ sanh, vì khi các nghiệp đã sạch gọi là lậu tận. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ vô lượng tâm mà không tham trước sanh ở cõi trời Phạm thiên, ấy là hạnh Bồ-tát. Người tu bốn hạnh từ bi hỷ xả viên mãn, được sanh về cõi trời Phạm thiên. Bồ-tát cũng tu bốn hạnh này nhưng mục đích không phải để sanh về cõi trời. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành thiền định giải thoát tam-muội mà không sanh theo cõi Thiền, ấy là hạnh Bồ-tát. Đối với các tầng thiền từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cho tới Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ, tất cả những tam-muội trên Bồ-tát đã trải qua, nhưng các ngài không cho là cứu cánh. Thí dụ người được định Sơ thiền chết sanh về Sơ thiền thiên, người được định Tứ thiền chết sanh về Tứ thiền thiên... Còn các ngài tuy đã qua các tầng thiền nhưng không chịu sanh về trong các cõi đó, mà trở lại Ta-bà giáo hóa chúng sanh. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ niệm xứ mà không hằng lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ niệm xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Tu bốn pháp quán này thành công thì vĩnh viễn lìa thân, không còn bị sanh trở lại nữa. Nhưng các ngài tuy tu bốn pháp quán đó mà không vĩnh viễn lìa thân thọ tâm pháp, để trở lại giáo hóa chúng sanh. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ chánh cần là điều ác chưa sanh thì ngăn đừng cho phát sanh, điều ác đã sanh thì phải cố gắng diệt trừ, điều thiện chưa sanh thì làm cho phát sanh, điều thiện đã sanh thì phải tạo điều kiện cho tăng trưởng. Bồ-tát tu tứ chánh cần, thân tâm vẫn luôn luôn tinh tấn không dừng. Ấy gọi là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ như ý túc mà được tự tại thần thông, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ như ý túc là dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, nhất tâm như ý túc hay là định như ý túc. Hàng Thanh văn tu bốn pháp này thì được đầy đủ bốn như ý túc. Bồ-tát tuy thực hành bốn pháp đó không những được như ý túc mà còn được thần thông tự tại. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy hành ngũ căn mà phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Khi tu ngũ căn chủ yếu là để biết căn cơ của chúng sanh lợi độn thế nào để tìm cách giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Hạnh Thanh văn thì tu ngũ lực, Bồ-tát thì không dừng ngang đó mà mong cầu được thập lực của Phật mới thôi. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành thất giác phần mà phân biệt trí tuệ Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Thất giác phần hay thất Bồ-đề phần là bảy phần giác ngộ của Thanh văn. Ở đây Bồ-tát cũng tu bảy phần giác ngộ này nhưng chỉ cầu được trí tuệ Phật chứ không phải trí tuệ Thanh văn. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành bát chánh đạo mà ưa hành vô lượng Phật đạo, ấy là hạnh Bồ-tát. Tu bát chánh đạo là để diệt trừ tâm bệnh. Ở đây Bồ-tát tu bát chánh đạo nhưng nguyện hành vô lượng Phật đạo. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo mà cứu cánh không rơi vào tịch diệt, ấy là hạnh Bồ-tát. Tu chỉ quán để tâm tĩnh lặng. Tâm lặng là tiến tới chỗ tịch diệt. Bồ-tát cũng tu chỉ tu quán, dùng pháp này làm pháp trợ đạo, nhưng các ngài không an trú chỗ tịch diệt. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát biết thực thể các pháp không sanh không diệt mà luôn tu các hạnh tướng hảo để trang nghiêm thân. Tại sao? Đã biết các pháp không sanh không diệt thì thân này đâu có thật, sao lại tu các tướng hảo? Như Kinh nói đức

Phật được tướng lưỡi rộng dài là do nhiều đời ngài tu hạnh không nói dối, được trái tai dài là do nhiều đời tu hạnh không giết hại chúng sanh. Như vậy mỗi một hạnh tu là được một tướng tốt. Bồ-tát biết các tướng không thật, không sanh diệt, nhưng vì thương chúng sanh nên tu những hạnh lành để làm lợi ích cho họ chứ không phải vì mình. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy hiện oai nghi Thanh văn Bích-chi Phật mà không xả Phật pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Có khi các ngài thị hiện như những vị Thanh văn hay Bích-chi Phật, cũng đi khất thực, giữ giới thanh tịnh. Nhưng không xả Phật pháp, luôn lấy Phật đạo làm gốc, chứ không kẹt trong pháp Thanh văn Bích-chi Phật. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy tùy tướng thanh tịnh cứu cánh của các pháp mà tùy sở ứng để hiện thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tướng của các pháp không thêm không bớt, không nhơ không sạch, nên cứu cánh là thanh tịnh. Tuy các pháp cứu cánh thanh tịnh nhưng Bồ-tát tùy chỗ lợi ích chúng sanh, có khi hiện thân nhơ nhớp, có khi hiện thân tốt đẹp để giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán cõi nước chư Phật hằng tịch như không mà hiện các cõi Phật thanh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Kinh Kim Cang, Phật dạy: *Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*, nghĩa là phàm cái gì có tướng đều là hư dối. Nếu là một cõi nước thì phải có tướng, như vậy tất cả cõi Phật hiện ra có tướng thì cõi nào cũng là hư dối. Bồ-tát tuy quán các cõi Phật là tịch diệt, là không, nhưng luôn luôn hiện ra các cõi Phật thanh tịnh để giáo hóa, khiến chúng sanh phát tâm hướng về. Như vậy trên lý nói đến chỗ tột cùng mà trên sự vẫn làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy được Phật đạo chuyển pháp luân vào Niết-bàn mà không bỏ đạo Bồ-tát, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát tu công đức viên mãn thành Phật, đầy đủ phẩm hạnh giáo hóa chúng sanh, lý đáng nhập Niết-bàn mà vẫn giữ bản nguyện của mình để tiếp tục độ sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Chúng ta tu chỉ mơ ước được thành Phật, muốn an trú Niết-bàn, chứ không nghĩ đến nỗi khổ của chúng sanh, để phát tâm trở lại tam giới cứu độ họ. Con người sanh ra, ai cũng có cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc. Từ thuở bé đến lớn khôn, kể sao cho hết công lao nuôi dưỡng của gia đình. Vào chùa được an ổn tu hành là nhờ sự giúp đỡ của đàn-na tín thí... Nợ của chúng ta nhiều biết là dường nào? Thế mà tu chỉ muốn thành Phật chứ không nghĩ đến ơn nghĩa của mọi người. Tuy phải có nguyện thành Phật nhưng không bao giờ quên độ sanh. Bồ-tát đối với chúng sanh thật đủ tình đủ nghĩa, không bỏ ai hết. Chúng ta phải học theo gương các ngài, phải thấy chúng sanh với ta ân nghĩa rõ ràng. Mình được tỉnh phải nhớ tới người mê, nên đâu thể nhập Niết-bàn, đó là hạnh Bồ-tát.

Khi nói lời ấy rồi, đại chúng đi theo ngài Văn-thù- sư-lợi, trong đó tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi nghe cư sĩ Duy-ma-cật nói, tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta tu, muốn đạt đến chỗ cứu cánh thành Phật thì phải phát tâm Bồ-tát. Phát tâm Bồ-tát thì phải nguyện độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh thì phải mở trói cho mình trước, rồi mới mở cho người. Mình chưa mở mà đòi mở cho người, đó chỉ là nói suông, nói không thật. Người tu chân chánh, hiểu đạo thì phải sống đúng như thật. Nghĩa là giải thoát cho mình và nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, không chỉ một đời mà mãi mãi. Chừng nào hết chúng sanh mới trả hết nợ. Mong tất cả cố gắng.

06. PHẨM BẤT TƯ NGHÌ

Bất tư nghì là không thể nghĩ bàn. Phẩm này nói về hành động của những vị Bồ-tát vào hàng thượng thủ. Các ngài không còn kẹt hai bên, do đó không còn chỗ để chúng ta suy gẫm tìm hiểu.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất thấy trong thất này không có sàng tòa, liền khởi nghĩ: "Những vị Bồ-tát và chúng đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở chỗ nào?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý đó, nên nói với ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Thế nào nhân giả, vì pháp mà đến ư? Vì sàng tòa mà đến ư?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì sàng tòa mà đến.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không tiếc thân mạng, huống là sàng tòa? Phàm người cầu pháp chẳng phải có sắc thọ tưởng hành thức mà cầu, chẳng có giới nhập mà cầu, chẳng có Dục, Sắc, Vô sắc mà cầu.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không chấp nơi Phật mà cầu, không chấp nơi pháp mà cầu, không chấp nơi chúng tăng mà cầu. Phàm người cầu pháp không thấy khổ để cầu, không có đoạn tập để cầu, không đến chứng diệt và tu đạo để cầu. Vì cớ sao? Pháp không có hý luận, nếu nói tôi sẽ kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, ấy là hý luận, chẳng phải là cầu pháp.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, pháp gọi là tịch diệt, nếu hành sanh diệt ấy là cầu sanh diệt không phải cầu pháp. Pháp gọi

là vô nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết-bàn ắt là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp. Pháp không hành xứ, nếu hành nơi pháp ắt là hành xứ, chẳng phải cầu pháp. Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp ắt là thủ xả, chẳng phải cầu pháp. Pháp không chỗ nơi, nếu chấp chỗ nơi ắt là chấp chỗ nơi, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là vô tướng, nếu tùy theo tướng mà biết ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp ắt là trụ pháp chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy nghe hiểu biết, nếu thực hành thấy nghe hiểu biết ắt là thấy nghe hiểu biết chứ không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô vi, nếu hành hữu vi ấy là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp. Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Nếu là người cầu pháp, đối với tất cả pháp nên không có chỗ cầu.

Khi nói lời ấy rồi, năm trăm vị thiên tử đối trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ trưởng giả Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nhân giả dạo đi vô lượng ngàn muôn ức a-tăng-kỳ cõi nước, những cõi Phật nào có tòa sư tử do công đức thành tựu tốt đẹp nhất?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, ở phương đông qua ba mươi sáu hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên là Tu-di Tướng, đức Phật ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện nay vẫn còn. Thân đức Phật kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ bậc nhất.

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật hiện sức thần thông, tức thì đức Phật kia dời ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đem vào trong thất ông Duy-ma-cật, chư Bồ-tát và các vị đại

đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... từ xưa chưa từng thấy. Thất rộng lớn dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử mà không chướng ngại. Ở trong thành Tỳ-da-ly cho đến tứ thiên hạ cõi Diêm-phù-đề cũng không bị ép ngặt, thảy đều thấy như cũ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật mời ngài Văn-thù-sư-lợi lên tòa sư tử, cùng với các vị Bồ-tát thượng nhân đồng ngồi, thân phải đứng cao bằng tòa kia. Những vị Bồ-tát đã được thần thông liền tự biến hình cao bốn muôn hai ngàn do-tuần, lên ngồi trên tòa sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử của Phật đều không thể lên tòa được.

Lúc đó ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Mời Ngài lên ngồi tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ! Tòa này cao rộng, tôi không thể lên được.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới có thể ngồi được.

Khi ấy những vị Bồ-tát mới phát tâm và những vị đại đệ tử Phật bèn đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương, liền lên ngồi được tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ, thật là chưa từng có! Thất nhỏ như thế mà có thể dung chứa được tòa cao rộng này, như thành Tỳ-da-ly cũng không bị chướng ngại, lại thêm chợ búa thành ấp trong cõi Diêm-phù-đề, và cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong tứ thiên hạ cũng không bị ép ngặt.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất! Chư Phật Bồ-tát có pháp môn giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát ấy, lấy núi Tu-di cao rộng mà nhét trong một hạt cải vẫn không có thêm bớt, núi chúa Tu-di tướng xưa vẫn như cũ mà chư thiên của Tứ thiên vương và Đao-lợi không biết không hay mình bị nhét vào trong ấy, chỉ có những người đáng độ mới thấy được núi Tu-di nhét trong hạt cải, ấy gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại dùng nước trong bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông mà không nhiễu loạn các loài thủy tộc cá, trạnh, giải, đà... mà biển cả kia, tướng xưa vẫn như cũ, các loài rồng, quỷ thần, a-tu-la... không hay không biết mình bị vào trong lỗ chân lông, đối với chúng sanh này cũng không bị nhiễu loạn.

Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, nắm lấy tam thiên đại thiên thế giới như ông thợ gốm cầm hòn đất trong bàn tay mặt ném ra xa ngoài thế giới nhiều như cát sông Hằng rồi đặt trở về chỗ cũ, mà chúng sanh ở trong đó không hay không biết mình đã dời đổi, đều khiến những người đó không nghĩ rằng mình có đi qua lại, mà tướng xưa của thế giới này cũng vẫn như cũ.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có chúng sanh ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp, khiến cho những chúng sanh kia cho rằng mình sống một kiếp.

Hoặc có chúng sanh không ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp làm bảy ngày, khiến chúng sanh kia cho là bảy ngày.

Lại nữa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem việc trang nghiêm tất cả các cõi Phật hợp lại thành một nước, để chỉ bày cho chúng sanh. Lại Bồ-

tát đem chúng sanh trong các cõi Phật để trên bàn tay phải, bay đến khắp mười phương chỉ bày cho tất cả mà không dời khỏi chỗ cũ. Lại Xá-lợi-phất, những phẩm vật của chúng sanh trong mười phương cúng dường chư Phật, Bồ-tát nơi một lỗ chân lông đều khiến được thấy. Lại nữa mười phương cõi nước tất cả mặt trời, mặt trăng, sao... nơi một lỗ chân lông đều khiến cho thấy hết.

Lại Xá-lợi-phất, tất cả các gió ở trong mười phương thế giới, Bồ-tát thảy đều có thể hút hết vào trong miệng mà thân không tổn hại, các cây cối bên ngoài cũng không bị gãy đổ. Lại mười phương thế giới khi kiếp hỏa tận, Bồ-tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa vẫn cháy như cũ mà không bị tổn hại. Lại ở phương dưới qua hằng hà sa số thế giới của chư Phật, lấy một cõi Phật đưa lên phương trên qua hằng hà sa số thế giới, giống như là cầm cây kim nhọn ghim vào lá táo mà không bị tổn hại.

Lại Xá-lợi-phất, những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, hay dùng thần thông hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Bích-chi Phật hoặc hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân Đế-thích hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Thế chủ hoặc hiện thân Chuyển luân thánh vương. Lại tất cả các thứ tiếng trong mười phương thế giới, âm thanh bậc trung thượng hạ đều có thể biến thành tiếng của Phật, để diễn nói lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Và mười phương chư Phật đang nói những pháp gì ở trong đó, đều khiến được nghe khắp. Này ngài Xá-lợi-phất, nay tôi lược nói năng lực của pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, nếu rộng nói cùng kiếp cũng không thể hết.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, ngài tán thán việc chưa từng có, mới bảo ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Ví như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng lại như thế, tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể hiểu rõ. Người trí nghe pháp này, ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Chúng ta vì sao mất hẳn cội gốc kia, đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, âm thanh chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả Bồ-tát nên rất vui mừng, đảnh thọ pháp này. Nếu có Bồ-tát tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, tất cả chúng ma không thể làm gì được.

Khi ngài Đại Ca-diếp nói lời ấy rồi, ba muôn hai ngàn thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Đại Ca-diếp:

- Nhân giả, trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, những vị làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Các ngài dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sanh nên hiện làm ma vương. Lại nữa ngài Ca-diếp, mười phương vô lượng Bồ-tát, hoặc có người theo mình mà xin tay chân tai mũi, đầu mắt tủy não, máu thịt da xương, xóm làng thành ấp, vợ con tôi tớ, voi ngựa xe cộ, vàng bạc lưu ly, xa cừ mã não, san hô, hổ phách, trân châu kha bối, y phục thức ăn uống, những người xin như thế, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện đến thử, khiến người kia được kiên cố. Vì cớ sao? Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì có sức oai đức, nên thị hiện các hạnh bức bách, chỉ bày cho chúng sanh những việc khó

làm như thế. Người phàm phu hạ liệt, không có thế lực, không thể nào bức bách được Bồ-tát. Ví như voi lớn giẫm đạp, con lừa không thể chịu nổi, ấy gọi là cửa phương tiện trí tuệ trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Giảng:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất thấy trong thất này không có sàng tòa, liền khởi nghĩ: "Những vị Bồ-tát và chúng đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở chỗ nào?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý đó, nên nói với ngài Xá-lợi-phất rằng:

- *Thế nào nhân giả, vì pháp mà đến ư? Vì sàng tòa mà đến ư?*

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- *Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì sàng tòa mà đến.*

Ông Duy-ma-cật nói:

- *Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không tiếc thân mạng, huống là sàng tòa? Phàm người cầu pháp chẳng phải có sắc thọ tưởng hành thức mà cầu, chẳng có giới nhập mà cầu, chẳng có Dục, Sắc, Vô sắc mà cầu.*

Người thật tâm cầu pháp dầu cho phải tan thân mất mạng còn không tiếc, huống là không có ghế ngồi mà cho là quan trọng sao? Theo cư sĩ Duy-ma-cật, cầu pháp có ba trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất: Không căn cứ trên thân năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức mà cầu. Năm uẩn là tướng sanh diệt mà pháp này là pháp bất sanh bất diệt, nên căn cứ trên tướng sanh diệt mà cầu pháp thì không thể được.

- Trường hợp thứ hai: Không căn cứ trên giới nhập mà cầu. Nhập là mười hai nhập, gồm sáu căn sáu trần, chung cả thân và cảnh. Giới là mười tám giới gồm sáu căn sáu trần và sáu thức, tức là trong thân

có thức, ngoài có căn và trần. Nhập và giới đều là tướng sanh diệt, nên nói không thể ở trong mười hai nhập, mười tám giới mà cầu pháp.

- Trường hợp thứ ba: Không ở trong ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc giới mà cầu. Vì tam giới là tướng vô thường, muốn cầu pháp bất sanh bất diệt mà nương vào tướng vô thường làm sao cầu được.

Thế nên ở đây xác định ba trường hợp không thể nương tựa để cầu pháp là: thân năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, ba cõi, vì cả ba đều là tướng vô thường.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không chấp nơi Phật mà cầu, không chấp nơi pháp mà cầu, không chấp nơi chúng tăng mà cầu. Thông thường, người cầu pháp phải nương tựa vào Phật pháp tăng, nhưng tại sao ở đây lại nói cầu pháp không nương tựa vào Tam bảo?

Chữ *Pháp* cư sĩ Duy-ma-cật nói là đúng với tinh thần chữ pháp trong bài kệ chư tổ trao truyền. Pháp là chỉ cho tâm bất sanh bất diệt. Nếu muốn cầu pháp đó thì không chấp nơi Phật pháp tăng, mà phải nhận được từ bản tâm bất sanh bất diệt của chính mình. Vì Phật pháp tăng bên ngoài không phải là chỗ cứu cánh. Phật Thích-ca chỉ là hóa thân, pháp là lời chỉ dạy của ngài, như ngón tay chỉ mặt trăng, tăng là người thừa kế. Chúng tăng là hòa hợp chúng, nhưng đã là hòa hợp thì cũng là tướng sanh diệt. Thế nên chúng ta không nên chấp Tam bảo bên ngoài, mà phải nương Tam bảo tự tâm của chính mình mới cầu được pháp bất sanh bất diệt.

Phàm người cầu pháp không thấy khổ để cầu, không có đoạn tập để cầu, không đến chứng diệt và tu đạo để cầu. Vì cớ sao? Pháp không có hý luận, nếu nói tôi sẽ kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, ấy là hý luận, chẳng phải là cầu pháp.

Pháp tu của hàng Nhị thừa là pháp tứ đế. Trước phải kiến đế, tức là thấy được khổ đế, kế là đoạn tập đế, sau là chứng diệt đế, nhưng muốn chứng diệt đế thì phải tu đạo đế. Đó là những bước trải qua của người cầu pháp tiến đến thánh quả. Chữ Pháp ở đây là chỉ

cho pháp thể thanh tịnh. Pháp thể thanh tịnh đó nếu còn có thấy, có đoạn, có tu, có chứng cũng là tướng tạo tác sanh diệt, chứ chưa phải là pháp chân thật viên mãn thanh tịnh. Thế nên nói, không phải trong bốn pháp tứ đế mà cầu.

Phàm cái gì còn thấy hai bên, còn thấy sanh diệt, đều thuộc về hý luận. Nếu thấy có khổ để đoạn, có diệt để chứng là thấy hai bên, cũng nằm trong pháp hý luận, chưa phải là pháp bất sanh bất diệt. Còn chỗ chân thật thì không đối đãi, không hý luận.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, pháp gọi là tịch diệt, nếu hành sanh diệt ấy là cầu sanh diệt không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết-bàn ắt là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp. Pháp thể là tịch diệt mà dùng hạnh sanh diệt để cầu, đó là cầu sanh diệt chứ không phải cầu pháp. Pháp thể hằng thanh tịnh nên không nhiễm ô, tức là vô nhiễm. Như chúng ta thấy khổ thì chán, thấy Niết-bàn thì ưa, đã có chán có ưa là có nhiễm trước, nên nói nếu còn nhiễm nơi pháp, cho đến Niết-bàn cũng là nhiễm trước, chứ không phải cầu pháp.

Pháp không hành xứ, nếu hành nơi pháp ắt là hành xứ, chẳng phải cầu pháp. Pháp không tướng mạo thì không có chỗ để thực hành, nếu có thực hành thì không phải là cầu pháp.

Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp ắt là thủ xả, chẳng phải cầu pháp. Vì pháp này là pháp thể tròn đầy trong sáng không nhiễm nhơ, không sanh diệt, không đối đãi hai bên. Bởi không hai bên nên không thủ xả. Thủ xả theo nghĩa thông thường tức là thủ thiện xả ác. Chúng ta tu thường có tâm niệm bỏ ác giữ lành, đó thuộc về pháp thủ xả, tốt trong giới hạn đối đãi. Nhưng nếu nói đến pháp tánh vượt ngoài đối đãi thì không thủ xả, còn có thủ xả không phải là cầu pháp.

Pháp không chỗ nơi, nếu chấp chỗ nơi ắt là chấp chỗ nơi, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là vô tướng, nếu tùy theo tướng mà biết ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Vì pháp này không có tướng mạo, cũng không có giới hạn, nếu đặt ra tướng mạo, giới hạn thì

không phải là cầu pháp. Phàm cái gì có tướng đều nằm trong vô thường, duyên hợp, mà pháp thể không phải vô thường, không phải duyên hợp cho nên là vô tướng. Vì vậy nếu tùy theo tướng mà biết, ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Như trong trong kinh Kim Cang nói vô tướng là thật tướng, tức là chỉ cho pháp thể.

Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp ắt là trụ pháp chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy nghe hiểu biết, nếu thực hành thấy nghe hiểu biết ắt là thấy nghe hiểu biết chứ không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô vi, nếu hành hữu vi ấy là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp.

Vì pháp thể trùm khắp không nơi chốn, nếu còn có chỗ trụ tức là trụ pháp, chứ không phải là cầu pháp. Pháp thể với tâm thể chúng ta không hai không khác, đối với thấy nghe hiểu biết của mình thì ngoại cảnh và các pháp là đối tượng. Nghĩa là trong có năng kiến ngoài có sở kiến hay trong có năng văn ngoài có sở văn, thành hai bên đối đãi nhau. Nếu lấy đối đãi để cầu pháp không đối đãi thì chưa phải cứu cánh, nên không phải là cầu pháp.

Phàm những pháp còn tướng sanh trụ dị diệt là tướng hữu vi. Pháp vô vi không có hình tướng nên không có sanh trụ dị diệt. Nếu dùng tướng sanh trụ dị diệt để cầu, đó là tìm cầu cái hữu vi chứ không phải là cầu pháp.

Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Nếu là người cầu pháp, đối với tất cả pháp nên không có chỗ cầu.

Khi nói lời ấy rồi, năm trăm vị thiên tử đối trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh.

Câu kết thúc này chúng ta thấy gần giống với câu *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm* trong kinh Kim Cang mà Lục Tổ đã ngộ. Vậy người cầu pháp đối với tất cả pháp không có chỗ cầu, ấy mới gọi là cầu pháp. Nghĩa là muốn cầu pháp viên mãn thanh tịnh bất sanh bất diệt thì đừng dính kẹt ở một pháp nào.

Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật muốn giải thích cho tôn giả Xá-lợi-phất hiểu đúng tinh thần cầu pháp. Lâu nay chúng ta cầu pháp chỉ là cầu pháp sanh diệt. Bước đầu của người tu phải nương pháp tướng để thể nhập pháp tánh, nếu còn mắc kẹt trên tướng thì không bao giờ đạt được thể tánh bất sanh bất diệt. Qua đó chúng ta thấy ý nghĩa đoạn trên, chư Bồ-tát muốn bác bỏ những chấp tướng để đạt được thể tánh bất sanh bất diệt ngay tự thân mỗi ngươi.

Bấy giờ trưởng giả Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù sư-lợi:

- Nhân giả dạo đi vô lượng ngàn muôn ức a-tăng-kỳ cõi nước, những cõi Phật nào có tòa sư tử do công đức thành tựu tốt đẹp nhất?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, ở phương đông qua ba mươi sáu hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên là Tu-di Tướng, đức Phật ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện nay vẫn còn. Thân đức Phật kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ bậc nhất.

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật hiện sức thần thông, tức thì đức Phật kia dời ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đem vào trong thất ông Duy-ma-cật, chư Bồ-tát và các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... từ xưa chưa từng thấy. Thất rộng lớn dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử mà không chướng ngại. Ở trong thành Tỳ-da-ly cho đến tứ thiên hạ cõi Diêm-phù-đề cũng không bị ép ngặt, thảy đều thấy như cũ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật mời ngài Văn-thù-sư-lợi lên tòa sư tử, cùng với các vị Bồ-tát thượng nhân đồng ngồi, thân phải đứng cao bằng tòa kia.

Chúng ta đã biết Tịnh Danh là tên của cư sĩ Duy-ma-cật, tức là tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh, tất cả khởi nghĩ đều là diệu dụng. Cho nên nghe Bồ-tát Văn-thù nói cõi đó có tòa sư tử đẹp như vậy, cư sĩ Duy-ma-cật khởi nghĩ muốn những tòa đó đến thất của mình, các tòa liền có. Đó là diệu dụng bất khả tư nghì, không thể

dùng tình thức phân biệt của phàm phu mà lường nổi diệu dụng của tâm thanh tịnh. Nhưng tất cả diệu dụng đều là huyễn hóa không thật. Bởi lẽ thất cư sĩ Duy-ma-cật thể tánh vốn không, nên dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng mà không thấy chật hẹp chướng ngại, do đó mới hiểu được việc làm của ông. Như chúng ta xem chiếu bóng, thấy trên màn ảnh có người, xe hơi, nhà lầu, núi sông... Tại sao chỉ một tấm vải vài mét lại chứa nổi bao nhiêu thứ đó được? Vì nhà cửa, núi sông, người xe v.v... trong màn ảnh đó đều là tướng huyễn, chứ nếu thật thì dồn vô làm gì được. Nhưng diệu dụng đó cũng là hư huyễn, đã hư huyễn thì dồn chứa có gì chướng ngại chật hẹp ép ngặt! Đó là ý nghĩa thất không.

Qua đoạn này chúng ta thấy có điểm đặc biệt. Tòa sư tử cao rộng tám muôn bốn ngàn do-tuần, nếu thân mình thấp thì ngồi lên không được. Người muốn lên ngồi được tòa đó phải cao tương tự. Chư Bồ-tát đã được tâm bình đẳng không còn thấy có lớn nhỏ, nên không thấy tòa sư tử lớn vào trong thất nhỏ mà thành chật hẹp.

Những vị Bồ-tát đã được thần thông liền tự biến hình cao bốn muôn hai ngàn do-tuần, lên ngồi trên tòa sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử của Phật đều không thể lên tòa được.

Lúc đó ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Mời ngài lên ngồi tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ! Tòa này cao rộng, tôi không thể lên được.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới có thể ngồi được.

Khi ấy những vị Bồ-tát mới phát tâm và những vị đại đệ tử Phật bèn đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương, liền lên ngồi được tòa sư tử.

Tại sao các vị Bồ-tát lớn như Văn-thù có thể ngồi lên tòa được, Bồ-tát bậc trung phải dùng thần thông, còn Bồ-tát mới phát tâm và hàng Thanh văn phải đảnh lễ đức Tu-di Đăng Vương Như Lai mới ngồi được? Các vị Bồ-tát thượng nhân và Bồ-tát Văn-thù đều có diệu dụng tương xứng với cư sĩ Tịnh Danh, nên quý ngài thừa khả năng chứng nhập. Đã tương xứng với Tịnh Danh thì cái gì Tịnh Danh nghĩ hiện ra, các ngài đều ứng dụng không ngại. Các Bồ-tát bậc trung phải vận dụng khả năng mạnh mẽ mới phù hợp. Còn những vị Bồ-tát sơ phát tâm và Thanh văn phải có niềm tin mới kham thọ dụng. Vì vậy bản ý bộ kinh này, mở đầu là phẩm Tịnh Phật Quốc Độ nghĩa là tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Tâm tịnh là nhân, cõi Phật tịnh là quả. Tâm thanh tịnh rồi mới khởi diệu dụng, tức là nhân viên mãn, quả viên mãn. Như vậy chúng ta mới hiểu năng lực bất khả tư nghì của cư sĩ Duy-ma-cật, đó là diệu dụng của tâm thanh tịnh. Thế nên chúng ta phải tin tưởng mạnh mẽ rằng, khi đã gạt bỏ hết vọng tưởng điên đảo, tâm thuần thanh tịnh, lúc đó tưởng như là khờ là dốt, nhưng chính khi ấy mới là diệu dụng bất khả tư nghì. Vì sao? Vì tâm thể mình vốn tròn sáng, sở dĩ tối là do tình chấp vô minh, gặp duyên xấu huân tập nên bị ẩn khuất. Như được gặp thầy tốt, hữu sư trí, lần lần tánh xấu hết, đến khi thuần tịnh, vô sư trí, thì hằng sống được với tâm thể thanh tịnh sẵn có từ vô thủy. Đó là pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Ở đây nói lý nghe thì hiểu mà không thực tế, bây giờ tạm mượn thí dụ cho dễ hiểu. Như giữa hai đống cát, một thước khối và một trăm thước khối, đống một trăm thước khối là lớn, đống một thước khối là nhỏ. Căn cứ trên sự tụ họp nhiều cát gọi là lớn, ít cát gọi là nhỏ; nếu căn cứ trên hạt cát thì không có lớn nhỏ. Cũng vậy, tất cả pháp đều do duyên hợp nên không có thực thể, không tự tánh, là tướng giả hợp nên có to có nhỏ, chứ thực thể thì không có to có nhỏ. Vì vậy bao nhiêu tòa sư tử to lớn dồn trong cái thất nhỏ cũng không thấy chật hẹp. Trên lý, pháp tánh không có tánh cố định là thật cho nên gọi là tánh không, mà tánh không thì còn gì có lớn nhỏ.

Tóm lại, đoạn trên nói rằng thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật biến ra được các tòa đem lại để trong thất mà không thấy chật. Cả thành Tỳ-da-ly cũng không thấy chật hẹp, vẫn y nguyên như cũ. Như vậy chúng ta hiểu được hai đặc điểm: Đặc điểm thứ nhất là tâm bình đẳng của Bồ-tát nên không nói lớn nhỏ. Đặc điểm thứ hai là trên pháp tánh, pháp tánh là tánh không thì cũng bình đẳng không có lớn nhỏ. Cho nên đây nói lớn nhỏ đều dung hợp không bị ngăn cách, không bị chật hẹp v.v...

Đến đoạn thứ hai, nếu Bồ-tát đạt đến chỗ bình đẳng tự tại thì lớn nhỏ không còn chướng ngại, nên tòa lớn các ngài hiện thân lớn, ngồi không gì trở ngại hết. Nhưng hàng Bồ-tát mới phát tâm và các vị Thanh văn, còn thấy đối đãi hai bên nên khi thấy tòa sư tử cao lớn, liền nghĩ mình không thể ngồi lên được. Vậy muốn ngồi được phải làm sao? Phải có lòng tin, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới ngồi được. Ý nói người đến với đạo, khi chưa đạt được lý viên mãn, phải nhờ lòng tin. Còn người đạt được lý rồi thì tự tròn đầy, khỏi phải nhờ lòng tin nữa.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ, thật là chưa từng có! Thất nhỏ như thế mà có thể dung chứa được tòa cao rộng này, như thành Tỳ-da-ly cũng không bị chướng ngại, lại thêm chợ búa thành ấp trong cõi Diêm-phù-đề, và cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong tứ thiên hạ cũng không bị ép ngặt.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất! Chư Phật Bồ-tát có pháp môn giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát ấy, lấy núi Tu-di cao rộng mà nhét trong một hạt cải vẫn không có thêm bớt, núi chúa Tu-di tướng xưa vẫn như cũ mà chư thiên của Tứ thiên vương và Đao-lợi không biết không hay mình bị nhét vào trong ấy, chỉ có những người đáng độ mới thấy được núi Tu-di nhét trong hạt cải, ấy gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại dùng nước

trong bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông mà không nhiễu loạn các loài thủy tộc cá, trạnh, giải, đà... mà biển cả kia tướng xưa vẫn như cũ, các loài rồng, quỷ thần, a-tu-la... không hay không biết mình bị vào trong lỗ chân lông, đối với chúng sanh này cũng không bị nhiễu loạn.

Núi Tu-di là ngọn núi lớn nhất trong cõi Diêm phù-đề. Ở đây nói đem núi Tu-di nhét trong hạt cải, nghe quá sức tưởng tượng của mình. Như trên đã nói, tất cả các pháp tự tánh là không, nên tánh không của ngọn núi Tu-di với tánh không của hạt cải không hai không khác. Núi Tu-di lớn là giả tướng lớn, hạt cải nhỏ là giả tướng nhỏ, chứ trên thể tánh không của nó không có lớn nhỏ, nên nói rằng nó dung nạp nhau không chướng ngại.

Thí dụ thứ hai là lấy nước bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông. Ý nghĩa cũng tương tự như trên.

Lại nữa Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, nắm lấy tam thiên đại thiên thế giới như ông thợ gốm cầm hòn đất trong bàn tay mặt ném ra xa ngoài thế giới nhiều như cát sông Hằng rồi đặt trở về chỗ cũ, mà chúng sanh ở trong đó không hay không biết mình đã dời đổi, đều khiến những người đó không nghĩ rằng mình có đi qua lại, mà tướng xưa của thế giới này cũng vẫn như cũ. Đây là nói về diệu dụng của Bồ-tát. Giống như ông thợ gốm nắm cục đất ném ra xa, Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì nắm cả tam thiên đại thiên thế giới trong lòng bàn tay, ném ra xa hằng hà sa thế giới rồi đem về để lại chỗ cũ, mà tất cả chúng sanh trong đó cũng không hay không biết gì hết. Tướng nó vẫn như cũ, không đổi thay.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có chúng sanh ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp, khiến cho những chúng sanh kia cho rằng mình sống một kiếp. Hoặc có chúng sanh không ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp làm bảy ngày, khiến chúng sanh kia cho là bảy ngày. Đây nói về thời gian. Có những người thích sống lâu để tu thì Bồ-tát liền

kéo dài thời gian ra, bảy ngày thành một kiếp, mới có thể độ họ được. Còn những chúng sanh không ưa sống lâu ở đời, muốn tu cho nhanh, lâu quá e trở ngại sự tu, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp còn thành bảy ngày để họ dễ phát tâm tu.

Theo thế thường, thời gian đối với chúng ta có dài ngắn nhất định. Chẳng hạn một giờ là sáu mươi phút không có sai khác. Nhưng đôi khi chúng ta cảm thấy một giờ quá dài, cũng có lúc lại thấy quá ngắn. Thí dụ trưởng ban ruộng động viên huynh đệ ra ruộng làm cỏ gấp. Nghe tiếng kẻng xả công tác, trưởng ruộng vì lo công việc gấp nên thấy thời gian qua quá nhanh, mới đó đã hết giờ. Còn huynh đệ làm việc mệt, mỏi tay chân thì thấy sao lâu quá. Hoặc giả có người thân đi xa hẹn hôm nay về, thì ngày đó mình tới lui trông ngóng, thấy thời gian dài lê thê. Như vậy thời gian không cố định, cũng tùy tâm niệm của chúng sanh thấy có ngắn có dài. Sở dĩ không cố định vì nó không thật, do tâm tưởng của chúng sanh mà ra. Thế nên Bồ-tát tùy duyên hóa độ, muốn rút ngắn hoặc kéo dài thời gian cũng được, tùy theo sở thích chúng sanh. Đây là nói diệu dụng của Bồ-tát trong pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì.

Lại nữa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem việc trang nghiêm tất cả các cõi Phật hợp lại thành một nước, để chỉ bày cho chúng sanh. Lại Bồ-tát đem chúng sanh trong các cõi Phật để trên bàn tay phải, bay đến khắp mười phương chỉ bày cho tất cả mà không dời khỏi chỗ cũ. Lại Xá-lợi-phất, những phẩm vật của chúng sanh trong mười phương cúng dường chư Phật, Bồ-tát nơi một lỗ chân lông, đều khiến được thấy. Lại nữa mười phương cõi nước tất cả mặt trời, mặt trăng, sao... nơi một lỗ chân lông đều khiến cho thấy hết.

Lại Xá-lợi-phất, tất cả các gió ở trong mười phương thế giới, Bồ-tát thảy đều có thể hút hết vào trong miệng mà thân không tổn hại, các cây cối bên ngoài cũng không bị gãy đổ. Lại mười phương thế giới khi kiếp hỏa tận, Bồ-tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa vẫn cháy như cũ mà không bị tổn hại. Lại ở phương dưới qua hằng hà sa

số thế giới của chư Phật, lấy một cõi Phật đưa lên phương trên qua hằng hà sa số thế giới, giống như là cầm cây kim nhọn ghim vào lá táo mà không bị tổn hại.

Lại Xá-lợi-phất, những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, hay dùng thần thông hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Bích-chi Phật hoặc hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân Đế-thích hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Thế chủ hoặc hiện thân Chuyển luân thánh vương. Lại tất cả các thứ tiếng trong mười phương thế giới, âm thanh bậc trung thượng hạ đều có thể biến thành tiếng của Phật, để diễn nói lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Và mười phương chư Phật đang nói những pháp gì ở trong đó, đều khiến được nghe khắp. Này ngài Xá-lợi-phất, nay tôi lược nói năng lực của pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, nếu rộng nói cùng kiếp cũng không thể hết.

Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem tất cả sự trang nghiêm tốt đẹp của các cõi Phật khác hợp về một nước để chỉ cho chúng sanh thấy ưa thích mà phát tâm tu. Lại Bồ-tát đặt tất cả chúng sanh trên bàn tay bay khắp mười phương cho họ xem, rồi về để nguyên chỗ cũ mà họ vẫn không hay biết mình đã bị di chuyển.

Trong một lỗ chân lông, Bồ-tát thấy tất cả những phẩm vật của chúng sanh cúng dường chư Phật trong mười phương. Mười phương cõi nước có bao nhiêu nhật nguyệt tinh tú gom về trong một lỗ chân lông, khiến chúng sanh xem thấy dễ dàng. Mười phương thế giới có bao nhiêu gió, Bồ-tát hớp vào miệng mà thân không hề bị tổn hại, tất cả cây cối bên ngoài không bị gãy đổ.

Kiếp hỏa tận tức là tới thời kỳ hỏa tai, trái đất bị lửa cháy thiêu đốt. Trong kinh Phật nói đến thời kỳ hỏa tai, trái đất bị cháy, lửa cao đến các cõi trời Phạm thiên, nhìn thấy thế giới cháy giống như tim đèn đốt cháy lụn tàn. Nghe thật khó tin! Nhưng khoa học hiện nay đã chứng minh. Trong quả địa cầu của chúng ta có rất nhiều mỏ dầu, vì vậy khi nhiệt độ trái đất tăng cao, dầu sẽ bốc cháy làm tan hoại

cả thế giới, đó gọi là kiếp hỏa tai. Khi kiếp tận, lửa cháy ngút trời, Bồ-tát hút tất cả lửa vào trong bụng mà thân không bị nguy hại.

Trong giáo lý đức Phật nói có thập phương thế giới, gồm tám hướng cộng với thượng phương và hạ phương. Hạ phương là phương phía dưới. Bồ-tát có thể lấy một cõi Phật ở hằng hà sa thế giới ở phương dưới đưa lên phương trên cách hằng hà sa số thế giới như cầm cây kim ghim vào một lá cây hay lá táo không có gì khó khăn trở ngại.

Bồ-tát có thể dùng thần thông hiện thân Bích-chi Phật hoặc thân Thanh văn, thân Đế-thích, thân Phạm vương, Chuyển luân vương. Lại nữa, trong mười phương thế giới có bao nhiêu thứ âm thanh thượng trung hạ, Bồ-tát đều có thể biến thành âm thanh của chư Phật trong mười phương đang diễn nói những pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã khiến cho chúng sanh hữu duyên đều được nghe. Tóm lại, thần lực giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát là thế, nếu nói rộng ra suốt kiếp cũng không thể hết được.

Trong phẩm này có những sự việc chúng ta chưa bao giờ dám nghĩ tưởng đến, thế mà Bồ-tát có thể làm được không ngăn ngại. Vì tâm của các ngài hoàn toàn thanh tịnh bình đẳng nên đối với tất cả pháp đều bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng rồi thì không còn gì chướng ngại chống đối nhau. Trong hoàn cảnh nào, trường hợp nào, việc làm của các ngài, người đời đều không thể hiểu biết được. Thế nên gọi là Bồ-tát trụ trong pháp môn giải thoát bất tư nghì.

Ở đây nêu lên tám thứ Bất khả tư nghì, hay tám thứ vô ngại:

Thứ nhất, lớn nhỏ vô ngại: như núi Tu-di nhét trong hạt cải.

Thứ hai, động tịnh vô ngại: như đem nước bốn biển nhét vô lỗ chân lông mà các loài thủy tộc không hay không biết.

Thứ ba, dài ngắn vô ngại: là thời gian một kiếp kéo ngắn lại thành bảy ngày, bảy ngày kéo dài ra thành một kiếp.

Thứ tư, một hay nhiều vô ngại: tức là tất cả những phẩm vật cúng dường của mười phương chư Phật nhìn trong một lỗ chân lông đều thấy đủ cả.

Thứ năm, y chánh vô ngại: y là y báo, chánh là chánh báo. Kể cả cõi Phật và chúng sanh, dời đi dời lại đều không chướng ngại.

Thứ sáu, nghiệp dụng vô ngại: để chỉ cho tất cả thứ tiếng, tiếng nào cũng chuyển thành tiếng Phật, tiếng nào cũng chuyển thành tiếng pháp.

Thứ bảy, ứng hiện vô ngại: tức là ứng hiện thân. Tùy theo sở cầu cần thân nào thì hiện ra thân ấy.

Thứ tám, pháp âm vô ngại: là Phật nói pháp ở cõi này mà khiến chúng sanh ở các cõi khác cũng đều được nghe được biết.

Tóm lại, Bồ-tát trụ trong pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì là do các ngài sống được với tâm thể bình đẳng, thấy được pháp tánh bình đẳng, nên vận dụng mọi công tác đều không chướng ngại.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, ngài tán thán việc chưa từng có, mới bảo ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Ví như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng lại như thế, tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể hiểu rõ. Người trí nghe pháp này, ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Chúng ta vì sao mất hẳn cội gốc kia, đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, âm thanh chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả Bồ-tát nên rất vui mừng, đảnh thọ pháp này. Nếu có Bồ-tát tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, tất cả chúng ma không thể làm gì được.

Khi ngài Đại Ca-diếp nói lời ấy rồi, ba muôn hai ngàn thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Qua đoạn văn này chúng ta thấy có những điểm kỳ đặc. Trong hàng đại đệ tử của Phật, tôn giả Ca-diếp nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì liền cảm thông, nên ngài khen ngợi pháp môn chưa từng có. Đến đây chúng ta liên tưởng trong hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen lên, cả chúng ngơ ngác, chỉ có tôn giả Ca-diếp chúm chím cười. Cũng vậy, khi nghe pháp môn Bất khả tư nghì, chúng Thanh văn đều ngơ ngác, chỉ có tôn giả Ca-diếp tán thán việc chưa từng có. Như vậy hàng Thanh văn đệ tử Phật, tôn giả Ca-diếp là người thâm nhập được lý cứu cánh của Đại thừa, hay lý Thiền một cách thấu đáo. Cho nên chúng ta mới cảm thông được vì sao ngài Huyền Giác khi đọc kinh Duy-ma-cật ngộ được lý Thiền.

Bấy giờ, tôn giả Ca-diếp hết lời tán thán, dùng thí dụ để diễn tả và nói với tôn giả Xá-lợi-phất những câu nghe thật là cảm động: Như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng vậy, hàng Thanh văn là Nhị thừa, tâm còn chấp trước, phân biệt đối đãi, khi nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể nhận hiểu được, giống như người mù kia không khác. Vì pháp môn này là pháp môn bình đẳng, pháp tánh bình đẳng và tâm tánh cũng bình đẳng, nên hàng Nhị thừa nghe không thâm nhập được. Người trí nghe ai mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mong cầu đạt được pháp môn này, chứ không thể nào dừng ngang đó. Hàng Thanh văn chúng ta vì sao lại cam chịu mất hẳn cội gốc kia. Đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tại sao chúng ta không vươn lên? Tại sao chúng ta không thấu đạt mà để cho nó hư hoại đi? Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Tại sao nói vậy? Như trong hội chúng, có người đã từng học và hiểu giáo lý Đại thừa, những pháp môn cao siêu Phật dạy, nghe tới đâu hiểu tới đó, nên thấy thích và vui. Và cũng có người mới đến chưa từng học, nghe không hiểu gì hết, mờ mịt tối tăm, lúc đó buồn tủi muốn khóc, rồi tự than thầm vì sao người ta hiểu mà mình không

hiểu. Bởi vậy ngài Ca-diếp nói, hàng Thanh văn nghe mà không hiểu, lẽ ra phải khóc rống làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Còn những vị Bồ-tát nghe rất là vui vẻ, cúi đầu nhận lãnh pháp này. Đó là lời ngài vừa trách các hàng Thanh văn, vừa tán thán các vị Bồ-tát. Ngài nói, nếu các vị Bồ-tát nào tin hiểu pháp môn Bất khả tư nghì, thì tất cả loài ma không làm hại được. Tại sao? Bởi vì tất cả pháp tánh bình đẳng. Tâm bình đẳng thì không có gì cám dỗ và quyến rũ được. Sở dĩ tâm mình còn thiên lệch, còn hai bên, thấy có hay dở tốt xấu, nên bị ma cám dỗ. Nếu sống với chân tâm bình đẳng thì còn gì não hại được.

Khi tôn giả Đại Ca-diếp nói tới đây, thì ba muôn hai ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy ngài phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chưa? Nếu nói chưa thì ngài đâu thể nói lên được những lời như thế. Vậy chúng ta mới thấy, trên tinh thần thâm hiểu giáo lý cao siêu, tôn giả Ca-diếp là người nhận hiểu rất tinh tế.

Lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Đại Ca-diếp:

- Nhân giả, trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, những vị làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Các ngài dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sanh nên hiện làm ma vương.

Lại nữa ngài Ca-diếp, mười phương vô lượng Bồ-tát, hoặc có người theo mình mà xin tay chân tai mũi, đầu mắt tủy não, máu thịt da xương, xóm làng thành ấp, vợ con tôi tớ, voi ngựa xe cộ, vàng bạc lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu kha bối, y phục thức ăn uống, những người xin như thế phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện đến thử khiến người kia được kiên cố.

Qua đoạn này cho thấy, sự hiểu biết của chúng ta từ trước đến nay bị đảo ngược. Thường quan niệm của người tu, cho ma là yêu quái, hiện lên những hình bóng đe dọa khiến chướng ngại sự tu hành

của mình. Nhưng cư sĩ Duy-ma-cật lại nói, ma vương phần nhiều là các bậc Bồ-tát trụ nơi pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện thị hiện làm ma vương để giáo hóa thử thách chúng sanh có tu hành kiên cố không. Như vậy người tu đâu nên sợ ma vương phá, vì ma không thật mà chính là Bồ-tát.

Thí dụ có người phát tâm tu hạnh bố thí, Bồ-tát thị hiện ma vương đến xin vàng bạc, nhà cửa, vợ con, chân tay đầu mắt... xem người đó có thực hành bố thí như đã nguyện không? Hoặc có người phát nguyện tu hạnh thanh tịnh lìa sắc dục, Bồ-tát thị hiện ma nữ đến thử thách quyến rũ, xem người đó có bị sa ngã không? Hoặc có người phát tâm tu hạnh nhẫn nhục, Bồ-tát thị hiện ma vương đến quấy nhiễu, xem họ có nhẫn nhục được không? Như vậy nhẫn nhục là sao? Nhẫn trước sự mắng chửi, mạ nhục, làm khổ mình. Đã phát nguyện nhẫn mà không có ai tạo cơ hội cho mình tức tối bực bội thì có gì để nhẫn đâu. Nếu trước những cảnh trái ý nghịch lòng mình vẫn an nhiên tự tại là thành tựu hạnh nhẫn nhục. Như vậy người đến quấy nhiễu, phải xem là Bồ-tát đến thử thách, chứ đừng cho là ma phá thì sẽ không sân hận bực tức.

Chúng ta kiểm lại sự tu của mình, có thật tu chưa? Nhiều khi nói tu mà luôn muốn được như ý, ăn phải ngon, mặc phải đẹp, ở cho sang, đi ra phải có tiền bạc xe cộ, phương tiện đầy đủ... vậy mới tu được, còn gặp trở ngại thì thối tâm không muốn tu nữa! Như vậy đòi hỏi mọi thứ đều như ý thì sao gọi là tu? Tu là chuyển đổi những tâm niệm đang đắm trước theo dục lạc thế gian, xoay trở lại chính mình đừng cho dính mắc nữa. Trước những điều bất như ý, nghịch cảnh nghịch duyên mà vẫn được an lành tự tại, đó là cơ hội tốt để thể hiện được hạnh nguyện của mình. Đó mới thật là tu, còn nếu không có chướng thì hạnh nguyện của mình đến bao giờ mới được thành tựu! Thế nên chỉ có những bậc Bồ-tát trụ trong pháp môn Bất khả tư nghì có thần lực mới kham làm những việc khó làm như thế để thử thách đạo lực của chúng sanh.

Vì cớ sao? Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì có sức oai đức, nên thị hiện các hạnh bức bách, chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Người phàm phu hạ liệt, không có thế lực, không thể nào bức bách được Bồ-tát. Ví như voi lớn giẫm đạp, con lừa không thể chịu nổi, ấy gọi là cửa phương tiện trí tuệ trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Lâu nay chúng ta lầm tưởng mình tu ít phước đức kém nên gặp nhiều chướng nạn. Những vị đạo cao đức trọng lẽ ra phải thoát nạn tai. Nhưng theo đây nói, tu càng cao thì gian nan trắc trở càng nhiều, vượt qua được mới biết hạnh nguyện có kiên cố hay không. Người phát tâm tu hạnh Bồ-tát, nếu gặp chướng duyên chớ nên thối chí nản lòng. Phải biết đó là những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì thị hiện làm ma vương đến não loạn quấy nhiễu, làm cản trở bước tiến của người tu. Như vậy tu càng cao thì thử thách càng mạnh để giúp người sớm thành tựu bản nguyện. Như voi lớn có sức mạnh giẫm đạp, sức lừa yếu đâu thể chịu nổi. Cũng vậy, Bồ-tát chỉ thử người có đạo lực thâm hậu, còn người sức tu yếu không thể chịu nổi những thử thách đó, gặp việc họ dễ thối tâm. Thế nên, ai tưởng tu lâu hết chướng là hiểu lầm. Nhưng chướng có thật là chướng không? Chẳng hạn, đức Phật lúc tu hạnh Bồ-tát nếu không có người thử, làm sao ngài thành tựu được Phật quả. Cho nên những thử thách đó là hỗ trợ, đưa mình tiến lên, chứ không phải dìm mình xuống. Chỉ tại sức tu còn yếu dở nên mới thấy là chướng. Nếu ngay đó vượt qua được thì bước tu sẽ tiến hơn. Vậy thì chúng ta phải xem chướng đó là ân, là phương tiện lợi sanh của Bồ-tát.

Trong sử đức Phật, có ghi Đề-bà-đạt-đa là anh em chú bác, cũng là đệ tử xuất gia của Phật. Ban đầu ông tu hành tinh tấn, về sau chính ông là người làm hại và cản trở việc hành đạo của Phật. Nhưng những bản kinh sau Phật nói, chính Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức, là người ân, giúp Phật chóng thành tựu đạo quả. Như vậy tại sao chúng ta không thấy những huynh đệ làm chướng làm khó khổ mình chính là thiện hữu tri thức, là Bồ-tát nghịch hạnh, chớ nên

nghĩ xấu cho họ là người không có đạo đức. Được như thế thì đâu có buồn phiền giận trách, mà còn cám ơn họ. Như vậy mới thấy tinh thần Đại thừa giúp chúng ta có cái nhìn thâm sâu, thấu triệt để thêm sức mạnh. Tu phải có sức chiến đấu thắng mình, thắng mọi nghịch cảnh mới được an vui. Phải thấy mọi người quanh ta đều là người tốt, là Bồ-tát chớ có xem thường. Còn nếu thấy mọi người chung quanh là ma, phá mình hoài, thì chính người đó đã là ma. Gặp những khó khăn đến với ta là cơ hội tốt, nên vui vẻ mà tiến, chứ không chán nản thối lui. Học phẩm này chúng ta có thêm sức mạnh vững bước trên đường tu.

07. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH

Phẩm đầu của bộ kinh này là Tịnh Phật Quốc Độ, tức là muốn trang nghiêm tịnh độ thì phải tịnh tâm, đến đây là phẩm Quán Chúng Sanh. Khi biết rõ thật tướng của chúng sanh thì đối với sự tu hành chúng ta mới khỏi lầm lẫn. Như vậy chúng sanh là chánh báo, cõi tịnh độ của Phật là y báo.

Chánh văn:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Ví như nhà huyễn thuật thấy người huyễn của mình tạo ra, Bồ-tát quán chúng sanh là như thế. Như người trí thấy trăng trong nước, như hình mặt hiện trong gương, như sóng nắng khi trời nóng bức, như âm vang của tiếng hô to, như mây trong hư không, như chùm bọt nước, như bong bóng nước, như sự bền chắc của cây chuối, như sự lâu dài của tia chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Như sắc trong cõi trời Vô sắc, như mầm của hạt giống rang, như thân kiến Tu-đà-hoàn, như A-na-hàm vào thai, như ba độc của A-la-hán, như tham sân phá cấm giới của Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như người mù thấy sắc, như hơi thở ra vào của người nhập Diệt tận định, như dấu chim bay trong hư không, như con cô gái đá, như người huyễn hóa khởi phiền não, như cảnh thấy trong mộng khi thức, như người diệt độ mà thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Nếu Bồ-tát khởi quán như thế, làm sao thực hành lòng từ?

Ông Duy-ma-cật trả lời:

- Bồ-tát khởi quán thế ấy rồi, tự nghĩ: "Ta phải vì chúng sanh nói pháp như thế." Ấy tức là lòng từ chân thật vậy.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt vì không có phiền não. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi. Thực hành lòng từ không hai vì trong ngoài không hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm không hủy hoại. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên vì như hư không. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Thực hành lòng từ Bồ-tát để an ổn chúng sanh. Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như. Thực hành lòng từ của Phật vì giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên vì không nhân được. Thực hành lòng từ Bồ-đề vì một vị bình đẳng. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn các ái. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã. Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Thực hành lòng từ trì giới vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để gánh vác chúng sanh. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng từ không dối gạt vì không hư giả. Thực hành lòng

từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Thực hành lòng từ của Bồ-tát là như thế ấy.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Sao gọi là bi?

Đáp rằng: - Bồ-tát làm ra những công đức đều cho tất cả chúng sanh cùng hưởng.

Hỏi: - Sao gọi là hỷ?

Đáp: - Có điều lợi ích đều hoan hỷ không hối hận.

Hỏi: - Sao gọi là xả?

Đáp : - Việc làm phước đức , không có chỗ mong cầu.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

- Có sợ sanh tử, Bồ-tát phải nương tựa chỗ nào?

Ông Duy-ma-cật bảo:

- Bồ-tát ở trong sanh tử có sợ, phải nương vào sức công đức của Như Lai.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

- Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai thì phải trụ chỗ nào?

Đáp: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ độ thoát tất cả chúng sanh.

Lại hỏi: - Muốn độ chúng sanh phải trừ cái gì?

Đáp: - Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não kia.

Hỏi: - Muốn trừ phiền não phải làm hạnh gì?

Đáp: - Phải hành chánh niệm.

Hỏi: - Làm sao để hành chánh niệm?

Đáp: - Phải hành chẳng sanh chẳng diệt.

Hỏi: - Pháp gì chẳng sanh? Pháp gì chẳng diệt?

Đáp: - Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

Lại hỏi: - Thiện và ác cái gì làm gốc?

Đáp: - Thân làm gốc.

Lại hỏi: - Thân lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tham dục làm gốc.

Hỏi: - Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: - Hư vọng phân biệt làm gốc.

Hỏi: - Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi: - Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ làm gốc.

Lại hỏi: - Vô trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ thì không có gốc. Ngài Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Khi ấy thất ông Duy-ma-cật có một thiên nữ thấy chư đại nhân đang nghe nói pháp, liền hiện ra thân thiên nữ, dùng hoa trời tán trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát đều rơi xuống đất, đến các vị đại đệ tử, dính lại không rơi. Tất cả đại đệ tử dùng thần lực để phủi hoa mà không thể nào phủi được.

Khi ấy Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Vì sao phủi hoa?

Đáp: - Hoa này không đúng pháp, do đó phủi đi.

Thiên nữ thưa:

- Chớ nói hoa này là không đúng pháp. Vì cớ sao? Hoa ấy không phân biệt, nhân giả tự sanh tưởng phân biệt vậy! Nếu

đối với người xuất gia trong Phật pháp, có chỗ phân biệt là không đúng pháp; nếu không có chỗ phân biệt, ấy mới gọi là đúng pháp. Xem các vị Bồ-tát hoa không dính, vì đã đoạn tất cả tưởng phân biệt. Ví như khi người sợ thì phi nhân được cơ hội, như thế các đệ tử Phật sợ sanh tử nên sắc thanh hương vị xúc mới được cơ hội lôi cuốn. Người đã lìa sợ, tất cả ngũ dục đều không làm gì được. Kiết tập chưa hết thì hoa còn dính trên thân! Kiết tập đã hết, hoa không dính được.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ đáp:

- Tôi ở trong thất này như người già được giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói: - Ở đây được bao lâu?

Thiên nữ hỏi:

- Người già giải thoát cũng được bao lâu?

Ngài Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp.

Thiên nữ hỏi: - Như ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh?

Đáp: - Giải thoát không lời để nói, nên tôi đối với chỗ này không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì cớ sao? Giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa; văn tự cũng vậy, không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Không lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì cớ sao? Tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi: - Không do lìa dâm nộ si vẫn giải thoát ư?

Thiên nữ thưa:

- Phật vì những người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Lành thay, lành thay, Thiên nữ! Ngươi đã được cái gì, đã chứng cái gì mới biện tài như thế?

Thiên nữ thưa:

- Tôi không chứng không đắc nên được biện tài như thế. Vì cớ sao? Nếu có đắc có chứng tức ở trong Phật pháp là tăng thượng mạn.

Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Thiên nữ, ngươi đối với tam thừa là chí cầu cái gì?

Thiên nữ đáp:

- Dùng pháp Thanh văn để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh văn, dùng pháp Duyên giác để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Bích-chi Phật, dùng pháp đại bi để giáo hóa chúng sanh nên tôi là Đại thừa. Ngài Xá-lợi-phất! Như người vào trong rừng chiêm-bặc, chỉ ngửi được mùi hương chiêm-bặc, không ngửi các mùi hương khác. Như thế, nếu người nào vào thất này thì chỉ có nghe mùi hương công đức Phật, không thích nghe mùi hương công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Ngài Xá-lợi-phất! Có những vị Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, chư thiên, long thần, quỷ thần... vào trong thất này nghe thượng nhân đây thuyết giảng chánh pháp, đều ưa thích mùi hương công đức Phật, phát tâm rồi lui ra.

Ngài Xá-lợi-phất, tôi ở thất này mười hai năm. Ban đầu không nghe nói pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, chỉ nghe nói pháp Bồ-tát đại từ đại bi, pháp Bất khả tư nghì của chư Phật. Ngài Xá-lợi-phất, thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Những gì là tám?

Thất này thường dùng ánh sáng màu vàng chiếu soi ngày đêm không khác, không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ nhất.

Người vào thất này không bị các cấu nhiễm làm phiền não, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ hai.

Thất này thường có Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và các vị Bồ-tát từ những phương khác đến tụ hội không dứt, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ ba.

Thất này thường nói sáu pháp ba-la-mật bất thối chuyển, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tư.

Thất này thường trổi nhạc bậc nhất của trời người, dây đàn phát ra vô lượng pháp âm, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ năm.

Thất này có bốn kho lớn chứa đầy đồ quý báu, cứu giúp những người cùng khốn, cầu là được không bao giờ hết, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ sáu.

Thất này đức Phật Thích-ca-mâu-ni, đức Phật A-di-đà, Phật A-súc, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Diệm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành... mười phương vô lượng chư Phật như thế, khi thượng nhân này nghĩ đến liền đều đến, rộng nói các pháp tạng bí yếu của chư Phật, thuyết xong rồi trở về, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ bảy.

Thất này tất cả cung điện trang nghiêm của chư thiên, cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tám.

Ngài Xá-lợi-phất! Thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được, ai đã thấy được việc bất tư nghì này mà lại còn ưa pháp Thanh văn ư?

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi vì sao mà không chuyển thân nữ?

Thiên nữ đáp:

- Tôi từ mười hai năm nay, tìm tướng thân nữ trọn không thể được, làm sao mà chuyển! Ví như có một huyễn sư hóa làm người nữ huyễn, nếu có người hỏi: "Vì sao không chuyển thân nữ?", người ấy hỏi là đúng chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không vậy, tướng huyễn không nhất định, làm sao mà chuyển?

Thiên nữ đáp:

- Tất cả pháp cũng lại như thế, không có tướng nhất định, vì sao lại hỏi chẳng chuyển thân nữ?

Liền khi đó Thiên nữ dùng sức thần thông biến Xá-lợi-phất thành Thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân thành Xá-lợi-phất, và hỏi rằng:

- Vì sao không chuyển thân nữ?

Ngài Xá-lợi-phất mang hình tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Nay tôi không biết vì sao lại chuyển biến làm thân nữ?

Thiên nữ thưa:

- Ngài Xá-lợi-phất! Nếu có thể chuyển được thân nữ này, thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển được. Như ngài Xá-lợi-phất không phải nữ mà hiện thân nữ, tất cả người nữ cũng lại như thế, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Liền khi đó Thiên nữ thâu nhiếp thần lực lại, thân ngài Xá-lợi-phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Sắc tướng thân nữ nay ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất đáp:

- Sắc tướng thân nữ không có cũng không phải không có.

Thiên nữ thưa: - Tất cả các pháp cũng lại như thế, không có cũng không phải không có. Phàm không có không phải không có, đó là chỗ Phật nói.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Ngươi ở đây chết rồi sẽ sanh về đâu?

Thiên nữ đáp:

- Chỗ Phật hóa sanh, tôi cũng như kia mà sanh.

Xá-lợi-phất nói:

- Phật hóa sanh, không phải chết mới sanh.

Thiên nữ thưa:

- Chúng sanh cũng như vậy, không chết mà sanh vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi chừng nào sẽ được thành Phật?

Thiên nữ đáp:

- Như ngài Xá-lợi-phất trở lại làm phàm phu, tôi mới có thể thành Phật.

Xá-lợi-phất nói:

- Tôi làm phàm phu điều đó không thể có.

Thiên nữ thưa:

- Tôi được thành Phật cũng không thể có. Vì cớ sao? Bồ-đề là không có chỗ trụ, thế nên không có được.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Nay chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được và sẽ được, nhiều như số cát sông Hằng, đều gọi là gì?

Thiên nữ đáp:

- Đều do số văn tự thế tục nên nói có ba đời, chứ không phải Bồ-đề có quá khứ vị lai hiện tại.

Thiên nữ hỏi:

- Xá-lợi-phất, ngài được đạo A-la-hán chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

- Vì không có chỗ được mà được.

Thiên nữ thưa:

- Chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế, vì không chỗ được mà được.

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã có thể dùng thần thông của Bồ-tát mà dạo chơi, sở nguyện đều được đầy đủ, được vô sanh nhẫn, trụ bất thối chuyển. Vì do bản nguyện, tùy ý thị hiện giáo hóa chúng sanh.

Giảng:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- *Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào?*

Ông Duy-ma-cật nói:

- *Ví như nhà huyễn thuật thấy người huyễn của mình tạo ra, Bồ-tát quán chúng sanh là như thế.*

Cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù: Bồ-tát phải quán chúng sanh như nhà huyễn thuật hóa ra một người huyễn. Chúng sanh coi người huyễn đó tưởng là người thật, chỉ có nhà huyễn thuật biết rõ là huyễn. Cũng vậy, Bồ-tát có trí tuệ, quán sát thấy rõ chúng sanh là huyễn hóa không thật.

Như người trí thấy trăng trong nước, như hình mặt hiện trong gương, như sóng nắng khi trời nóng bức, như âm vang của tiếng hô to, như mây trong hư không, như chùm bọt nước, như bong bóng nước, như sự bền chắc của cây chuối, như sự lâu dài của tia chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế. Những hình ảnh được dẫn dụ trên đây, có chiều thuận cũng có chiều nghịch.

Người trí quán chúng sanh như thấy trăng trong nước. Đêm rằm nhìn xuống hồ nước trong, thấy mặt trăng hiện rõ dưới đáy hồ. Như vậy mặt trăng hiện dưới đáy hồ là có hay không? Nó không thật có, cũng không hẳn là không, chỉ là bóng trăng in trong nước. Người trí quán chúng sanh cũng vậy, phải thấy chúng sanh không thật có. Giống như bóng trăng trong nước, bản chất nó không thật. Nói vậy nghe có vẻ không đúng, nhưng xét thật kỹ thân chúng ta đây, cái gì là mình, cái gì là người? Chẳng qua đủ duyên hợp lại gọi là có mình, duyên ly tán thì hoại. Cũng như trên trời có trăng, dưới hồ có nước thì thấy có bóng trăng hiện, còn trời không trăng thì nhìn dưới hồ đâu thấy bóng trăng. Như vậy, bóng trăng đâu thật có, cũng như ảnh trong gương, như sóng nắng khi trời nắng gắt, như tiếng vang trong núi, như mây nổi trong hư không. Những thứ đó tạm bợ, có mà không thật có. Như chùm bọt trên biển, như bong bóng nước khi trời mưa, nhìn thì thấy nhưng vừa chạm tới liền tan, đâu được lâu bền. Thân

mình cũng giống như vậy. Đó là những thí dụ theo chiều thuận, để thấy thân này giả dối không thật.

Ông lại dùng thí dụ theo chiều nghịch để diễn tả nghĩa này. Như sự bền chắc của cây chuối, mà cây chuối có bền chắc không? Nếu lột từng bẹ ra tìm không có cây chuối. Như vậy cây chuối không bền chắc, nhưng lại nói bền chắc như cây chuối. Lâu dài như điện chớp, điện chớp vừa nháng lên là mất, vậy mà nói lâu dài như điện chớp. Như đại thứ năm, ấm thứ sáu, tình thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín. Nói như vậy nghĩa là sao? Kinh chỉ nói có bốn đại, năm ấm, sáu tình, mười hai nhập, mười tám giới, chứ đâu có đại thứ năm, ấm thứ sáu, tình thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín. Những thí dụ nêu trên để chỉ cho những cái không thể có.

Bây giờ nêu rõ lại đoạn này. Đầu tiên cư sĩ Duy-ma- cật nói, Bồ-tát phải quán chúng sanh như người huyễn, tuy thấy có thân người qua lại tới lui, nhưng bản chất không thật, đó là điểm chính. Kế dùng những thí dụ để thấy sự tạm bợ giả dối của nó như trăng đáy nước, như bóng trong gương... Bồ-tát thấy như vậy là người trí. Nếu thấy khác hơn là người ngu, là chúng sanh. Bồ-tát hay chúng sanh khác nhau chỉ do cái nhìn. Chỉ cần nhìn thấy đúng như thật, đó là Bồ-tát. Thân giả dối mà thấy thật, đó là ngu mê, là chúng sanh. Do thấy mình thật, mình quan trọng nên bị người chửi, người khinh thì sân si nổi lên, mọi phiền não đều từ đó sanh khởi.

Như vậy có hai cách nhìn: Nhìn của bậc trí tuệ, đưa người đến giải thoát. Nhìn của kẻ ngu si tạo ác nghiệp, đưa đến trầm luân. Thế nên, tu không phải là chuyện khó làm, chỉ cần chuyển cách nhìn từ phàm phu sang bậc trí. Tuy đã nghe Bồ-tát, nghe Phật nói quá rõ mà vẫn bỏ không được, vậy mới thấy thói quen mê lầm của chúng ta thật sâu dày nhiều đời nhiều kiếp, chất chồng không biết bao nhiêu lớp ngu mê tạo nghiệp. Cho nên phải thành khẩn thiết tha lễ Phật sám hối, để tiêu trừ nghiệp chướng giúp chúng ta sớm tỉnh giác, nhận chân được lẽ thật.

Như sắc trong cõi trời Vô sắc, như mầm của hạt giống rang, như thân kiến Tu-đà-hoàn, như A-na-hàm vào thai, như ba độc của A-la-hán, như tham sân phá cấm giới của Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như người mù thấy sắc, như hơi thở ra vào của người nhập Diệt tận định, như dấu chim bay trong hư không, như con cô gái đá, như người huyễn hóa khởi phiền não, như cảnh thấy trong mộng khi thức, như người diệt độ mà thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Đây đưa ra những điều nghịch lý để thấy sự việc không bao giờ có. Như cõi Vô sắc làm sao có sắc được. Hạt giống rang đâu thể nảy mầm. Tu-đà-hoàn còn chấp thân không? Nếu còn chấp thân thì chưa chứng Tu-đà-hoàn. A-na-hàm chỉ còn sanh lại một lần nhưng ở cõi trời Tịnh Cư, chứ không vào thai người ở cõi thế gian này nữa. A-la-hán đã dứt tam độc, chứng vô sanh. Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn luôn giữ gìn tịnh giới, đâu còn tham sân. Phật làm gì còn tập khí phiền não. Người mù đâu thể thấy sắc. Người nhập Diệt tận định thì không còn hơi thở ra vào. Chim bay trong không làm gì lưu dấu vết. Gái đá đâu thể có con được. Đã là người huyễn hóa làm sao sanh phiền não. Thức giấc rồi thì cảnh thấy trong mộng cũng tan. Diệt độ là chứng A-la-hán nhập Niết-bàn, đâu còn thọ thân. Có lửa mà không khói là chuyện vô lý. Như vậy Bồ-tát quán thật rõ ràng tường tận, thấy tất cả chúng sanh đều như huyễn như hóa, chỉ có giả danh mà không thật có, như những điều kể trên.

Thông thường khi quán thấy chúng sanh là hư dối, tạm bợ như bóng trong gương, như trăng đáy nước. Nếu thấy bóng trong gương đang buồn đang khóc, hoặc bị người hiếp đáp, mình có đến an ủi, can thiệp không? Bởi thấy nó là bóng, là huyễn hóa nên mình thản nhiên trước những cảnh đó.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Nếu Bồ-tát khởi quán như thế, làm sao thực hành lòng từ?

Ông Duy-ma-cật trả lời:

- Bồ-tát khởi quán thế ấy rồi, tự nghĩ: "Ta phải vì chúng sanh nói pháp như thế." Ấy tức là lòng từ chân thật vậy.

Nếu quán thấy chúng sanh giả dối huyễn hóa, làm sao phát tâm cứu giúp họ! Vì vậy sau đó phải quán từ bi. Tại sao? Chúng sanh huyễn hóa mà không tự biết huyễn hóa, nên Bồ-tát thương xót, tìm mọi cách cứu họ thoát khổ, chỉ dạy cho họ biết đó là tạm bợ giả dối để họ đừng mê chấp mà tạo thêm nghiệp. Hết tạo nghiệp thì hết thọ khổ, dòng huyễn hóa từ đây dừng. Do đó Bồ-tát dùng trí tuệ quán chiếu thấy đúng như thật, liền khởi tâm đại bi. Chứ không phải thấy rồi không làm gì hết, trở thành tiêu cực. Đó mới là lòng từ bi chân thật của Bồ-tát.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt vì không có phiền não. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi. Thực hành lòng từ không hai vì trong ngoài không hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm không hủy hoại. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên vì như hư không. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Thực hành lòng từ Bồ-tát để an ổn chúng sanh. Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như. Thực hành lòng từ của Phật vì giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên vì không nhân được. Thực hành lòng từ Bồ-đề vì một vị bình đẳng. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn các ái. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã. Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Thực hành lòng từ trì giới vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để gánh vác chúng sanh. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng từ không dối gạt vì không

hư giả. Thực hành lòng từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Thực hành lòng từ của Bồ-tát là như thế ấy.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ thọ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt là không nóng nảy, dù gặp trường hợp nào, hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh, không để phiền não sanh khởi. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi, nếu còn khởi là còn có chỗ tranh, là còn hạn chế. Thực hành lòng từ không hai, vì có trong có ngoài là còn mang tình chấp, không được hoàn toàn trong sạch, nên không thể hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm bền chắc, không gì phá hoại được. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên, như hư không không có ranh giới, thênh thang rộng lớn không bờ mé, vì không còn ngã chấp. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Tặc là lục tặc, kiết sử là thập triền thập sử, là những phiền não trói buộc, dẫn dắt chúng sanh đi trong sanh tử. Thực hành lòng từ Bồ-tát để đem an ổn đến cho chúng sanh.

Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như, tức là như như bất động, không sanh không diệt. Thực hành lòng từ của Phật, vì đức Phật ra đời muốn giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên còn gọi là vô duyên từ, vì không do nhân duyên mà được. Thực hành lòng từ Bồ-đề, vì biết tất cả giáo pháp của Phật chỉ có một vị bình đẳng, tức là vị giải thoát giác ngộ. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn trừ các tâm ái nhiễm, vô đẳng là không gì so sánh, không gì ngang bằng. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa, nghĩa là dùng Đại thừa đưa chúng sanh đến con đường giác ngộ thành Phật. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã, vì không thấy có người có ta thì ai mệt mỏi, ai chán nản.

Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Với tinh thần pháp thí là đem giáo pháp, đem chân lý giảng giải cho mọi người biết được lẽ thật mà không tiếc nuối giấu giếm. Thực hành lòng từ trì giới

vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thí dụ có người nói một câu nghe trái tai, nếu mình không nhẫn thì cơn sân nổi lên, không làm chủ dẫn đến những hành động thô, hoặc đấm hoặc tát họ... Như vậy cả hai đều bị tổn hại. Chẳng phải một đấm, một tát rồi thôi, mà có thể ôm ấp hờn giận cả năm cả tháng, cả đời không quên. Còn nếu nhẫn được, bỏ qua thì cả hai đều có lợi. Cho nên nhờ hạnh nhẫn nhục mà mình bảo hộ được cho mình mà cũng bảo hộ được cho người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để dẫn dắt chúng sanh tiến lên con đường giác ngộ. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thọ vị tức là đắm trước vị thiền định, lấy vui thiền định làm thức ăn nên gọi là thiền duyệt vi thực. Người tu thiền khi được an định, cảm nhận được nguồn vui, rồi cứ đắm vị vui đó mà không chịu xả để làm lợi ích cho chúng sanh; nên Bồ-tát tuy hành thiền định mà vẫn không bị đắm trước. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Nghĩa là biết căn cơ, thời tiết nhân duyên, khi nào nên nói khi nào nên dạy, đó là thực hành lòng từ trí tuệ.

Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Bồ-tát có khi phải thị hiện sanh trong các chủng loại để thực hành lòng từ giáo hóa chúng sanh. Như trong kinh Bản Sanh kể lại tiền thân đức Phật đã từng thị hiện làm thân nai, thân chim oanh vũ, làm voi chúa, sư tử vương... để giáo hóa các loài chúng sanh. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Ẩn tức là giấu kín. Vì lòng từ bi, biết người đó có lỗi, mình không giấu không che, dùng lời ngay thẳng chân thật chỉ cho họ biết, để sửa đổi trở thành thanh tịnh. Nếu thấy người làm điều tội lỗi, mà mình che giấu vì sợ họ bị rầy bị phạt, như vậy tưởng là mình tốt. Nhưng họ không nhận được lỗi lầm và không sửa đổi, đó chính là làm cho tội lỗi của họ tăng trưởng. Vậy là mình thiếu trực tâm thanh tịnh. Nên nói thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh.

Tiếp theo đây là kể thêm một số lòng từ bi của Bồ-tát như: Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng

từ không dối gạt vì không hư giả. Thực hành lòng từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Tuy quán chúng sanh là hư dối không thật, thấy rõ như vậy, biết đúng như vậy, nhưng vì chúng sanh mê muội cứ lầm tưởng mình là thật có, nên mãi tạo nghiệp phải chịu khổ đau. Chúng ta phải đem cái thấy đúng như thật chỉ dạy cho họ biết, làm tất cả hạnh từ bi để giúp họ dứt bỏ những xấu xa tội lỗi, thoát khỏi khổ đau, được an vui vĩnh viễn. Lòng từ bi của Bồ-tát là vì lợi ích cho chúng sanh, chứ không phải thấy thân giả tạm rồi để mặc họ ra sao cũng được, mà phải thương làm cho họ thức tỉnh đừng mê lầm tạo thêm nghiệp nữa, như vậy mới thoát khỏi khổ đau. Thực hành lòng từ bi của Bồ-tát là như thế ấy.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Sao gọi là bi?

Đáp rằng:

- Bồ-tát làm ra những công đức đều cho tất cả chúng sanh cùng hưởng.

Bi là cứu khổ, tức là làm cho mọi người được lợi ích, được an lạc. Bồ-tát có được công đức gì đều chia sớt cho mọi người cùng hưởng, chứ không phải cho riêng mình. Đó gọi là bi.

Hỏi: - Sao gọi là hỷ?

Đáp: - Có điều lợi ích đều hoan hỷ không hối hận.

Tức là làm những điều lợi ích cho chúng sanh, đều hoan hỷ không hối hận. Chúng ta có khi nào làm điều lợi ích cho chúng sanh rồi hối hận không? Thí dụ mình là người biết may đồ, có một huynh đệ đến nhờ may giùm bộ đồ, mình hoan hỷ nhận vì nghĩ đây là việc làm lợi ích cho người. Nhưng khi may xong giao đồ, họ chê may không khéo, may dối. Lúc đó nếu khởi nghĩ "biết vậy không thèm may", đó là tâm niệm hối hận. Nhưng mình làm tất cả lợi ích cho người, dù bị chê, bị coi thường, cũng vẫn hoan hỷ không hối hận. Đó là tâm hoan hỷ cần phải thực hành.

Hỏi: - Sao gọi là xả?

Đáp: - Việc làm phước đức, không có chỗ mong cầu.

Xả là buông xả tất cả những việc phước đức mình đã làm, làm mà không mong cầu. Trong sinh hoạt hằng ngày như ngồi thiền, tụng kinh, thọ trai... chúng ta đều hồi hướng cho mình và chúng sanh trọn thành Phật đạo, như vậy là có mong cầu phải không? Nhưng chữ Xả ở đây là buông xả tâm mong cầu riêng tư. Làm tất cả việc phước đức là mong cho mọi người cùng hưởng, chứ không cho cá nhân mình, vì mong cầu riêng tư thì tâm dễ sanh phiền não sân hận. Như có người bị tai nạn rất hiểm nguy, muốn cứu họ mình phải có sự hy sinh. Nhưng khi cứu họ qua cơn nguy biến, có nghĩ đời họ sẽ không quên ơn mình không? Nghĩ như vậy là có mong cầu. Nếu hai ba tháng sau tình cờ gặp lại, họ không chào hỏi, mình có nổi sân lên và nghĩ người đó vô ơn bạc nghĩa không? Nếu mình cứu giúp họ rồi, không cần nhớ không cần biết, gặp nhau có chào không chào cũng được, như vậy mới gọi là xả, không mong cầu. Không thấy mình là người ban ơn, kia là người thọ ơn. Chỉ một hai việc nhỏ thôi mà chừng vài ba tháng họ quên, mình cũng còn bực bội, huống nữa là những ơn rất khó làm. Vì vậy xả là để dứt tâm mong cầu.

Dứt hết mong cầu thì tự nhiên không còn sân hận. Chúng sanh dễ quên lắm, mình dễ quên người khác cũng dễ quên, chấp họ làm chi, buông xả hết để khỏi sanh phiền não. Như vậy mới tốt.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Có sợ sanh tử, Bồ-tát phải nương tựa chỗ nào?

Ông Duy-ma-cật bảo: - Bồ-tát ở trong sanh tử có sợ, phải nương vào sức công đức của Như Lai.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai thì phải trụ chỗ nào?

Đáp: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ độ thoát tất cả chúng sanh.

Nếu còn sợ sanh tử thì Bồ-tát phải nương tựa vào sức công đức của Như Lai. Muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ

độ thoát tất cả chúng sanh. Như vậy nương vào công đức Phật không phải là sẽ được hào quang của Phật che chở, mà phải độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ sanh tử. Vì công đức Phật là công đức độ sanh, mà độ sanh thì phải trôi lăn trong sanh tử. Nếu sợ sanh tử thì đâu độ thoát chúng sanh được. Bồ-tát cũng như Thanh văn đều biết rõ sanh tử là khổ đau đáng sợ, nhưng Bồ-tát vì thương muốn độ chúng sanh nên phải lăn lộn trong đó. Việc khó làm, nguy hiểm mà các ngài vẫn xả thân, sẵn sàng hy sinh cứu giúp. Đây là giá trị cao quý của Bồ-tát.

Lại hỏi: - Muốn độ chúng sanh phải trừ cái gì?

Đáp: - Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não kia.

Hỏi: - Muốn trừ phiền não phải làm hạnh gì?

Đáp: - Phải hành chánh niệm.

Độ chúng sanh nghĩa là dẹp trừ phiền não cho chúng sanh, nhưng muốn làm được việc đó, trước mình phải sạch phiền não, sau đó mới tìm phương tiện trừ dẹp phiền não cho người. Muốn trừ phiền não phải hành chánh niệm. Thí dụ ở trong chúng lâu lâu có huynh đệ buồn giận nhau nổi sân lên, có những lời nói và hành động thô tháo. Khi nổi sân là đã phiền não. Vì sao phiền não? Vì không làm chủ được thân tâm, để những vọng niệm dẫn dắt, nên muốn trừ phiền não phải hằng nhớ chánh niệm, đó là thực hành chánh niệm. Hoặc có người thích đi nơi này nơi kia, tâm ý dao động, chạy nhảy lăng xăng như khỉ vượn. Được đi thì vui, không được thì buồn phiền than thở sao không được thoải mái, tức là phiền não sanh khởi. Thế nên người có trách nhiệm hành đạo, muốn giúp đỡ cho người sau thì phải biết trừ phiền não cho họ, bằng cách nhắc nhở họ đừng buông lung tâm ý, phải sống trở về với chánh niệm.

Hỏi: - Làm sao để hành chánh niệm?

Đáp: - Phải hành chẳng sanh chẳng diệt.

Hỏi: - Pháp gì chẳng sanh? Pháp gì chẳng diệt?

Đáp: - Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

Muốn hành chánh niệm phải thực hành pháp chẳng sanh chẳng diệt. Nhưng pháp gì chẳng sanh, pháp gì chẳng diệt? Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt. Chánh niệm tức là vô niệm, nghĩa là tất cả pháp ác chẳng sanh, tất cả pháp thiện chẳng diệt. Đó gọi là chánh niệm.

Lại hỏi: - Thiện và ác cái gì làm gốc?

Đáp: - Thân làm gốc.

Lại hỏi: - Thân lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tham dục làm gốc.

Hỏi: - Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: - Hư vọng phân biệt làm gốc.

Thân này là gốc của ba nghiệp, thân nghiệp khẩu nghiệp và ý nghiệp. Tất cả nghiệp thiện nghiệp ác đều từ thân mà ra. Thân này do tham dục làm gốc. Nếu hết tham dục thì không còn thọ thân. Trong tham dục, ái dục là gốc của trầm luân, hết ái dục thì được giải thoát. Tham dục lấy hư vọng phân biệt làm gốc, như thấy cảnh rồi khởi phân biệt đẹp xấu nên niệm tham mới khởi lên, vậy hư vọng phân biệt là gốc sanh ra tham ái. Nếu thấy cảnh mà không khởi phân biệt hư vọng thì tham ái dứt.

Hỏi: - Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi: - Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ làm gốc.

Lại hỏi: - Vô trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ thì không có gốc. Ngài Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Hư vọng phân biệt do tưởng điên đảo làm gốc. Sở dĩ có phân biệt hư dối là từ tưởng điên đảo mà ra. Tưởng điên đảo là tưởng lộn ngược,

tưởng không đúng lẽ thật. Như có nhiều người trang điểm trau chuốt cho thân này đẹp đẽ, nhưng có đẹp thật không? Do tưởng điên đảo cho là đẹp rồi phân biệt thế này thế kia, sanh ra các tham ái. Vậy tưởng điên đảo là tưởng không đúng lẽ thật, do thói quen huân tập lâu đời nên chúng ta đối cảnh liền khởi tâm phân biệt.

Tưởng điên đảo lấy Vô trụ làm gốc, nghe thật khó hiểu. Tưởng điên đảo là cái thấy sai lầm, lộn ngược, sao lại lấy vô trụ làm gốc? Nên mới hỏi thêm, vô trụ lấy gì làm gốc? Vô trụ thì không có gốc. Ý này trùng hợp với ý trong Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ. Lục Tổ lập Vô niệm làm tông, Vô tướng làm thể, Vô trụ làm gốc. Thế nên chúng ta thấy, cái nhìn của Lục Tổ rất phù hợp với cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật, đều lấy vô trụ làm gốc. Như trên mặt biển có sóng gió nổi lên ầm ầm, ngay khi đó chúng ta biết có bao nhiêu lượn sóng nổi lên không? Những lượn sóng đó bằng nhau hay lớn nhỏ khác nhau? Những lượn sóng đó bủa ra đập vào nhau, thành những đám bọt. Bọt trắng xóa từ đâu mà có? Chúng ta đáp sao? Từ sóng bủa mà có. Hỏi sóng từ đâu mà có? Từ nước mà có. Hỏi nước từ đâu mà có? Ngay đó nói sao?

Đây cũng vậy, chỗ vô trụ không hình tướng. Tuy không hình tướng nhưng thể của nó tùy duyên mà biến đổi. Như có gió thì nổi sóng, gió mạnh thì sóng to... Cho nên từ vô trụ sanh ra tưởng điên đảo. Từ tưởng điên đảo sanh ra hư vọng phân biệt. Từ hư vọng phân biệt sanh ra tham dục. Từ tham dục mà có thân. Như vậy chúng ta thấy, vô trụ là gốc của tất cả pháp.

Chúng ta tu muốn khỏi trầm luân sanh tử thì phải dứt tham dục. Muốn dứt tham dục, trước phải dứt những hư vọng phân biệt. Muốn dứt hư vọng phân biệt phải bỏ tưởng điên đảo. Cho nên chúng ta phải thấy như Bồ-tát, phải giác như Bồ-tát. Thấy thân này là hư dối, như người huyễn, như bóng trong gương, như trăng đáy nước... Thấy như vậy là phá được tưởng điên đảo, nếu phá tưởng điên đảo rồi thì đạt đến gốc vô trụ, là chỗ bất sanh bất diệt. Đến đây mới dứt được dòng sanh tử. Đó là đã chỉ rõ ràng cho chúng ta manh mối tu hành

từ cạn đến sâu. Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi, từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Khi ấy thất ông Duy-ma-cật có một thiên nữ thấy chư đại nhân đang nghe nói pháp, liền hiện ra thân thiên nữ, dùng hoa trời tán trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát đều rơi xuống đất, đến các vị đại đệ tử, dính lại không rơi. Tất cả đại đệ tử dùng thần lực để phủi hoa mà không thể nào phủi được.

Khi ấy Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Vì sao phủi hoa?

Đáp: - Hoa này không đúng pháp, do đó phủi đi.

Thiên nữ thưa:

- Chớ nói hoa này là không đúng pháp. Vì cớ sao? Hoa ấy không phân biệt, nhân giả tự sanh tưởng phân biệt vậy! Nếu đối với người xuất gia trong Phật pháp, có chỗ phân biệt là không đúng pháp; nếu không có chỗ phân biệt, ấy mới gọi là đúng pháp. Xem các vị Bồ-tát hoa không dính, vì đã đoạn tất cả tưởng phân biệt. Ví như khi người sợ thì phi nhân được cơ hội, như thế các đệ tử Phật sợ sanh tử nên sắc thanh hương vị xúc mới được cơ hội lôi cuốn. Người đã lìa sợ, tất cả ngũ dục đều không làm gì được. Kiết tập chưa hết thì hoa còn dính trên thân! Kiết tập đã hết, hoa không dính được.

Câu chuyện này nghe thật lý thú. Thiên nữ tán hoa cúng dường, khi hoa rơi trên thân Bồ-tát thì tự rớt xuống đất, rơi trên người những vị Thanh văn trúng đâu dính đó, phủi không được. Thiên nữ hỏi, tại sao các ngài lại phủi hoa? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp, vì giới của Thanh văn không được đeo tràng hoa, không được dùng hoa thơm để trang sức. Nay hoa dính đầy người như trang sức thân này thì phạm giới rồi, nên phải phủi nó đi vì không đúng pháp. Thiên nữ lý luận, người xuất gia trong Phật pháp còn khởi tưởng phân biệt thì không đúng pháp. Hoa vốn tự đâu có phân biệt, chỉ do ngài tự sanh tâm phân biệt nên nói không đúng pháp. Lý luận của Thiên nữ nghe

quá hay! Cuối cùng Thiên nữ kết luận, ai kiết sử chưa hết thì hoa còn dính trên thân, ai kiết sử hết rồi thì hoa tự rơi rụng.

Chúng ta tu, hằng đêm lạy Phật cầu được giải thoát, vì những kiết sử quá sâu dày nên dính mắc sáu trần; nếu dứt hết kiết sử, khỏi lạy Phật cầu xin cũng tự giải thoát. Trong sự tu, điều đáng sợ không phải là cảnh mà chính là những kiết sử hay những phiền não của mình. Phiền não chưa sạch thì cảnh ngoài mới lôi cuốn được, phiền não đã sạch rồi thì ngoại cảnh làm gì được mình.

Câu chuyện tán hoa trên làm sáng tỏ thêm chủ đích của người tu là phải dẹp phiền não, chớ nên nói "ở đây đông quá, huynh đệ tới lui rộn ràng làm phiền, tôi tu không được", mà do mình còn phiền não. Phiền não sạch rồi, ở đâu tu cũng được, đó là điểm chính yếu của sự tu.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ đáp:

- Tôi ở trong thất này như người già được giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi: - Ở đây được bao lâu?

Thiên nữ hỏi:

- Người già giải thoát cũng được bao lâu?

Ngài Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp.

Thiên nữ hỏi:

- Như ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh?

Đáp: - Giải thoát không lời để nói, nên tôi đối với chỗ này không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì cớ sao? Giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa; văn tự cũng vậy, không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Thế nên,

ngài Xá-lợi-phất! Không lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì cớ sao? Tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Không do lìa dâm nộ si vẫn giải thoát ư?

Thiên nữ thưa:

- Phật vì những người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Lành thay, lành thay, Thiên nữ! Ngươi đã được cái gì, đã chứng cái gì mới biện tài như thế?

Thiên nữ thưa:

- Tôi không chứng không đắc nên được biện tài như thế. Vì cớ sao? Nếu có đắc có chứng tức ở trong Phật pháp là tăng thượng mạn.

Tôn giả Xá-lợi-phất chịu thua Thiên nữ, giờ chuyển qua vấn đề khác, hỏi Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ nói, tôi ở đây cũng như người già được giải thoát. Vậy ông già giải thoát được bao lâu? Tôn giả Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp. Hỏi ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh? Vì giải thoát không có ngôn ngữ diễn tả được. Thiên nữ lại nói, ngôn ngữ văn tự cũng là tướng giải thoát. Vì giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên văn tự cũng vậy, nó không dính mắc tức là giải thoát. Do đó không lìa văn tự mà nói giải thoát, nếu vậy ngay nơi văn tự mà nói giải thoát cũng được, sao lại nói giải thoát không thể dùng ngôn ngữ. Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngay đó tôn giả Xá-lợi-phất không chấp nhận mới nói, chẳng lẽ người không lìa tham sân si vẫn giải thoát sao? Thiên nữ trả lời, đối với người tăng thượng mạn, Phật dạy lìa tham sân si mới được giải thoát, còn người không tăng thượng mạn thì Phật nói tánh tham sân si là giải thoát rồi.

Ngài mới khen Thiên nữ hay quá, đã chứng đắc gì mà lý luận hay vậy. Thiên nữ trả lời, tôi không chứng không đắc, bởi không chứng không đắc nên mới biện luận được như vậy. Tại sao? Vì trong Phật pháp nếu còn thấy có chứng có đắc là người tăng thượng mạn. Tăng thượng mạn là người mà Phật nói lìa tham sân si mới được giải thoát. Còn với người không tăng thượng mạn, không thấy đắc thấy chứng thì tham sân si đâu còn, mà nói lìa hay không lìa. Thấy có đắc có chứng là còn có ngã có pháp. Ngã pháp còn thì mới có lìa có được. Ngã pháp không thì đâu còn gì để lìa, để được. Qua lý luận của Thiên nữ, tôn giả Xá-lợi-phất phải chịu thua, nhưng ngài vẫn hỏi tiếp:

Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Thiên nữ, ngươi đối với tam thừa là chí cầu cái gì?

Thiên nữ đáp:

- Dùng pháp Thanh văn để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh văn, dùng pháp Duyên giác để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Bích-chi Phật, dùng pháp đại bi để giáo hóa chúng sanh nên tôi là Đại thừa. Ngài Xá-lợi-phất! Như người vào trong rừng chiêm-bặc, chỉ ngửi được mùi hương chiêm-bặc, không ngửi các mùi hương khác. Như thế, nếu người nào vào thất này thì chỉ có nghe mùi hương công đức Phật, không thích nghe mùi hương công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất đặt câu hỏi, vậy trong tam thừa Thiên nữ cầu thừa nào? Thiên nữ nói, nếu người cầu pháp Thanh văn, tôi hiện Thanh văn để giáo hóa, người cầu pháp Đại thừa, tôi hiện Bồ-tát để giáo hóa, chứ không có cầu gì hết. Thiên nữ kết luận, ai vào được trong thất cư sĩ Duy-ma-cật, chỉ nghe mùi hương công đức Phật, chứ không nghe mùi hương Thanh văn, Bích-chi Phật hay Duyên giác.

Thất cư sĩ Duy-ma-cật trống không, không thị giả, chỉ có một giường nằm bệnh nói lên ý nghĩa gì?

Thất ở đây không phải là cái nhà bốn thước hoặc sáu thước vuông, mà là chỉ cho tâm thể của tất cả chúng sanh. Ai vào được tâm thể đó

thì chỉ ngửi mùi hương Phật, không có những mùi hương khác. Ai vào được tâm thể đó thì tất cả điều chưa từng thấy sẽ được thấy, nên trong nhà thiền có câu: *Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu.*

Ngài Xá-lợi-phất! Có những vị Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, chư thiên, long thần, quỷ thần... vào trong thất này nghe thượng nhân đây thuyết giảng chánh pháp, đều ưa thích mùi hương công đức Phật, phát tâm rồi lui ra. Như vậy không riêng gì Thiên nữ mà tất cả ai đã vào được trong thất đó đều phát tâm cầu giải thoát. Cho nên càng thấy rõ hơn ý nghĩa thất này là chỉ cho tâm thể của mỗi người.

Ngài Xá-lợi-phất, tôi ở thất này mười hai năm. Ban đầu không nghe nói pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, chỉ nghe nói pháp Bồ-tát đại từ đại bi, pháp Bất khả tư nghì của chư Phật. Ngài Xá-lợi-phất, thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Những gì là tám?

Thất này thường dùng ánh sáng màu vàng chiếu soi ngày đêm không khác, không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ nhất. Ánh sáng màu vàng của thất này tự soi sáng cả ngày lẫn đêm, chứ không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng. Vì mặt trời chỉ sáng ban ngày, mặt trăng chỉ sáng ban đêm. Ánh sáng này là chỉ cho tâm thể sáng suốt, là tự tánh giác ngộ sẵn có của chính mình, chứ không phải do từ bên ngoài mà được.

Người vào thất này không bị các cấu nhiễm làm phiền não, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ hai.

Thất này thường có Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và các vị Bồ-tát từ những phương khác đến tụ hội không dứt, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ ba.

Thất này thường nói sáu pháp ba-la-mật bất thối chuyển, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tư.

Thất này thường trổi nhạc bậc nhất của trời người, dây đàn phát ra vô lượng pháp âm, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ năm.

Thất này phát ra thứ âm nhạc đệ nhất của cõi trời cõi người. Âm nhạc đó phát ra vô lượng thứ tiếng để giáo hóa chúng sanh. Người nghe được tiếng nhạc đó đều phát tâm tu hành.

Thất này có bốn kho lớn chứa đầy đồ quý báu, cứu giúp những người cùng khốn, cầu là được không bao giờ hết, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ sáu. Bốn kho báu lớn ở đây là chỉ cho thân tứ đại này. Khi chúng ta tỉnh giác rồi, tuy mang thân tứ đại mà dùng nó làm phương tiện để độ thoát chúng sanh. Vậy tứ đại này là bốn kho báu để cứu khổ, để đem lại lợi ích cho mọi loài; còn khi mê, thấy thân tứ đại này là thật rồi chấp ngã chấp nhân, nên sáu căn biến thành lục tặc, tất cả của báu mất. Vì vậy mà nói là bốn kho lớn.

Thất này đức Phật Thích-ca-mâu-ni, đức Phật A-di-đà, Phật A-súc, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Diệm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành... mười phương vô lượng chư Phật như thế, khi thượng nhân này nghĩ đến liền đều đến, rộng nói các pháp tạng bí yếu của chư Phật, thuyết xong rồi trở về, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ bảy.

Thất này tất cả cung điện trang nghiêm của chư thiên, cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tám.

Ngài Xá-lợi-phất! Thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Ai đã thấy được việc bất tư nghì này mà lại còn ưa pháp Thanh văn ư?

Ở trong thất này, khi nào thượng nhân, tức cư sĩ Duy-ma-cật, vừa nghĩ đến chư Phật thì các ngài liền hiện, nói các pháp bí yếu. Ý muốn nói, người sống với tâm chân thật thì Phật tánh hiện tiền, nên cảm ứng đến chư Phật và nghe được chánh pháp. Thất này cung điện của chư thiên và cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, cho thấy người vào được thất này, tâm đã thanh tịnh thì phước báo và công đức tròn đầy. Như vậy tám pháp chưa từng có khó được thường hiện

trong thất này, nếu ai thấy, ai nhận được việc bất khả tư nghì đó thì không còn trở lại ưa pháp Thanh văn.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi vì sao mà không chuyển thân nữ?

Thiên nữ đáp:

- Tôi từ mười hai năm nay, tìm tướng thân nữ trọn không thể được, làm sao mà chuyển! Ví như có một huyễn sư hóa làm người nữ huyễn, nếu có người hỏi: "Vì sao không chuyển thân nữ?", người ấy hỏi là đúng chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không vậy, tướng huyễn không nhất định, làm sao mà chuyển?

Tôn giả Xá-lợi-phất thọ pháp Thanh văn nên thấy thân nữ nhiều nghiệp chướng, không thể thành Phật. Vì vậy nghe Thiên nữ lý luận quá hay, ngài hỏi sao không chuyển nữ thành nam để thành Phật. Thiên nữ nói, tôi ở thất này mười hai năm tìm tướng nữ không ra. Mười hai năm là chỉ cho sáu căn sáu trần, tức thập nhị nhập. Sáu căn, sáu trần là tướng duyên hợp hư dối không thật, làm sao có tướng nữ tướng nam. Cho nên Thiên nữ dùng thí dụ, nếu có người hóa ra người nữ, rồi hỏi người nữ hóa đó sao không chuyển thành nam, câu hỏi hợp lý không? Tôn giả Xá-lợi-phất nói không hợp lý, vì đã là người hóa còn chuyển làm gì.

Quan niệm của người tu theo Nhị thừa, cho rằng thân nữ là thân nghiệp chướng, muốn thành Phật phải chuyển thành thân nam. Quan niệm của Đại thừa Bồ-tát thấy thân tướng là huyễn hóa, nên dù nữ hay nam đều là tướng huyễn hóa. Về thể tánh thì bình đẳng không phân biệt nam nữ, nên sống với thể tánh đó thì được vào thất cư sĩ Duy-ma-cật, đâu cần chuyển đổi thân tướng bên ngoài.

Thiên nữ đáp:

- Tất cả pháp cũng lại như thế, không có tướng nhất định, vì sao lại hỏi chẳng chuyển thân nữ?

Liền khi đó Thiên nữ dùng sức thần thông biến Xá-lợi-phất thành thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân thành Xá-lợi-phất, và hỏi rằng:

- Vì sao không chuyển thân nữ?

Ngài Xá-lợi-phất mang hình tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Nay tôi không biết vì sao lại chuyển biến làm thân nữ?

Thiên nữ thưa:

- Ngài Xá-lợi-phất! Nếu có thể chuyển được thân nữ này, thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển được. Như ngài Xá-lợi-phất không phải nữ mà hiện thân nữ, tất cả người nữ cũng lại như thế, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Thiên nữ dùng thần lực biến tôn giả Xá-lợi-phất thành Thiên nữ, rồi tự biến mình thành Xá-lợi-phất và hỏi sao ngài không chuyển đổi thân nữ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp, tôi không biết làm sao mà chuyển. Thiên nữ nói nếu ngài chuyển được thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển được. Tướng đó là giả tướng, đâu phải là nữ, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Nữ nam là giả tướng bên ngoài, tánh giác không có nam nữ. Do chấp giả tướng bên ngoài là thật nên thấy cần chuyển. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Liền khi đó Thiên nữ thâu nhiếp thần lực lại, thân ngài Xá-lợi-phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Sắc tướng thân nữ nay ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất đáp:

- Sắc tướng thân nữ không có, cũng không phải không có.

Thiên nữ thưa:

- Tất cả các pháp cũng lại như thế, không có cũng không phải không có. Phàm không có không phải không có, đó là chỗ Phật nói.

Chúng ta thấy bóng trong gương, trăng đáy nước là có hay không có? Không phải là có thật, cũng không phải là không có. Thân nữ, thân nam cũng như thế, chỉ là giả tướng. Vì tất cả pháp như huyễn như hóa, nên không phải là không hẳn mà cũng không phải là có hẳn. Thế nên đức Phật nói, chấp có chấp không là chấp hai bên, là đoạn kiến, thường kiến.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Ngươi ở đây chết rồi sẽ sanh về đâu?

Thiên nữ đáp:

- Chỗ Phật hóa sanh, tôi cũng như kia mà sanh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ chết rồi sẽ sanh về đâu? Thiên nữ trả lời, Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng như Phật mà sanh. Sự sanh như sự biến hóa. Phật hóa sanh thì có định chỗ không? Tùy duyên ứng hiện, chỗ nào chúng sanh cần độ, Phật thị hiện đến để hóa độ. Khi hóa ra chúng sanh đó, ngài không có thật sanh cũng không có thật tử. Tôi cũng hóa sanh giống như vậy.

Xá-lợi-phất nói: - Phật hóa sanh, không phải chết mới sanh.

Thiên nữ thưa:

- Chúng sanh cũng như vậy, không chết mà sanh vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi chừng nào sẽ được thành Phật?

Thiên nữ đáp:

- Như ngài Xá-lợi-phất trở lại làm phàm phu, tôi mới có thể thành Phật.

Xá-lợi-phất nói:

- Tôi làm phàm phu điều đó không thể có.

Thiên nữ thưa:

- Tôi được thành Phật cũng không thể có. Vì cớ sao? Bồ-đề là không có chỗ trụ, thế nên không có được.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Nay chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được và sẽ được, nhiều như số cát sông Hằng, đều gọi là gì?

Thiên nữ đáp:

- Đều do số văn tự thế tục nên nói có ba đời, chứ không phải Bồ-đề có quá khứ vị lai hiện tại.

Thiên nữ nói, Bồ-đề không có chỗ trụ, bởi không chỗ trụ tức là không có được. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi vặn lại, nay chư Phật trong ba đời quá khứ hiện tại và vị lai sẽ thành Phật nhiều như số cát sông Hằng, thì những lời nói đó là không đúng sao? Sở dĩ nói Phật ba đời là tùy theo ngôn ngữ thế tục mà nói, chứ thật thể của Bồ-đề, chỗ giác ngộ viên mãn thì không có ba đời.

Thiên nữ hỏi:

- Xá-lợi-phất, ngài được đạo A-la-hán chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

- Vì không có chỗ được mà được.

Thiên nữ thưa:

- Chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế, vì không chỗ được mà được.

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã có thể dùng thần thông của Bồ-tát mà dạo chơi, sở nguyện đều được đầy đủ, được vô sanh nhẫn, trụ bất thối chuyển. Vì do bản nguyện, tùy ý thị hiện giáo hóa chúng sanh.

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời, vì tôi không có sở đắc nên mới được đạo A-la-hán. Phần này chỉ cho chúng ta biết, từ quả A-la-hán trong hàng Thanh văn đến quả của Bồ-tát, quả của chư Phật, nếu còn thấy có sở đắc tức là không phải đắc, chính khi không sở đắc mới gọi là sở đắc. Kinh Bát-nhã rất phù hợp với đoạn kinh này.

Kinh Duy-ma-cật chỉ cho chúng ta biết tất cả vọng chấp là giả dối, nếu cho là thật tức là gốc điên đảo. Gốc điên đảo còn thì khó trừ vọng tưởng. Vọng tưởng không trừ được thì ái kiến hay tâm bệnh tham ái không hết, do đó dòng sanh tử vẫn tiếp nối. Thế nên muốn dứt trừ vọng chấp, phải quán chúng sanh như huyễn như hóa. Ai đang học làm Bồ-tát phải quán như vậy mới đúng tinh thần Bồ-tát.

08. PHẨM PHẬT ĐẠO

Phẩm trên quán chúng sanh như huyễn hóa rồi, bây giờ muốn tiến lên Phật đạo chúng ta phải tu như thế nào? Chữ Đạo ở đây không có nghĩa là đường, mà chỉ cho công đức viên mãn thành Phật, hay còn gọi là Phật quả.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật: - Bồ-tát làm sao thông đạt được Phật đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp: - Nếu Bồ-tát hành phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo.

Ngài Văn-thù lại hỏi: - Thế nào Bồ-tát hành phi đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành ngũ vô gián mà không có não, nhuế; đến nơi địa ngục, không có tội cấu; đến chỗ súc sanh, không có các lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà đầy đủ công đức; hành ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới mà không cho là hơn. Thị hiện hành tham dục, lìa các nhiễm trước; thị hiện hành nóng giận, đối với chúng sanh mà không bị giận ghét làm ngại; thị hiện hành ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm kia. Thị hiện hành xan tham mà xả hết của cải trong ngoài, không tiếc thân mạng; thị hiện hành phá hủy giới cấm mà an trụ tịnh giới, cho đến một tội nhỏ cũng ôm lòng rất sợ; thị hiện hành sân nhuế mà thường từ bi nhẫn nhục; thị hiện hành lười biếng mà thường siêng tu công đức; thị hiện hành loạn ý mà thường niệm định; thị hiện hành ngu si mà thông đạt trí tuệ của thế gian và xuất thế gian; thị hiện hành dua dối mà khéo phương tiện theo các nghĩa kinh; thị hiện hành kiêu mạn mà đối với chúng sanh vẫn như cầu bè; thị hiện hành các thứ phiền não mà tâm thường thanh tịnh; thị hiện vào chỗ chúng

ma mà thuận với trí tuệ Phật, không theo sự giáo hóa của ma; thị hiện vào hàng Thanh văn mà vì chúng sanh nói pháp chưa từng nghe; thị hiện vào Bích-chi Phật mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sanh; thị hiện vào chỗ bần cùng mà có bàn tay báu vô tận công đức; thị hiện vào hàng tật nguyền mà đầy đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm; thị hiện vào hàng hạ tiện mà sanh trong dòng họ Phật, được đầy đủ các công đức; thị hiện thân gầy ốm xấu xí mà được thân bền chắc, tất cả chúng sanh đều ưa nhìn; thị hiện già bệnh mà hằng đoạn gốc bệnh, vượt qua nỗi sợ chết; thị hiện có của cải mà hằng quán vô thường, thật không có lòng tham; thị hiện có thê thiếp mà thường xa lìa vũng bùn ngũ dục; thị hiện làm kẻ chậm lụt ngu độn mà thành tựu biện tài, ghi nhớ không sót; thị hiện trong nhóm tà đạo mà dùng chánh đạo để độ chúng sanh; thị hiện khắp trong các đường mà đoạn những nhân duyên kia; thị hiện nơi Niết-bàn mà không đoạn sanh tử. Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát hay hành phi đạo như thế, ấy là thông đạt Phật đạo.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù:

- Những gì là hạt giống Như Lai?

Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Có thân là có hạt giống Phật, vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, bốn thứ điên đảo là hạt giống Phật, ngũ cái là hạt giống Phật, lục nhập là hạt giống Phật, thất thức xứ là hạt giống Phật, bát tà pháp là hạt giống Phật, cửu não xứ là hạt giống Phật, thập bất thiện đạo là hạt giống Phật. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

- Vì sao?

- Nếu thấy vô vi nhập chánh vị thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí dụ ở chỗ gò đất cao không thể mọc hoa sen, ở chỗ đất thấp ẩm ướt bùn sình hoa sen mới sanh.

Như thế thấy pháp vô vi nhập được chánh vị, trọn chẳng lại hay sanh Phật pháp, ở trong bùn phiền não mới có những chúng sanh khởi tâm cầu Phật pháp vậy. Lại như gieo hạt giống trong hư không trọn không sanh được, nơi đất phân xốp mới có thể nảy mầm tốt tươi. Như thế những vị vào vô vi chánh vị không sanh Phật pháp; người khởi ngã kiến như núi Tu-di vẫn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh Phật pháp vậy. Thế nên phải biết, tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Thí dụ không vào biển cả không thể được bảo châu vô giá. Như thế không vào biển lớn phiền não thì không thể được ngọc báu nhất thiết trí.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp tán thán:

- Lành thay, lành thay! Ngài Văn-thù-sư-lợi khéo nói lời này. Thật như lời của ngài nói, những người ở trong trần lao là hạt giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không thể kham nhận phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhẫn đến những tội trong ngũ Vô gián vẫn hay phát ý sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi ngày nay hằng không có thể phát tâm. Ví như người các căn bị hư hoại thì đối với ngũ dục họ không thể được lợi ích. Như thế Thanh văn các kiết sử đã đoạn, đối trong Phật pháp không được lợi ích, hằng không có chí nguyện. Thế nên, ngài Văn-thù-sư-lợi! Phàm phu đối với Phật pháp còn có phản phục, mà hàng Thanh văn thì không vậy. Vì cớ sao? Phàm phu nghe Phật pháp có thể khởi tâm vô thượng đạo, không đoạn Tam bảo. Chính như hàng Thanh

văn trọn đời nghe Phật pháp, nào là thập lực, tứ vô sở úy... hằng không thể phát ý vô thượng đạo.

Khi ấy trong hội có Bồ-tát tên là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi ông Duy-ma-cật:

- Cư sĩ! Cha mẹ vợ con, thân thích quyến thuộc, tôi tớ tri thức... thảy đều là ai? Tớ gái tôi trai, xe voi xe ngựa đều ở đâu?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật dùng kệ đáp:

Trí độ: mẹ Bồ-tát,

Phương tiện ấy là cha,

Đạo sư: tất cả chúng,

Đều do đây sanh ra.

Pháp hỷ ấy là vợ,

Tâm từ là con gái,

Tâm thành thật là trai,

Cứu cánh không tịch: nhà.

Đệ tử: các trần lao

Tùy ý mà xoay chuyển,

Đạo phẩm: thiện tri thức

Do đây thành Chánh giác.

Các pháp độ: bạn bè,

Tứ nhiếp là kỹ nữ,

Ca ngâm tụng lời pháp

Lấy đó làm âm nhạc.

Tổng trì là vườn đẹp,

Cây rừng: pháp vô lậu,

Giác ý: hoa tịnh diệu,

Quả: giải thoát trí tuệ.

Bát giải thoát: ao hồ,

Nước định lặng trong đầy,

Dùng bảy tịnh hoa rải,

Để tắm người không nhơ.

Voi ngựa chạy: ngũ thông,

Đại thừa dùng làm xe,

Điều ngự dùng nhất tâm,

Dạo chơi đường bát chánh.

Tướng đủ trang nghiêm thân,

Các đẹp trau dáng kia,

Hổ thẹn làm thượng phục,

Thâm tâm làm tràng hoa.

Giàu có bảy của báu,

Dạy bảo để thêm lợi,

Như lời nói tu hành,

Hồi hướng làm lợi lớn.

Tứ thiền làm sàng tòa,

Từ nơi tịnh mạng sanh,

Đa văn tăng trí tuệ,

Dùng làm tiếng tự giác.

Thức ăn: pháp cam lồ,

Nước uống: vị giải thoát,

Tắm gội: dùng tịnh tâm,

Hương xoa là giới phẩm.

Dẹp bỏ giặc phiền não,

Mạnh mẽ không thể qua,

Hàng phục bốn thứ ma,

Cờ thắng dựng đạo tràng.

Tuy biết không khởi diệt,

Chỉ (bày) kia nên có sanh,

Khắp hiện các cõi nước,

Như mặt trời đều thấy.

Cúng dường khắp mười phương,

Vô lượng ức Như Lai,

Chư Phật và thân mình,

Không có tưởng phân biệt.

Tuy biết cõi chư Phật,

Cùng chúng sanh đều không,

Mà thường tu tịnh độ,

Để giáo hóa quần sanh.

Loài chúng sanh các cõi,

Hình tiếng và oai nghi,

Sức vô úy Bồ-tát

Đồng thời hay hiện khắp.

Rõ biết các việc ma

Mà hiện theo hạnh kia,

Khéo dùng trí phương tiện

Tùy ý đều hay hiện.

Hoặc hiện già bệnh chết
Thành tựu cho chúng sanh
Rõ biết như huyễn hóa
Thông đạt không chướng ngại.
Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu
Trời đất đều cháy rực,
Những người có tưởng thường,
Soi khiến biết vô thường.
Vô số ức chúng sanh
Đều đến thỉnh Bồ-tát
Đồng thời đến nhà kia
Dạy khiến hướng Phật đạo.
Kinh sách, cấm chú thuật,
Các nghề nghiệp khéo léo,
Đều hiện làm việc này
Lợi ích cho quần sanh.
Các đạo pháp thế gian
Thảy trong đó xuất gia,
Nhân đây giải mê người
Mà không rơi tà kiến.
Hoặc làm Nhật, Nguyệt thiên,
Phạm vương, chủ thế giới,
Hoặc khi làm đất, nước,
Hoặc lại làm gió, lửa.
Trong kiếp có bệnh dịch

Hiện làm các thảo dược,
Nếu có người uống đó (thuốc)
Trừ bệnh tiêu các độc.
Trong kiếp có nạn đói
Hiện thân làm ẩm thực,
Trước cứu người đói khát
Sau dùng pháp dạy người.
Trong kiếp có đao binh
Vì họ khởi từ bi
Giáo hóa chúng sanh kia
Khiến trụ chỗ vô tránh.
Nếu có chiến trận lớn,
Lập sức ngang bằng họ,
Bồ-tát hiện oai thế
Hàng phục khiến an hòa.
Trong tất cả cõi nước
Chỗ nào có địa ngục
Liền đi đến nơi ấy
Gắng cứu người khổ não.
Trong tất cả cõi nước
Súc sanh ăn lẫn nhau
Đều hiện sanh nơi kia
Vì đó làm lợi ích.
Thị hiện thọ ngũ dục
Cũng lại hiện hành thiền

Khiến tâm ma rối loạn
Không thể được cơ hội.
Trong lửa sanh hoa sen
Thật đáng gọi hy hữu,
Cõi Dục mà hành thiền
Hy hữu cũng như thế.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dẫn dắt kẻ háo sắc,
Trước dùng dục câu dắt
Sau khiến vào trí Phật.
Hoặc làm chủ trong ấp,
Người dẫn đường buôn bán,
Quốc sư và đại thần,
Để giúp ích chúng sanh.
Tất cả người nghèo khổ,
Hiện làm kho vô tận,
Nhân đó khuyến dạy họ
Khiến phát tâm Bồ-đề.
Kẻ kiêu căng ngã mạn,
Hiện làm đại lực sĩ,
Tiêu phục các cống cao
Khiến trụ đạo Vô thượng.
Có chúng sanh sợ sệt,
Ở trước họ an ủi,
Trước bố thí vô úy

Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên nhân ngũ thông
Khuyên bảo các quần sanh
Khiến trụ giới nhẫn từ.
Thấy người cần hầu hạ
Hiện làm những tôi tớ
Đã vui ý người kia
Mới phát khởi đạo tâm.
Tùy người kia cần gì
Được vào trong Phật đạo,
Khéo dùng sức phương tiện
Đều hay cấp đầy đủ.
Vô lượng đạo như thế
Việc làm không bờ mé,
Trí tuệ không giới hạn,
Độ thoát vô số chúng.
Giả như tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp
Tán thán công đức kia
Vẫn còn không thể hết.
Ai nghe pháp như thế
Không phát tâm Bồ-đề!
Trừ kẻ bất tiếu kia,
Kẻ ngu tối không trí.

Giảng:

Khi ấy ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát làm sao thông đạt được Phật đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo.

Thường chúng ta nghĩ, muốn viên mãn Phật đạo là phải làm những điều hay điều tốt, điều chân chánh, phải bồi công lập đức đầy đủ. Còn phi đạo là những điều trái với đạo lý, không thích hợp với chánh pháp. Nhưng tại sao ở đây lại bảo phải hành phi đạo mới thông đạt Phật đạo? Nghe qua câu nói này chúng ta rất ngạc nhiên. Trong mười mục chăn trâu của nhà thiền, khi tiến tới mục thứ chín, gọi là chim bay về tổ, lá rụng về cội, nước chảy về nguồn, theo danh từ chuyên môn là *nhập Phật giới*. Đến đây vẫn chưa viên mãn công đức, mà phải tiến lên mục thứ mười *thõng tay vào chợ*, là hình ảnh một ông thầy ăn mặc xốc xếch, tay ôm bầu rượu tay xách cá chép đi vào phố thị. Đó là vị thiền sư đã thông đạt Phật đạo mới có thể làm như thế để tùy duyên hóa độ chúng sanh.

Hiểu được điều này chúng ta mới thấy, trên đường tu khi còn yếu, còn nhiều tập khí phiền não thì phải học những điều hay điều tốt, để gạn lọc thân tâm, lần lần mới được trong sạch và tốt đẹp. Khi tâm đã hoàn toàn thanh tịnh như mục thứ chín thể nhập pháp thân, như vậy vẫn chưa viên mãn. Muốn viên mãn công đức độ sanh, phải bước vào ma giới, tức là đi vào đường ma hành phi đạo, làm những điều mà bình thường không dám làm. Việc làm này khác hơn những kẻ phàm phu ở chỗ nào?

Người tu nếu an trú nơi tâm trong sáng thanh tịnh thì lòng đại bi không phát khởi. Bởi muốn thành Phật phải có tâm đại bi, thương tất cả chúng sanh đang mê lầm đắm chìm trong biển khổ gây tạo biết bao điều tội lỗi. Muốn độ những chúng sanh khó độ, vô minh sâu dày, Bồ-tát phải thị hiện làm những con người xấu xa tội lỗi để gần gũi mà chuyển hóa họ. Nhưng khi làm những việc đó, tâm Bồ-tát

vẫn thanh tịnh, không bị nhiễm ô như những chúng sanh kia. Hình ảnh này nhà thiền gọi là đầu tro mặt đất, tức là làm cho mình lem luốc để đi vào chỗ lem luốc giáo hóa chúng sanh, chứ không phải vì mê muội mà lăn lộn trong những chỗ xấu xa đó. Ấy là Bồ-tát hành phi đạo. Hiểu được ý này, chúng ta mới hiểu được toàn phẩm. Như vậy việc làm phi đạo chính là việc làm của lòng đại từ đại bi, làm những việc trái đạo lý để viên mãn công đức, độ khắp chúng sanh. Đó gọi là thông đạt Phật đạo.

Ngài Văn-thù lại hỏi:

- Thế nào Bồ-tát hành phi đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành ngũ vô gián mà không có não nhuế; đến nơi địa ngục, không có tội cấu; đến chỗ súc sanh, không có các lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà đầy đủ công đức.

Bồ-tát hành phi đạo nghĩa là Bồ-tát có khi làm tội ngũ nghịch Vô gián, tức là tội phải đọa vào địa ngục ngũ Vô gián. Tội ngũ nghịch đó là giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, làm thân Phật ra máu.

Trong thiền sử có thiền sư Đơn Hà đem tượng Phật thiêu, có phải làm thân Phật ra máu không? Tượng Phật thờ trên bàn mà dám đem ra thiêu đốt, đó là việc làm phi đạo lý. Ngài làm như thế với mục đích gì? Vì muốn phá chấp cho ông viện chủ được giác ngộ mà đốt tượng Phật. Đốt tượng Phật không phải do phiền não sân nhuế mà vì tâm lợi tha. Như vậy mới thấy việc làm của các ngài là điều mà một phàm tăng không bao giờ dám làm. Chúng ta phải có trí tuệ sáng suốt, nhận định chín chắn mới khỏi bị lầm lẫn, cũng một việc làm mà tâm Bồ-tát và tâm phàm phu hoàn toàn khác nhau. Đốt tượng Phật với tâm sân giận là tội đọa vào địa ngục Vô gián; còn nếu vì mục đích giúp người, đó là tâm lợi tha, thấy như phi đạo mà là hành Phật đạo, nên nói đến trong địa ngục mà không có tội cấu. Như Bồ-tát Địa Tạng vào địa ngục, do nguyện độ chúng sanh mà đến.

Các ngài đến trong súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn... Thường nói đọa làm súc sanh là do những tội nghiệp từ ngu si, tức do vô minh hoặc kiêu mạn... mà ra. Các ngài hiện thân làm súc sanh vì tâm nguyện muốn độ các loài súc sanh, như trong kinh Bản Sanh đức Phật kể lại, trong tiền kiếp ngài đã từng sanh trong các loài thú nhưng không phải nghiệp mà vì muốn độ các chúng sanh đó. Có khi ngài đến trong ngạ quỷ mà công đức vẫn đầy đủ, chẳng phải do lòng xan tham bỏn sẻn mà phải đọa làm kiếp ngạ quỷ.

Hành ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới mà không cho là hơn. Như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là những cõi khổ, mà các ngài cũng đến để giáo hóa chứ không phải do nghiệp dẫn. Chữ hành tức là tu. Bồ-tát tu trải qua các tầng thiền Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cho đến Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ... được sanh vào các cõi trời Sắc và Vô sắc giới, nhưng các ngài đến đó để giáo hóa chư thiên chứ không vì cho nơi đó là thù thắng. Còn chúng sanh mê muội, ham mê ngũ dục, thích hưởng mọi điều sung sướng tốt đẹp nên cho các cõi trời đó là thù thắng, là hơn hết. Đó là điểm khác nhau giữa Bồ-tát và chúng sanh.

Thị hiện hành tham dục, lìa các nhiễm trước; thị hiện hành nóng giận, đối với chúng sanh mà không bị giận ghét làm ngại; thị hiện hành ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm kia.

Bồ-tát thị hiện hạnh tham dục nhưng không bị đắm nhiễm trong tham dục, thị hiện hạnh nóng giận nhưng không làm chướng ngại chúng sanh. Như thầy giáo rầy la quở phạt học trò vì trò không thuộc bài. Do sợ bị phạt nên trò gắng học, về sau đỗ đạt thành người hữu dụng cho xã hội. Như vậy sự sân giận của thầy đâu làm chướng ngại đứa học trò, mà làm lợi ích cho sự tiến bộ của nó.

Cũng như trong thiền sử có câu chuyện giữa thiền sư Từ Minh và ngài Huệ Nam. Ngài Huệ Nam mỗi khi vào thất thưa hỏi đạo lý đều bị thiền sư Từ Minh mắng chửi đuổi ra. Một hôm chịu hết nổi, Huệ Nam mới nói:

- Vì chưa hiểu nên thưa hỏi, mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!

Từ Minh cười nói:

- Ông cho đó là mắng chửi sao?

Ngay đó Huệ Nam đại ngộ.

Ngộ rồi mới hiểu được lòng từ bi của thầy. Như vậy Bồ-tát hành nóng giận không phải do tâm sân giận ghét bỏ. Hành ngu si mà dùng trí tuệ để điều phục người. Người thế gian do chấp ngã nên đâu ai chịu mình ngu dốt, vì sợ bị người khinh thường, luôn muốn chứng tỏ ta thông minh hơn người. Còn Bồ-tát thông đạt Phật đạo nhưng khéo dùng phương tiện hạ thấp mình để độ người. Như có người khôn ngoan lanh lợi, nếu mình tỏ ra khôn hơn thì người không thích, không thể gần gũi họ được. Nên phải giả như ngu khờ để chơi thân với họ, mới có thể dùng trí tuệ của mình điều phục tâm kiêu mạn kẻ kia, chứ không phải ngu khờ thật.

Thị hiện hành xan tham mà xả hết của cải trong ngoài, không tiếc thân mạng. Bồ-tát lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh cả của cải thân mạng, nhưng bên ngoài mới nhìn dường như là tham lam bỏn sẻn. Chẳng hạn trước kia khi còn đi dạy học, mỗi tháng lãnh thù lao được vài chục ngàn, tôi đều nhận chứ không cúng lại trường. Hoặc ai cúng vải xấu tốt, tôi cũng đều nhận. Hoặc có những người xin ăn, tôi cũng ít khi cho họ tiền. Nhiều huynh đệ trong chúng thấy người ăn xin đều cho, hoặc khi có được quần áo mới, ai cần cứ đem cho. Thấy như tôi bỏn sẻn, nhưng vì trách nhiệm lo cho chúng tăng an ổn tu học, nên tôi phải tiết kiệm từng ly từng tí. Chỉ vài thí dụ nhỏ cho thấy, mới nhìn dường như người nhỏ rộng rãi hơn người lớn. Nói như thế, chứ không phải tôi dám bì với các vị Bồ-tát.

Thị hiện hành phá hủy giới cấm mà an trụ tịnh giới, cho đến một tội nhỏ cũng ôm lòng rất sợ. Bồ-tát cũng sợ tội, nhưng vì lợi ích chúng sanh nên nhiều khi các ngài phải làm những việc trái với đạo lý, nghĩa là thị hiện phạm giới cấm.

Thí dụ những năm về trước, tôi chủ trương phải làm ruộng mới có cơm ăn. Mấy cô trong Viên Chiếu làm ruộng xịt thuốc, sâu chết nhiều quá. Nhiều huynh đệ đến khóc than, làm như vậy chắc đời sau sẽ bị đọa địa ngục.

Tôi phải gan dạ nói rằng: "Tất cả tội đó Thầy chịu. Nếu có đọa địa ngục Thầy phải đọa trước, vì Thầy bảo làm." Ở đây cũng vậy, những việc tôi bảo làm, mấy chú mấy cô làm, tôi phải chấp nhận chịu tội. Tội đó là tội lớn. Nhiều khi chỉ một việc nhỏ mà tôi còn sợ tôi tránh, còn tội lớn đọa địa ngục tôi lại dám chịu. Tôi là phàm phu mà còn gan dạ như thế, huống nữa là Bồ-tát gần viên mãn công đức, có những điều tưởng như các ngài dở, nhưng thật ra không phải vậy.

Thị hiện hành sân nhuế mà thường từ bi nhẫn nhục; thị hiện hành lười biếng mà thường siêng tu công đức. Huynh đệ sống chung với nhau khi gặp việc bất như ý, nổi sân đùng đùng, có người hỏi sao huynh nổi sân quá vậy, thì nói tôi thị hiện sân để trị nó, chứ thật tôi đâu có nóng giận. Tôi từ bi lắm!... Tự cho là thị hiện sân mà không biết là thị hiện hay là đang bị lửa sân đốt. Điều này tự mình biết hơn ai hết. Nếu thật bị lửa sân đốt, đừng nói khoác lác mà phải mang tội. Hoặc khi lười biếng tu, có huynh đệ hỏi sao tối nay không tụng kinh, ngồi thiền? Huynh giải đãi quá vậy! Nói, tuy hình thức tôi giải đãi, nhưng lúc nào tâm cũng tinh tấn. Nếu được vậy thì tốt, đừng nên đánh lừa bạn bè, chưa được mà nói đã được. Nói dối là tội lớn, tội đại vọng ngữ, đọa địa ngục. Thế nên phải cẩn trọng.

Thị hiện hành loạn ý mà thường niệm định. Nghĩa là ý như lăng xăng tán loạn, nhưng trong tâm thường được niệm định.

Thị hiện hành ngu si mà thông đạt trí tuệ của thế gian và xuất thế gian; thị hiện hành dua dối mà khéo phương tiện theo các nghĩa kinh. Như có Phật tử đã thọ năm giới và tu hạnh Bồ-tát. Khi đi dự tiệc, bạn bè mời rượu, nếu nói mình là Phật tử giữ giới không uống rượu thì sợ người dị nghị, nên phương tiện nói, tôi bị bệnh gan, bác sĩ cấm không cho uống rượu. Nói vậy là nói dối, không đúng lẽ thật, nhưng nhờ vậy mà giữ được giới đức. Đó là hợp với nghĩa kinh.

Thị hiện hành kiêu mạn mà đối với chúng sanh vẫn như cầu bè. Bên ngoài hiện tướng thấy như kiêu mạn, nhưng thật tâm đối với chúng sanh sẵn sàng làm cầu bè để họ giẫm đạp đi qua. Thí dụ thiền sư Lại Dung chuyên cần lo tu, quên hết việc bên ngoài nên lễ phép kém đi, thấy chư tăng mà không xá chào. Người khác cho là ngã mạn lười biếng, đâu ngờ chính ngài là người trải mình để lo cho chúng. Nên nói thị hiện như ngã mạn nhưng làm cầu bè cho người đi qua.

Thị hiện hành các thứ phiền não mà tâm thường thanh tịnh. Chúng ta chưa được như các ngài, thế mà có người đang bị phiền não, được huynh đệ nhắc sao huynh phiền não quá vậy, lại nói, bên ngoài tôi phiền não nhưng trong tâm tôi thanh tịnh!... Đó là đại vọng ngữ, phải nên dè dặt.

Thị hiện vào chỗ chúng ma mà thuận với trí tuệ Phật, không theo sự giáo hóa của ma; thị hiện vào hàng Thanh văn mà vì chúng sanh nói pháp chưa từng nghe. Như tổ Ca-diếp, tuy thị hiện trong hàng Thanh văn nhưng khi nghe pháp công đức của Bồ-tát, của Phật, ngài lại là người nhận được trước hơn ai hết và than rằng đâu thể chấp nhận làm Thanh văn mãi. Đó là thị hiện trong Thanh văn mà nói pháp chưa được nghe.

Thị hiện vào Bích-chi Phật mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sanh. Bích-chi Phật gọi là Độc giác, các ngài ở riêng trong rừng sâu, tự tu tự độ. Còn những vị Bồ-tát thị hiện như Bích-chi Phật, cũng ở nơi vắng vẻ rừng sâu, nhưng vẫn phát tâm đại bi giáo hóa chúng sanh.

Thị hiện vào chỗ bần cùng mà có bàn tay báu vô tận công đức; thị hiện vào hàng tật nguyền mà đầy đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm. Tuy thấy thân tật nguyền nhưng luôn dùng những tướng tốt để trang nghiêm. Tướng tốt đây có nghĩa là làm những điều lành, điều tốt.

Thị hiện vào hàng hạ tiện mà sanh trong dòng họ Phật, được đầy đủ các công đức. Hạ tiện tức là dòng dõi thấp kém. Tuy sanh trong dòng hạ tiện nhưng có hạt giống Phật, nên có đầy đủ các công đức.

Thị hiện thân gầy ốm xấu xí mà được thân bền chắc, tất cả chúng sanh đều ưa nhìn. Tuy thân gầy yếu xấu xa nhưng lại là thân kim cương, chúng sanh nhìn mãi không chán.

Thị hiện già bệnh mà hằng đoạn gốc bệnh, vượt qua nỗi sợ chết, thị hiện có của cải mà hằng quán vô thường, thật không có lòng tham, thị hiện có thê thiếp mà thường xa lìa vũng bùn ngũ dục, thị hiện làm kẻ chậm lụt ngu độn mà thành tựu biện tài, ghi nhớ không sót, thị hiện trong nhóm tà đạo mà dùng chánh đạo để độ chúng sanh, thị hiện khắp trong các đường mà đoạn những nhân duyên kia. Các đường gồm ngũ thú hay lục đạo các ngài đều trải qua nhưng không còn bị các nhân duyên của lục đạo ngũ thú trói buộc.

Thị hiện nơi Niết-bàn mà không đoạn sanh tử. Tuy các ngài nhập Niết-bàn nhưng vẫn lăn xả trong sanh tử để giáo hóa chúng sanh.

Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát hay hành phi đạo như thế, ấy là thông đạt Phật đạo. Bồ-tát làm các điều trái lẽ thật, trái đạo đức, mà tâm vẫn không trái. Những vị đó hành phi đạo sẽ viên mãn Phật đạo.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù:

- Những gì là hạt giống Như Lai?

Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Có thân là có hạt giống Phật, vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, bốn thứ điên đảo là hạt giống Phật, ngũ cái là hạt giống Phật, lục nhập là hạt giống Phật, thất thức xứ là hạt giống Phật, bát tà pháp là hạt giống Phật, cửu não xứ là hạt giống Phật, thập bất thiện đạo là hạt giống Phật. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

Hỏi những gì là hạt giống Phật, lẽ ra phải nói Bồ-đề là hạt giống Phật; tại sao nói vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, điên đảo là hạt giống Phật...? Những điều này mới nghe thật khó hiểu. Nhưng đó là lẽ thật. Đây muốn chỉ, khi còn mê muội nếu được gặp duyên tốt duyên lành, có thể phát tâm Bồ-đề tu theo Phật đạo. Còn những vị tu chứng quả A-la-hán đã dứt sạch phiền não, hết mầm sanh tử, hoàn toàn thanh tịnh, an trụ Niết-bàn, nhưng vì các ngài không phát tâm cầu Phật đạo nên mất hạt giống Phật, chỉ là A-la-hán muôn đời, không bao giờ vượt ra được.

Thí dụ có người chống đối, chê bai hoặc không hiểu đạo Phật, khi được thiện hữu tri thức có đủ phước đức, biện tài giảng dạy, họ sẽ có niềm tin vững chắc. Còn người tu theo đạo Phật mà sai lạc, như luyện tập xuất hồn bay cõi này cõi kia, hoặc thích những điều khác lạ, dù đem giáo lý chân chánh ra giản trạch họ vẫn không theo. Những người đó cho rằng thầy không có những phép lạ, không biết bay như họ... rồi tự mãn nên không chuyển được. Như vậy những cái được đó là được của tà. Và có những người chưa hề biết gì đạo Phật, một phen thức tỉnh họ liền đi thẳng con đường đúng chánh pháp. Thế nên chúng ta không ngại người không hiểu đạo, mà chỉ ngại người hiểu sai lầm. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù cốt để làm sáng tỏ ý này.

Đây giải thích những danh từ Phật học cho các vị chưa thông: Hữu ái là gì? Chữ hữu, ái đó trong mười hai nhân duyên. Ái rồi thủ. Duyên thủ có hữu.

Tứ điên đảo: Thân bất tịnh, tưởng lầm là tịnh. Thọ là khổ, tưởng lầm là vui. Tâm vô thường, tưởng lầm là thường. Pháp vô ngã, tưởng là có ngã. Đây là bốn thứ điên đảo.

Ngũ cái: tham dục, sân nhuế, trạo hối, thùy miên và si mê.

Thất thức xứ là bảy chỗ thức đến:

1. Ngũ thú tạp cư thức xứ là cõi năm loài ở lẫn lộn với nhau.

2. Ly sanh hỷ lạc thức xứ là ở cõi trời Sắc giới, người tu thiền định chứng được Sơ thiền sanh về cõi này.

3. Định sanh hỷ lạc thức xứ.

4. Ly hỷ diệu lạc thức xứ.

5. Không vô biên thức xứ.

6. Thức vô biên thức xứ.

7. Vô sở hữu thức xứ.

Đó là bảy chỗ thức đến. Trong Tứ thiền chỉ nói có Tam thiền, không nói đến Xả niệm thanh tịnh và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tám tà pháp: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, đoạn kiến, thường kiến, chấp hữu, chấp vô.

Cửu não xứ là chín chỗ phiền não: ái ngã quán tịnh, tắng ngã thân hữu, não ngã tự thân. Nói cho dễ hiểu: Ái ngã là yêu cái ta. Tắng ngã là ghét cái ta. Não ngã là làm não loạn cái ta. Ba thứ đó làm nhân cho ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là chín não.

Thập bất thiện là ngược với thập thiện.

Tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não khi còn trong mê lầm, đều sẵn có hạt giống Phật. Nếu một phen thức tỉnh có thể phát tâm Bồ-đề.

- Vì sao?

- Nếu thấy vô vi nhập chánh vị thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí dụ ở chỗ gò đất cao không thể mọc hoa sen, ở chỗ đất thấp ẩm ướt bùn sình hoa sen mới sanh.

Vô vi nhập chánh vị tức là chứng A-la-hán nhập Niết-bàn. Thí dụ như hoa sen không thể mọc nơi gò đất cao, chỉ mọc ở chỗ bùn lầy thấp ướt. Chỗ gò cao dụ cho những vị tu chứng quả A-la-hán. Chỗ bùn lầy thấp ướt dụ cho người còn dẫy đầy phiền não, chính nơi đó hoa sen mới sanh.

Như thế thấy pháp vô vi nhập được chánh vị, trọn chẳng lại hay sanh Phật pháp, ở trong bùn phiền não mới có những chúng sanh khởi tâm cầu Phật pháp vậy. Lại như gieo hạt giống trong hư không, trọn không sanh được, nơi đất phân xốp mới có thể nảy mầm tốt tươi. Nếu gieo hạt giống trong hư không thì không thể nảy mầm. Gieo ở chỗ bùn lầy, đất phân tốt hạt giống sẽ phát triển xanh tươi. Cũng vậy, nếu các vị đã chứng quả A-la-hán, không thể phát tâm Bồ-đề. Những người còn trong phiền não mê muội, gặp duyên lành dễ phát khởi đại Bồ-đề tâm.

Như thế những vị vào vô vi chánh vị không sanh Phật pháp, người khởi ngã kiến như núi Tu-di vẫn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh Phật pháp vậy. Thế nên phải biết, tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Ở trong phiền não mà thức tỉnh liền sanh hạt giống Như Lai. Nếu không tỉnh, hạt giống Như Lai sẽ không phát khởi. Trong chỗ mê muội gây nghiệp, tạo tất cả khổ não, khi được người nhắc liền thức tỉnh có thể phát tâm Bồ-đề. Như vậy quan trọng là phải tỉnh mới được.

Thí dụ không vào biển cả không thể được bảo châu vô giá. Như thế không vào biển lớn phiền não thì không thể được ngọc báu nhất thiết trí.

Trên đây là ba hình ảnh thí dụ làm cho sáng tỏ các vấn đề. Thứ nhất là hình ảnh hoa sen chỉ mọc nơi bùn lầy. Thứ hai là hạt giống chỉ có thể xanh tươi ở đất bùn phân nhơ nhớp. Thứ ba là muốn tìm được của báu chỉ khi nào dám lặn xuống biển sâu. Chúng ta tuy sống trong phiền não nhưng nếu được thiện tri thức hướng dẫn có thể phát tâm Bồ-đề. Còn nếu ở trong cảnh tịch tịnh Niết-bàn của bậc A-la-hán thì tâm Bồ-đề không phát khởi.

A-la-hán chia làm hai bậc:

1. Độn căn A-la-hán là những bậc A-la-hán hài lòng tự mãn với quả vị Niết-bàn đã tu chứng.

2. Lợi căn A-la-hán là những bậc A-la-hán đến được Niết-bàn nhưng chưa tự mãn, chưa hài lòng ngay đó, mà khởi tâm cầu Phật đạo, nên gọi là phát tâm Bồ-đề.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp tán thán:

- Lành thay, lành thay! Ngài Văn-thù-sư-lợi khéo nói lời này. Thật như lời của ngài nói, những người ở trong trần lao là hạt giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không thể kham nhận phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhẫn đến những tội trong ngũ Vô gián vẫn hay phát ý sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi ngày nay hằng không có thể phát tâm. Ví như người các căn bị hư hoại thì đối với ngũ dục họ không thể được lợi ích.

Đoạn này ngài Ca-diếp tán thán lời của ngài Văn-thù-sư-lợi thật đúng và dùng thí dụ để xác minh. Như người mắt mù, tai điếc, mũi hư, lưỡi bệnh... đối với ngũ dục họ không hưởng được. Cũng vậy, hàng Thanh văn mà không có lợi căn thì không thể nào phát tâm Bồ-đề được.

Như thế Thanh văn các kiết sử đã đoạn, đối trong Phật pháp không được lợi ích, hằng không có chí nguyện. Thanh văn đã đoạn hết kiết sử, dứt mầm sanh tử, hết duyên độ sanh, tâm hoàn toàn thanh tịnh giải thoát, nhưng không phát tâm cầu thành Phật. Vì muốn cầu thành Phật thì không thể an trụ Niết-bàn vô sanh mãi mãi, mà phải hành hạnh Bồ-tát, phải lăn xả trong sanh tử để hóa độ chúng sanh.

Thế nên ngài Văn-thù-sư-lợi! Phàm phu đối với Phật pháp còn có phản phục, mà hàng Thanh văn thì không vậy. Phản phục nghĩa là quay trở lại. Như vậy đối với Phật pháp, phàm phu có thể quay lại, còn hàng Thanh văn thì không thể.

Vì cớ sao? Phàm phu nghe Phật pháp có thể khởi tâm vô thượng đạo, không đoạn Tam bảo. Chính như hàng Thanh văn trọn đời nghe Phật pháp, nào là thập lực, tứ vô sở úy... hằng không thể phát ý vô thượng đạo. Hàng Thanh văn tuy được nghe công đức lớn của Phật,

như là thập lực, tứ vô sở úy... cũng không thể phát ý vô thượng đạo. Bởi các ngài đã dứt sạch kiết sử, mầm sanh tử không còn, an trú Niết-bàn nên không phát ý. Chúng ta còn phiền não đầy dẫy, dù được nghe Phật pháp nhưng mãi bị lôi kéo trong tam giới nên phải ráng tu thực hành hạnh Bồ-tát, lâu dần dứt hết phiền não, lúc bấy giờ mới thị hiện các hạnh.

Khi ấy trong hội có Bồ-tát tên là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi ông Duy-ma-cật:

- Cư sĩ! Cha mẹ vợ con, thân thích quyến thuộc, tôi tớ tri thức... thảy đều là ai? Tớ gái tôi trai, xe voi xe ngựa đều ở đâu?

Đoạn này, Bồ-tát Phổ Hiện Sắc Thân muốn hỏi cư sĩ Duy-ma-cật hiện nay thân bằng quyến thuộc, sự nghiệp tài sản của ông có những ai, hiện đang ở đâu?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật dùng kệ đáp:

Trí độ: mẹ Bồ-tát,

Phương tiện ấy là cha,

Đạo sư: tất cả chúng,

Đều do đây sanh ra.

Bồ-tát dùng trí để độ thoát chúng sanh nên nói trí độ là mẹ, dùng mọi phương tiện để cứu giúp chúng sanh nên nói phương tiện là cha. Kế ngài nói tất cả chúng sanh là thầy dẫn đường. Mới nghe qua dường như nói ngược, nhưng quả thật đúng như vậy. Bởi vì nếu không có chúng sanh, Bồ-tát đâu thể thực hành các hạnh đầy đủ để thành Phật. Do đó Bồ-tát nhờ chúng sanh mới đạt đến Phật quả, nên nói chúng sanh là thầy dẫn đường. Nếu chúng ta có được cái nhìn như các ngài thì người nào cũng đáng quý đáng kính, không còn thấy kẻ xấu người tốt, thế gian này trở thành thiên đường rồi. Thế nên người tu mà cứ thấy ai cũng là ma, rồi muốn một mình trốn lên non, vô núi ở để khỏi bị ma nhiễu loạn, đó là còn tâm niệm tiêu cực.

Pháp hỷ ấy là vợ,

Tâm từ là con gái,

Tâm thành thật là trai,

Cứu cánh không tịch: nhà.

Pháp hỷ là nghe pháp lãnh hội được sanh lòng vui mừng, nghĩa là vui trong Phật pháp, ở đây cư sĩ Duy-ma-cật ví pháp hỷ như là vợ.

Cứu cánh không tịch là thấy các pháp đều rỗng không, không có thật.

Đệ tử: các trần lao,

Tùy ý mà xoay chuyển.

Câu này giống như câu nói của thiền sư Triệu Châu: *Các ông bị mười hai giờ sai sử. Ta thì sai sử được mười hai giờ.* Trần lao tức phiền não, cư sĩ Duy-ma-cật nói, chúng là đệ tử nên tùy ý ông xoay chuyển. Còn chúng ta thì ngược lại. Như lúc bình thường nét mặt luôn tươi tắn, dáng vẻ đạo mạo, hiền hòa, nhưng khi gặp điều bất như ý, không làm chủ được nên bị phiền não sai sử, hiện qua sắc mặt và lời nói. Bồ-tát do có đạo lực nên sử dụng mọi phiền não theo ý mình. Thí dụ muốn răn dạy kẻ ương ngạnh khó bảo, các ngài thị hiện tướng sân giận để chuyển hóa họ. Chúng ta chưa làm được như thế, còn bị phiền não trần lao sai sử nên làm đệ tử của chúng. Đó là điều đáng xấu hổ. Người tu cần phải suy nghiệm, phải ráng làm chủ, xoay chuyển được các trần lao theo ý của mình.

Đạo phẩm: thiện tri thức

Do đây thành Chánh giác.

Đạo phẩm tức bát chánh đạo. Bồ-tát không những thực hành pháp tu của mình, mà tất cả pháp của hàng Thanh văn Duyên giác, các ngài cũng tu, cũng ứng dụng được.

Các pháp độ: bạn bè,

Tứ nhiếp là kỹ nữ,

Ca ngâm tụng lời pháp

Lấy đó làm âm nhạc.

Pháp độ là chỉ cho lục độ. Nghe lời kinh tiếng kệ, lấy đó làm âm nhạc.

Tổng trì là vườn đẹp,

Cây rừng: pháp vô lậu,

Giác ý: hoa tịnh diệu,

Quả: giải thoát trí tuệ.

Tổng trì là nhớ hết, gồm hết. Giác ý là thất giác chi. Tịnh diệu là đẹp đẽ. Hoa quả trong vườn đủ hết.

Bát giải thoát: ao hồ,

Nước định lặng trong đầy,

Dùng bảy tịnh hoa rải,

Để tắm người không nhơ.

Voi ngựa chạy, ngũ thông,

Đại thừa dùng làm xe,

Điều ngự dùng nhất tâm,

Dạo chơi đường bát chánh.

Tướng đủ trang nghiêm thân,

Các đẹp trau dáng kia,

Hổ thẹn làm thượng phục,

Thâm tâm làm tràng hoa.

Tàm quý là hổ thẹn. Lấy hổ thẹn làm y phục đẹp. Thường trong nhà Phật nhắc nhở người tu phải có tâm hổ thẹn, mới có thể chuyển xấu thành tốt. Người không tâm hổ thẹn, nói theo từ thế gian là chai lỳ, khi có lầm lỗi được sự chỉ dạy không chịu sửa đổi, vẫn chứng nào tật nấy, như vô tâm vô sự thì không bao giờ tiến bộ. Còn người có lỗi, nghe lời khuyên bảo biết xấu hổ, cương quyết sửa cho bằng được, người đó như có y phục tốt đẹp che thân.

Giàu có bảy của báu,

Dạy bảo để thêm lợi,

Như lời nói tu hành,

Hồi hướng làm lợi lớn.

Dạy bảo để thêm lợi là chỉ dạy giúp người được lợi ích, hết khổ đau. Như lời nói tu hành là lời nói và việc làm luôn đi đôi, để hồi hướng cho chúng sanh đều được lợi lớn.

Tứ thiền làm sàng tòa,

Từ nơi tịnh mạng sanh,

Đa văn tăng trí tuệ,

Dùng làm tiếng tự giác.

Thức ăn: pháp cam lồ,

Nước uống: vị giải thoát.

Tịnh mạng tức là sanh chánh mạng. Mỗi khi ăn cơm chúng ta phải nhớ: dùng nước uống là nước giải thoát, thức ăn là vị cam lồ.

Tắm gội dùng tịnh tâm,

Hương xoa là giới phẩm.

Dẹp bỏ giặc phiền não,

Mạnh mẽ không thể qua.

Tắm gội để tẩy trừ cấu uế nơi tâm, dùng hương giới và hương định làm hương để xoa. Cần phải cương quyết mạnh mẽ tiêu diệt sạch giặc phiền não.

Hàng phục bốn thứ ma,

Cờ thắng dựng đạo tràng.

Chế ngự được bốn thứ ma: ma phiền não, ma ngũ ấm, tử ma, thiên ma, rồi mới dựng cờ chiến thắng lập đạo tràng.

Tuy biết không khởi diệt,

Chỉ (bày) kia nên có sanh,

Khắp hiện các cõi nước,

Như mặt trời, đều thấy.

Cúng dường khắp mười phương,

Vô lượng ức Như Lai,

Chư Phật và thân mình,

Không có tưởng phân biệt.

Thân Phật và thân mình thấy không hai không khác.

Tuy biết cõi chư Phật,

Cùng chúng sanh đều không,

Mà thường tu tịnh độ,

Để giáo hóa quần sanh.

Trong kinh Kim Cang nói phàm những gì có tướng đều là hư vọng, mà cõi Phật và cõi chúng sanh đều có tướng nên cũng hư dối không thật. Tuy biết hư dối nhưng vẫn tạo cõi tịnh độ. Ở đây tịnh độ là chỉ cho cõi nước đẹp đẽ để giáo hóa chúng sanh.

Loài chúng sanh các cõi,

Hình tiếng và oai nghi,

Sức vô úy Bồ-tát

Đồng thời hay hiện khắp.

Những loài chúng sanh trong các cõi nước, tùy hình tướng, âm thanh, oai nghi thế nào, Bồ-tát dùng sức vô úy, cùng một lúc có thể ứng hiện ra để cảm hóa họ.

Rõ biết các việc ma

Mà hiện theo hạnh kia.

Biết rõ việc nào là tà, là chánh, việc nào việc ma, việc nào việc Phật, tùy đó thị hiện để làm lợi ích cho họ.

Khéo dùng trí phương tiện

Tùy ý đều hay hiện.

Hoặc hiện già bệnh chết

Thành tựu cho chúng sanh

Rõ biết như huyễn hóa

Thông đạt không chướng ngại.

Các ngài khéo dùng phương tiện thị hiện cảnh già bệnh chết để cảnh tỉnh chúng sanh. Như một thanh niên đang say mê vui thú với cuộc sống hiện tại, nghĩ mình sẽ khỏe mạnh sống lâu. Anh ta có một người bạn cũng to tướng, mập mạp, nhưng bất chợt ngã lăn ra chết. Lúc đó anh giật mình suy nghĩ, bạn cũng mạnh khỏe như mình mà bây giờ đã chết, vậy thân ta đâu bảo đảm lâu dài. Thế nên mới thấy Bồ-tát khéo dùng trí phương tiện để thức tỉnh cho người biết thân này tạm bợ hư dối, không bền chắc mà không còn mê chấp nó nữa.

Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu

Trời đất đều cháy rực,

Những người có tưởng thường,

Soi khiến biết vô thường.

Hoặc có người cho thế giới này là thường còn, nên các ngài thị hiện ra kiếp hỏa thiêu, khiến đại địa tự nhiên cháy rực, lửa thiêu đốt từ từ rụi tàn. Khi ấy họ mới thức tỉnh biết rõ thế giới cũng vô thường nên không còn ham thích nữa.

Vô số ức chúng sanh

Đều đến thỉnh Bồ-tát

Đồng thời đến nhà kia

Dạy khiến hướng Phật đạo.

Nếu cùng một lúc có vô số người thỉnh Bồ-tát đến nhà để giáo hóa, các ngài cũng có thể thị hiện ra vô số thân đến giáo hóa họ.

Kinh sách, cấm chú thuật,

Các nghề nghiệp khéo léo,

Đều hiện làm việc này

Lợi ích cho quần sanh.

Những nghề nghiệp khéo léo các ngài đều học và hành, cốt làm lợi ích quần sanh. Như nghề y dược để chế biến thuốc thang, có thể cứu giúp người bệnh bớt khổ.

Các đạo pháp thế gian

Thảy trong đó xuất gia,

Nhân đây giải mê người

Mà không rơi tà kiến.

Có khi Bồ-tát thị hiện xuất gia theo ngoại đạo, vì các ngài muốn đồng sự đồng hành để giải mê hoặc cho họ, chứ không phải do lầm lạc mà đi trong tà kiến.

Hoặc làm Nhật, Nguyệt thiên,

Phạm vương, chủ thế giới,

Hoặc khi làm đất, nước,

Hoặc lại làm gió, lửa.

Trong kiếp có bệnh dịch

Hiện làm các thảo dược,

Nếu có người uống đó (thuốc)

Trừ bệnh tiêu các độc.

Trong kiếp có nạn đói

Hiện thân làm ẩm thực,

Trước cứu người đói khát

Sau dùng pháp dạy người.

Trong kiếp có đao binh

Vì họ khởi từ bi

Giáo hóa chúng sanh kia

Khiến trụ chỗ vô tránh.

Nếu có chiến trận lớn,

Lập sức ngang bằng họ,

Bồ-tát hiện oai thế

Hàng phục khiến an hòa.

Người thế gian sợ nhất là thiên tai, bệnh dịch, nạn đói, đao binh. Bồ-tát tùy duyên ứng hiện những nơi đó, dùng mọi phương tiện để cứu giúp họ. Gặp người bệnh dịch dùng thảo dược làm thuốc để trừ bệnh tiêu độc, với người đói khát làm thức ăn giúp cho qua cơn đói khổ, với nạn binh đao các ngài khởi lòng từ bi chuyển hóa tâm họ không còn tranh đấu. Như có chiến trận lớn, hai bên đối đầu giao chiến, Bồ-tát dùng phương tiện hiện thân có thế lực mạnh, khiến đối phương sợ để điều hòa họ.

Trong tất cả cõi nước

Chỗ nào có địa ngục

Liền đi đến nơi ấy

Gắng cứu người khổ não.

Chúng sanh trong địa ngục chịu nhiều đau khổ, Bồ-tát hiện thân đến để giúp họ bớt khổ.

Trong tất cả cõi nước

Súc sanh ăn lẫn nhau

Đều hiện sanh nơi kia

Vì đó làm lợi ích.

Thị hiện thọ ngũ dục

Cũng lại hiện hành thiền

Khiến tâm ma rối loạn

Không thể được cơ hội.

Trong lửa sanh hoa sen

Thật đáng gọi hy hữu,

Cõi Dục mà hành thiền

Hy hữu cũng như thế.

Những người chuyên tâm tu hành, loài ma hay theo phá. Người mê ngũ dục dễ bị ma sai khiến, xem như tôi tớ. Còn Bồ-tát có khi thị hiện trong cảnh ngũ dục, rồi cũng thị hiện tu hành, nên ma không có cơ hội để phá hại. Sống trong cảnh dục lạc đầy đủ mà vẫn tu thiền được thật hiếm có, cũng như hoa sen sanh trong lò lửa thật là hy hữu vậy.

Hoặc hiện làm dâm nữ

Dẫn dắt kẻ háo sắc,

Trước dùng dục câu dắt

Sau khiến vào trí Phật.

Hoặc làm chủ trong ấp,

Người dẫn đường buôn bán,

Quốc sư và đại thần,

Để giúp ích chúng sanh.

Tất cả người nghèo khổ,

Hiện làm kho vô tận,

Nhân đó khuyến dạy họ

Khiến phát tâm Bồ-đề.

Kẻ kiêu căng ngã mạn,

Hiện làm đại lực sĩ,

Tiêu phục các cống cao

Khiến trụ đạo Vô thượng.

Có chúng sanh sợ sệt,
Ở trước họ an ủi,
Trước bố thí vô úy
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên nhân ngũ thông
Khuyên bảo các quần sanh
Khiến trụ giới, nhẫn, từ.
Thấy người cần hầu hạ
Hiện làm những tôi tớ
Đã vui ý người kia
Mới phát khởi đạo tâm.
Tùy người kia cần gì
Được vào trong Phật đạo,
Khéo dùng sức phương tiện
Đều hay cấp đầy đủ.
Vô lượng đạo như thế
Việc làm không bờ mé,
Trí tuệ không giới hạn,
Độ thoát vô số chúng.
Giả như tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp
Tán thán công đức kia
Vẫn còn không thể hết.
Ai nghe pháp như thế
Không phát tâm Bồ-đề!

Trừ kẻ bất tiếu kia,

Kẻ ngu tối không trí.

Tóm lại, toàn bài kệ này nói về gia đình cư sĩ Duy-ma-cật. Từ cha mẹ vợ con, tôi tớ cho đến đồ vật... đều là các pháp làm lợi ích chúng sanh. Đoạn sau nói rõ, để hướng về Phật đạo, Bồ-tát tùy duyên dùng mọi phương tiện, tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp, hiện thân làm tất cả công đức, cốt sao cho mọi người đều thức tỉnh, giác ngộ, chứ không vì mục đích riêng tư. Những việc làm lợi lạc quần sanh của các ngài không thể tính kể, như vậy mới viên mãn Phật đạo.

Kinh sử Ấn Độ có biên chép rõ ràng, gia đình ông Duy-ma-cật là có thật chứ không phải hư cấu. Trong kinh Như Nguyệt Thượng Nữ có ghi: Ông Duy-ma-cật thuộc dòng họ Điện, vợ là Kim Cự, con trai tên Thiện Tư, con gái tên Nguyệt Thượng. Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ, có đến nền thất của ông để đảnh lễ.

Học kinh chủ yếu là để tìm những điều cao siêu, hay đẹp của Bồ-tát đã làm và chỉ dạy, chúng ta phải thực hành theo gương hạnh của các ngài nếu muốn tiến đến Phật đạo. Thí dụ các ngài dùng trần lao làm đệ tử, điều này đối với chúng ta thật khó làm, dù phải học suốt đời cũng chưa chắc đã xong. Tất cả điểm khác cũng như vậy.

Những công hạnh cao đẹp của Bồ-tát thật đáng tán thán. Chúng ta tu muốn làm người cao thượng sáng suốt phải có những hạnh cao cả đó. Phải tùy thời tùy khả năng chúng ta làm đến đâu mừng đến đấy, chứ không thể cùng lúc làm hết được. Đó là lý tưởng người tu phải thực hành, không phải chỉ nghe suông hiểu suông thôi.

09. PHẨM PHÁP MÔN KHÔNG HAI

Tinh thần phẩm này nói rõ tất cả pháp vượt ngoài đối đãi, mọi hình tướng đối đãi là tướng giả dối không thật. Đó là lý thật của đạo. Vì vậy mà nói pháp môn bất nhị tức là pháp môn không hai.

Chánh văn:

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo các vị Bồ-tát:

- Này các nhân giả! Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai? Mỗi vị tùy theo sở thích của mình mà nói.

Trong hội có vị Bồ-tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng:

- Này các nhân giả, sanh diệt là hai. Pháp xưa chẳng sanh, nay ắt chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Thủ nói:

- Ngã, ngã sở là hai. Nhân có ngã nên liền có ngã sở. Nếu không có ngã thì không ngã sở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Thuấn nói:

- Thọ, không thọ là hai. Nếu pháp không thọ thì không thể được; do không thể được nên không thủ không xả, không tác không hành, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Đảnh nói:

- Nhơ sạch là hai. Thấy thật tánh của nhơ thì không tướng sạch, thuận nơi tướng diệt, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Túc nói:

- Có động, có niệm là hai. Không động thì không niệm, không niệm tức là không phân biệt. Người thông đạt chỗ này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói:

- Một tướng, không tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp thủ không tướng, vào chỗ bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Tý nói:

- Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tướng tâm không, như huyễn hóa, không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phất-sa nói:

- Thiện ác là hai. Nếu chẳng khởi thiện ác, vào mé vô tướng mà thông đạt điều này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử nói:

- Tội phước là hai. Nếu thông đạt tánh tội ắt cùng với phước không khác, dùng trí tuệ kim cương quyết trạch rõ ràng tướng này, không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

- Hữu lậu vô lậu là hai. Nếu được các pháp bình đẳng thì không khởi tưởng lậu vô lậu, không chấp nơi tướng cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịnh Giải nói:

- Hữu vi vô vi là hai. Nếu lìa tất cả số thì tâm như hư không, do trí tuệ thanh tịnh không chỗ chướng ngại, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

- Thế gian, xuất thế gian là hai. Tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian. Ở trong kia không nhập không xuất, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Ý nói:

- Sanh tử Niết-bàn là hai. Nếu thấy tánh sanh tử thì không sanh tử, không trói không mở, chẳng sanh chẳng diệt, người hiểu như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hiện Kiến nói:

- Tận bất tận là hai. Pháp hoặc cứu cánh tận hoặc bất tận, đều là tướng vô tận; tướng vô tận tức là không, không thì không có tướng tận và bất tận. Người được như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

- Ngã vô ngã là hai. Ngã còn không thể được, vô ngã làm sao có thể được? Thấy thật tánh của ngã đó, không lại khởi hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Điện Thiên nói:

- Minh vô minh là hai. Thật tánh vô minh tức là minh, minh cũng không thể chấp thủ, lìa tất cả số, ở trong đó được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

- Sắc, sắc không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới không, tánh sắc tự không. Như thế thọ tưởng hành thức, thức không là hai, thức tức là không, chẳng phải thức diệt mới không, thức tánh tự không, ở trong đó mà thông đạt được, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Minh Tướng nói:

- Bốn chủng khác, không chủng khác là hai. Tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, như mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Ý nói:

- Mắt, sắc là hai. Nếu biết tánh của mắt đối với sắc không tham không sân không si, ấy gọi là tịch diệt. Như thế lỗ tai - tiếng, lỗ mũi - mùi, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp là hai, nếu biết tánh của ý đối với pháp không tham không sân không si gọi là tịch diệt, an trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

- Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh bố thí tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, như thế trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hồi hướng Nhất thiết trí là hai, tánh trí tuệ tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, ở trong đó vào một tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói:

- Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác; nếu không vô tướng vô tác thì không tâm không ý không thức. Đối với một môn giải thoát tức là ba môn giải thoát, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịch Căn nói:

- Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tam bảo này đều là tướng vô vi, đồng với hư không, tất cả pháp cũng vậy. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

- Thân, thân diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Vì cớ sao? Thấy thật tướng của thân, không khởi thấy thân và thấy thân diệt, thân cùng thân diệt không hai không phân biệt, ở trong kia không kinh không sợ, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thượng Thiện nói:

- Thân khẩu ý thiện là hai. Ba nghiệp ấy đều là tướng vô tác, thân tướng vô tác tức là khẩu tướng vô tác, khẩu tướng vô tác tức là ý tướng vô tác, ba nghiệp tướng vô tác ấy tức tất cả pháp tướng vô tác. Hay tùy thuận trí tuệ vô tác như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phước Điền nói:

- Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Thật tánh ba hạnh tức là không, không thì không phước hạnh, không tội hạnh, không bất động hạnh. Ở trong ba hạnh này mà không khởi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói:

- Từ ngã khởi hai là hai. Thấy thật tướng của ngã, không khởi hai pháp, nếu không trụ hai pháp thì không có thức, không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Tạng nói:

- Có tướng sở đắc là hai. Nếu không sở đắc thì không thủ xả. Không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

- Tối cùng với sáng là hai. Không tối không sáng thì không có hai. Vì cớ sao? Như nhập Diệt thọ tưởng định, không tối không sáng, tất cả pháp tướng cũng lại như thế, ở trong kia bình đẳng mà nhập, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

- Ưa Niết-bàn chẳng ưa thế gian là hai. Nếu chẳng ưa Niết-bàn chẳng chán thế gian ắt không có hai. Vì cớ sao? Nếu có trói ắt có mở. Nếu xưa không trói thì cầu mở làm gì? Không trói không mở thì không ưa không chán, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Châu Đảnh Vương nói:

- Chánh đạo tà đạo là hai. Người trụ chánh đạo ắt chẳng phân biệt là tà là chánh, lìa hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nhạo Thật nói:

- Thật không thật là hai. Thật thấy đó còn không thấy thật, huống là chẳng phải thật! Vì cớ sao? Chẳng phải chỗ thấy con mắt thịt, tuệ nhãn mới có thể thấy, mà tuệ nhãn này không thấy không chẳng thấy, ấy là vào pháp môn không hai.

Như thế chư vị Bồ-tát mỗi vị đã nói rồi, mới hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Ngài Văn-thù nói:

- Như ý tôi, đối với tất cả pháp không nói không rằng, không chỉ bày không phân biệt, lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Chúng tôi mỗi người đã tự nói xong, nhân giả phải nói thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai? Bấy giờ ông Duy-ma-cật lặng thinh không nói.

Ngài Văn-thù-sư-lợi khen:

- Lành thay, lành thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đây thật là vào pháp môn không hai.

Khi nói phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này, ở trong chúng đây, năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, được vô sanh pháp nhẫn.

Giảng:

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo các vị Bồ-tát: Này các nhân giả! Bồ-tát làm sao vào được pháp môn không hai? Mỗi vị tùy theo sở thích của mình mà nói. Trước tiên, cư sĩ Duy-ma-cật mời các vị Bồ-tát trong chúng hội, tùy theo sở thích mỗi người, trình bày ý kiến của mình đối với pháp môn không hai.

Trong hội có vị Bồ-tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng: Này các nhân giả, sanh diệt là hai. Pháp xưa chẳng sanh, nay ắt chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn này, ấy là vào pháp môn không hai. Mở đầu là Bồ-tát Pháp Tự Tại nêu lên ý kiến của mình. Gọi là Tự Tại vì với tất cả pháp, ngài không còn gì trở ngại. Ngài nói: sanh diệt, thế gian cho là hai, nhưng trên lý thật, pháp vốn chẳng sanh nay chẳng diệt. Người thấy như vậy, là được vô sanh pháp nhẫn, ấy là vào pháp môn không hai.

Còn chúng ta quen nhìn trên giả tướng duyên hợp hư dối rồi chấp nhận các pháp là thật có. Thí dụ có cái nhà là do nhiều bộ phận, như gỗ, ngói, gạch v.v... ráp lại thì gọi là thành, hoặc là sanh. Khi hết duyên, nó hư mục tan rã, nói là hoại hay diệt. Vậy cái sanh đó có thật sanh không? Trên lý, cái nhà không thật sanh. Chẳng qua đủ duyên hợp tạm gọi là nhà. Duyên ly tán, nhà hư hoại trở về không gọi là diệt.

Ngay thân chúng ta cũng vậy, đủ duyên tứ đại hợp gọi là sanh, hết duyên ly tán gọi là tử, hợp tan là việc của duyên, chẳng qua chỉ là sự chuyển hóa. Vậy sanh tử không thật. Căn cứ trên lý nhân duyên, chúng ta thấy tường tận thể tánh của con người cho đến muôn vật, không thật sanh và không thật diệt. Nếu không thật sanh không thật diệt, thì trước không sanh, nay cũng không diệt. Tùy duyên tụ họp tạm thấy có, duyên tan tạm thấy không. Như vậy ngay nơi sanh thấy rõ không có sanh thật. Sanh là ngã, pháp là pháp, cả hai được an trụ trong chỗ vô sanh. Không còn ngã không còn pháp, đó là được vô sanh pháp nhẫn, tức là vào pháp môn không hai.

Người tu cần phải có trí tuệ phán đoán đúng như thật, thấy sanh diệt không hai không thật thì phiền não làm gì có. Sở dĩ thấy sanh

diệt là thật cho nên khi sanh thì vui, bảo vệ cái sanh, khi diệt thì buồn nên sợ cái diệt. Vì vậy gốc phiền não từ đó mà ra, như việc ăn uống hằng ngày của chúng ta, do chạy theo sự ngon dở, bổ dưỡng mà phiền não dấy lên, chẳng qua là bảo vệ cái sanh vì cho nó là thật. Thấy cái diệt tức cái chết là thật, nên những gì người khác làm cho mình bị tổn thương có thể chết thì chống đối thù nghịch.

Như vậy do bảo vệ cái sanh, sợ cái diệt mà bao thứ phiền não dấy khởi. Còn thấy rõ được tánh của sanh diệt không thật, xưa không sanh nay không diệt, thấu suốt được lẽ đó là được vô sanh pháp nhẫn, là vào pháp môn không hai. Hiểu được pháp này rồi, các pháp khác cũng thấy rõ ràng. Nên làm Bồ-tát không phải khó, vì Bồ-tát là giác, là thấy đúng như thật.

Bồ-tát Đức Thủ nói: Ngã, ngã sở là hai. Nhân có ngã nên liền có ngã sở. Nếu không có ngã thì không ngã sở, ấy là vào pháp môn không hai. Đoạn trên nói sanh diệt là chung tất cả, kế đây nói rõ từng phần. Chúng ta ai cũng chấp có ngã và ngã sở. Ngã là ta, ngã sở là những gì thuộc về ta, nào là đồ đạc, nhà cửa, bà con quyến thuộc... Nếu thấy mình thật thì ngã sở cũng thật. Ngay thân tứ đại ngũ uẩn chia chẻ ra tìm cái ngã không có, thì ngã sở làm sao có thật. Thường trong kinh A-hàm chỉ nói thuyết vô ngã, ít nói về ngã sở, tức là pháp. Bồ-tát thấy ngã không pháp không tức là ngã và ngã sở đều không thật. Thấy được như vậy là Bồ-tát vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Thuấn nói: Thọ, không thọ là hai. Nếu pháp không thọ thì không thể được, do không thể được nên không thủ không xả, không tác không hành, ấy là vào pháp môn không hai. Thọ là cảm thọ, bất thọ là không cảm thọ. Nếu pháp không thọ thì không thể được, tức không chỗ đắc, bởi không đắc nên không thủ không xả, không tác không hành, là vào pháp môn không hai. Thí dụ được người cho món đồ hay một số tiền, chúng ta không nhận thì không được. Nhận rồi cất giữ gọi là thủ, đem cho người khác gọi là xả. Nếu không nhận thì không thủ không xả. Không thủ không xả thì không tác không hành. Cũng thế, sáu căn đối với sáu trần nếu không thọ

thì không có đắc. Không đắc thì không thủ không xả, không tác không hành. Như vậy là vào pháp môn không hai. Đây là nói về phần tổng, còn sau phân biệt tôi sẽ giải thích kỹ.

Bồ-tát Đức Đảnh nói: Nhơ sạch là hai. Thấy thật tánh của nhơ thì không tướng sạch, thuận nơi tướng diệt, ấy là vào pháp môn không hai. Chúng ta luôn có tâm phân biệt nhơ sạch đối đãi. Thí dụ hai tô nước để gần nhau, một tô đựng nước mưa trong, một tô đựng nước giếng đục, thì thấy tô nước mưa sạch tô nước giếng nhơ. Bản chất của nước không có nhơ sạch, chẳng qua do sự hòa lẫn của bụi bặm, bùn đất. Nếu để lắng bụi bặm bùn đất xuống thì tìm cái nhơ đâu còn. Vậy nhơ sạch là cái giả hợp. Hiểu như thế mới thấy thật tánh của nước không có tướng nhơ tướng sạch. Thấy thật tánh của nhơ là không có tướng thật nhơ thì tướng sạch làm gì có. Biết tùy thuận nơi tướng diệt đó, tức diệt cả nhơ và sạch, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Túc nói: Có động, có niệm là hai. Không động thì không niệm, không niệm tức là không phân biệt. Người thông đạt chỗ này, ấy là vào pháp môn không hai. Người tâm tán loạn nên phải chuyên niệm hơi thở hoặc niệm Phật để thâu nhiếp tán loạn, sở dĩ dùng các phương tiện niệm đó là để đối trị tâm động.

Tất cả niệm dấy lên, biết rõ nó là động, nhưng bản chất niệm không thật thì làm gì có động. Như vậy không động thì không niệm, không niệm tức là vô phân biệt. Người nào thông đạt đến đó là nhập được pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói: Một tướng, không tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp thủ không tướng, vào chỗ bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai. Một tướng, không tướng là hai. Thí dụ cái bàn là một tướng, khoảng trống là không tướng, tức hai. Hay nói thật tướng là không tướng. Như vậy nói thật tướng, không tướng là hai. Nhưng thật tướng không thật thì không tướng cũng không thật, không chấp thủ không tướng, vào chỗ tâm bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Tý nói: Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tướng tâm không, như huyễn hóa, không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là vào pháp môn không hai. Tâm Bồ-tát là tâm từ bi rộng lớn, tâm Thanh văn còn sợ sanh tử cầu Niết-bàn, trốn khổ tìm vui. Hai tâm khác nhau, sao đây lại nói tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn không hai? Hai tướng tâm đó, dù từ bi hay ích kỷ cũng là tâm tướng sanh diệt. Đã là tâm tướng sanh diệt thì hư dối huyễn hóa, chứ không phải là tâm chân thật. Khi thấy rõ như vậy, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phất-sa nói: Thiện ác là hai. Nếu chẳng khởi thiện ác, vào mé vô tướng mà thông đạt điều này, ấy là vào pháp môn không hai. Bất thiện là ác. Thiện ác là hai. Thế gian thường trọng thiện ghét ác, đó là tâm thiên lệnh, chưa bình đẳng. Ở đây thấy bản chất thiện ác không thật, nên nói là không hai. Thiện ác khó phân định. Thí dụ kẻ ăn trộm cướp tài sản của người là ác, luật pháp kết tội ở tù, hoặc tử hình v.v... Còn những ông vua cầm quân đánh chiếm nước người, được khen là anh hùng. Kẻ cướp đoạt tài sản của người là cướp nhỏ, cho là ác. Còn cướp cả nước là cướp lớn, lại cho là anh hùng. Như vậy sao gọi là thiện, sao gọi là ác, khó mà định được.

Như cô giáo dạy học, trò nào ngỗ nghịch cô đánh, nhờ đó nó siêng học và thi đậu. Hành động của cô thấy dường như ác, nhưng lại là thiện vì xuất phát từ lòng thương, muốn trò nên người. Qua đó mới thấy thiện ác đối đãi nhau không thật. Biết rõ không thật nên không chấp thiện ác, ấy là vào pháp môn không hai. Nếu nó thật thì người ác không bao giờ thành người thiện được. Giả sử có người trước đây chuyên nghề ăn trộm, làm điều ác. Về sau họ thức tỉnh, biết tội lỗi nên dừng tạo nghiệp, giúp đỡ mọi người, trở thành người lương thiện. Cũng con người đó, xưa cho là ác, nay được tiếng là thiện. Như vậy thiện ác không cố định, không thật, nếu chấp là thật đó là mê lầm. Chỉ một phen đổi thay, từ thiện biến thành ác, từ ác biến thành thiện. Thấu suốt được lẽ này, vào mé vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử nói: Tội phước là hai. Nếu thông đạt tánh tội ắt cùng với phước không khác, dùng trí tuệ kim cương quyết trạch rõ ràng tướng này, không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai. Trong bài sám hối có câu *Tánh tội vốn không, do tâm tạo.* Tội gốc từ tâm mà ra, tâm vốn không thật thì tội đâu có thật. Tâm có lúc nghĩ thiện lúc nghĩ ác, nên biết tội phước cũng không thật. Tánh tội không thật thì tánh phước làm sao thật được. Dùng trí tuệ Kim cang thấy rõ tướng này không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói: Hữu lậu vô lậu là hai. Nếu được các pháp bình đẳng thì không khởi tưởng lậu vô lậu, không chấp nơi tướng cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai. Hữu lậu và vô lậu là hai pháp đối đãi. Hữu lậu còn sanh tử, vô lậu hết sanh tử, nhưng vô lậu từ hữu lậu mà lập. Các pháp có tướng sanh trụ dị diệt gọi là hữu lậu, không sanh trụ dị diệt gọi là vô lậu. Nếu sanh trụ dị diệt không thật thì hữu lậu không thật, hữu lậu không thật thì vô lậu cũng không thật. Thấy các pháp bình đẳng, không chấp nơi tướng, cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịnh Giải nói: Hữu vi vô vi là hai. Nếu lìa tất cả số thì tâm như hư không, do trí tuệ thanh tịnh không chỗ chướng ngại, ấy là vào pháp môn không hai. Hữu vi còn sanh diệt, vô vi hết sanh diệt. Nếu lìa tất cả số là không còn tâm chấp sanh trụ dị diệt... thì tâm rỗng rang như hư không, trí tuệ thanh tịnh không chướng ngại. Được như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Na-la-diên nói: Thế gian, xuất thế gian là hai. Tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian. Ở trong kia không nhập không xuất, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai. Thế gian, xuất thế gian là hai, tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian, nên nói không hai. Người tu thường nói, tôi học đạo xuất thế, nghĩa là tu cho có thần thông để bay bổng đến thế giới khác, rồi an trụ nơi đó, tức là còn thấy thế gian xuất thế gian là hai. Ở đây nói tánh thế gian không thật; còn tướng thế gian chia làm hai phần, hữu tình thế gian là con người, khí thế gian là ngoại cảnh, đều là tướng duyên

hợp. Cho nên thế gian không cố định, không thật thì ngay đó là xuất thế gian, là giải thoát. Cũng vậy thấy thân không thật, ngoại cảnh không thật thì tất cả phiền não trói buộc đều không thật. Thấu suốt được thế gian tánh không, tức là xuất thế gian, không vào không ra, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai. Nếu thấy tánh sanh tử thì không sanh tử, không trói không mở, chẳng sanh chẳng diệt, người hiểu như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Sanh tử Niết-bàn là hai pháp đối đãi. Sanh tử là còn luân hồi, Niết-bàn là dứt mầm sanh tử nên gọi là vô sanh. Nếu thấy tánh sanh tử không thật thì không sanh tử. Như muốn có cái nhà, phải đủ vật liệu và người thợ xây mới thành cái nhà. Nếu tháo gỡ nhưng vật liệu đó thì cái nhà hoại. Như vậy cái nhà có tụ có tán, tùy thuộc các duyên, không cố định, không thật. Thân này cũng thế, đủ duyên hợp lại là sanh, hết duyên ly tán gọi là tử. Vì vậy bản chất sanh tử không thật tức là vô sanh, là Niết-bàn. Thế nên dùng trí tuệ quán chiếu thấy rõ sanh tử và Niết-bàn không hai, không thật, thì đâu còn bị trói trong sanh tử mà cầu mở để được Niết-bàn chẳng sanh chẳng diệt. Người hiểu được như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hiện Kiến nói: Tận bất tận là hai. Pháp hoặc cứu cánh tận hoặc bất tận, đều là tướng vô tận; tướng vô tận tức là không, không thì không có tướng tận và bất tận. Người được như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Tận là hết, bất tận là không hết. Tận và bất tận có còn mãi không? Thật tánh không hết đó, còn hay hết? Thí dụ đem lúa trong bồ đi xay hết thì bồ lúa đó là không. Đổ lúa khác vào gọi là còn. Như vậy tùy duyên mà nói lúa hết hay còn, chứ cái bồ vẫn còn. Cũng thế, hết duyên gọi là tận, còn duyên gọi là bất tận. Đã là duyên thì không thể lấy gì lường được. Nó không thật nên không có tướng tận và bất tận. Tận và bất tận đều là tướng vô tận, tức là không cùng. Người nào được như thế ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phổ Thủ nói: Ngã vô ngã là hai. Ngã còn không thể được, vô ngã làm sao có thể được? Thấy thật tánh của ngã đó, không lại

khởi hai, ấy là vào pháp môn không hai. Thật tánh của ngã không thật, làm sao có vô ngã. Nếu nói ngã thật mới dùng vô ngã để phá, mà thật tánh của ngã không thật nói gì vô ngã. Như vậy thấy thật tánh của ngã thì không khởi vô ngã tức là không còn thấy hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Điện Thiên nói: Minh vô minh là hai. Thật tánh vô minh tức là minh, minh cũng không thể chấp thủ, lìa tất cả số, ở trong đó được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai. Minh và vô minh là hai. Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác có câu *Vô minh thật tánh tức Phật tánh.* Phật tánh là giác, nghĩa là minh. Thật tánh của vô minh tức là minh, vì khi thấy được thật tánh của vô minh thì vô minh không còn. Sở dĩ còn vô minh vì thấy giả tướng cho là thật. Như trong nhà khi chưa mở đèn gọi là nhà tối, mở đèn lên thì gọi là nhà sáng. Vậy cái nhà trước không đèn, bóng tối phủ vây thì gọi là tối, có ánh sáng phá tan bóng tối gọi là sáng, thấy như hai. Cho nên, thấu suốt được thật tánh của vô minh tức là minh, nên không còn chấp thủ, lìa tất cả số được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói: Sắc, sắc không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới không, tánh sắc tự không. Như thế thọ tưởng hành thức, thức không là hai, thức tức là không, chẳng phải thức diệt mới không, thức tánh tự không, ở trong đó mà thông đạt được, ấy là vào pháp môn không hai.

Sắc, sắc không là hai. Tức là sắc uẩn và sắc uẩn không, mình thấy là hai. Nhưng sắc uẩn tức là không.

Thí dụ cái bàn này là sắc, chỗ không có bàn gọi là không. Nhưng ở đây dùng chữ sắc không, chứ không phải là không có sắc. Cái bàn là tướng, vì có tướng nên gọi là sắc. Hình sắc cái bàn, do duyên hợp, không thật thể nên gọi là sắc không. Như vậy sắc và sắc không, thế gian tưởng là hai, nhưng sắc không có thật thể nên sắc tức là không, không phải đợi sắc này diệt mới nói là không, không phải đợi cái bàn hoại rồi, mới gọi là không có cái bàn, mà ngay cái bàn đang mới, cũng

biết là tướng duyên hợp không có thật thể. Như vậy ngay cái sắc đang còn cũng biết được là không, vì tánh của sắc tự không. Sắc uẩn bản chất cũng không thật nên gọi là không. Ngay thân tứ đại biết tự tánh là không, mà sắc là do tứ đại hợp, tứ đại không có thật thể nên sắc tức là không. Cho đến thọ tưởng hành thức cũng đều là không. Kế đây chỉ giải thích về thức uẩn, còn các uẩn kia chỉ kể tên thôi. Thức, thức không là hai. Thức tức là không, không phải thức diệt mới không. Vì khi khởi phân biệt, biết cái phân biệt không thật thể, do duyên mà phát khởi là hư dối, thì thức đó tức là không, không phải khi hết phân biệt mới nói là không. Như vậy chúng ta thấy rõ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức không có gì là thật, đều là không. Thông đạt được lý này, chúng ta là Bồ-tát vào pháp môn không hai.

Chúng ta có thói quen chấp mình là thật, nên tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi, làm phàm phu mãi mãi. Qua những lời chỉ dạy của Bồ-tát, thấy rõ thân này không thật, thường sống với trí tuệ là giác không còn mê mờ, không bị thói quen chi phối. Nếu sống với trí tuệ thì không gì làm chủ chúng ta nữa, đó là giải thoát. Lối tu rõ ràng như vậy, nhưng có người không hiểu, cứ khấn vái cầu xin. Tưởng đâu cầu là được, nhưng không ngờ chính vì mê lầm chấp thân này là thật, rồi sợ tai ương hoạn nạn, sợ điều này điều nọ. Vì vậy chúng ta cần có trí tuệ vững chắc, đừng sống theo thói quen, để nghiệp lôi kéo. Chỗ cách biệt giữa phàm và thánh không xa, chỉ cần chuyển cách nhìn là từ mê thành trí, đâu có gì khó.

Bồ-tát Minh Tướng nói: Bốn chủng khác, không chủng khác là hai. Tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, như mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Bốn chủng tức tứ đại chủng là đất nước gió lửa, chủng loại khác nhau. Không chủng là hư không, cũng khác. Thấy bốn chủng loại khác, thấy hư không khác, là thấy hai. Nhưng tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, nên tánh bốn chủng không thì tánh không chủng cũng không, tứ đại tánh không tức là đồng với chủng tánh không, như vậy tứ đại không thật thì

không cũng không thật. Do đó, mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nghĩa là bốn chủng không thật nên không gian cũng không thật, không gian không thật thì thời gian quá khứ hiện tại vị lai cũng không thật, vậy ba mé là trước giữa sau đều không thật. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Ý nói: Mắt, sắc là hai. Nếu biết tánh của mắt đối với sắc không tham không sân không si, ấy gọi là tịch diệt. Như thế lỗ tai - tiếng, lỗ mũi - mùi, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp là hai, nếu biết tánh của ý đối với pháp không tham không sân không si gọi là tịch diệt, an trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Tất cả chúng sanh mê muội nên khổ đau, là do sáu căn dính với sáu trần. Mắt thấy sắc bên ngoài cho là thật, đuổi theo sắc đẹp, tai theo tiếng, mũi dính mùi, lưỡi dính vị, thân đắm mê xúc chạm khoái lạc, ý duyên pháp trần. Thấy trong ngoài đều thật nên mới khởi tham sân si. Từ đó khiến chúng sanh phải chịu biết bao đau khổ. Nếu ngay đó thấy không thật thì không còn tham sân si, là Niết-bàn tịch diệt. An trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai. Như những người không có tiền lại muốn thụ hưởng những thú vui của thế gian nên sanh ra trộm cướp. Vì vậy mà họ giành giật nhau từng miếng ăn, từng cái đẹp, từng tiếng hay, từng mùi thơm... Cả đời cứ chôn vùi trong đó, không thoát ra được nên khổ đau triền miên. Đó là gốc mê lầm.

Như con mắt là tướng duyên hợp không thật, mắt thấy sắc biết sắc trần là tướng duyên hợp cũng không thật, cả hai đều không thật. Biết cái thấy không thật, thì cái bị thấy cũng không thật. Thật tánh của mắt là không thì sắc trần đâu có gì quan trọng. Hiểu rõ thật tánh của mắt là đã hết si. Đó là trí tuệ, thì đâu còn tham sân nữa. Tham sân si diệt, ấy là tịch diệt, là Niết-bàn.

Lỗ tai và tiếng đều là tướng duyên hợp không thật, thì nghe tiếng khen chê đâu có buồn thương giận ghét. Thấy được như vậy thì tham sân si hết. Thân xúc chạm, ý duyên pháp trần, tức là duyên theo

bóng dáng của nó, rồi chấp chặt. Nay biết rõ ý không thật, hay thật tánh nó là không, nên pháp trần cũng không thật, tham sân si theo đó hết, ngay đó được tịch diệt. Lưỡi nếm vị ngon, biết vị ngon chỉ tồn tại trong một hai phút rồi hết. Vậy mà cái lưỡi nhớ hoài. Nếu biết lưỡi và vị là tướng duyên hợp không thật, thì đâu còn tham đắm vị, tham sân si theo đó dứt.

Thế nên, Bồ-tát chỉ cho chúng ta phải tu nơi sáu căn biết nó không thật. Quán ngay sáu căn chứ không phải quán sáu trần. Phá được căn rồi thì trần trở thành vô nghĩa. Như vậy căn trần đều là tướng hư dối. Khi căn tiếp xúc với trần, chúng ta vẫn an trụ Niết-bàn, tức là tịch diệt. An trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói: Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh bố thí tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, như thế trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hồi hướng Nhất thiết trí là hai, tánh trí tuệ tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, ở trong đó vào một tướng, ấy là vào pháp môn không hai. Lục độ là sáu pháp tu của Bồ-tát: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Bồ-tát tu lục độ để hồi hướng Nhất thiết trí. Bố thí và hồi hướng Nhất thiết trí tưởng như là hai, nhưng tánh bố thí không thật thì tánh hồi hướng Nhất thiết trí cũng không thật, nên không hai không khác. Cho đến trí tuệ tánh không thật, hồi hướng Nhất thiết trí cũng không thật. Như vậy lục độ và hồi hướng nhất thiết trí cũng không hai. Thấu suốt như vậy là pháp môn không hai.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói: Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác; nếu không vô tướng vô tác thì không tâm không ý không thức. Đối với một môn giải thoát tức là ba môn giải thoát, ấy là vào pháp môn không hai. Không, vô tướng, vô tác tức tam giải thoát môn, thấy như ba nhưng trên đối đãi nói là hai. Không là pháp tánh không, là không có tướng thật thì tự nó là vô tướng, đã là vô tướng lấy gì tạo tác, nên nói là vô tác. Vì vậy thấu suốt được một thì thông được cả ba. Nếu thấy các pháp không, vô tướng, vô tác đúng như thật, thì tâm ý thức không còn chạy theo

cảnh nữa, ngay đó giải thoát. Giải thoát được một tức là giải thoát cả ba, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịch Căn nói: Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tam bảo này đều là tướng vô vi, đồng với hư không, tất cả pháp cũng vậy. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai. Phật pháp tăng là Tam bảo, là ba ngôi báu mà lâu nay chúng ta hằng quý kính tôn trọng. Nhưng ở đây nói Phật pháp tăng không hai. Tại sao nói Phật tức là pháp, pháp tức là tăng? Vì Tam bảo là tướng vô vi, bình đẳng như hư không, mà vô vi là không tịch. Như mỗi khi chúng ta lạy Phật có câu *Năng lễ, sở lễ tánh không tịch.* Năng lễ là chúng ta, sở lễ là chỉ cho đức Phật. Tánh Phật, tánh tăng là không tịch, tánh pháp cũng không tịch. Đã không tịch thì lạy làm chi, đó là trên lý tánh. Nhưng còn câu *Cảm ứng đạo giao nan tư nghì*, nghĩa là có sự cảm ứng qua lại chẳng thể nghĩ bàn. Nếu thấy tánh Tam bảo là vô vi thì tất cả pháp cũng là vô vi. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói: Thân, thân diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Vì có sao? Thấy thật tướng của thân, không khởi thấy thân và thấy thân diệt, thân cùng thân diệt không hai không phân biệt, ở trong kia không kinh không sợ, ấy là vào pháp môn không hai. Thân diệt tức là thân chết. Thế gian thường thấy thân, thân diệt là hai. Nhưng thân này không có tự tánh. Cái sống không có tự tánh, tức là không có thật thể thì cái chết cũng không có thật thể. Sống chết không thật thể thì chết và sống có khác gì nhau đâu. Cho nên thấy thật tướng của thân không có tự thể, tức không có thật tánh thì không khởi chấp thân. Như vậy thấy thân sống và thân chết không hai, không phân biệt thì đâu còn sợ chết. Hai cái không thật thể giống nhau thì sợ cái gì? Bởi thấy sống chết khác nhau nên mới sợ. Hiểu như vậy mới không phân biệt, không còn kinh sợ. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thượng Thiện nói: Thân khẩu ý thiện là hai. Ba nghiệp ấy đều là tướng vô tác, thân tướng vô tác tức là khẩu tướng vô tác,

khẩu tướng vô tác tức là ý tướng vô tác, ba nghiệp tướng vô tác ấy tức tất cả pháp tướng vô tác. Hay tùy thuận trí tuệ vô tác như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Ba nghiệp thân khẩu ý, hoặc ác hoặc thiện, vốn không thật. Nói ba nhưng khởi nghiệp là từ ý, mà ý là những niệm vọng tưởng hư dối, phát ra lời nói hư dối, tạo tác cũng hư dối. Cả ba đều là tướng hư dối không thật, nên tác mà vô tác, nghĩa là có tạo tác nhưng chỉ là tướng hư dối không thật, nên gọi là tướng vô tác. Vậy tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu, tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý, ba nghiệp đều là tướng vô tác, vậy tất cả pháp cũng là tướng vô tác. Thế nên, ba nghiệp không thật thì tất cả pháp cũng không thật. Người có trí tuệ vô tác như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phước Điền nói: Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Thật tánh ba hạnh tức là không, không thì không phước hạnh, không tội hạnh, không bất động hạnh. Ở trong ba hạnh này mà không khởi, ấy là vào pháp môn không hai. Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Bất động hạnh là hạnh bất động như ngồi thiền định, không phải là phước cũng không phải là tội, đạt đến chỗ yên lặng tịch tĩnh, gọi là bất động hạnh. Ba hạnh này thấy như ba, nhưng thật tánh nó đều không thật, nên không có phước hạnh thật, tội hạnh thật và bất động hạnh thật. Hiểu rõ ba hạnh đó đều là không thật thì không còn khởi chấp, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: Từ ngã khởi hai là hai. Thấy thật tướng của ngã, không khởi hai pháp, nếu không trụ hai pháp thì không có thức, không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai. Từ ngã khởi phân biệt thấy có hai, thấy rõ thật tướng của ngã không thật thì không khởi pháp thứ hai, tức là không khởi phân biệt thì làm gì có hai. Vì niệm khởi là theo đối đãi, có ngã chấp nên khởi phân biệt thiện ác, tốt xấu, hơn thua, phải quấy; nếu không khởi hai thì không trụ pháp hai. Không có trụ pháp hai thì không có thức phân biệt đối đãi, cũng không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Tạng nói: Có tướng sở đắc là hai. Nếu không sở đắc thì không thủ xả. Không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai. Nếu còn sở đắc là còn tướng hai. Nghĩa là có cái hay được và có cái bị được. Như vậy nếu thấy có cái được là còn thấy hai, nên còn có thủ xả. Nếu không có được thì không thủ xả, mà không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai. Như trong kinh Bát-nhã có câu *dĩ vô sở đắc cố,* vì không có sở đắc. Bởi không sở đắc nên Bồ-tát diệt hết điên đảo, đạt đến cứu cánh Niết-bàn, thành tựu đức công viên mãn, được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là quả vị Phật. Nếu còn có sở đắc là chưa vào pháp môn không hai, thì đâu gọi là Bồ-tát, đâu gọi là Phật.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói: Tối cùng với sáng là hai. Không tối không sáng thì không có hai. Vì cớ sao? Như nhập Diệt thọ tưởng định, không tối không sáng, tất cả pháp tướng cũng lại như thế, ở trong kia bình đẳng mà nhập, ấy là vào pháp môn không hai. Tối và sáng là hai. Khi sáu căn chạy theo sáu trần, phân biệt đối đãi mới có tối có sáng. Như người nhập Diệt thọ tưởng định tức là Diệt tận định, thì sáu căn không còn tiếp xúc sáu trần, nên không còn thấy hai. Như vậy người thấy có tối, có sáng hay tất cả các pháp tướng đều không hai thì được bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói: Ưa Niết-bàn chẳng ưa thế gian là hai. Nếu chẳng ưa Niết-bàn chẳng chán thế gian ắt không có hai. Vì cớ sao? Nếu có trói ắt có mở. Nếu xưa không trói thì cầu mở làm gì? Không trói không mở thì không ưa không chán, ấy là vào pháp môn không hai. Ưa Niết-bàn, chẳng ưa thế gian, tức chán sanh tử là hai. Người tu hay mắc phải bệnh này. Nếu chẳng ưa Niết-bàn, chẳng chán sanh tử, đó là không hai. Vì có trói mới cầu mở, không trói thì đâu cần cầu mở. Thấy thế gian khổ vì cho nó là thật nên mới chán. Tưởng Niết-bàn là thật, là vui nên ưa Niết-bàn. Vì vậy mới có chán khổ cầu vui. Nay đã biết khổ không thật thì cầu vui làm gì. Như vậy tất cả khổ vui không thật nên không chán thế gian cũng không ưa Niết-bàn. Không trói không mở thì không ưa không chán. Vì thấy

thế gian là trói buộc nên thấy Niết-bàn là giải thoát, nếu không thấy thế gian trói buộc thì cầu Niết-bàn giải thoát làm gì.

Như câu chuyện giữa tổ Tăng Xán và tổ Đạo Tín.

Tổ Đạo Tín thưa:

- Bạch Hòa thượng, xin dạy con pháp môn giải thoát.

Tổ Tăng Xán nói:

- Ai trói buộc ngươi?

- Bạch Hòa thượng, không ai trói.

- Đã không trói buộc, đâu cần cầu giải thoát.

Tổ bảo tìm lại coi trước có ai trói không, tìm lại không thấy ai trói buộc thì cầu giải thoát làm gì? Nếu trước không ai trói buộc, thì ai cầu giải thoát. Như chúng ta đang đi thong thả, tay chân tự do, có người lại nói: Để tôi mở trói cho huynh. Lúc đó chỉ cười và nói: Huynh sao vậy? Tôi có bị ai trói đâu mà mở!... Trừ khi nào mình bị trói vào gốc cây không đi được, mới cầu cứu người mở giùm. Nếu không bị trói, cầu người mở làm gì.

Nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi... đừng dính mắc thì ai trói mình. Như vậy rõ ràng không bị ai trói mà chỉ tự mình trói. Chúng ta giống con khỉ, thấy sợi dây nhiều màu xanh đỏ trắng vàng đẹp quá, vội chụp lấy, quấn vào tay chân thật chặt, rồi kêu trời, tôi bị trói, khổ quá! Như vậy ai trói? Tại ham muốn, thích sợi dây đẹp, tự mình quấn rồi kêu nhờ người mở. Tự quấn thì tự mở mới hợp lý. Chúng ta vốn không bị trói, mà vì mê lầm, ham muốn trói buộc. Chỉ cần dứt mê lầm thì đâu có gì trói mà cầu mở. Như vậy nếu chúng ta thấy được thật tánh của trói và mở thì không còn ưa, không còn chán nữa, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Châu Đảnh Vương nói: Chánh đạo tà đạo là hai. Người trụ chánh đạo ắt chẳng phân biệt là tà là chánh, lìa hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai. Chúng ta quen có cái nhìn đây là tà kia là chánh, nên mới tồi tà phụ chánh, nghĩa là dẹp tà giúp chánh.

Người trụ chánh đạo là trụ chỗ tâm không phân biệt tà chánh. Nếu lìa được hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nhạo Thật nói: Thật không thật là hai. Thật thấy đó còn không thấy thật, huống là chẳng phải thật (thấy)! Vì cớ sao? Chẳng phải chỗ thấy con mắt thịt, tuệ nhãn mới có thể thấy, mà tuệ nhãn này không thấy không chẳng thấy, ấy là vào pháp môn không hai. Thật không thật là hai, nghĩa là thấy được lẽ thật và không thấy được lẽ thật cho là hai. Nhưng chính cái thật đó còn không thật. Thí dụ như con mắt phàm tục của mình, thấy chỗ này là không, nhưng đâu có thật không, vì trong khoảng không đó còn có không khí, bụi và các chất khác. Nếu thật không thì chúng ta đã bị chết ngộp rồi. Như vậy con mắt thịt thấy không đúng lẽ thật, chỉ có mắt trí tuệ mới thấy đúng lẽ thật, mà con mắt trí tuệ thì không thấy hai, nên nói không thấy và không chẳng thấy, ấy là nhập pháp môn không hai.

Trên đây mỗi vị Bồ-tát đã trình bày từng phần chỗ thấy của mình, để giúp chúng ta phá hết những kiến chấp. Nếu chúng ta y theo một phần mà thâm nhập được thì có thể giải được các bệnh, nên bài học của mỗi Bồ-tát là bài học chung cho tất cả.

Các vị Bồ-tát đều thấy được thật tướng của các pháp: Sanh, diệt. Ngã, ngã sở. Thọ, không thọ. Nhơ, sạch. Động, niệm. Một tướng, không tướng. Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn. Thiện, ác. Tội, phước. Hữu lậu, vô lậu. Hữu vi, vô vi. Thế gian, xuất thế gian. Sanh tử, Niết-bàn. Tận, vô tận. Ngã, ngã sở. Minh, vô minh. Sắc, sắc không. Bốn chủng khác, không chủng khác. Mắt, sắc. Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí. Không, vô tướng, vô tác. Phật, pháp, tăng. Thân, thân diệt v.v... Vì trên giả tướng các pháp có muôn ngàn hình tướng, còn về thể tánh thì các pháp không hai, nghĩa là không còn đối đãi sanh diệt. Như vậy các ngài chứng được pháp thật tướng, tức vô tướng là tướng chân như. Ấy là vào pháp môn không hai.

Như thế chư vị Bồ-tát mỗi vị đã nói rồi, mới hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi: Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Ngài Văn-thù nói: Như ý tôi, đối với tất cả pháp không nói không rằng, không chỉ bày không phân biệt, lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai.

Trước hết chư Bồ-tát dùng lời nói giải bày để phá chấp mê lầm cho mọi người, đến đây là phần kết thúc của Bồ-tát Văn-thù. Bồ-tát không giải bày căn cứ trên mê chấp mà nói chung rằng, đối với tất cả pháp không còn ngôn ngữ, không còn phân biệt, không chỉ bày, lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai. Như vậy, ngài phủ nhận tất cả ngôn ngữ. Vì ngôn ngữ phân biệt do đối đãi mà ra, nên nói dứt bặt ngôn ngữ tức là dứt tâm duyên. Ngôn ngữ và tâm duyên đều là tướng đối đãi. Lìa các tướng này, ấy là vào pháp môn không hai.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật: Chúng tôi mỗi người đã tự nói xong, Nhân giả phải nói thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật lặng thinh không nói.

Ngài Văn-thù-sư-lợi khen: Lành thay, lành thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đây thật là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Văn-thù hỏi cư sĩ Duy-ma-cật về pháp môn không hai, cư sĩ chỉ ngồi lặng thinh. Khi ấy Bồ-tát Văn-thù khen, đó mới chân thật vào pháp môn không hai. Các vị Bồ-tát trước trình bày không đúng hay sao mà ngài không khen, còn cư sĩ Duy-ma-cật lặng thinh, ngài lại khen? Đó là để chúng ta thấy sự tu hành phải có trình tự, phá từ những cái chấp riêng, chấp nhỏ sạch hết rồi mới phá chấp ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ phá chấp ngôn ngữ. Cuối cùng lặng thinh để kết thúc ngôn ngữ không thật. Như vậy để phá chấp ngôn ngữ, Bồ-tát Văn-thù dùng ngôn ngữ để phá còn cư sĩ Duy-ma-cật chỉ lặng thinh. Hai vị thông cảm nhau. Không phải chư vị Bồ-tát trước dở, mà các ngài dạy chúng ta trình tự tu hành, còn hai vị sau là chỉ chỗ cứu cánh.

Nếu chúng ta bắt chước theo cư sĩ Duy-ma-cật, ai hỏi điều gì không đáp được, chỉ ngồi lặng thinh để đối phương tưởng là chỗ đó không còn ngôn ngữ đối đáp, nếu đối đáp là trật! Đó chỉ là học lóm cư sĩ Duy-ma-cật, chứ đúng ra phải giải bày thấu tột trước rồi mới bỏ ngôn ngữ, như vậy mới đúng thứ lớp tu hành đưa đến chỗ chân thật.

Khi nói phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này, ở trong chúng đây, năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, được vô sanh pháp nhẫn. Sau khi nghe xong, trong hội chúng năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, liền được vô sanh pháp nhẫn.

Như vậy phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này chủ yếu là phá chấp đối đãi mê lầm của chúng ta từ muôn đời. Phàm những gì đối đãi đều là hư dối, mà ta lại dính mắc chấp trước nên trôi lăn mãi trong sanh tử luân hồi. Nay biết bản chất mọi đối đãi đều không thật, nếu ai ứng dụng tu thì được lợi ích thiết thực, ngay một lời dạy của Bồ-tát là đã thành Bồ-tát vào pháp môn không hai.

10. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH

Cõi Phật Hương Tích là cõi Phật do chứa nhóm mùi hương mà làm Phật sự. Đức Phật Hương Tích dùng mùi hương, tức hương trần để giáo hóa, còn đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà dùng âm thanh, tức thanh trần để giáo hóa. Như vậy thanh trần và hương trần đều làm Phật sự được, không nhất định, tùy theo duyên của chúng sanh ở mỗi cõi. Khi hiểu được tên mỗi phẩm là chúng ta biết được trọng tâm của phẩm đó.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất khởi nghĩ: "Gần đến giờ Ngọ, các vị Bồ-tát đây sẽ lấy gì ăn?" Bấy giờ ông Duy-ma-cật biết ý ngài Xá-lợi-phất mà nói rằng:

- Phật nói có tám món giải thoát, nhân giả đã vâng làm thì đâu có xen tạp tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn hãy đợi trong chốc lát, tôi sẽ khiến các ngài được các thức ăn chưa từng có.

Lúc ấy ông Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy ở cõi nước phương trên, trải qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích, hiện nay vẫn còn ở nơi đó. Mùi hương của nước ấy so với mùi hương của mười phương thế giới chư Phật, cõi trời cõi người, rất là bậc nhất. Cõi nước Chúng Hương đó không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, Phật vì họ nói pháp. Thế giới kia tất cả đều dùng hương để làm lầu gác, kinh hành trên đất hương, vườn cây đều là hương, khi ăn cơm mùi hương bay khắp mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy đức Phật kia cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn, có các vị thiên tử đồng hiệu là Hương Nghiêm, thảy đều phát tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, cúng dường đức Phật kia và các vị Bồ-tát, đại chúng đây đều thấy rõ ràng.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật hỏi chúng Bồ-tát:

- Các nhân giả, ai có thể đến cõi Phật kia để xin cơm?

Do sức oai thần của ngài Văn-thù-sư-lợi, thảy đều làm thinh. Ông Duy-ma-cật nói:

- Các nhân giả trong đại chúng đây, không biết hổ thẹn sao?

Ngài Văn-thù nói:

- Như lời Phật dạy, chớ khinh người chưa học.

Khi ấy ông Duy-ma-cật ngồi yên tại chỗ, ở trước hội chúng hóa ra làm một vị Bồ-tát tướng đẹp trang nghiêm sáng rỡ, oai đức thù thắng che lấp cả hội chúng. Ông bảo vị hóa Bồ-tát đó rằng:

- Ông đi đến thế giới phương trên, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có một nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn. Ông đến chỗ kia, như lời tôi dặn mà nói: "Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thưa hỏi ngài ở yên, ít bệnh ít não, khí lực an ổn chăng? Cúi mong được Thế Tôn cho phần dư cơm của ngài, đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cũng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều biết đều nghe."

Bấy giờ hóa Bồ-tát ở trước hội chúng thăng lên phương trên, cả chúng đều trông thấy hóa Bồ-tát đến thế giới Chúng Hương, lễ dưới chân đức Phật Hương Tích, lại nghe vị hóa Bồ-tát nói:

- Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thăm hỏi ở yên, ít bệnh ít não, khí lực có được bình an chăng? Cúi mong được phần cơm dư của Thế Tôn, muốn đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cùng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều nghe biết.

Các Bồ-tát kia thấy vị hóa Bồ-tát này, khen ngợi chưa từng có, liền hỏi đức Phật:

- Nay thượng nhân này từ chỗ nào đến? Thế giới Ta-bà là ở đâu? Vì sao gọi là người ưa pháp nhỏ?

Đức Phật bảo rằng:

- Ở phương dưới qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, hiện nay ở trong đời ác ngũ trược vì chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn bày đạo giáo. Ở cõi đó có Bồ-tát tên Duy-ma-cật trụ Bất khả tư nghì giải thoát, vì những vị Bồ-tát nói pháp nên sai vị hóa Bồ-tát đến đây, khen ngợi danh hiệu của ta cùng tán thán cõi này, khiến cho những vị Bồ-tát kia được tăng trưởng công đức.

Những vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương thưa rằng:

- Vị đó như thế nào mà biến được vị hóa Bồ-tát đức lực vô úy, thần túc dường này?

Phật nói:

- Rất lớn! Tất cả mười phương ông đều có thể sai hóa Bồ-tát đến, để làm những Phật sự lợi ích cho chúng sanh.

Khi ấy đức Như Lai Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm thơm cho vị hóa Bồ-tát. Bấy giờ chín trăm muôn vị Bồ-tát đều lên tiếng thưa rằng:

- Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca-mâu-ni, và muốn thấy ông Duy-ma-cật cùng các chúng Bồ-tát.

Phật bảo:

- Nên đi. Nhưng phải nhiếp mùi hương ở thân các ông, không để những chúng sanh kia khởi tâm đắm trước. Lại phải xả thân cũ của các ông, chớ khiến những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà tự thấy hổ thẹn. Lại các ông đến đó chớ đem lòng khinh chê mà khởi tưởng ngại. Vì cớ sao? Vì mười phương cõi nước đều như hư không. Lại chư Phật vì muốn giáo hóa những người ưa pháp nhỏ, nên không hiện hết cõi nước thanh tịnh kia.

Khi ấy hóa Bồ-tát nhận được bát cơm, cùng với chín trăm muôn vị Bồ-tát đồng nương oai thần của Phật và sức của ông Duy-ma-cật, ở thế giới kia bỗng dưng biến mất, trong khoảng chốc lát đến thất ông Duy-ma-cật.

Lúc đó ông Duy-ma-cật liền hóa chín trăm muôn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các vị Bồ-tát đều ngồi trên tòa kia. Rồi vị hóa Bồ-tát đem bát cơm thơm đầy dâng cho ông Duy-ma-cật, hương thơm của cơm bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả tam thiên đại thiên thế giới.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly, những vị Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này, thân ý rất thích thú, khen ngợi chưa từng có! Lúc ấy ông trưởng giả chủ là Nguyệt Cái cùng với tám muôn bốn ngàn người đi đến thất ông Duy-ma-cật, thấy trong thất này rất nhiều Bồ-tát, các tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đều rất hoan hỷ, lễ chúng Bồ-tát và đại đệ tử, đứng lui qua một bên. Các vị địa thần, hư không thần và chư thiên ở Dục giới, Sắc giới ngửi được mùi hương này cũng đều đến, vào thất cư sĩ Duy-ma-cật.

Bấy giờ cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất cùng các vị đại Thanh văn:

- Nhân giả có thể dùng, cơm vị cam lồ của Như Lai do tâm đại bi huân tập, không nên dùng ý giới hạn mà ăn cơm đó, khiến nó không tiêu.

Có các vị Thanh văn khác nghĩ: "Cơm này ít mà đại chúng đây mỗi người đều ăn làm sao no?" Hóa Bồ-tát nói:

- Chớ dùng đức nhỏ trí nhỏ của Thanh văn mà so lường với phước đức trí tuệ vô lượng của Như Lai! Nước bốn biển có thể khô cạn, cơm này không thể hết! Giả sử tất cả người ăn, nắm cơm bằng núi Tu-di, cho đến một kiếp vẫn không thể hết. Vì cớ sao? Vì là thức ăn dư của bậc đầy đủ công đức vô tận giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trọn không thể hết.

Lúc đó cả hội chúng đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ không hết. Những vị Bồ-tát kia, Thanh văn, chư thiên, người ăn cơm này rồi, thân an ổn vui vẻ, ví như chư Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm vậy. Lại các lỗ chân lông đều toát ra mùi hương vi diệu, cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi Bồ-tát ở cõi Chúng Hương:

- Đức Như Lai Hương Tích dùng cái gì để nói pháp?

Bồ-tát kia đáp:

- Như Lai ở cõi nước tôi không dùng văn tự nói, chỉ dùng các mùi hương khiến cho trời người được vào luật hạnh. Các vị Bồ-tát ngồi dưới cội cây hương, ngửi được mùi hương vi diệu kia liền được tam-muội Nhất thiết đức tạng. Được tam-muội này thảy đều có đầy đủ công đức của Bồ-tát.

Các vị Bồ-tát kia hỏi ông Duy-ma-cật:

- Nay Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni dùng cái gì để nói pháp?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi này chúng sanh cang cường khó giáo hóa, thế nên Phật nói những lời cang cường để điều phục họ. Nói đây là địa ngục, đây là súc sanh, đây là ngạ quỷ, đây là chỗ các nạn, đây là chỗ người ngu sanh. Đây là thân tà hạnh, đây là quả báo thân tà hạnh. Đây là khẩu tà hạnh, đây là quả báo khẩu tà hạnh. Đây là ý tà hạnh, đây là quả báo ý tà hạnh. Đây là sát sanh, đây là quả báo sát sanh. Đây là trộm cắp, đây là quả báo trộm cắp. Đây là tà dâm, đây là quả báo tà dâm. Đây là vọng ngữ, đây là quả báo vọng ngữ. Đây là lưỡng thiệt, đây là quả báo lưỡng thiệt. Đây là ác khẩu, đây là quả báo ác khẩu. Đây là lời nói vô nghĩa, đây là quả báo lời nói vô nghĩa. Đây là tham lam tật đố, đây là quả báo tham lam tật đố. Đây là sân não, đây là quả báo sân não. Đây là tà kiến, đây là quả báo tà kiến. Đây là xan tham, đây là quả báo xan tham. Đây là hủy giới, đây là quả báo hủy giới. Đây là nóng giận, đây là quả báo nóng giận. Đây là lưỡi biếng, đây là quả báo lưỡi biếng. Đây là ý loạn, đây là quả báo ý loạn. Đây là ngu si, đây là quả báo ngu si. Đây là kiết giới, đây là trì giới, đây là phạm giới. Đây là nên làm, đây là không nên làm. Đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại. Đây là mắc tội, đây là lìa tội. Đây là tịnh, đây là cấu. Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là tà đạo, đây là chánh đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là Niết-bàn...

Do người khó giáo hóa, tâm như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu thứ pháp để chế ngự tâm kia, mới có thể điều phục được. Ví như voi ngựa hung dữ khó điều phục, phải thêm những hình phạt đau thấu xương, rồi sau mới điều phục được. Như thế chúng sanh cang cường khó giáo hóa này, nên phải

dùng tất cả những lời thống khổ, mới có thể vào được luật nghi.

Những vị Bồ-tát kia nghe lời ấy rồi, đều nói:

- Thật chưa từng có! Đức Phật Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn ẩn sức vô lượng tự tại của ngài, mới đem pháp người nghèo ưa thích mà độ thoát chúng sanh. Các vị Bồ-tát ở đây cũng chịu nhọc nhằn mà không khoe công, do vô lượng đại bi mà sanh ở cõi Phật này.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát ở cõi này đối với các chúng sanh, tâm đại bi kiên cố thật như lời các ngài nói. Song một đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi Ta-bà, nhiều hơn cõi khác trăm ngàn kiếp. Vì cớ sao? Vì thế giới Ta-bà này có mười pháp lành, những cõi tịnh khác thì không thể có. Những gì là mười? 1- Dùng bố thí nhiếp độ bần cùng. 2- Dùng tịnh giới nhiếp độ phá giới. 3- Dùng nhẫn nhục nhiếp độ sân nhuế. 4- Dùng tinh tấn nhiếp độ giải đãi. 5- Dùng thiền định nhiếp độ loạn ý. 6- Dùng trí tuệ nhiếp độ ngu si. 7- Nói pháp trừ nạn để người qua khỏi tám nạn. 8- Dùng pháp Đại thừa độ người ưa pháp Tiểu thừa. 9- Dùng các căn lành giúp người không có đức. 10- Thường dùng Tứ nhiếp pháp để thành tựu chúng sanh. Ấy là mười pháp lành.

Những vị Bồ-tát kia hỏi:

- Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp ở thế giới này hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát thành tựu tám pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh.

Những gì là tám pháp? 1- Làm lợi ích chúng sanh mà không mong đền đáp. 2- Thay tất cả chúng sanh chịu những

khổ não, tạo các công đức đều thí cho họ. 3- Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hạ không ngại. 4- Đối với Bồ-tát xem như Phật. 5- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6- Không cùng với hàng Thanh văn mà chẳng trái nhau. 7- Chẳng tật đố người kia được cúng dường, không tự cao khi được lợi, ở trong đó mà điều phục tâm mình. 8- Thường xét lỗi mình, không bàn nói điều xấu của người. Thường dùng nhất tâm, cầu các công đức. Ấy là tám pháp.

Ông Duy-ma-cật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng khi nói pháp này rồi, thì trăm ngàn trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn vị Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn.

Giảng:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất khởi nghĩ: "Gần đến giờ Ngọ, các vị Bồ-tát đây sẽ lấy gì ăn?" Bấy giờ ông Duy-ma-cật biết ý ngài Xá-lợi-phất mà nói rằng:

- Phật nói có tám món giải thoát, nhân giả đã vâng làm thì đâu có xen tạp tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn hãy đợi trong chốc lát, tôi sẽ khiến các ngài được các thức ăn chưa từng có.

Gần đến giờ thọ trai, các vị Bồ-tát vẫn ngồi nghe pháp, nên tôn giả Xá-lợi-phất khởi nghĩ, đệ tử Phật chỉ ăn ngọ mà chư Bồ-tát chưa có gì để ăn. Cư sĩ Duy-ma-cật biết được ý này mới quở: Các vị Thanh văn tu lấy bát giải thoát làm gốc, tâm thanh tịnh không khởi niệm. Tại sao đang nghe pháp lại nghĩ đến thức ăn? Như vậy là trái với đạo lý rồi. Nói như thế nhưng ông vẫn chuẩn bị.

Lúc ấy ông Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy ở cõi nước phương trên, trải qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích, hiện nay vẫn còn ở nơi đó. Mùi hương của nước ấy so với mùi hương của mười phương thế giới chư Phật, cõi trời

cõi người, rất là bậc nhất. Cõi nước Chúng Hương đó không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, Phật vì họ nói pháp. Thế giới kia tất cả đều dùng hương để làm lầu gác, kinh hành trên đất hương, vườn cây đều là hương, khi ăn cơm mùi hương bay khắp mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy đức Phật kia cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn, có các vị thiên tử đồng hiệu là Hương Nghiêm, thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cúng dường đức Phật kia và các vị Bồ-tát, đại chúng đây đều thấy rõ ràng.

Cư sĩ Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy cảnh và Phật sự ở cõi Chúng Hương, do đức Phật Hương Tích giáo hóa. Dân ở cõi này chỉ có hàng Bồ-tát, không có Thanh văn, Bích-chi, huống là hạng phàm phu như chúng ta. Mùi hương cõi nước Chúng Hương so với mùi hương của cõi người, cõi trời, và cõi chư Phật, không đâu sánh bằng. Khi ấy đại chúng có mặt trong thất cư sĩ Duy-ma-cật đều thấy Phật và Bồ-tat đang ngồi ăn, mùi hương của cơm bay khắp mười phương vô lượng thế giới, các ngài đều ngửi mùi thơm ấy.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật hỏi chúng Bồ-tát:

- Các nhân giả, ai có thể đến cõi Phật kia để xin cơm?

Do sức oai thần của ngài Văn-thù-sư-lợi, thảy đều làm thinh. Ông Duy-ma-cật nói:

- Các nhân giả trong đại chúng đây, không biết hổ thẹn sao?

Ngài Văn-thù nói:

- Như lời Phật dạy, chớ khinh người chưa học.

Khi ấy ông Duy-ma-cật ngồi yên tại chỗ, ở trước hội chúng hóa làm ra một vị Bồ-tát tướng đẹp trang nghiêm sáng rỡ, oai đức thù thắng che lấp cả hội chúng.

Cư sĩ Duy-ma-cật hỏi trong chúng đây có ai lên cõi nước Chúng Hương xin cơm về được không? Ngài Văn-thù-sư-lợi dùng sức oai

thần ngăn chặn không cho chư Bồ-tát thi thố tài năng, khiến đại chúng làm thinh, để cư sĩ Duy-ma-cật nói có vẻ ngạo nghễ, các ông trong đại chúng đây không biết hổ thẹn sao? Vì muốn an ủi đại chúng nên Bồ-tát Văn-thù nói:

Như lời Phật đã dạy, chớ khinh người chưa học. Tuy hiện nay họ chưa làm được, nhưng mai kia cũng sẽ được.

Cảnh của đức Phật Hương Tích và chư Bồ-tát trong nước đó, là do chánh định của cư sĩ Duy-ma-cật hiện ra, thế nên người đến được cõi đó xin cơm phải có dụng thần biến khế hợp, tức là thể dụng không hai mới được. Nếu thể của người này mà dụng của người khác là trái với lý đạo. Vì vậy cõi Phật do chánh định của cư sĩ Duy-ma-cật hóa hiện thì cũng chính ông hóa ra vị Bồ-tát rất đẹp đẽ, trang nghiêm vượt hơn tất cả hội chúng đang có mặt, đến đó xin cơm chứ không ai khác. Vị hóa Bồ-tát là dụng, nhập chánh định là thể, tức thể dụng không hai. Như vậy, hàng Bồ-tát khi thể nhập chỗ chân thật, hay thể nhập bản thể chân như thì tùy ý muốn thấy muốn hiện tự tại vô ngại.

Ông bảo vị hóa Bồ-tát đó rằng:

- Ông đi đến thế giới phương trên, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có một nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn. Ông đến chỗ kia, như lời tôi dặn mà nói: "Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thưa hỏi ngài ở yên, ít bệnh ít não, khí lực an ổn chăng? Cúi mong được Thế Tôn cho phần dư cơm của ngài, đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cũng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều biết đều nghe."

Bấy giờ hóa Bồ-tát ở trước hội chúng thăng lên phương trên, cả chúng đều trông thấy hóa Bồ-tát đến thế giới Chúng Hương, lễ dưới chân đức Phật Hương Tích, lại nghe vị hóa Bồ-tát nói:

- Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thăm hỏi ở yên, ít bệnh ít não, khí lực có được bình an chăng? Cúi mong được phần cơm dư của Thế Tôn, muốn đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cùng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều nghe biết.

Đoạn này có hai ý:

- Mọi hoạt động và sự tu hành ở cõi nước Chúng Hương của đức Phật Hương Tích, đều lấy mùi hương làm phương tiện giáo hóa.

- Cõi nước Chúng Hương do cư sĩ Duy-ma-cật nhập chánh định hóa hiện ra. Cõi nước khác muốn xin cơm cõi nước đó về cũng là hóa thân của cư sĩ Duy-ma-cật mới được. Đó là lý thể dụng không hai của chư Phật, chư Bồ-tát khi muốn thực hiện một Phật sự.

Các Bồ-tát kia thấy vị hóa Bồ-tát này, khen ngợi chưa từng có, liền hỏi đức Phật:

- Nay thượng nhân này từ chỗ nào đến? Thế giới Ta-bà là ở đâu? Vì sao gọi là người ưa pháp nhỏ?

Vì đến cõi nước thanh tịnh, vị hóa Bồ-tát đó có đức độ và dung mạo oai nghiêm đẹp đẽ, nên các vị Bồ-tát kia khen ngợi chưa từng có. Ở thế giới này chỉ toàn là Bồ-tát, không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, huống nữa là có người ưa pháp nhỏ, tam quy ngũ giới, nên các vị thắc mắc đồng hỏi Phật.

Đức Phật bảo rằng:

- Ở phương dưới qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, hiện nay ở trong đời ác ngũ trược vì chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn bày đạo giáo. Ở cõi đó có Bồ-tát tên Duy-ma-cật trụ Bất khả tư nghì giải thoát, vì những vị Bồ-tát nói pháp nên sai vị hóa Bồ-tát đến đây, khen ngợi danh hiệu của ta cùng tán thán cõi này, khiến cho những vị Bồ-tát kia được tăng trưởng công đức.

Đức Phật Hương Tích giới thiệu cho chư Bồ-tát ở cõi nước Chúng Hương về thế giới Ta-bà. Từ cõi này nhìn xuống, phải qua bốn mươi hai số cát sông Hằng cõi Phật mới đến được. Số cát một con sông Hằng còn không thể đếm hết, huống là bốn mươi hai số cát sông Hằng làm sao tính được. Đó là con số quá sức tưởng tượng, để diễn tả khoảng cách xa giữa hai cõi Phật.

Những vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương thưa rằng:

- Vị đó như thế nào mà biến được vị hóa Bồ-tát đức lực vô úy, thần túc dường này?

Phật nói:

- Rất lớn! Tất cả mười phương ông đều có thể sai hóa Bồ-tát đến, để làm những Phật sự lợi ích cho chúng sanh.

Chư vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương ngạc nhiên, không biết năng lực cư sĩ Duy-ma-cật thế nào mà có thể hóa ra vị Bồ-tát có sức công đức không sợ sệt, sức thần túc như vậy. Phật Hương Tích nói, không những thế mà ông còn có thể hóa ra nhiều vị Bồ-tát đến khắp mười phương để làm Phật sự.

Khi ấy đức Như Lai Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm thơm cho vị hóa Bồ-tát. Bấy giờ chín trăm muôn vị Bồ-tát đều lên tiếng thưa rằng:

- Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca-mâu-ni, và muốn thấy ông Duy-ma-cật cùng các chúng Bồ-tát.

Phật bảo:

- Nên đi. Nhưng phải nhiếp mùi hương ở thân các ông, không để những chúng sanh kia khởi tâm đắm trước. Lại phải xả thân cũ của các ông, chớ khiến những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà tự thấy hổ thẹn. Lại các ông đến đó chớ đem lòng khinh chê mà khởi tưởng ngại. Vì cớ sao? Vì mười phương cõi nước đều như hư không. Lại chư Phật vì

muốn giáo hóa những người ưa pháp nhỏ, nên không hiện hết cõi nước thanh tịnh kia.

Đức Phật Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm cho vị hóa Bồ-tát. Ngài đồng ý cho chư Bồ-tát đến cõi Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca, diện kiến cư sĩ Duy-ma-cật cùng chúng Bồ-tát và dặn dò ba điều kiện:

- Phải nhiếp mùi thơm nơi thân các ông lại, vì sợ chúng sanh cõi Ta-bà ưa thích mê say. Phật Hương Tích biết tâm lý chúng sanh cõi này dễ bị mùi thơm mê hoặc.

- Phải xả thân hình đẹp đẽ, để những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà không hổ thẹn.

- Không nên thấy cõi này xấu xa rồi khinh chê mà sanh tưởng ngại. Vì đức Phật nào khi thành Phật rồi công đức cũng ngang nhau, cũng đều có thể hiện cõi nước thanh tịnh. Nhưng sao cõi Ta-bà này lại xấu xa ô trược? Do Phật Thích-ca muốn giáo hóa những người căn cơ mỏng cạn thấp, cho nên phải hiện cõi nước như vậy, chứ công đức của chư Phật không có sai biệt.

Khi ấy hóa Bồ-tát nhận được bát cơm, cùng với chín trăm muôn vị Bồ-tát đồng nương oai thần của Phật và sức của ông Duy-ma-cật, ở thế giới kia bỗng dưng biến mất, trong khoảng chốc lát đến thất ông Duy-ma-cật.

Lúc đó ông Duy-ma-cật liền hóa chín trăm muôn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các vị Bồ-tát đều ngồi trên tòa kia. Rồi vị hóa Bồ-tát đem bát cơm thơm đầy dâng cho ông Duy-ma-cật, hương thơm của cơm bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả tam thiên đại thiên thế giới.

Hương thơm của cơm trong bát bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả mười phương thế giới. Đó là những hình ảnh thể dụng tương ưng của một vị Bồ-tát làm Phật sự.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly, những vị Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này, thân ý rất thích thú, khen ngợi chưa từng có! Lúc ấy

ông trưởng giả chủ là Nguyệt Cái cùng với tám muôn bốn ngàn người đi đến thất ông Duy-ma-cật, thấy trong thất này rất nhiều Bồ-tát, các tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đều rất hoan hỷ, lễ chúng Bồ-tát và đại đệ tử, đứng lui qua một bên. Các vị địa thần, hư không thần và chư thiên ở Dục giới, Sắc giới ngửi được mùi hương này cũng đều đến, vào thất ông Duy-ma-cật.

Trong thất cư sĩ Duy-ma-cật, ban đầu chỉ có các vị đệ tử lớn của Phật như ngài Xá-lợi-phất,... và các vị Bồ-tát. Lại thêm chư Bồ-tát ở nước Hương Tích đến. Hương thơm của cơm bay tỏa khắp, khiến chư thần, Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này đều quy tụ đầy đủ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất cùng các vị đại Thanh văn:

- Nhân giả có thể dùng, cơm vị cam lồ của Như Lai do tâm đại bi huân tập, không nên dùng ý giới hạn mà ăn cơm đó, khiến nó không tiêu.

Cơm này là cơm của Phật, do tâm đại bi huân tập mà thành, nên khi ăn đừng dùng tâm hạn lượng nhỏ hẹp mà ăn ắt khó tiêu.

Có các vị Thanh văn khác nghĩ: "Cơm này ít mà đại chúng đây mỗi người đều ăn làm sao no?" Hóa Bồ-tát nói:

- Chớ dùng đức nhỏ trí nhỏ của Thanh văn mà so lường với phước đức trí tuệ vô lượng của Như Lai! Nước bốn biển có thể khô cạn, cơm này không thể hết! Giả sử tất cả người ăn, nắm cơm bằng núi Tu-di, cho đến một kiếp vẫn không thể hết. Vì cớ sao? Vì là thức ăn dư của bậc đầy đủ công đức vô tận giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trọn không thể hết.

Cơm của đức Phật Hương Tích là cơm thơm của ngũ phần pháp thân hương: hương giới, hương định, hương tuệ, hương giải thoát, hương giải thoát tri kiến. Vì sao năm thứ này là thơm? Chúng sanh ở cõi Ta-bà nhớp nhúa, mang thân xấu xí hôi hám mà giữ được năm

phần đó trọn vẹn, cũng có mùi thơm. Như vậy mùi thơm này là hương của đạo đức, chứ không phải hương chế biến từ các loại hoa.

Ở thế gian, những gia đình có nề nếp đàng hoàng, dạy con cháu phải để lại danh thơm tiếng tốt cho đời. Danh thơm là chỉ cho đức hạnh tốt, hạnh kiểm tốt, hành động tốt, sau khi chết đi mọi người còn nhớ tiếc. Đó là nói theo thế tục. Còn trong đạo, danh thơm nhất muôn đời không quên là giới luật trọn vẹn, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến đầy đủ. Người nào đủ năm phần này tức đầy đủ đạo đức, thì những phần thừa hoặc cơm dư của họ có giúp hay cho người khác hưởng, trọn đời trọn kiếp cũng không hết.

Tóm lại, ý nghĩa mùi thơm ở cõi Chúng Hương của đức Phật Hương Tích, là do chứa nhóm những công đức như vậy.

Lúc đó cả hội chúng đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ không hết. Những vị Bồ-tát kia, Thanh văn, chư thiên, người ăn cơm này rồi, thân an ổn vui vẻ, ví như chư Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm vậy. Lại các lỗ chân lông đều toát ra mùi hương vi diệu, cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương.

Cả chúng hội đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ. Vì bát cơm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không thể hết được. Dù cho Bồ-tát hay trời, người ăn cơm này rồi, đều được thân an ổn tâm vui vẻ, giống như những vị Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm. Mỗi lỗ chân lông của các Bồ-tát này đều toát ra mùi hương vi diệu cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương. Từ sự tướng để bày ra lý ngũ phần pháp thân hương. Ai tu mà năm phần này được đầy đủ thì thể nhập được pháp thân. Năm phần pháp thân hương này, dù người tu ở cõi nào mà giữ gìn trọn vẹn thì đều được mùi hương giống nhau, sẽ được nguồn vui vô tận như chư Bồ-tát kia không khác.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi Bồ-tát ở cõi Chúng Hương:

- Đức Như Lai Hương Tích dùng cái gì để nói pháp?

Bồ-tát kia đáp:

- Như Lai ở cõi nước tôi không dùng văn tự nói, chỉ dùng các mùi hương khiến cho trời người được vào luật hạnh. Các vị Bồ-tát ngồi dưới cội cây hương, ngửi được mùi hương vi diệu kia liền được tam-muội Nhất thiết đức tạng. Được tam-muội này thảy đều có đầy đủ công đức của Bồ-tát.

Tam-muội Nhất thiết đức tạng tức là chánh định Đức tạng, nhập được tam-muội này thì tất cả công đức đều đầy đủ. Đức Phật ở cõi Chúng Hương không dùng phương tiện ngôn ngữ để thuyết pháp mà chỉ dùng mùi hương để giáo hóa. Mùi hương của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, ai gần thì được thơm lây. Người ngồi dưới cội cây hương, ngửi mùi hương vi diệu liền được chánh định. Vì vậy không phải chỉ dùng ngôn ngữ mới làm Phật sự. Có khi nhờ giữ giới, nhờ sức an định hoặc nhờ trí tuệ... dùng làm phương tiện giáo hóa chứ không phải nói cho họ nghe để họ phát tâm. Đôi khi những lời nói không có giá trị bằng việc làm của tự thân. Đó là ý nghĩa giáo hóa của cõi Chúng Hương.

Các vị Bồ-tát kia hỏi ông Duy-ma-cật:

- Nay Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni dùng cái gì để nói pháp?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi này chúng sanh cang cường khó giáo hóa, thế nên Phật nói những lời cang cường để điều phục họ. Nói đây là địa ngục, đây là súc sanh, đây là ngạ quỷ, đây là chỗ các nạn, đây là chỗ người ngu sanh. Đây là thân tà hạnh, đây là quả báo thân tà hạnh. Đây là khẩu tà hạnh, đây là quả báo khẩu tà hạnh. Đây là ý tà hạnh, đây là quả báo ý tà hạnh. Đây là sát sanh, đây là quả báo sát sanh. Đây là trộm cắp, đây là quả báo trộm cắp. Đây là tà dâm, đây là quả báo tà dâm. Đây là vọng ngữ, đây là quả báo vọng ngữ. Đây là lưỡng thiệt, đây là quả báo lưỡng thiệt. Đây là ác khẩu, đây là quả báo ác khẩu. Đây là lời nói vô nghĩa, đây là quả báo lời nói vô nghĩa. Đây là tham lam tật đố, đây là quả báo tham lam tật đố. Đây là sân não, đây là quả báo sân não. Đây là tà kiến, đây là quả báo tà kiến. Đây là xan tham,

đây là quả báo xan tham. Đây là hủy giới, đây là quả báo hủy giới. Đây là nóng giận, đây là quả báo nóng giận. Đây là lười biếng, đây là quả báo lười biếng. Đây là ý loạn, đây là quả báo ý loạn. Đây là ngu si, đây là quả báo ngu si. Đây là kiết giới, đây là trì giới, đây là phạm giới. Đây là nên làm, đây là không nên làm. Đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại. Đây là mắc tội, đây là lìa tội. Đây là tịnh, đây là cấu. Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là tà đạo, đây là chánh đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là Niết-bàn...

Do người khó giáo hóa, tâm như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu thứ pháp để chế ngự tâm kia, mới có thể điều phục được. Ví như voi ngựa hung dữ khó điều phục, phải thêm những hình phạt đau thấu xương, rồi sau mới điều phục được. Như thế chúng sanh cang cường khó giáo hóa này, nên phải dùng tất cả những lời thống khổ, mới có thể vào được luật nghi.

Những vị Bồ-tát kia nghe lời ấy rồi, đều nói:

- Thật chưa từng có! Đức Phật Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn ẩn sức vô lượng tự tại của ngài, mới đem pháp người nghèo ưa thích mà độ thoát chúng sanh. Các vị Bồ-tát ở đây cũng chịu nhọc nhằn mà không khoe công, do vô lượng đại bi mà sanh ở cõi Phật này.

Cư sĩ Duy-ma-cật nói chúng sanh ở cõi nước này cang cường khó điều phục, nên Phật phải dùng nhiều cách để khuyên dạy họ. Thí dụ đứa bé nhút nhát, thấy ba má cầm roi thì run sợ, còn đứa ngang bướng, càng đánh càng đổ lỳ không sợ, cũng không chịu sửa lỗi, nên nói đứa bé đó khó dạy khó bảo. Đức Phật dạy, nếu tạo nghiệp ác sẽ đọa trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ở địa ngục thì bị quỷ sứ cầm chĩa ba đâm, bị ôm cột đồng cháy, bỏ vào chảo dầu sôi, uống nước đồng sôi... Những điều đó nghe thật đáng sợ, nhưng lâu rồi quên, lại tiếp tục tạo tội. Vậy chúng sanh ở cõi này có cang cường không? Đức Phật nói cụ thể từng quả của mỗi tội, nói dối sẽ bị quả báo của tội nói dối, nóng giận sẽ bị quả báo của nóng giận, làm việc tà kiến, lười biếng, tham lam sẽ bị quả báo gì... Lẽ ra nghe như vậy

phải sợ, không dám phạm mà ráng tu chứ đâu dám buông trôi, mới là người hiền dễ dạy. Thế mà nghe, học thuộc làu rồi, nhưng tội lỗi vẫn không chừa bỏ. Ngẫm kỹ mới thấy chúng sanh cõi này thật ngỗ nghịch khó dạy, cứng đầu cứng cổ, ngu si chấp trước những thứ tạm bợ của thế gian, nên Phật gọi là nan điều nan phục.

Như những đứa con mê say rượu chè, hút thuốc, xì ke ma túy... cha mẹ rầy đánh cũng không bỏ, càng tỏ ra lỳ lợm hơn. Chúng không biết những thú vui ngũ dục là tạm bợ, tầm thường giả dối. Bởi cang cường quá nên Phật phải dùng những lời lẽ mạnh mẽ, nhiều pháp răn dạy để chỉ rõ đâu là tà đâu là chánh, đây là hữu vi đây là vô vi... Vậy mà vẫn chưa thức tỉnh, tâm như khỉ vượn chạy nhảy lăng xăng không lúc nào dừng, nên Phật mới lập bày giới luật để chế ngự tâm kia. Ví như con voi con ngựa quá hung hăng, khó điều phục thì phải dùng câu dùng móc, hoặc cây có mũi nhọn châm vào da thịt cho đau thấu xương, mới có thể lôi kéo nó được. Nếu tâm bình lặng như các vị Bồ-tát ở cõi Chúng Hương thì đâu cần phải chế giới.

Chư Bồ-tát ở cõi Chúng Hương nghe cư sĩ Duy-ma-cật diễn tả đức Phật Thích-ca giáo hóa ở cõi Ta-bà rất khó nhọc, vì chúng sanh tâm bệnh quá nhiều, các vị đều khen ngợi thật chưa từng có, ngài đã ẩn sức vô lượng tự tại, vì độ những kẻ ưa thích pháp nhỏ mà ở trong cảnh khó khăn đó. Lại khen các vị Bồ-tát do tâm đại bi vô lượng mới hiện sanh ở cõi này phải hết sức khiêm hạ, hết sức nhọc nhằn vì nguyện lực độ sanh. Đó là lời tán thán của các vị Bồ-tát ở cõi kia.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát ở cõi này đối với các chúng sanh, tâm đại bi kiên cố thật như lời các ngài nói. Song một đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi Ta-bà, nhiều hơn cõi khác trăm ngàn kiếp.

Cư sĩ Duy-ma-cật xác nhận đúng như lời các Bồ-tát kia nói, Bồ-tát ở cõi này thật là đại bi kiên cố. Tuy ở cõi này nhọc nhằn khó khăn nhưng một đời làm Phật sự, làm lợi ích chúng sanh hơn các cõi khác trăm ngàn kiếp làm Phật sự. Đây là nguồn an ủi.

Vì cớ sao? Vì thế giới Ta-bà này có mười pháp lành, những cõi tịnh khác thì không thể có. Những gì là mười? 1- Dùng bố thí nhiếp độ bần cùng. 2- Dùng tịnh giới nhiếp độ phá giới. 3- Dùng nhẫn nhục nhiếp độ sân nhuế. 4- Dùng tinh tấn nhiếp độ giải đãi. 5- Dùng thiền định nhiếp độ loạn ý. 6- Dùng trí tuệ nhiếp độ ngu si. 7- Nói pháp trừ nạn để người qua khỏi tám nạn. 8- Dùng pháp Đại thừa độ người ưa pháp Tiểu thừa. 9- Dùng các căn lành giúp người không có đức. 10- Thường dùng Tứ nhiếp pháp để thành tựu chúng sanh. Ấy là mười pháp lành.

Thế giới Ta-bà này có mười việc thiện để Bồ-tát làm đầy đủ công đức, còn những cõi khác không có, nên Bồ-tát ở cõi này vất vả một đời bằng Bồ-tát ở cõi kia làm nhiều đời. Như dùng bố thí để giáo hóa người nghèo khổ. Dùng giới thanh tịnh để nhiếp hóa người phạm giới. Dùng nhẫn nhục để nhiếp hóa người nóng giận, nghĩa là muốn giáo hóa người nóng giận, mình phải có đức nhẫn nhục. Chúng sanh ở cõi này vừa nghèo khổ vừa phá giới, vừa nóng giận, vừa lười biếng, vừa loạn ý, vừa ngu si, vừa ở trong tám nạn, ưa pháp nhỏ, không có đức, nên Bồ-tát phương tiện dùng các thứ pháp để giáo hóa họ. Thế nên các Bồ-tát ở cõi Ta-bà được công đức rất lớn.

Những vị Bồ-tát kia hỏi:

- Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát thành tựu tám pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh. Những gì là tám pháp? 1- Làm lợi ích chúng sanh mà không mong đền đáp. 2- Thay tất cả chúng sanh chịu những khổ não, tạo các công đức đều thí cho họ.

Người hành hạnh Bồ-tát giúp đỡ người không mong cầu đền đáp. Thay chúng sanh chịu tất cả khổ não và có những công đức gì đều thí cho họ. Thí dụ ở trong chúng khi nào rảnh rỗi, thấy huynh đệ làm mệt không kịp, đến phụ giúp cho mau xong việc, được vậy cũng là

tốt rồi, chưa nói đến thay khổ não cho chúng sanh. Còn nếu nghĩ thôi tránh đi cho khỏe, đó là sẵn sàng đổ khổ cho người khác, là bệnh mê muội của chúng sanh, trái với tâm hạnh của Bồ-tát. Chúng ta tu, dù chưa làm được như các ngài, nhưng cũng phải tập từ từ. Chúng ta không thể thay tất cả khổ não cho người xung quanh, thì ít ra khi thấy người khổ, cũng hỗ trợ một phần để họ bớt khổ. Như thế cũng là tốt rồi, lâu ngày chúng ta có thể làm được việc lớn lao, lợi ích hơn nhiều.

3- Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hạ không ngại. 4- Đối với Bồ-tát xem như Phật. Bồ-tát tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, khiêm hạ là thấp mình, không có chướng ngại. Tâm chúng ta có sai biệt, chưa bình đẳng với tất cả mọi người, nên người nào hợp ý mình thương nhiều, còn không hợp thì thương ít hơn, chứ đừng ghét. Vì chúng ta đang tập tễnh, chứ chưa là Bồ-tát thật. Thế nên phải cố gắng thực hành tâm bình đẳng không chướng ngại đối với mọi người, và phải có tâm khiêm hạ, đối với Bồ-tát phải như kính Phật vậy.

5- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6- Không cùng với hàng Thanh văn mà chẳng trái nhau. Những kinh điển chưa nghe, nay đã được nghe không còn nghi ngờ. Hạnh tu của Bồ-tát khác với hạnh Thanh văn, nhưng đối với Thanh văn không có gì chống trái.

7- Chẳng tật đố người kia được cúng dường, không tự cao khi được lợi, ở trong đó mà điều phục tâm mình. Thí dụ có hai huynh đệ đồng tu, giới luật ngang nhau, nhưng Phật tử chỉ cúng dường cho thầy A, thầy B không được cúng. Nếu thầy B sanh tâm bực tức, gặp lại thí chủ đó liền tìm cách nói xấu thầy A, để Phật tử thấy chán không muốn cúng cho thầy ấy nữa. Đó là tâm tật đố, khi thấy người được mình không được. Như thầy A nhận sự cúng dường của người, không nên tự cao, cho mình có đức hạnh đương nhiên phải được cúng, đó là tâm tự cao khi được lợi. Hai trường hợp này, người không được cúng thì tật đố, người được cúng thì tự cao. Do đó người tu khéo điều

phục tâm mình, không nên sanh tâm tật đố và phải dè dặt tâm tự cao.

8- Thường xét lỗi mình, không bàn nói điều xấu của người. Thường dùng nhất tâm, cầu các công đức. Khi có lỗi lầm thì phải biết sám hối, ăn năn chừa cải. Huynh đệ có điều dở, không đem ra nói với ai. Như vậy là người tỉnh, biết lỗi mình, không bàn nói việc xấu dở của người. Thường dùng tâm chuyên nhất, cầu các công đức.

Thế nên Bồ-tát muốn sanh về cõi Phật thanh tịnh phải gắng tu tám pháp này mà hạnh không thương tổn. Đó là lời răn dạy của Bồ-tát.

Ông Duy-ma-cật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng khi nói pháp này rồi, thì trăm ngàn trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn vị Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn.

Học phẩm này rồi, chúng ta thấy, tuy ở cõi nhiều chướng nạn, nếu khéo tu khéo làm Phật sự thì công đức bằng trăm ngàn lần ở những chỗ dễ dàng. Đây là nguồn an ủi tinh thần giúp chúng ta vượt qua những khó khăn chướng ngại. Người khéo tu thì cảnh gian nan khổ cực chính là duyên tốt để tăng trưởng công đức, trên bước đường tu học và làm Phật sự. Không nên có tâm yếu ớt sợ khó khổ, chỉ muốn được nhàn hạ sung sướng là làm mất hết công đức. Cần phải dũng mãnh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hằng không lui sụt, mới không cô phụ bản nguyện lợi sanh của mình.

11. PHẨM BỒ TÁT HẠNH

Đây là phẩm nói về hạnh tu của Bồ-tát. Những phẩm trước, cư sĩ Duy-ma-cật và các vị đại đệ tử Phật vấn đáp qua lại để phá chấp cho hàng Thanh văn, chỉ nêu ra hạnh tu của Bồ-tát chứ chưa hỏi về đường lối tu của các ngài. Đến phẩm này, các vị Bồ-tát ở nước Chúng Hương thưa hỏi Phật, Bồ-tát phải tu như thế nào và đã được đức Phật chỉ dạy rõ ràng. Vì vậy phẩm này có tên là Bồ-tát Hạnh.

Chánh văn:

Khi ấy Phật nói pháp ở vườn cây am-la, đất ở đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng. A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành này? Chỗ này bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng.

Phật bảo A-nan:

- Ấy là ông Duy-ma-cật và Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng cung kính vây quanh, phát ý muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nên cùng đến gặp Phật, cho các vị Bồ-tát lễ bái cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi nói:

- Lành thay, nên đi! Nay chính phải thời.

Ông Duy-ma-cật liền dùng thần lực, nắm các đại chúng cùng với các tòa sư tử để trên lòng bàn tay phải, đem đến chỗ Phật. Đến nơi rồi ông để xuống đất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải Phật bảy vòng, một lòng chắp tay, đứng qua một bên. Các vị Bồ-tát liền bước xuống tòa, cúi đầu

lễ chân Phật, cũng nhiễu bảy vòng rồi đứng qua một bên. Các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... cũng đều bước xuống tòa, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

Khi ấy Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ-tát rồi, bảo mỗi người ngồi lại chỗ cũ, các vị đều vâng lời dạy. Chúng đã ngồi yên, Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông thấy sức thần thông tự tại của vị đại sĩ Bồ-tát làm ra chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, con đã thấy!

Phật hỏi: - Ý ông nghĩ sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con thấy việc làm ấy không thể nghĩ bàn, chẳng phải ý mưu tính được, chẳng phải suy đoán đo lường được.

Lúc ấy tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, mùi hương nay được ngửi, từ trước chưa có, ấy là mùi hương gì?

Phật bảo A-nan:

- Ấy là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát kia.

Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất nói với A-nan:

- Lỗ chân lông của chúng tôi cũng toát ra mùi hương này.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Mùi hương này từ đâu đến?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Đó là trưởng giả Duy-ma-cật xin cơm thừa của đức Phật từ nước Chúng Hương, đem về ăn nơi thất của ông, tất cả lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

Tôn giả A-nan hỏi ông Duy-ma-cật:

- Mùi hương này còn được bao lâu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Đến khi nào cơm này tiêu.

A-nan hỏi:

- Cơm này khoảng bao lâu mới tiêu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thế lực của cơm này đến bảy ngày, sau đó mới tiêu. Lại A-nan, nếu người Thanh văn chưa vào chánh vị, ăn cơm này, được vào chánh vị rồi sau mới tiêu. Còn người được vào chánh vị ăn cơm này, được tâm giải thoát sau đó mới tiêu. Nếu người chưa phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi phát ý Đại thừa mới tiêu. Người đã phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi được vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Người đã được vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu. Ví như có thuốc gọi là thượng vị, có người uống thuốc này, các độc trong thân diệt hết, sau đó mới tiêu. Cơm này cũng thế, diệt trừ tất cả các độc phiền não, sau đó mới tiêu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật chưa từng có vậy! Mùi hương của cơm này hay làm được Phật sự.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, đúng thế A-nan! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng các vị Bồ-tát làm Phật

sự, có cõi dùng những người hóa của Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng cây bồ-đề mà làm Phật sự, có cõi dùng y phục, ngọa cụ mà làm Phật sự, có cõi dùng cơm mà làm Phật sự, có cõi dùng vườn cây đài quán mà làm Phật sự, có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự, có cõi dùng thân Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng hư không mà làm Phật sự, chúng sanh nên dùng duyên này được vào luật hạnh. Có cõi dùng mộng, huyễn, ảnh, tiếng, bóng trong gương, trăng đáy nước, sóng nắng khi trời nóng, những việc như thế mà làm Phật sự. Có cõi dùng âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh lặng lẽ không nói không lời, không chỉ bày, không biết, không tạo tác mà làm Phật sự. Như thế A-nan, các oai nghi tới lui, các cử chỉ của chư Phật, đều là Phật sự.

Này A-nan, có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn các thứ phiền não mà chúng sanh cho là nhọc nhằn, chư Phật thì dùng pháp này mà làm Phật sự, ấy gọi là pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật. Bồ-tát vào được pháp môn này, nếu thấy tất cả cõi Phật đẹp đẽ chẳng cho là mừng, chẳng tham cũng chẳng tự cao. Nếu thấy tất cả cõi Phật nhơ nhớp chẳng lấy làm buồn, chẳng ngại chẳng ẩn. Chỉ đối với chư Phật sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính chưa từng có vậy! Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không đồng. Này A-nan, ông thấy cõi nước chư Phật đất có hạn lượng, hư không thì không có hạn lượng. Như thế thấy sắc thân chư Phật có hạn lượng, mà trí tuệ vô ngại của chư Phật không có hạn lượng.

Này A-nan, sắc thân của chư Phật, oai nghi, chủng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ đại bi, oai nghi sở hành, và tuổi thọ của

các ngài, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ pháp của chư Phật, thảy đều đồng nhau, thế nên gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, hay gọi Đa-đà A-già-độ, hay gọi là Phật-đà.

Này A-nan, nếu ta nói rộng ba nghĩa cú này, dù trọn một kiếp tuổi thọ của ông cũng không thể nhận hết được. Dù cho chúng sanh khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều đa văn đệ nhất như A-nan, được niệm tổng trì, những người này dùng tuổi thọ một kiếp cũng không thể nào thọ nhận hết được. Như thế A-nan, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có hạn lượng, trí tuệ biện tài cũng không thể nghĩ bàn.

A-nan bạch Phật:

- Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn.

Phật bảo A-nan:

- Chớ khởi ý thối lui! Vì sao? Ta nói ông đa văn nhất trong hàng Thanh văn, chứ không phải trong hàng Bồ-tát. Hãy thôi, A-nan! Trí của hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường; thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ-tát không thể lường được. A-nan, ông hãy bỏ qua việc làm của Bồ-tát. Ông Duy-ma-cật đây, một lúc hiện sức thần thông, tất cả Thanh văn Bích-chi Phật ở trong trăm ngàn kiếp, tận lực biến hóa đều không thể làm được.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương đến, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ban đầu thấy cõi nước này, sanh tưởng hạ liệt, nay tự hối trách, buông bỏ tâm ấy. Vì cớ sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì độ các

chúng sanh, tùy chỗ thích hợp mà có hiện ra cõi nước Phật khác. Cúi mong Thế Tôn, nguyện ban cho chúng con một ít pháp, để trở về cõi kia sẽ nhớ đức Như Lai.

Phật bảo các vị Bồ-tát:

- Có pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông phải học. Sao gọi là tận? Nghĩa là pháp hữu vi. Sao gọi là vô tận? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ-tát chẳng tận hữu vi cũng không có trụ vô vi.

Sao gọi là chẳng tận hữu vi? Nghĩa là chẳng lìa đại từ chẳng bỏ đại bi; sâu phát tâm Nhất thiết trí mà chẳng tạm quên; giáo hóa chúng sanh trọn không chán mỏi, đối với tứ nhiếp pháp thường nhớ thuận hành; hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng; gieo trồng các căn lành không có mỏi mệt nhàm chán. Chí thường an trụ phương tiện hồi hướng; cầu pháp không giải đãi, nói pháp không lẫn tiếc; siêng năng cúng dường chư Phật. Cho nên vào sanh tử mà không sợ sệt; đối với các vinh nhục, tâm không vui buồn; chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật; người rơi vào phiền não, khiến họ phát khởi chánh niệm; đối với cái vui xa lìa, không cho là quý; không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Ở trong các thiền định tưởng như địa ngục, ở trong sanh tử tưởng như đang xem vườn, thấy người đến cầu tưởng như bậc thầy lành, bỏ các sở hữu tưởng như đầy đủ nhất thiết trí, thấy người phá giới khởi tưởng cứu hộ, các pháp ba-la-mật tưởng như cha mẹ, pháp đạo phẩm tưởng như quyến thuộc. Phát khởi thiện căn không có ngằn mé, lấy việc nghiêm sức các cõi thanh tịnh thành tựu cõi Phật của mình, thực hành bố thí không giới hạn được đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả việc ác được thân khẩu ý thanh tịnh. Sanh tử vô số kiếp ý vẫn mạnh mẽ, nghe công đức vô lượng của Phật chí

không mệt mỏi. Dùng kiếm trí tuệ phá giặc phiền não, ra khỏi ấm giới nhập gánh vác chúng sanh, hằng khiến được giải thoát. Dùng hạnh đại tinh tấn phá dẹp các ma quân, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ; đối với pháp thế gian ít muốn biết đủ, không chán mỏi với việc cầu xuất thế, mà không bỏ pháp thế gian, không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục. Khởi các thần thông trí tuệ, dẫn đường chúng sanh, được niệm tổng trì, chỗ nghe không quên. Khéo phân biệt các căn, đoạn nghi cho chúng sanh; dùng nhạo thuyết biện tài, diễn nói pháp không ngại. Trong sạch mười điều thiện, thọ phước cõi người cõi trời; tu tứ vô lượng, mở đường cõi Phạm thiên. Khuyến thỉnh nói pháp, tùy hỷ tán thán điều lành, được âm thanh của Phật; thân khẩu ý lành, được oai nghi của Phật. Tu sâu các pháp lành, việc làm càng thù thắng; dùng Đại thừa giáo, thành tựu Tăng Bồ-tát; tâm không buông lung, không mất các việc lành. Hành những pháp này, ấy là Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Sao gọi là Bồ-tát không trụ vô vi? Nghĩa là tu học Không, chẳng lấy Không làm chỗ chứng; tu học vô tướng vô tác, không lấy vô tướng vô tác làm chỗ chứng; tu học vô khởi, cũng không lấy vô khởi làm chỗ chứng. Quán vô thường mà không chán gốc lành; quán thế gian khổ mà không ghét sanh tử; quán vô ngã mà dạy người không mỏi mệt; quán tịch diệt mà không hằng tịch diệt; quán xa lìa mà thân tâm tu các việc lành; quán không chỗ trở về mà quy hướng về pháp lành; quán vô sanh mà dùng các pháp sanh gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn các hữu lậu; quán vô sở hành mà dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh; quán không rỗng mà không xả đại bi; quán chánh pháp vị mà không theo Tiểu thừa; quán các pháp hư vọng không bền chắc không người, không chủ không tướng, bản nguyện chưa đầy đủ mà không

luống qua những phước đức, thiền định, trí tuệ. Tu các pháp như thế, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi.

Lại vì đủ phước đức, không trụ vô vi; vì đủ trí tuệ, chẳng tận hữu vi. Vì đại từ bi, không trụ vô vi; vì mãn bản nguyện, chẳng tận hữu vi. Vì nhóm thuốc pháp, không trụ vô vi; vì tùy trao thuốc, chẳng tận hữu vi. Vì biết bệnh chúng sanh, không trụ vô vi; vì diệt bệnh chúng sanh, chẳng tận hữu vi. Các chánh sĩ Bồ-tát dùng pháp này tu, chẳng tận hữu vi, không trụ vô vi, ấy gọi là pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông nên học.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở nước kia nghe nói pháp này đều rất hoan hỷ, dùng các thứ hoa đẹp đủ loại màu sắc, đủ các mùi hương, rải khắp tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường Phật và kinh pháp này cùng với các vị Bồ-tát, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, tán thán chưa từng có!

- Đức Phật Thích-ca-mâu-ni mới có thể ở nơi đây khéo hành phương tiện.

Nói rồi, bỗng dưng biến mất, trở về nước kia.

Giảng:

Khi ấy Phật nói pháp ở vườn cây am-la, đất ở đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng. A-nan bạch Phật rằng:

- *Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành này? Chỗ này bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng.*

Phật bảo A-nan:

- *Ấy là ông Duy-ma-cật và Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng cung kính vây quanh, phát ý muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.*

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nên cùng đến gặp Phật, cho các vị Bồ-tát lễ bái cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi nói:

- Lành thay, nên đi! Nay chính phải thời.

Ông Duy-ma-cật liền dùng thần lực, nắm các đại chúng cùng với các tòa sư tử để trên lòng bàn tay phải, đem đến chỗ Phật. Đến nơi rồi ông để xuống đất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải Phật bảy vòng, một lòng chắp tay, đứng qua một bên.

Cư sĩ Duy-ma-cật và các vị Bồ-tát đối đáp với nhau trong thất của ông đã xong, sau đó muốn cùng đến đảnh lễ đức Thế Tôn. Các vị Bồ-tát đều có thần thông, nhất là các vị ở cõi Chúng Hương có thần lực huyền bí phi thường, chỉ trong thoáng chốc đã có mặt tại thất cư sĩ Duy-ma-cật. Đoạn đường từ thất ông đến chỗ Phật không xa, mỗi vị có thể tự đến, vì sao cư sĩ Duy-ma-cật lại nắm hết các vị cùng các tòa sư tử bỏ lên bàn tay rồi dời đi? Điều này nói lên ý nghĩa gì?

Thất cư sĩ Duy-ma-cật trống không, tượng trưng cho chỗ chân thật thênh thang rộng lớn trùm khắp tất cả. Những gì trong thất đó đều thuộc sở hữu hay diệu dụng của ông bày ra, cho nên tự tay ông chuyển đổi tất cả một cách tự tại. Nói cách khác, khi Bồ-tát nhập được thể chân thật thì thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Do đó mới hiện bày các tướng lạ cho chúng ta thấy đạo lực và sức thần biến vi diệu của các ngài.

Các vị Bồ-tát liền bước xuống tòa, cúi đầu lễ chân Phật, cũng nhiễu bảy vòng rồi đứng qua một bên. Các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... cũng đều bước xuống tòa, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

Khi ấy Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ-tát rồi, bảo mỗi người ngồi lại chỗ cũ, các vị đều vâng lời dạy. Chúng đã ngồi yên, Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông thấy sức thần thông tự tại của vị đại sĩ Bồ-tát làm ra chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, con đã thấy!

Phật hỏi:

- Ý ông nghĩ sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con thấy việc làm ấy không thể nghĩ bàn, chẳng phải ý mưu tính được, chẳng phải suy đoán đo lường được.

Vừa đến hương thất của Phật, các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử A-la-hán như tôn giả Xá-lợi-phất v.v... đều bước xuống tòa đảnh lễ đức Thế Tôn. Bấy giờ đức Phật mới thăm hỏi, an ủi và xác minh những việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật, lại còn dạy bảo thêm cho các vị Bồ-tát.

Lúc ấy tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, mùi hương nay được ngửi, từ trước chưa có, ấy là mùi hương gì?

Phật bảo A-nan:

- Ấy là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát kia.

Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất nói với A-nan:

- Lỗ chân lông của chúng tôi cũng toát ra mùi hương này.

Ngài A-nan ngạc nhiên thắc mắc thưa hỏi Phật, ở đây có mùi hương gì lạ quá, từ trước đến giờ con chưa được ngửi. Đức Phật trả lời, đó là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương. Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói rằng, trong lỗ chân lông của chúng tôi cũng có mùi hương này.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Mùi hương này từ đâu đến?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Đó là trưởng giả Duy-ma-cật, xin cơm thừa của đức Phật từ nước Chúng Hương, đem về ăn nơi thất của ông, tất cả lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

Tôn giả A-nan hỏi ông Duy-ma-cật:

- Mùi hương này còn được bao lâu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Đến khi nào cơm này tiêu.

A-nan hỏi:

- Cơm này khoảng bao lâu mới tiêu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thế lực của cơm này đến bảy ngày, sau đó mới tiêu. Lại A-nan, nếu người Thanh văn chưa vào chánh vị, ăn cơm này, được vào chánh vị rồi sau mới tiêu. Còn người được vào chánh vị ăn cơm này, được tâm giải thoát sau đó mới tiêu. Nếu người chưa phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi phát ý Đại thừa mới tiêu. Người đã phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi được vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Người đã được vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu. Ví như có thuốc gọi là thượng vị, có người uống thuốc này, các độc trong thân diệt hết, sau đó mới tiêu. Cơm này cũng thế, diệt trừ tất cả các độc phiền não, sau đó mới tiêu.

Đoạn trên nói, cơm này ăn bảy ngày sau mới tiêu. Đoạn sau nói, cơm này là cơm ngũ phần pháp thân hương, hàng Thanh văn chưa chứng quả ăn cơm này rồi chứng quả, sau đó mới tiêu... Cho đến Bồ-tát phát ý Đại thừa được ăn cơm này rồi, chứng vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Đã chứng vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này rồi, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu.

Nhất sanh bổ xứ nghĩa là còn sanh lại một đời nữa mới thành Phật v.v... Cơm này là cơm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Chừng nào dứt sạch tất cả giống độc phiền não, cơm đó mới

tiêu. Ví như có thuốc thượng vị, người uống thuốc này, các độc trong thân đã dứt, sau đó thuốc mới tiêu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật chưa từng có vậy! Mùi hương của cơm này hay làm được Phật sự.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, đúng thế, A-nan! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng các vị Bồ-tát làm Phật sự, có cõi dùng những người hóa của Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng cây bồ-đề mà làm Phật sự, có cõi dùng y phục, ngọa cụ mà làm Phật sự, có cõi dùng cơm mà làm Phật sự, có cõi dùng vườn cây đài quán mà làm Phật sự, có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự, có cõi dùng thân Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng hư không mà làm Phật sự; chúng sanh nên dùng duyên này được vào luật hạnh.

Luật hạnh tức là đạo đức. Tất cả Phật sự của đức Phật không cố định, tùy theo duyên chúng sanh ưng pháp nào, các ngài hiện ra pháp đó, khiến cho họ vào được đạo lý.

Có cõi dùng mộng, huyễn, ảnh, tiếng, bóng trong gương, trăng đáy nước, sóng nắng khi trời nóng, những việc như thế mà làm Phật sự.

Như đức Phật Thích-ca giáo hóa cõi Ta-bà, ngài chỉ cho chúng sanh thấy nó giả dối, như bóng trong gương, như trăng đáy nước... để cho mình thức tỉnh.

Có cõi dùng âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh lặng lẽ không nói không lời, không chỉ bày, không biết, không tạo tác mà làm Phật sự. Như thế A-nan, các oai nghi tới lui, các cử chỉ của chư Phật, đều là Phật sự.

Trong tất cả oai nghi, hành động tạo tác của chư Phật đều là Phật sự, chứ không riêng một pháp nào.

Này A-nan, có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn các thứ phiền não mà chúng sanh cho là nhọc nhằn, chư Phật thì dùng pháp này mà làm Phật sự, ấy gọi là pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật.

Đối với bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn phiền não, chúng ta chán sợ, mệt mỏi nhưng chư Phật lấy đó làm Phật sự. Vì sao? Thí dụ, trong Phật sự giảng pháp nếu chỉ giảng một lần, chúng ta nghe rồi hành đúng là đã thành Bồ-tát, đâu cần phải giảng nữa. Nhưng nghe rồi, biết tham sân si là xấu vẫn không bỏ được. Thế nên phải giảng mãi, năm này tháng kia, nhắc đi nhắc lại suốt đời, chắc cũng chưa xong việc. Chúng sanh quá nhiều phiền não, nên chư Phật Bồ-tát dùng các thứ phương tiện, với mục đích chỉ dạy cho họ hiểu rõ phiền não là gốc khổ đau, cần phải diệt trừ. Đó là Phật sự của chư Phật và Bồ-tát.

Bồ-tát vào được pháp môn này, nếu thấy tất cả cõi Phật đẹp đẽ chẳng cho là mừng, chẳng tham cũng chẳng tự cao. Nếu thấy tất cả cõi Phật nhơ nhớp chẳng lấy làm buồn, chẳng ngại chẳng ẩn. Bồ-tát vào được pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật, dù cõi Phật tịnh hay uế đều không chướng ngại. Thấy cõi Phật tịnh không mừng, không tham trước, tự cao. Thấy cõi Phật nhớp nhúa không lo buồn chán nản, không trở ngại, không ẩn trốn. Giữ tâm bình đẳng không sai biệt như thế là Bồ-tát vào được pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật.

Chỉ đối với chư Phật sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính chưa từng có vậy! Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không đồng. Dù cõi Phật tịnh hay bất tịnh, đối với Phật chỉ một bề sanh tâm cung kính là đủ. Không nên thấy đức Phật ở cõi uế thì chê, ở cõi tịnh thì quý, đó là người chưa hiểu được ý nghĩa này. Công đức của chư Phật bình đẳng như nhau, nhưng vì giáo hóa chúng sanh mà khi hiện cõi tịnh, khi hiện cõi uế không đồng.

Này A-nan, ông thấy cõi nước chư Phật đất có hạn lượng, hư không thì không có hạn lượng. Như thế thấy sắc thân chư Phật có hạn lượng, mà trí tuệ vô ngại của chư Phật không có hạn lượng. Phật

chỉ cho ngài A-nan chỗ bình đẳng của chư Phật, nên dùng thí dụ như đất ở cõi Phật có tốt xấu, rộng hẹp, nhiều thứ sai biệt, nhưng hư không không có hạn lượng, không có sai biệt. Cũng vậy, về sắc thân của chư Phật ở mỗi cõi có khác nhau, Phật sanh cõi tịnh sắc thân khác, sanh cõi uế sắc thân khác, nhưng về mặt trí tuệ vô ngại của chư Phật thì không có khác. Như vậy khi đã thành Phật, công đức và trí tuệ của chư Phật bình đẳng không hai. Nhưng tùy duyên giáo hóa chúng sanh, nên các ngài thị hiện ở cõi nước khác nhau.

Này A-nan, sắc thân của chư Phật, oai nghi, chủng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ đại bi, oai nghi sở hành, và tuổi thọ của các ngài, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ pháp của chư Phật, thảy đều đồng nhau, thế nên gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, hay gọi Đa-đà A-già-độ, hay gọi là Phật-đà.

Tam-miệu Tam-phật-đà (Samyak Sambuddha) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Chánh biến tri, Đa-đà A-già-độ (Tatha Agata) dịch là Như Lai, Phật-đà (Buddha) dịch là Giác giả. Sắc thân của chư Phật, oai nghi tướng hảo hay chủng tánh, giới, định, tuệ... tất cả đều bình đẳng như nhau, nên gọi các ngài là Chánh biến tri, hoặc Như Lai, hoặc Giác giả...

Này A-nan, nếu ta nói rộng ba nghĩa cú này, dù trọn một kiếp tuổi thọ của ông cũng không thể nhận hết được. Dù cho chúng sanh khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều đa văn đệ nhất như A-nan, được niệm tổng trì, những người này dùng tuổi thọ một kiếp cũng không thể nào thọ nhận hết được. Như thế A-nan, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có hạn lượng, trí tuệ biện tài cũng không thể nghĩ bàn.

Niệm tổng trì tức là ghi nhớ giỏi.

Tóm lại, đức Phật giải thích cho tôn giả A-nan cũng như chúng ta biết, cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích, cõi Cực lạc của Phật A-di-đà đều là cõi tịnh, vì tâm địa các ngài cao cả thanh tịnh, còn cõi

Ta-bà chúng ta đang sống là cõi uế. Sở dĩ có cõi nước, hình tướng sai biệt đều vì ứng hiện với tâm niệm chúng sanh. Bởi tâm chúng ta xấu xa, thấp hèn, mới sanh vào cảnh giới ô trược, thọ thân ô uế bất tịnh và những thứ nuôi dưỡng nó cũng hôi hám, uế trược. Vậy mà có nhiều người còn tự hào, ta đây là hay là giỏi, rồi xem thường người khác. Hoặc chê người ăn mặn hôi hám, ta ăn chay thanh bạch, nhưng những chất thải ra đều hôi thối như nhau. Ăn chay chẳng qua là muốn tránh bớt nghiệp, chứ không phải mục đích chính của sự tu.

Nói như vậy để chúng ta thấy hổ thẹn, tủi thân, tự trách mình phước đức cạn mỏng phải ráng tu, buông xả những mê lầm để tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Nghiệp thanh tịnh thì chúng sanh đã là Bồ-tát. Như cõi Chúng Hương không có Thanh văn hay Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, ở cõi đó luôn toát ra mùi hương do công đức huân tu ngũ phần pháp thân hương. Còn chúng ta, tham sân si phiền não dẫy đầy nên thọ nhận quả báo xấu tương ưng. Thế nên, phải gieo nhân tốt mới được quả tốt. Mục tiêu của kinh Duy-ma-cật là trang nghiêm tịnh độ, cõi tịnh cõi uế là tùy theo nghiệp của chúng sanh mà Phật ứng hiện.

A-nan bạch Phật:

- Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn.

Phật bảo A-nan:

- Chớ khởi ý thối lui, vì sao? Ta nói ông đa văn nhất trong hàng Thanh văn, chứ không phải trong hàng Bồ-tát. Hãy thôi, A-nan!

Trí của hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường; thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ-tát không thể lường được. A-nan, ông hãy bỏ qua việc làm của Bồ-tát. Ông Duy-ma-cật đây, một lúc hiện sức thần thông, tất cả Thanh văn Bích-chi Phật ở trong trăm ngàn kiếp, tận lực biến hóa đều không thể làm được. Đức Phật dạy ngài A-nan, hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát, vì công đức thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài... của các ngài không thể lường được.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương đến, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ban đầu thấy cõi nước này, sanh tưởng hạ liệt, nay tự hối trách, buông bỏ tâm ấy. Vì cớ sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì độ các chúng sanh, tùy chỗ thích hợp mà có hiện ra cõi nước Phật khác. Cúi mong Thế Tôn, nguyện ban cho chúng con một ít pháp, để trở về cõi kia sẽ nhớ đức Như Lai.

Khi mới đến cõi Ta-bà, các vị Bồ-tát nước Chúng Hương thấy cõi này nhiều điều xấu tệ, nên cảm thấy ngỡ ngàng. Bây giờ tự trách mình và biết ăn năn sám hối, bỏ tâm đó không dám nghĩ nữa. Vì sao? Vì phương tiện độ sanh của chư Phật không thể nghĩ bàn nên hiện cõi nước có sai khác. Sở dĩ đức Phật Thích-ca ở cõi xấu, không phải là phước đức trí tuệ ngài thua kém các đức Phật khác, mà do nghiệp lực chúng sanh nên ngài phải hiện sanh vào cõi nước xấu như vậy để giáo hóa họ. Sau cùng, các vị Bồ-tát nước Chúng Hương xin đức Thế Tôn ban cho những lời pháp, để khi trở về cõi kia thường nhớ đến Phật.

Phật bảo các vị Bồ-tát: Có pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông phải học. Sao gọi là tận? Nghĩa là pháp hữu vi. Sao gọi là vô tận? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ-tát chẳng tận hữu vi cũng không có trụ vô vi. Hạnh tu của Bồ-tát chủ yếu là chẳng tận hữu vi và không trụ vô vi. Chẳng tận hữu vi là không hết pháp hữu vi. Không trụ vô vi là không an trụ Niết-bàn.

Sao gọi là chẳng tận hữu vi? Nghĩa là chẳng lìa đại từ chẳng bỏ đại bi; sâu phát tâm Nhất thiết trí mà chẳng tạm quên. Không lìa đại từ không bỏ đại bi, vì lòng từ bi quá mạnh và muốn được Nhất thiết trí nên các ngài chẳng tận hữu vi. Nói cách khác, đối với việc tu học không cho là đủ, không sanh tâm tự mãn, cứ học mãi, tu mãi không chán mỏi. Vì muốn độ sanh không thối chuyển thì phải có trí tuệ đầy đủ. Chúng sanh còn khổ, Bồ-tát phải lăn xả trong sanh tử

để độ họ, vì lòng đại từ bi vô hạn, nhưng từ bi mà không có trí tuệ thì Phật sự không thể thành tựu, do đó nói Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Giáo hóa chúng sanh trọn không chán mỏi; đối với tứ nhiếp pháp thường nhớ thuận hành; hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng; gieo trồng các căn lành không có mỏi mệt nhàm chán. Bồ-tát ứng dụng theo tứ nhiếp pháp để giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh cang cường khó điều phục, nhưng vì bản nguyện độ sanh, nên Bồ-tát giáo hóa mãi vẫn không chán mỏi. Dù gặp bao khó khăn gian khổ, cũng không quên không bỏ chánh pháp, gìn giữ không tiếc thân mạng. Gieo trồng các căn lành không biết mỏi mệt, tức là siêng năng làm những việc lành không dừng nghỉ.

Chí thường an trụ phương tiện hồi hướng; cầu pháp không giải đãi, nói pháp không lẫn tiếc; siêng năng cúng dường chư Phật. Cho nên vào sanh tử mà không sợ sệt. Phải thường an trụ trong các phương tiện giáo hóa chúng sanh, hồi hướng về chỗ trang nghiêm tịnh độ. Cầu pháp là người học không lười biếng, nói pháp là người dạy không lẫn tiếc, hai bên đều sốt sắng nhiệt tình. Siêng năng cúng dường chư Phật, nên vào trong sanh tử mà không sợ sệt. Với những lý do trên, Bồ-tát vào sanh tử không biết mỏi mệt, không thấy sợ sệt.

Đối với các vinh nhục, tâm không vui buồn. Trước vinh nhục, tâm không vui buồn. Ở thế gian, khi được thăng quan tiến chức gọi là vinh, khi mất chức bị người xem thường, hủy nhục, gọi là nhục. Trong đạo không có thăng quan tiến chức, nhưng tu lâu được tấn phong lên Thượng tọa, Hòa thượng... Làm sao trước vinh nhục, tâm vẫn an nhiên không vui cũng không buồn. Thí dụ một vị tăng được Phật tử cung kính lễ bái, tán thán: "Thầy là bậc đức hạnh đầy đủ, đáng cho chúng con nương nhờ." Hoặc đang đi trên đường, gặp một số người tỏ vẻ xem thường nói: "Ôi, ông đó là giả tướng thầy tu, chứ tu hành gì!" Và buông lời nặng nhẹ. Trong hai trường hợp, hoặc được cung kính, hoặc bị khinh miệt, nếu tâm vẫn bình an là đã hành được hạnh này. Còn nếu nghe khen thì vui, nghe chê thì sân, là chưa được về cõi Chúng Hương.

Chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật. Người học rộng thì hiểu biết nhiều, người dốt là do chưa được học. Nếu họ được học, thì sau có thể hơn mình, nên nói chẳng khinh người chưa học. Còn với người học bằng hoặc hơn mình, phải khởi tâm cung kính như Phật. Như vậy mới dẹp được tâm tật đố. Nếu người hơn mình ghét, đố kỵ, kẻ thua thì khinh chê, đó là bệnh lớn của chúng sanh. Thế nên phải học hạnh chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật.

Người rơi vào phiền não, khiến họ phát khởi chánh niệm; đối với cái vui xa lìa, không cho là quý; không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Người có phiền não, khuyên dạy họ buông bỏ, sống với chánh niệm sẽ được an lạc. Người ở núi vắng vẻ, chỗ tịch tĩnh, tâm được nhẹ nhàng thảnh thơi, cho đây là vui xa lìa dục lạc trần gian, rồi sanh tâm ưa thích đắm nhiễm, muốn ở mãi nơi đó thì đâu thể độ sanh được. Thế nên nói, đối với cái vui xa lìa không cho là quý.

Người thế gian vui thích đắm trước với niềm vui của mình, còn thấy người được vui mình không ưa. Nhưng ở đây dạy không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Đó là tâm Bồ-tát. Điều này chúng ta chưa làm được, tự cảm thấy hổ thẹn, nhưng cũng cố gắng tu tập, bỏ bớt những điều xấu dở, để noi theo gương hạnh của các ngài.

Ở trong các thiền định tưởng như địa ngục, ở trong sanh tử tưởng như đang xem vườn, thấy người đến cầu tưởng như bậc thầy lành, bỏ các sở hữu tưởng như đầy đủ nhất thiết trí, thấy người phá giới khởi tưởng cứu hộ, các pháp ba-la-mật tưởng như cha mẹ, pháp đạo phẩm tưởng như quyến thuộc.

Thiền định ở đây là nhập Diệt thọ tưởng định. Khi nhập định này rồi, thân tuy sống mà không có động, không còn hơi thở, có thể an trụ vài trăm năm hoặc vài ngàn năm. Còn đối với Bồ-tát, thời gian rất quý báu, nếu ở trong định đó, không làm lợi ích cho chúng sanh, nên các ngài thấy uổng phí, đau khổ như sống trong địa ngục.

Hàng Nhị thừa thấy sanh tử là đau khổ, nên muốn thoát khỏi. Bồ-tát nguyện đi trong sanh tử vì muốn hóa độ chúng sanh, nên thấy như đi trong vườn đẹp.

Những người đến cầu đạo, cầu pháp thì tưởng như bậc thầy lành đáng quý, vì nhờ họ mới có phương tiện thuyết pháp, có cơ hội để hành hạnh lợi sanh.

Bỏ các sở hữu, là bỏ những gì tùy thuộc về mình, tưởng như là có được nhất thiết trí. Nghĩa là bỏ mỗi thứ xem như được thêm một trí, bỏ tất cả sở hữu như được nhất thiết trí, nên không hối tiếc.

Thấy người hủy giới phá giới, khởi tưởng cứu hộ họ. Đối với pháp ba-la-mật tức lục độ, xem như cha mẹ. Đối với pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo, xem như quyến thuộc. Những điều này chúng ta phải nhớ thực hành.

Phát khởi thiện căn không có ngằn mé, lấy việc nghiêm sức các cõi thanh tịnh thành tựu cõi Phật của mình. Làm tất cả những căn lành, không giới hạn, không cho là đủ. Lấy việc trang nghiêm các cõi Phật thanh tịnh, thành tựu được cõi Phật của mình sau này. Như vậy muốn hồi hướng cõi Phật thanh tịnh trước hết phải làm những việc lành, những điều đạo đức để trang nghiêm cõi Phật đẹp đẽ sau này.

Thực hành bố thí không giới hạn được đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả việc ác được thân khẩu ý thanh tịnh. Sanh tử vô số kiếp ý vẫn mạnh mẽ, nghe công đức vô lượng của Phật chí không mệt mỏi. Dùng kiếm trí tuệ phá giặc phiền não, ra khỏi ấm giới nhập gánh vác chúng sanh, hằng khiến được giải thoát. Dùng hạnh đại tinh tấn phá dẹp các ma quân, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ.

Bố thí không giới hạn, bố thí mãi, càng bố thí càng được nhiều tướng tốt. Đây là việc làm của Bồ-tát. Bố thí là đem niềm vui đến cho chúng sanh, mà làm cho họ vui tức là trang nghiêm tướng tốt cho mình sau này. Như đức Phật không phải ngẫu nhiên có đầy đủ tướng tốt, mà do ngài tu hạnh bố thí không giới hạn.

Còn chúng ta ai sanh ra có được tướng tốt là nhờ phước bố thí đời trước. Người có tướng xấu thì biết là thiếu phước, nên phải ráng tu thêm, đời sau nếu có trở lại sẽ được tướng tốt hơn, để chúng sanh nhìn ít chán, mới dễ giáo hóa họ. Đó là điều thiết yếu, chúng ta cần phải hiểu để ứng dụng tu.

Phải trừ dẹp tất cả điều ác, luôn giữ thân khẩu ý thanh tịnh. Trong sanh tử vô số kiếp, ý vẫn dũng mãnh. Nếu chúng ta được Phật thọ ký như trong kinh Pháp Hoa phải tu vô số kiếp nữa mới thành Phật, nghe như vậy có mừng không, hay thấy ngán vì thời gian quá lâu? Còn nói tu ba năm nữa, hoặc tu hết đời này sẽ thành Phật chắc mừng lắm. Ở đây nói, dù phải trôi lăn trong sanh tử vô lượng kiếp mà ý vẫn mạnh mẽ phấn chấn, miễn sao ra đời làm lợi ích chúng sanh là các ngài vui, chứ không ngán sợ. Phật có vô lượng công đức, vì làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, nghe như vậy mình thấy ngán, nhưng với chư vị Bồ-tát thì chí không mỏi mệt.

Bồ-tát dùng kiếm trí tuệ phá trừ phiền não để ra khỏi ấm, giới, nhập. Tức là có thân mà không bị nghiệp dẫn, ra khỏi ấm giới nhập để gánh vác chúng sanh, hằng khiến họ được giải thoát. Chúng ta chưa thể cõng vác người ra khỏi sanh tử, mà chỉ cần ráng tu làm mẫu mực, khuyên người cùng tu để được giải thoát. Đó là một phần nhỏ so với các ngài, nhưng nếu làm được như vậy cũng là tốt, là hay rồi.

Dùng đại tinh tấn để dẹp phá quân ma, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ. Vô niệm là thật tướng của trí tuệ. Người tu hạnh Bồ-tát phải đầy đủ các công đức trí tuệ.

Đối với pháp thế gian ít muốn biết đủ, không chán mỏi với việc cầu xuất thế, mà không bỏ pháp thế gian, không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục. Bồ-tát ít muốn biết đủ, không chán mỏi việc cầu xuất thế, nhưng không bỏ pháp thế gian. Vì muốn giúp người, phải có dư mới giúp được, nếu làm chỉ đủ cho mình tiêu dùng thì còn giúp được ai, nên vẫn hăng hái làm để phần dư thừa giúp người khác. Đó là hạnh ít muốn biết đủ mà không bỏ pháp thế gian.

Biết người uống rượu say thân sẽ mang bệnh, Bồ-tát thương, muốn cứu độ họ nên phải vào quán rượu để có cơ hội gần gũi khuyên nhắc, giúp họ thức tỉnh biết tai hại của rượu, từ bỏ không uống nữa. Đó là vào chỗ thế tục nhưng không phạm lỗi, vì muốn giáo hóa chúng sanh. Còn nếu mỗi chiều họ đến quán mình cũng ngồi quán, họ uống say mình cũng uống say là lầm lẫn, mất oai nghi. Như vậy trái với tinh thần của Bồ-tát: *không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục.*

Khởi các thần thông trí tuệ, dẫn đường chúng sanh, được niệm tổng trì, chỗ nghe không quên. Khéo phân biệt các căn, đoạn nghi cho chúng sanh; dùng nhạo thuyết biện tài, diễn nói pháp không ngại. Dùng thần thông trí tuệ làm phương tiện dẫn đường chúng sanh. Được niệm tổng trì, ghi nhớ hết không quên. Khéo phân biệt rành rõ các căn cơ cao thấp của chúng sanh, để nói pháp đúng với sở thích và dứt nghi cho họ. Dùng biện tài nói pháp cho người nghe thông suốt không chướng ngại.

Trong sạch mười điều thiện, thọ phước cõi người cõi trời; tu tứ vô lượng, mở đường cõi Phạm thiên. Tu thập thiện để đầy đủ phước đức cõi người, cõi trời. Tu tứ vô lượng tâm, dẫn đường cho những tứ vô lượng người sanh lên cõi Phạm thiên. Đó là phương tiện độ sanh chứ không phải để hưởng thụ dục lạc ở những cảnh đó.

Khuyến thỉnh nói pháp, tùy hỷ tán thán điều lành, được âm thanh của Phật; thân khẩu ý lành, được oai nghi của Phật. Thường khuyến thỉnh người nói pháp, tùy hỷ tán thán những điều lành của người khác, là người biết tu âm thanh của Phật. Như đức Phật nhờ tu nhân này, được lời nói trong trẻo như tiếng Ca-lăng-tần-già. Tu nhân thân khẩu ý lành là được oai nghi của Phật.

Tu sâu các pháp lành, việc làm càng thù thắng; dùng Đại thừa giáo, thành tựu Tăng Bồ-tát; tâm không buông lung, không mất các việc lành. Hành những pháp này, ấy là Bồ-tát chẳng tận hữu vi. Muốn thành tựu một vị tăng tu hạnh Bồ-tát, phải tu theo giáo lý Đại thừa, chuyên sâu các pháp lành, việc làm đều được tốt đẹp. Thực hành những điều trên đây, ấy là hạnh Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Sao gọi là Bồ-tát không trụ vô vi? Nghĩa là tu học Không, chẳng lấy Không làm chỗ chứng; tu học vô tướng vô tác, không lấy vô tướng vô tác làm chỗ chứng; tu học vô khởi, cũng không lấy vô khởi làm chỗ chứng. Hàng Thanh văn tu bốn pháp: Không, vô tướng, vô tác, vô khởi, được giải thoát sanh tử. Bồ-tát cũng tu bốn môn này được vô vi giải thoát, mà không lấy đó làm kết quả tu chứng của mình.

Quán vô thường mà không chán gốc lành; quán thế gian khổ mà không ghét sanh tử; quán vô ngã mà dạy người không mỏi mệt; quán tịch diệt mà không hẳng tịch diệt.

Bệnh của chúng sanh là khi quán các pháp vô thường, thấy tất cả pháp dù cả pháp lành cũng vô thường, rồi không còn muốn làm gì nữa. Bồ-tát biết rõ điều này, nhưng điểm đặc biệt của các ngài, dù việc lành nhỏ cũng không bỏ. Biết rõ thế gian là khổ, nhưng vì muốn độ chúng sanh đang trầm luân trong biển khổ, nên các ngài vẫn lao vào sanh tử, không chán ghét. Như vậy mới thấy rõ tâm Bồ-tát vừa cao thượng vừa mạnh mẽ. Còn tâm chúng ta ích kỷ hẹp hòi, nhát nhúa nên chỗ khổ thì sợ tránh, chỗ vui thì tìm tới. Quán vô ngã là thấy mình không thật, người không thật mà vẫn luôn dạy người không biết mỏi mệt. Quán tịch diệt mà không hẳng tịch diệt, nghĩa là đạt đến chỗ Niết-bàn lặng lẽ mà không an trụ trong đó.

Quán xa lìa mà thân tâm tu các việc lành; quán không chỗ trở về mà quy hướng về pháp lành. Quán xa lìa tức xa lìa ngũ dục mà thân tâm thường tu các pháp lành. Quán không chỗ trở về nhưng luôn hướng về làm những điều lành.

Quán vô sanh mà dùng các pháp sanh gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn các hữu lậu; quán vô sở hành mà dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh; quán không rỗng mà không xả đại bi; quán chánh pháp vị mà không theo Tiểu thừa. Quán vô sanh nghĩa là quán tất cả pháp không thật sanh, nhưng dùng pháp sanh để gánh vác cho người. Quán vô sở hành là không có chỗ hành, mà luôn dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh. Quán chánh pháp vị là các quả vị của Tiểu thừa, mà không theo Tiểu thừa.

Quán các pháp hư vọng không bền chắc không người, không chủ không tướng, bản nguyện chưa đầy đủ mà không luống qua những phước đức, thiền định, trí tuệ. Tu các pháp như thế, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi. Thấy các pháp là hư dối, không bền chắc, không người, không chủ, không tướng nhưng bản nguyện của mình chưa đầy đủ thì một chút phước đức cũng không bỏ qua, luôn thực hành thiền định và trí tuệ. Tu các pháp trên đây, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi.

Lại vì đủ phước đức, không trụ vô vi; vì đủ trí tuệ chẳng tận hữu vi. Vì đại từ bi, không trụ vô vi; vì mãn bản nguyện, chẳng tận hữu vi. Muốn đầy đủ phước đức và lòng đại từ bi, nên không trụ vô vi, vì bản nguyện lợi sanh, mà an trụ vô vi là không sanh, không thể làm lợi ích chúng sanh, do đó phước đức và từ bi không viên mãn. Còn hữu vi mới tu, để được tất cả trí, nên chẳng tận hữu vi.

Vì nhóm thuốc pháp, không trụ vô vi; vì tùy trao thuốc, chẳng tận hữu vi. Thuốc pháp là pháp Phật dạy để trị bệnh chúng sanh. Vì muốn học đầy đủ các pháp của Phật nên không trụ vô vi. Nếu trụ vô vi là an trụ pháp của hàng Thanh văn thì không học được pháp của Bồ-tát. Vì tùy bệnh trao thuốc pháp, trị đúng bệnh chúng sanh, nên chẳng tận hữu vi. Nếu an trụ vô vi thì làm sao trao thuốc cho người được.

Vì biết bệnh chúng sanh, không trụ vô vi; vì diệt bệnh chúng sanh, chẳng tận hữu vi. Biết chúng sanh đủ các thứ bệnh khổ não, nên không đành lòng an trụ Niết-bàn. Vì muốn diệt hết những bệnh khổ cho chúng sanh, phải vào sanh tử mới có thể cứu độ họ, nên chẳng tận hữu vi.

Các chánh sĩ Bồ-tát dùng pháp này tu, chẳng tận hữu vi, không trụ vô vi, ấy gọi là pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông nên học. Trên đây là một ít pháp, Phật đã dạy cho chư Bồ-tát cõi Chúng Hương về pháp môn Tận vô tận giải thoát và khuyên các ngài hãy y theo đó tu hành.

Nhiều người mới vào đạo, nôn nóng nghĩ, tu chừng nào mới thành Phật, bao lâu được chứng quả, đắc đạo! v.v... Nghe nói đến ba vô số kiếp thì thở dài ngao ngán. Tu hành không nên tính thời gian, làm việc lành cũng vậy, tùy theo khả năng và sức lực của mình, khi công đức lành viên mãn, trí tuệ đầy đủ, chừng đó thành Phật. Những người nôn nóng, muốn tu mau thành mà không được kết quả như ý, sanh tâm chán nản dễ bỏ cuộc. Người này cũng đáng khen, vì có tinh tấn nhưng nôn nóng là một tai họa, chứ không phải là chuyện tốt. Phải có ý chí bền bỉ, dũng mãnh mới mong thành tựu sở nguyện.

Người tu phải có cái nhìn thật chín chắn. Hiểu được lý này thì ngày nào, giờ nào cũng tu. Việc lành nào đến, có thể làm được thì cố gắng làm. Niệm xấu khởi lên biết buông bỏ, điều tốt phải làm cho tăng trưởng. Thực hành mãi như vậy sẽ được công đức viên mãn.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở nước kia nghe nói pháp này đều rất hoan hỷ, dùng các thứ hoa đẹp đủ loại màu sắc, đủ các mùi hương, rải khắp tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường Phật và kinh pháp này cùng với các vị Bồ-tát, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, tán thán chưa từng có!

- Đức Phật Thích-ca-mâu-ni mới có thể ở nơi đây khéo hành phương tiện.

Nói rồi, bỗng dưng biến mất, trở về nước kia.

Phẩm này tuy Phật dạy cho Bồ-tát, nhưng chúng ta cũng có thể học theo để có thêm sức mạnh trong khi làm Phật sự. Những lời dạy trong đây là điều kiện để thành Phật, chúng ta phải cố gắng làm theo các hạnh này mới tròn bản nguyện của mình. Hiện tại tuy làm chưa được trọn vẹn, nhưng cũng cố gắng tiếp tục làm mãi, dù có mệt mỏi cũng đừng thối chí nản lòng.

12. PHẨM THẤY PHẬT A SÚC

A-súc (Aksobhya) là dịch âm tiếng Phạn, Trung Hoa dịch nghĩa là Vô Động. Đức Phật A-súc còn gọi là Phật Vô Động, do nhân tu hạnh vô động viên mãn, được thành Phật ở cõi nước rất hoan hỷ đẹp đẽ, nên có tên là Diệu Hỷ. Tên nước và tên Phật đã nói lên mấu chốt của sự tu hành. Nếu trước những cảnh thuận nghịch, tâm thanh tịnh không xao xuyến loạn động thì luôn được an vui, không phiền cấu. Tâm bất động, ở đâu cũng an. Tâm loạn động, dù ở chỗ nào cũng đáng buồn, đáng giận, đáng trách. Đó là ý nghĩa của phẩm này.

Chánh văn:

Khi ấy Thế Tôn hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông muốn thấy Như Lai, dùng những gì để quán Như Lai?

Ông Duy-ma-cật thưa:

- Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai mé trước không đến, mé sau chẳng đi, hiện tại không trụ. Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh. Chẳng quán thọ tưởng hành thức, chẳng quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ đại khởi, đồng với hư không. Sáu nhập không tích tụ, mắt tai mũi lưỡi thân tâm đã qua; chẳng ở tam giới, đã lìa ba cấu. Thuận theo ba môn giải thoát, đầy đủ ba minh cùng với vô minh đồng. Chẳng phải tướng một chẳng phải tướng khác, chẳng phải tự tướng chẳng phải tha tướng, chẳng phải không tướng chẳng phải thủ tướng. Chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải ở chặng giữa mà giáo hóa chúng sanh. Quán tịch diệt cũng chẳng hằng diệt. Chẳng đây chẳng kia, chẳng phải do đây chẳng phải do kia. Không thể dùng trí biết cũng không thể dùng thức hiểu. Không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng

phải nhơ. Không ở phương sở, không lìa phương sở; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ bày không nói năng. Không bố thí không xan tham, không trì giới không phạm giới, không nhẫn nhục không sân nhuế, không tinh tấn không giải đãi, không định không loạn, không trí không ngu, không thật không dối, không đến không đi, không ra không vào, tất cả đường ngôn ngữ đoạn dứt. Chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, chẳng phải nên cúng dường chẳng phải không nên cúng dường, chẳng phải thủ chẳng phải xả. Chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Đồng với mé chân, bình đẳng pháp tánh. Không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường. Chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hiểu chẳng phải biết, lìa các kiết phược. Bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt. Tất cả không mất, không nhơ nhớp không phiền não, không tạo tác không khởi, không sanh không diệt. Không sợ không lo, không mừng không chán không dính mắc. Không đã có, không sẽ có, không nay có. Không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt hiển bày. Bạch Thế Tôn, thân Như Lai là thế đấy, khởi quán như thế. Dùng quán này gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Pháp của Ngài đã được, có chết có sanh chăng?

Xá-lợi-phất nói: - Không chết không sanh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Nếu các pháp không có tướng chết tướng sanh, vì sao Ngài hỏi ở chỗ nào chết mà đến sanh ở đây? Ý Ngài nghĩ sao? Ví như có ông thầy huyễn, hóa ra người huyễn nam nữ, lẽ nào có chết có sanh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Không có chết không có sanh. Ông há chẳng nghe Phật nói các pháp như tướng huyễn sao?

Đáp:

- Đúng thế, nếu tất cả pháp như tướng huyễn, tại sao Ngài hỏi chết ở chỗ nào mà đến sanh ở đây? Thưa ngài Xá-lợi-phất, chết là pháp hư dối, tướng bại hoại; sanh là pháp hư dối, tướng tương tục. Bồ-tát tuy chết, chẳng dứt gốc lành; tuy sanh, chẳng tăng trưởng các ác.

Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Có nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu Vô Động. Ông Duy-ma-cật ở cõi nước kia chết, rồi đến sanh ở cõi này.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thật là chưa từng có. Bạch đức Thế Tôn! Người này mới hay xả bỏ cõi nước thanh tịnh, mà thích đến chỗ nhiều oán hại này.

Ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Ý Ngài nghĩ sao? Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện cùng với tối có hợp chăng?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

- Không vậy! Khi ánh mặt trời xuất hiện tức không có các tối.

Ông Duy-ma-cật hỏi:

- Mặt trời vì sao xoay quanh cõi Diêm-phù-đề?

Đáp: - Vì muốn soi sáng để trừ tối.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát cũng như thế! Tuy sanh ở cõi nhớp nhúa, vì giáo hóa chúng sanh, không cùng ngu tối mà chung hợp vậy, chỉ diệt phiền não ngu tối cho chúng sanh thôi.

Khi ấy cả đại chúng đều khao khát muốn thấy thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn ở cõi ấy. Phật biết suy nghĩ của chúng hội, liền bảo ông Duy-ma-cật:

- Này thiện nam tử! Vì chúng hội đây hãy hiện ra cõi Diệu Hỷ của đức Vô Động, và chúng ở đây đều muốn thấy chư Bồ-tát, chúng Thanh văn ở cõi nước kia.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Ta sẽ không rời tòa này, tiếp nhận cõi nước Diệu Hỷ, núi Thiết Vi, núi sông, khe núi sông ngòi, biển cả suối nguồn, các núi Tu-di và mặt trăng mặt trời, các vì sao, cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần, Phạm thiên, cùng với những chúng Bồ-tát, Thanh văn, thành ấp xóm làng, nam nữ lớn nhỏ, cho đến đức Vô Động Như Lai, cùng với cây bồ-đề, các hoa sen đẹp, hay ở nơi mười phương mà làm Phật sự. Ba con đường báu cấp bậc từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao-lợi, do thềm báu này chư thiên đi xuống, thảy đều lễ kính đức Vô Động Như Lai và nghe nhận kinh pháp. Những người ở cõi Diêm-phù-đề cũng lên thềm báu đó đi đến cung trời Đao-lợi, thấy được các chư thiên kia. Thế giới Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến mé thủy. Dùng bàn tay mặt nắm bứt, như bàn quay của ông thợ gốm, để vào thế

giới này giống như cầm vòng hoa đẹp, chỉ bày cho tất cả chúng."

Khởi nghĩ như thế rồi, nhập chánh định, hiện sức thần thông dùng tay phải kia nắm lấy thế giới Diệu Hỷ để trên cõi này.

Các vị Bồ-tát được thần thông và chúng Thanh văn cùng chúng thiên nhân ở cõi kia đều cất tiếng nói rằng:

- Cúi xin Thế Tôn, ai nắm đem chúng con đi? Mong Ngài cứu cho.

Đức Phật Vô Động nói:

- Chẳng phải ta làm, đấy là sức thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật làm.

Ngoài ra, những vị chưa được thần thông không hay không biết mình bị đem đi. Thế giới Diệu Hỷ tuy vào cõi này mà không tăng giảm, khi ấy trong thế giới này cũng không thấy chật hẹp, vẫn như xưa không khác.

Lúc ấy đức Phật Thích-ca-mâu-ni bảo chư đại chúng:

- Các ông hãy xem thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cõi nước kia trang nghiêm đẹp đẽ, những vị Bồ-tát hạnh thanh tịnh, chúng đệ tử thanh bạch.

Cả chúng đều bạch:

- Thưa vâng đã thấy.

Phật bảo:

- Nếu Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, phải học đạo của đức Vô Động Như Lai đã hành. Khi hiện cõi nước Diệu Hỷ, mười bốn na-do-tha người ở thế giới Ta-bà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sanh về cõi Phật Diệu Hỷ. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền thọ ký cho họ

sẽ sanh về nước kia. Khi thế giới Diệu Hỷ đến cõi này làm những việc lợi ích kia rồi, liền trở lại chỗ cũ, cả chúng đều thấy.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông thấy thế giới Diệu Hỷ này và đức Phật Vô Động chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con đã thấy! Mong cho tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như đức Phật Vô Động, được sức thần thông như ông Duy-ma-cật. Bạch Thế Tôn, chúng con rất thích được thiện lợi, được gặp người này thân cận cúng dường. Các chúng sanh kia, hoặc là hiện tại hoặc là sau khi Phật diệt độ, nghe kinh này cũng được thiện lợi.

Huống lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì đọc tụng giải nói, như pháp tu hành. Nếu tay được quyển kinh điển này, liền đã được kho pháp báu. Nếu có người đọc tụng giải thích các nghĩa này, như lời nói tu hành, ắt là được chư Phật hộ niệm. Nếu có người cúng dường vị này, nên biết là đang cúng dường Phật. Nếu có người biên chép thọ trì quyển kinh này, nên biết trong thất người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này hay tùy hỷ, người đó ắt sẽ được Nhất thiết trí. Nếu hay tin hiểu kinh này, cho đến một bài kệ bốn câu, vì người khác nói, nên biết người ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Khi ấy Thế Tôn hỏi ông Duy-ma-cật:

- *Ông muốn thấy Như Lai, dùng những gì để quán Như Lai?*

Ông Duy-ma-cật thưa:

- *Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy.*

Cư sĩ Duy-ma-cật không nhìn Phật trên thân ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, mà nhìn bằng thật tướng của thân, tức là tánh giác. Người tu biết trở về với tánh giác, khi được viên mãn gọi là thành Phật. Thật tướng của thân là tánh giác của mỗi người. Ngay thân mình có tánh giác mà bỏ quên không biết xoay trở lại, nên gọi là chúng sanh mê lầm. Muốn thấy Phật, không gì hơn là nhận ra tánh giác của mình, Phật cũng như thế, không có khác. Trên giả tướng, Phật ở Ấn Độ, có dáng vóc người Ấn Độ, Phật thờ ở Trung Hoa giống người Trung Hoa, ở Việt Nam giống người Việt Nam. Hình dáng đó là giả tướng có đổi thay sai biệt, nhưng tánh giác thì không khác. Thế nên, quán Phật với tinh thần Đại thừa là quán ngay tánh giác. Thấy được tánh giác của mình là thấy được tánh giác của Phật. Vì vậy nói quán Phật cũng như tự quán thật tướng của thân. Như vậy câu này đầy đủ ý nghĩa toàn phẩm, nhưng vì muốn phá lầm chấp cho mọi người nên phần sau cư sĩ Duy-ma-cật mới giải thích chi tiết.

Con quán Như Lai mé trước không đến, mé sau chẳng đi, hiện tại không trụ. Mé trước chỉ cho quá khứ không đến, mé sau chỉ cho vị lai chẳng đi, hiện tại không dừng trụ. Trong ba thời Phật không đến không đi không dừng trụ. Vì thời gian là tướng hư giả, chuyển biến vô thường; còn Phật là tánh giác, không chuyển biến, không vô thường, làm sao có đến có đi, hay có dừng trụ. Như vậy đức Phật hay tánh giác không lệ thuộc vào thời gian.

Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh. Chẳng quán thọ tưởng hành thức, chẳng quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ đại khởi, đồng với hư không. Ở đây, quán Phật là nhìn thẳng vào tánh giác, chứ không phải trên thân ngũ uẩn hay thân tứ đại, vì ngũ uẩn là tướng chia chẻ, tứ đại là tướng hòa hợp hư dối, không cố định. Tánh giác không tướng mạo, không hình trạng nên đồng với hư không.

Chỗ này nếu nói suông thì khó hiểu. Chúng ta ai cũng thừa nhận mình có tánh giác, nhưng tánh giác ra sao thì không thể chỉ ra được. Tánh giác là cái giác tri không biến động, không đổi dời, mỗi người

đều sẵn có. Thí dụ ngọn đèn, chúng ta đều thấy hình dáng và tướng mạo của nó, nhưng do niệm phân biệt của mỗi người nên có sai khác. Như vậy ngay nơi chúng ta có cái biết khác mà cũng có cái biết không khác. Cái biết khác là cái biết khi khởi phân biệt, tùy theo niệm của mỗi người, có khen chê đẹp xấu, hay phân tích cách này cách nọ. Nếu nhìn bằng tánh giác, dù trăm người đều thấy, nhưng cái thấy đó không sai biệt, không khác nên nói không hai. Ngọn đèn có tướng mạo chứ cái thấy hay tánh giác không có tướng mạo, vì không tướng mạo nên nói đồng với hư không.

Sáu nhập không tích tụ, mắt tai mũi lưỡi thân tâm đã qua; chẳng ở tam giới, đã lìa ba cấu. Thuận theo ba môn giải thoát, đầy đủ ba minh cùng với vô minh đồng. Tánh giác không sanh diệt, không lệ thuộc vào sáu nhập. Mắt tai mũi lưỡi thân tâm là tướng sanh diệt, vì vậy khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần gọi là sáu nhập, chợt có chợt không, chợt còn chợt mất, nên nói đã qua. Ba cấu còn gọi là ba độc. Vì tánh giác thích hợp với ba môn giải thoát không lệ thuộc tam giới, đã lìa ba độc.

Đầy đủ ba minh thì không có vô minh, tại sao lại nói đồng với vô minh? Vì thật tánh vô minh tức Phật tánh. Như vậy đồng là đồng chỗ thật tánh, nên nói ba minh cùng với vô minh không khác.

Chẳng phải tướng một chẳng phải tướng khác, chẳng phải tự tướng chẳng phải tha tướng, chẳng phải không tướng chẳng phải thủ tướng, chẳng phải bờ này chẳng phải bờ kia, chẳng phải ở chặng giữa mà giáo hóa chúng sanh. Phật hay tánh giác không thuộc về tướng một hay tướng khác, tự tướng hay tha tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải thủ tướng, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia. Trong giáo lý Nhị thừa, bờ bên này tượng trưng cho trầm luân sanh tử, bờ bên kia là giải thoát Niết-bàn. Nhưng Phật không lệ thuộc vào hai bên cũng không thuộc khoảng giữa. Thí dụ cái nhà này hai bên là vách, không gian giữa hai tấm vách gọi là giữa. Như vậy khoảng giữa là đối đãi với hai bên vách mà có. Phật không thuộc tướng đối

đãi, nên nói lìa tất cả ba chỗ, bên này bên kia và ở giữa, mà hay giáo hóa chúng sanh.

Quán tịch diệt cũng chẳng hằng diệt. Trong bài kệ tán Phật có câu *Năng lễ, sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghì.* Năng lễ là mình lễ, sở lễ là Phật được lễ, cả hai đều là tánh không tịch.

Không tịch là lặng lẽ tịch diệt, nhưng không hằng diệt. Tại sao? Thể tánh là tịch diệt, nhưng vì chư Phật nguyện độ tận chúng sanh nên không an trụ trong chỗ hằng diệt. Cũng vậy, nhìn thấu đáo thân chúng ta bản tánh là không tịch, song trên phương diện tu hành, nếu chí thành thì sẽ có sự cảm ứng giữa mình và Phật không thể nghĩ bàn. Đó là ý nghĩa bài kệ tán Phật chúng ta tụng hằng đêm.

Chẳng đây chẳng kia, chẳng phải do đây chẳng phải do kia. Không thể dùng trí biết cũng không thể dùng thức hiểu. Phật không lệ thuộc bên này bên kia, cũng không lệ thuộc bất cứ điều gì. Do đó không thể dùng trí của phàm phu mà biết được, cũng không thể dùng thức phân biệt mà hiểu được.

Không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng phải nhơ. Không ở phương sở, không lìa phương sở; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ bày không nói năng. Không bố thí không xan tham, không trì giới không phạm giới, không nhẫn nhục không sân nhuế, không tinh tấn không giải đãi, không định không loạn, không trí không ngu, không thật không dối, không đến không đi, không ra không vào, tất cả đường ngôn ngữ đoạn dứt.

Phật không lệ thuộc vào hai tướng, hoặc hữu hoặc vô, hoặc mạnh hoặc yếu, hoặc nhơ hoặc sạch... Tất cả những phần đối đãi về tâm đều không phải hết.

Tất cả bàn luận, nói năng đều không đến được thật tướng hay Phật tánh. Vì nói năng là dùng ngôn ngữ, mà ngôn ngữ thì lập trên đối đãi. Nói thật là đối với dối, đến đối với đi, ra đối với vào, có đối

với không, phải đối với quấy... Đến chỗ này nếu dùng tướng đối đãi phân biệt để hiểu biết là sai lầm. Thế nên nói đường ngôn ngữ đoạn dứt.

Chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, chẳng phải nên cúng dường chẳng phải không nên cúng dường, chẳng phải thủ chẳng phải xả. Chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Đồng với mé chân, bình đẳng pháp tánh. Không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường. Chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ.

Chúng ta thường nói, Phật là phước điền của chúng sanh. Nhưng đây lại nói chẳng phải phước điền, cũng chẳng phải không phước điền, nghĩa là không nhìn Phật với tính cách đối đãi. Trong mười hiệu Phật, *Ứng Cúng* là nên cúng dường, nhưng không chấp nên hay không nên cúng dường, vì còn đối đãi hai bên. Lìa thủ xả, lìa có tướng không tướng. Trên mé chân thật là bình đẳng nên không nặng, nhẹ, lớn, nhỏ, không thể cân, không thể lường... Vì vậy nói vượt qua các cân lường, không lớn không nhỏ.

Chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hiểu chẳng phải biết, lìa các kiết phược. Bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt.

Tại sao không phải thấy nghe hiểu biết, lìa tất cả trói buộc mà lại bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh? Phật là giác, nên giải thoát tất cả trói buộc, trí tuệ bình đẳng. Còn chúng ta đang bị phiền não trói buộc nên chưa có trí bình đẳng. Tại sao lại nói Phật đồng với chúng sanh? Vì Phật có tánh giác, chúng ta cũng có tánh giác. Phật đã tu viên mãn, chúng ta mới tu, nên còn là phàm tăng, còn là chúng sanh.

Thí dụ một ông trưởng giả giàu có, đông con. Khi già yếu, ông gọi các con lại để chia của cải, mỗi phần bằng nhau. Phần các con nhỏ còn khờ dại đang tuổi ăn học, ông đem chôn giấu một nơi và dặn dò các anh chị, khi các em lớn khôn lấy của đó ra chia cho chúng. Các anh chị lớn sẵn của được chia nên cất nhà sang trọng. Các con nhỏ

tuy có của nhưng chưa được nắm giữ, mỗi ngày đi học phải xin tiền, nên tưởng mình nghèo, thua kém các anh. Nhưng sự thật mỗi đứa đều có phần như nhau. Người đã lấy ra xài thì thấy giàu có, còn người chưa nhận được của thì thấy như nghèo khó túng thiếu.

Cũng vậy, Phật có tánh giác, chúng ta cũng có tánh giác. Nhưng Phật đã khéo diệt trừ những mê lầm, giải thoát mọi phiền não, nên hằng sống với tánh giác. Còn chúng ta tánh giác đang bị chôn trong mảnh đất vô minh nên không hiển lộ, không bày ra. Mải chạy theo những dục lạc tạm bợ của thế gian, bỏ quên tánh giác, vì vậy gọi là mê. Nếu chúng ta thức tỉnh, biết xoay trở lại dùng trí tuệ chiếu phá vô minh, diệt trừ phiền não thì tánh giác sẽ hiển bày như Phật không khác. Thế nên nói, Phật lìa hết những trói buộc, được trí tuệ bình đẳng đồng với chúng sanh.

Thế gian có bệnh thấy các sự vật hay phân biệt đẹp xấu, hơn thua... nên quên mất chỗ chân thật. Đối với Phật, tất cả pháp không tâm phân biệt nên gọi là bất động hay vô động.

Tất cả không mất, không nhơ nhớp không phiền não, không tạo tác không khởi, không sanh không diệt. Không sợ không lo, không mừng không chán không dính mắc. Không đã có, không sẽ có, không nay có. Không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt hiển bày. Vì tánh giác không lệ thuộc vào đối đãi nên không thể dùng ngôn ngữ, nói năng phân biệt để hiển bày đầy đủ, rõ ràng được.

Bạch Thế Tôn, thân Như Lai là thế đấy, khởi quán như thế. Dùng quán này gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán.

Kinh Kim Cang, Phật nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai.

Nghĩa là:

Nếu dùng sắc thấy ta,

Dùng âm thanh cầu ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

Nếu tìm Phật qua sắc tướng âm thanh, đó là quán tà. Phải thấy Phật vượt khỏi pháp sanh diệt đối đãi. Như vậy mới thấy được thể chân thật, hay pháp thân Như Lai.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Pháp của Ngài đã được, có chết có sanh chăng?

Sau khi nghe cư sĩ Duy-ma-cật giải đáp, tôn giả Xá-lợi-phất quá nể phục, nên hỏi ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây. Liền bị cư sĩ Duy-ma-cật bẻ, như pháp của ngài đã được, có chết có sanh chăng? Vì tôn giả Xá-lợi-phất đã chứng A-la-hán, mà A-la-hán là vô sanh thì làm sao có chết có sanh.

Xá-lợi-phất nói:

- Không chết không sanh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Nếu các pháp không có tướng chết tướng sanh, vì sao Ngài hỏi ở chỗ nào chết mà đến sanh ở đây. Ý Ngài nghĩ sao? Ví như có ông thầy huyễn, hóa ra người huyễn nam nữ, lẽ nào có chết có sanh chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không có chết không có sanh. Ông há chẳng nghe Phật nói các pháp như tướng huyễn sao?

Sau cùng cư sĩ Duy-ma-cật kết thúc, ngài đâu chẳng nghe Phật nói tất cả pháp như tướng huyễn sao.

Đáp:

- Đúng thế, nếu tất cả pháp như tướng huyễn, tại sao Ngài hỏi chết ở chỗ nào mà đến sanh ở đây? Thưa ngài Xá-lợi-phất, chết là pháp hư dối, tướng bại hoại; sanh là pháp hư dối, tướng tương tục. Bồ-tát tuy chết, chẳng dứt gốc lành; tuy sanh, chẳng tăng trưởng các ác.

Thân chúng ta đang sống đây là trong thời kỳ sanh. Sanh là tướng tương tục, nối tiếp liên miên không dừng. Như lỗ mũi hít vô thở ra, miệng uống nước ăn cơm... cứ tiếp tục đều đặn là sống, không tiếp tục là chết. Thân này hư dối, nên nói là pháp hư dối. Sanh là hư dối, là tướng tương tục. Tử là hư dối, là tướng bại hoại. Vòng tương tục đó tiếp nối luôn gọi là sanh, nếu bại hoại gọi là tử. Trên lý thì thấy như vậy, lúc học kinh nghe pháp biết rõ ràng, nhưng khi đối duyên gặp cảnh thì thấy nó thật, không dối chút nào. Hơn thua một chút cũng phiền não, vì lầm nhận hư dối cho là thật. Tại sao hư dối? Đủ duyên hợp mới có thân là sanh, duyên ly tán thì chết. Thấy như vậy là giác. Sao mình không chịu giác?

Nghiệm xét kỹ thân này, còn nói năng đi lại thì thấy nó quan trọng, tắt thở năm bảy tiếng trở thành đồ bỏ. Nếu để ở ngoài, nằm phơi ra đó chừng đôi ba ngày, những người thân đến gần không dám nhìn, thiên hạ đi ngang qua phải bịt mũi. Vì vậy phải để trong quan tài đậy kín, cho người đỡ sợ đỡ gớm. Thân này đâu có thật, đâu có gì đáng quý, mà chúng ta vẫn cứ mê lầm.

Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật xác định với ngài Xá-lợi-phất, sanh tử là tướng tương tục, là tướng bại hoại của pháp hư dối. Thân huyễn hóa này đâu có gì quan trọng.

Vì nguyện lành mạnh mẽ, nên sau khi chết Bồ-tát liền tiếp tục gieo trồng thêm căn lành chứ không mất. Khi sanh ra đời, vì gốc lành cũ vẫn còn nên các ngài sớm thức tỉnh, làm những điều thiện, do đó những điều ác không tăng trưởng. Còn chúng ta thì sao? Thí dụ lúc nhỏ bảy tám tuổi ở quê đi chơi thích bắt dế, bắt cào cào ngắt cánh, bắt cá lia thia cắn nhau. Những trò chơi đó toàn là tăng trưởng pháp ác. Cho nên Bồ-tát khác với chúng ta là vậy. Các ngài sanh ra không

tăng trưởng điều ác, chết đi không mất gốc lành, nên không sợ chết cũng không sợ mê lầm.

Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Có nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu Vô Động. Ông Duy-ma-cật ở cõi nước kia chết, rồi đến sanh ở cõi này.

Như vậy tôn giả Xá-lợi-phất hết sức thật thà, hỏi ông ở cõi nào chết, rồi đến sanh cõi này; cư sĩ Duy-ma-cật không trả lời thẳng mà dùng lý để đáp. Bấy giờ đức Phật mới nói rõ cho ngài Xá-lợi-phất biết ông ấy từ cõi nước Diệu Hỷ đến.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thật là chưa từng có. Bạch đức Thế Tôn! Người này mới hay xả bỏ cõi nước thanh tịnh, mà thích đến chỗ nhiều oán hại này. Sở dĩ tôn giả Xá-lợi-phất chê cõi chúng ta đang ở có nhiều oán hại, vì chúng sanh trong cõi này, dù là người tu, đã cạo bỏ râu tóc vào chùa ăn chay, nhưng trong tâm còn có ghét có thương, huống là người thế gian giành nhau từng miếng ăn, từng địa vị, từng món đồ tốt xấu, nên lúc nào cũng giận ghét, muốn hại nhau. Vì vậy sống trong cõi nhiều hận thù oán hại, thì tâm người làm sao trong sạch được. Do đó thế giới cũng không trong sạch, đó là lẽ thật. Như có khoảng năm mươi người ở một căn nhà thiếu tiện nghi vệ sinh, chừng một tháng không tắm rửa, có ai đến gần chắc phải bịt mũi. Như vậy để thấy thế giới nhơ bẩn nhớp nhúa, không có gì hay tốt là vì tâm niệm của chúng sanh, do nhân xấu nên phải chịu quả báo xấu.

Cõi nước Diệu Hỷ, do tâm bất động nên thế giới rất vui đẹp, vậy mà cư sĩ Duy-ma-cật nguyện xả bỏ cõi nước thanh tịnh để hiện thân vào cõi Ta-bà ô trược này. Thế nên tôn giả Xá-lợi-phất mới tán thán ông.

Ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Ý Ngài nghĩ sao? Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện cùng với tối có hợp chăng?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

- Không vậy! Khi ánh mặt trời xuất hiện tức không có các tối.

Cư sĩ Duy-ma-cật liền lại hỏi; khi ánh sáng mặt trời xuất hiện có hòa hợp với bóng tối không? Ngài Xá-lợi-phất nói, ánh sáng phát ra thì bóng tối không còn. Vì vậy tối và sáng không thể hòa hợp nhau được.

Ông Duy-ma-cật hỏi:

- Mặt trời vì sao xoay quanh cõi Diêm-phù-đề?

Đáp: - Vì muốn soi sáng để trừ tối.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát cũng như thế! Tuy sanh ở cõi nhớp nhúa, vì giáo hóa chúng sanh, không cùng ngu tối mà chung hợp vậy, chỉ diệt phiền não ngu tối cho chúng sanh thôi.

Bồ-tát vì hạnh nguyện giáo hóa, nên thị hiện sanh trong cõi nhơ nhớp nhiều oán hại, cốt để trừ phiền não tối tăm cho chúng sanh. Như ánh sáng mặt trời xuất hiện thì bóng tối không còn, chứ ánh sáng không hòa lẫn với bóng tối. Cũng vậy, Bồ-tát đến cõi uế nhưng tâm hằng thanh tịnh, không bị cấu uế làm nhiễm. Còn chúng ta tâm đầy dẫy những xấu xa đâu thể sánh với các ngài.

Người xuất gia ở trong chùa tu hành, tương đối thanh tịnh. Có nhà bên cạnh mở cải lương, đến đoạn bi lụy, lúc đó nếu lắng tai nghe, lòng xao xuyến rơi nước mắt là tâm đã bị nhiễm rồi. Qua đó mới thấy tâm chúng ta chưa được thanh tịnh như Bồ-tát, nên ở chỗ nhiễm dễ bị nhiễm, ở chỗ tịnh tâm được tịnh. Đó là điều cần phải dè dặt. Thế nên những cuộn phim Phật giáo, Phật tử đem đến đây muốn chiếu cho quý thầy cô xem, tôi phải biết rõ có những gì hay dở mới chấp nhận, vì sợ nội dung có xen tạp. Thí dụ phim Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma, mà thực tế đánh đấm nhau nhiều hơn. Hay phim Bồ-tát Quán Âm, có nhiều đoạn bi lụy ướt át, xem rồi tối ngồi thiền hai ba ngày vẫn còn xao xuyến. Như vậy uổng công tôi quá. Phật tử quen theo thế

gian nên những tập nhiễm đó không thành vấn đề. Còn người tu phải gạn lọc thân tâm thì nên tránh.

Như trong luật có câu chuyện tôi cho là lý thú. Một Sa-di ngửi hương hoa sen dưới hồ, bị thần hiện lên quở:

- Tại sao ngửi trộm hoa của tôi mà không xin?

Vị Sa-di liền chỉ những người nhổ cây móc rễ, nói:

- Tôi chỉ ngửi hoa, còn những người kia sao ông không rầy?

- Họ như chiếc áo đen, nếu thêm một vài chấm mực cũng không ảnh hưởng gì. Còn ông như chiếc áo trắng, chỉ dính một chấm mực là thành xấu rồi.

Người thế gian nhiều việc, tâm luôn xao xuyến rất khó yên tịnh, nên bị nhiễm trước là chuyện thường. Còn người tu muốn tâm thanh tịnh, lại để những việc vô ích xen vào là trái đạo lý, đáng bị khiển trách. Thận trọng chớ xem thường, để tránh hậu quả không tốt cho sự tu hành.

Khi ấy cả đại chúng đều khao khát muốn thấy thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn ở cõi ấy. Phật biết suy nghĩ của chúng hội, liền bảo ông Duy-ma-cật:

- Này thiện nam tử! Vì chúng hội đây hãy hiện ra cõi Diệu Hỷ của đức Vô Động, và chúng ở đây đều muốn thấy chư Bồ-tát, chúng Thanh văn ở cõi nước kia. Bấy giờ ông Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Ta sẽ không rời tòa này, tiếp nhận cõi nước Diệu Hỷ, núi Thiết Vi, núi sông, khe núi sông ngòi, biển cả suối nguồn, các núi Tu-di và mặt trăng mặt trời, các vì sao, cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần, Phạm thiên, cùng với những chúng Bồ-tát, Thanh văn, thành ấp xóm làng, nam nữ lớn nhỏ, cho đến đức Vô Động Như Lai, cùng với cây bồ-đề, các hoa sen đẹp hay ở nơi mười phương mà làm Phật sự. Ba con đường báu cấp bậc từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao-lợi, do thềm báu này chư thiên đi xuống, thảy đều lễ kính đức Vô Động Như Lai và nghe nhận kinh pháp. Những người ở cõi Diêm-phù-đề cũng lên thềm báu đó đi đến cung trời Đao-lợi, thấy được các

chư thiên kia. Thế giới Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến mé thủy. Dùng bàn tay mặt nắm bứt, như bàn quay của ông thợ gốm, để vào thế giới này giống như cầm vòng hoa đẹp, chỉ bày cho tất cả chúng."

Cư sĩ Duy-ma-cật thầm nghĩ, sẽ nắm bứt thế giới giống như ông thợ gốm lấy hòn đất để trên bàn quay xoay vòng, tay nặn thành món đồ như cái tô, cái đĩa... tùy ý tự tại. Ông nắm thế giới kia đem về cho đại chúng xem, nhẹ nhàng như cầm vòng hoa.

Khởi nghĩ như thế rồi, nhập chánh định, hiện sức thần thông dùng tay phải kia nắm lấy thế giới Diệu Hỷ để trên cõi này.

Các vị Bồ-tát được thần thông và chúng Thanh văn cùng chúng thiên nhân ở cõi kia đều cất tiếng nói rằng:

- Cúi xin Thế Tôn, ai nắm đem chúng con đi? Mong Ngài cứu cho.

Đại chúng hoảng hốt không biết ai đã nắm mình đem đi, nên cầu xin Thế Tôn cứu giúp.

Đức Phật Vô Động nói: - Chẳng phải ta làm, đấy là sức thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật làm.

Ngoài ra, những vị chưa được thần thông không hay không biết mình bị đem đi.

Chỗ nắm bứt này theo chúng ta hiểu, như các hành tinh nằm trong Thái Dương hệ, liên kết nhau. Khi dời một hành tinh đi tức là dời nó ra khỏi hệ thống Thái Dương, chứ không phải làm cho thế giới bể nát, nên gọi là nắm bứt. Cùng ở chung trong một thế giới, người có thần thông là người trí thì biết mình bị dời, người chưa có thần thông không hiểu thì không hay biết. Cũng như trái đất quay quanh mặt trời nên có sáng có tối, những người có học thì biết, những đứa bé ở quê chưa học nên không biết.

Thế giới Diệu Hỷ tuy vào cõi này mà không tăng giảm, khi ấy trong thế giới này cũng không thấy chật hẹp, vẫn như xưa không khác. Điều này nghe khó hiểu, đem một thế giới để vào trong một

thế giới, dĩ nhiên sẽ bị chật hẹp ép ngặt, vì sao nói không thêm không bớt. Đây là dùng sự hiển bày lý. Vì tâm Bồ-tát bình đẳng không hai nên tất cả đều dung thông nhau, không thấy có lớn nhỏ, nặng nhẹ sai biệt... Do tâm dung thông nên cảnh cũng dung thông, không gì chướng ngại. Còn tâm chúng ta hạn hẹp nên thấy ngoại cảnh chướng ngại nhau. Đó là điểm khác nhau giữa tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh.

Lúc ấy đức Phật Thích-ca-mâu-ni bảo chư đại chúng:

- Các ông hãy xem thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cõi nước kia trang nghiêm đẹp đẽ, những vị Bồ-tát hạnh thanh tịnh, chúng đệ tử thanh bạch.

Cả chúng đều bạch:

- Thưa vâng đã thấy.

Phật bảo:

- Nếu Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, phải học đạo của đức Vô Động Như Lai đã hành.

Đức Phật chỉ cho đại chúng xem cõi nước Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động, đẹp đẽ trang nghiêm là do những vị Bồ-tát ở đó có hạnh thanh tịnh, các chúng đệ tử đều thanh bạch. Thế nên chánh báo đẹp thì y báo đẹp. Còn chúng ta chưa thanh tịnh nên cõi nước nhiều uế trược. Như vậy chánh báo xấu thì y báo xấu. Chánh báo là người, y báo là cảnh, y báo tùy thuộc chánh báo.

Như khu đất Thường Chiếu trước kia là một vùng khô cằn hoang dã toàn cỏ tranh. Nhờ sự có mặt và tu hành của tăng ni nên đến năm 1986 cơ sở tạm ổn. Sau năm 1986 đến nay mới tương đối khang trang, thanh tịnh. Cảnh được như vậy là do những người tu thanh tịnh. Thế nên chánh báo và y báo theo nhau. Vì vậy chỉ cần tu hành thanh tịnh, công đức đầy đủ, thì nơi nào mình đến đều tốt đẹp trang nghiêm, chứ không phải cầu xin mà được.

Chủ trương của kinh Duy-ma-cật là nói về tịnh độ, đến phẩm này mới nói về hạnh tu của Bồ-tát. Bồ-tát muốn được cõi trang nghiêm thanh tịnh, phải học và hành theo hạnh của đức Vô Động Như Lai. Do Phật tu hạnh Vô động, chư Bồ-tát hạnh thanh tịnh và chúng đệ tử đều thanh bạch mới thành tựu nên cõi nước Diệu Hỷ.

Khi hiện cõi nước Diệu Hỷ, mười bốn na-do-tha người ở thế giới Ta-bà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sanh về cõi Phật Diệu Hỷ. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền thọ ký cho họ sẽ sanh về nước kia. Khi thế giới Diệu Hỷ đến cõi này làm những việc lợi ích kia rồi, liền trở lại chỗ cũ, cả chúng đều thấy.

Nhờ thần lực của cư sĩ Duy-ma-cật hiện cõi nước A-súc, ngài A-nan được thấy chỉ một lần, không thể thấy lại lần nữa. Chúng ta học kinh để sau này đọc sử các thiền sư, khi các ngài dẫn nói, mình mới biết được xuất xứ của câu chuyện. Như trong sử tổ Bồ-đề-đạt-ma, một hôm Tổ bảo các đệ tử trình bày chỗ sở chứng của mỗi người. Đến lượt ni Tổng Trì, bà ra thưa: *Chỗ thấy của con giống như ngài A-nan, chỉ thấy cõi Phật A-súc một lần mà không thể thấy lại nữa.* Nếu không học kinh Duy-ma-cật, chúng ta sẽ không biết xuất xứ câu nói này.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông thấy thế giới Diệu Hỷ này và đức Phật Vô Động chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con đã thấy! Mong cho tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như đức Phật Vô Động, được sức thần thông như ông Duy-ma-cật. Bạch Thế Tôn, chúng con rất thích được thiện lợi, được gặp người này thân cận cúng dường.

Tôn giả Xá-lợi-phất phát đại nguyện, mong cho tất cả chúng sanh được cõi nước thanh tịnh, như cõi nước của đức Phật Vô Động và được sức thần thông như cư sĩ Duy-ma-cật. Ngài lại nói, chúng con rất muốn được gần gũi cúng dường cư sĩ Duy-ma-cật và cõi nước Phật để được lợi lành.

Các chúng sanh kia, hoặc là hiện tại hoặc là sau khi Phật diệt độ, nghe kinh này cũng được thiện lợi. Huống lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì đọc tụng giải nói, như pháp tu hành. Nếu tay được quyển kinh điển này, liền đã được kho pháp báu. Nếu có người đọc tụng giải thích các nghĩa này, như lời nói tu hành, ắt là được chư Phật hộ niệm. Nếu có người cúng dường vị này, nên biết là đang cúng dường Phật. Nếu có người biên chép thọ trì quyển kinh này, nên biết trong thất người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này hay tùy hỷ, người đó ắt sẽ được Nhất thiết trí. Nếu hay tin hiểu kinh này, cho đến một bài kệ bốn câu, vì người khác nói, nên biết người ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ở đây tán thán công đức. Người nào đối với kinh này đọc tụng, giải nghĩa, như lời nói đây mà tu hành sẽ được chư Phật hộ niệm. Ai cúng dường vị đó như cúng dường Phật. Người biên chép kinh này, ngay trong thất đó có Như Lai. Nghe kinh này tùy hỷ, sẽ được Nhất thiết trí...

Phẩm này nói lên kết quả tu hành của những vị Bồ-tát thanh tịnh không động, nên mới được cõi nước thanh tịnh đẹp đẽ, như cư sĩ Duy-ma-cật đã dùng thần lực hiện ra cho toàn chúng thấy. Cõi nước không tự có mà tùy thuộc tâm hạnh của chúng sanh. Tâm hạnh tốt sẽ có cõi nước tốt, tâm hạnh xấu sẽ có cõi nước xấu. Như vậy cõi nước tốt xấu không cố định. Nếu muốn sanh trở lại để làm hạnh Bồ-tát, thì hiện tại phải tập tu tâm hạnh thanh tịnh và tạo đầy đủ các công đức, đến khi được vào hạng Bồ-tát bất thối, lại nguyện sanh vào cõi uế để độ chúng sanh. Nếu chưa được như vậy, chỉ cần tu hạnh thanh tịnh, dù không mong cầu cũng vẫn đến chỗ thanh tịnh.

Chủ yếu của sự tu là lấy tâm hạnh làm gốc, phải thực hiện sao cho bản tâm thanh tịnh, hành động đẹp đẽ để trang nghiêm cõi Phật như sở nguyện của mình. Còn tâm chưa thanh tịnh, dù nguyện sanh về cõi tịnh cũng khó được. Nếu sống với tâm hèn hạ xấu xa, hành động ích kỷ thì cõi chúng ta đến cũng sẽ xấu xa ích kỷ. Như vậy, được quả tốt hay quả xấu, luân hồi trong tam giới hay sanh trong các cõi

Phật đều tùy thuộc tâm hạnh của chúng sanh, chứ không phải chỉ mong cầu mà được. Đây là lẽ thật, không nghi ngờ. Trong cuộc sống hiện tại, muốn được người thương trước phải thương người, muốn được người giúp phải phát tâm giúp người, là kết quả thực tế không sai khác.

Tóm lại, tu là phải thực hành, phải ra công gắng sức để chuyển hóa tâm hạnh của mình, mới mong thành tựu bản nguyện như các ngài.

13. PHẨM CÚNG DƯỜNG PHÁP

Phẩm này nói về cúng dường pháp. Chủ yếu là so sánh phước cúng dường tháp báu thờ xá-lợi Phật, hoặc cúng dường tứ sự cho chúng tăng, hay những vị A-la-hán, Bồ-tát, Phật, không bằng cúng dường pháp. Cúng dường pháp mới là trên hết. Cúng dường pháp tức là thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói... Tuy bố thí tài làm lợi ích chúng sanh, nhưng không bằng bố thí pháp. Chủ yếu của đạo Phật, bố thí pháp mới là trên hết, nên phẩm này có tên là Cúng Dường Pháp.

Chánh văn:

Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân từ trong đại chúng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con tuy theo Phật và ngài Văn-thù-sư-lợi nghe trăm ngàn quyển kinh, chưa từng nghe kinh điển bất khả tư nghì, tự tại thần thông, quyết định thật tướng như thế. Như con hiểu nghĩa thú lời Phật nói, nếu có chúng sanh nghe kinh pháp này, người tin hiểu thọ trì đọc tụng, ắt được pháp ấy không nghi, huống là như lời nói tu hành! Người ấy ắt là đóng các nẻo ác mở các cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm; hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán; tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng; giẫm lên dấu chân của Như Lai đã đi. Bạch Thế Tôn, nếu có người thọ trì đọc tụng như lời nói tu hành, con sẽ cùng với các quyến thuộc cúng dường chu cấp phụng sự. Ở tại tụ lạc hay thành ấp, núi rừng đồng trống, chỗ có kinh này, con cũng cùng với các quyến thuộc đồng đến nơi đó nghe thọ pháp. Những người chưa tin, sẽ khiến sanh lòng tin; người đã tin rồi, sẽ vì họ bảo hộ.

Phật nói:

- Lành thay, lành thay, Đế-thích! Như lời ông nói, ta sẽ giúp ông được vui vẻ. Kinh này nói rộng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bất khả tư nghì của chư Phật quá

khứ hiện tại vị lai. Thế nên, Đế-thích! Nếu người thiện nam người thiện nữ thọ trì đọc tụng, cúng dường kinh này, ắt là cúng dường chư Phật quá khứ hiện tại vị lai.

Này Đế-thích! Giả sử Như Lai đầy dẫy trong tam thiên đại thiên thế giới, ví như mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng. Nếu có người thiện nam thiện nữ hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường, phụng sự mọi thứ để chư Phật được an ổn, đến sau khi chư Phật diệt độ, đem xá-lợi toàn thân của mỗi vị Phật an trí trong tháp bảy báu, rộng một tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm thiên, bên ngoài tháp trang nghiêm đẹp đẽ; dùng tất cả hoa hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, để cúng dường hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Này Đế-thích, ý ông nghĩ sao, người kia gieo trồng phước há là nhiều chăng?

Đế-thích thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức của người kia, nếu dùng trăm ngàn ức kiếp nói không thể hết.

Phật bảo thiên Đế-thích:

- Nên biết người thiện nam thiện nữ nghe kinh điển Bất khả tư nghì giải thoát này, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu hành, phước nhiều hơn người kia. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề của chư Phật đều từ đấy mà sanh; tướng của Bồ-đề không thể hạn lượng, do nhân duyên ấy mà được phước đức không thể lường.

Phật bảo Thiên Đế:

- Thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thời ấy có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên Đại Trang Nghiêm, kiếp là Trang Nghiêm, đức Phật

thọ hai mươi tiểu kiếp, hàng Thanh văn tăng của ngài là ba mươi sáu ức na-do-tha vị, hàng Bồ-tát tăng có mười hai ức vị.

Thiên Đế! Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, là chủ bốn thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chánh dũng kiện, có thể hàng phục kẻ oán thù.

Khi ấy Bảo Cái cùng với quyến thuộc cúng dường đức Dược Vương Như Lai, dâng cúng các thứ được an ổn, đến trọn năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, mới bảo một ngàn người con của ông: "Các ngươi cũng phải như ta, dùng thâm tâm cúng dường đối với đức Phật."

Lúc ấy một ngàn người con vâng lệnh vua cha, cúng dường Dược Vương Như Lai trọn năm kiếp nữa, dâng cúng các thứ được an ổn. Một người con vua tên là Nguyệt Cái, ngồi riêng một mình suy nghĩ: "Thật có cúng dường nào thù thắng hơn cúng dường này chăng?"

Do thần lực của Phật nên trong hư không có vị trời nói: "Lành thay thiện nam tử, cúng dường pháp thù thắng hơn các thứ cúng dường." Nguyệt Cái liền hỏi: "Sao gọi là cúng dường pháp?" Vị trời đáp: "Ông hãy đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ rộng vì ông mà nói việc cúng dường pháp."

Liền khi ấy vương tử Nguyệt Cái đi đến Dược Vương Như Lai, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, trong các thứ cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng hơn hết. Thế nào gọi là cúng dường pháp?" Phật bảo: "Thiện nam tử, cúng dường pháp là kinh điển thâm sâu chư Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải chỗ suy nghĩ phân biệt có thể được. Thâu nhiếp pháp tạng Bồ-tát, dấu ấn của ấn đà-la-ni; đến không thối chuyển, thành

tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận theo pháp Bồ-đề, trên hết các kinh. Nhập đại từ bi, lìa các ma sự và các tà kiến. Thuận theo pháp nhân duyên, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, Không vô tướng vô tác vô khởi. Hay khiến chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư thiên, long thần, càn-thát-bà... cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh nhập kho pháp của Phật, nhiếp tất cả các trí tuệ của chư hiền thánh. Nói đạo của các vị Bồ-tát đang hành, nương nơi nghĩa thật tướng của các pháp. Nói rõ pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt; hay cứu tất cả chúng sanh phạm giới cấm; hay khiến cho chư ma ngoại đạo và những người tham trước sợ sệt; chỗ chư Phật hiền thánh đều ngợi khen. Trái ngược với khổ sanh tử, chỉ bày sự vui Niết-bàn mười phương ba đời chư Phật đã nói. Nếu nghe những kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì đọc tụng, dùng sức phương tiện vì các chúng sanh phân biệt giải nói, chỉ bày rành rõ, gìn giữ giáo pháp, ấy gọi là cúng dường pháp. Lại nơi các pháp như lời nói mà tu hành, tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, được vô sanh nhẫn; quyết định không có ngã không có chúng sanh, mà đối với nhân duyên quả báo không trái không tranh tụng, lìa các ngã sở. Y nơi nghĩa, không y ngữ; y nơi trí, không y nơi thức; y kinh liễu nghĩa, không y kinh chẳng liễu nghĩa; y nơi pháp, không y nhân. Tùy thuận pháp tướng, không chỗ vào, không chỗ trở về. Vô minh cứu cánh diệt nên các hành cũng cứu cánh diệt; cho đến sanh cứu cánh diệt nên lão tử cũng cứu cánh diệt. Khởi quán như thế, mười hai nhân duyên không có tướng hết, chẳng lại khởi thấy, ấy gọi là cúng dường pháp tối thượng."

Phật bảo Thiên Đế:

- Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương nghe pháp như thế, được nhẫn nhu thuận. Liền cởi y báu, đồ dùng trang nghiêm thân để cúng dường Phật, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp, bảo hộ chánh pháp. Nguyện nhờ sức oai thần thương xót dựng lập, khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ-tát." Phật biết suy nghĩ trong thâm tâm của vương tử, mà thọ ký rằng: "Ông ở đời sau là người bảo vệ thành trì chánh pháp. Này Đế-thích, khi ấy vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, do lòng tin xuất gia, tu tập pháp lành; tinh tấn không bao lâu, được năm pháp thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được đà-la-ni, biện tài không đoạn dứt. Sau khi Phật diệt độ, do được sức thần thông, tổng trì, biện tài của ông, mãn mười tiểu kiếp chuyển pháp luân của đức Dược Vương Như Lai, tùy đó mà phân bố. Tỳ-kheo Nguyệt Cái do thủ hộ pháp, siêng hành tinh tấn, tức ngay nơi thân này giáo hóa trăm muôn ức người đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lập chí không thối chuyển; mười bốn na-do-tha người sâu phát tâm Thanh văn, Bích-chi Phật; vô lượng chúng sanh được sanh lên cõi trời. Này Thiên Đế, khi ấy vua Bảo Cái há là người nào khác ư? Hiện nay được thành Phật hiệu Bảo Diệm Như Lai. Một ngàn vị vương tử đó, tức ở trong Hiền kiếp là một ngàn đức Phật. Từ Ca-la Câu-tôn-đà là vị Phật thứ nhất, đức Phật sau rốt hiệu là Lâu Chí. Tỳ-kheo Nguyệt Cái ắt là thân ta vậy. Như thế, Thiên Đế! Phải biết chỗ thiết yếu này, đối với các pháp cúng dường dùng cúng dường pháp là trên, là tối thắng, là đệ nhất không gì so sánh được. Thế nên Thiên Đế, phải lấy cúng dường pháp để cúng dường chư Phật vậy.

Giảng:

Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân trong đại chúng bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con tuy theo Phật và ngài Văn-thù-sư-lợi nghe trăm ngàn quyển kinh, chưa từng nghe kinh điển bất khả tư nghì, tự tại thần thông, quyết định thật tướng như thế. Như con hiểu nghĩa thú lời Phật nói, nếu có chúng sanh nghe kinh pháp này, người tin hiểu thọ trì đọc tụng, ắt được pháp ấy không nghi, huống là như lời nói tu hành! Người ấy ắt là đóng các nẻo ác mở các cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm; hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán; tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng; giẫm lên dấu chân của Như Lai đã đi.

Trời Đế-thích nói, ông đã từng theo Phật và Bồ-tát Văn-thù nghe rất nhiều kinh, nhưng chưa được nghe kinh bất khả tư nghì, tự tại, thần thông, quyết định thật tướng. Ông rất tán thán, thật là hy hữu. Theo ông hiểu nghĩa Phật nói, nếu chúng sanh nào tin hiểu, thọ trì đọc tụng kinh này, ắt là được pháp không nghi. Huống như lời nói tu hành, tức là đóng các cửa ác, mở các cửa lành, dẹp hết ma oán, tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng và đi đúng theo đường Phật đã đi.

Bạch Thế Tôn, nếu có người thọ trì đọc tụng như lời nói tu hành, con sẽ cùng với các quyến thuộc cúng dường chu cấp phụng sự. Ở tại tụ lạc hay thành ấp, núi rừng đồng trống, chỗ có kinh này, con cũng cùng với các quyến thuộc đồng đến nơi đó nghe thọ pháp. Những người chưa tin, sẽ khiến sanh lòng tin; người đã tin rồi, sẽ vì họ bảo hộ.

Người chưa tin sẽ khiến họ được đầy đủ lòng tin, người đã tin làm tăng trưởng lòng tin. Ông nguyện bảo hộ kinh và người tu hành sống đúng theo kinh.

Phật nói: Lành thay, lành thay, Đế-thích! Như lời ông nói, ta sẽ giúp ông được vui vẻ. Kinh này nói rộng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bất khả tư nghì của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai. Thế nên, Đế-thích! Nếu người thiện nam người thiện nữ thọ trì đọc tụng, cúng dường kinh này, ắt là cúng dường chư Phật quá khứ hiện tại vị lai.

Vì sao ở đây lại tán thán, ai cúng dường kinh này tức là cúng dường ba đời chư Phật? Kinh này nói về công hạnh của Bồ-tát, mà tất cả chư Bồ-tát đều phải nương theo đây tu hành, đến khi viên mãn công hạnh mới thành tựu quả Phật. Như vậy kinh này là nhân để thành quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ba đời chư Phật. Thế nên nói, cúng dường kinh này là cúng dường ba đời chư Phật.

Này Đế-thích! Giả sử Như Lai đầy dẫy trong tam thiên đại thiên thế giới, ví như mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng. Nếu có người thiện nam thiện nữ hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường, phụng sự mọi thứ để chư Phật được an ổn, đến sau khi chư Phật diệt độ, đem xá-lợi toàn thân của mỗi vị Phật an trí trong tháp bảy báu, rộng một tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm thiên, bên ngoài tháp trang nghiêm đẹp đẽ; dùng tất cả hoa hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, để cúng dường hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Này Đế-thích, ý ông nghĩ sao, người kia gieo trồng phước há là nhiều chăng?

Đế-thích thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức của người kia, nếu dùng trăm ngàn ức kiếp nói không thể hết.

Đoạn này đức Phật dùng thí dụ quá sức tưởng tượng. Chỉ riêng thế giới của chúng ta, số mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng... còn không thể tính kể hết. Huống là chư Phật nhiều như số mía, mè, tre, lau, cây rừng... trong tam thiên đại thiên thế giới. Một cây tre là một ông Phật, một cây lúa là một ông Phật... tổng cộng bao nhiêu Phật đều cúng dường đầy đủ suốt một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Kiếp gồm có đại kiếp, trung kiếp và tiểu kiếp. Kiếp dài vô hạn không phải chỉ một đời. Cúng dường một vài đức Phật còn có thể tưởng tượng nổi, cúng dường Phật nhiều như vậy, cho đến sau khi chư Phật diệt độ. Xá-lợi mỗi vị Phật đều an trí trong tháp xây bằng bảy báu để thờ. Tháp rộng bằng tứ thiên hạ, cao tới trời Phạm thiên, trang nghiêm đẹp đẽ, dùng các thứ hương hoa, anh lạc, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, trang trí tràng phan, bảo cái... để cúng dường. Đó là hai thứ cúng dường, cúng dường Phật và xây bảo tháp thờ xá-lợi Phật, như vậy

phước đức rất nhiều. Thế nên Đế-thích nói, phước đức đó trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết.

Đức Phật đã dùng hình ảnh thí dụ cho chúng ta thấy, cúng dường tài thí dù nhiều bao nhiêu, sánh với pháp thí cũng không thể lường được, nên Phật mới nói pháp thí là trên hết.

Phật bảo thiên Đế-thích: Nên biết người thiện nam thiện nữ nghe kinh điển Bất khả tư nghì giải thoát này, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu hành, phước nhiều hơn người kia. Vì có sao? Vì Bồ-đề của chư Phật đều từ đấy mà sanh; tướng của Bồ-đề không thể hạn lượng, do nhân duyên ấy mà được phước đức không thể lường.

Người thế gian dù giàu đến đâu cũng không thể cúng dường trăm ngàn đời chư Phật nhiều như thế. Lại xây vô lượng tháp báu, cúng dường hương hoa, tràng phan bảo cái hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp... Tất cả những phước đó chung lại cũng không bằng phước của người nghe kinh này tin hiểu, đọc tụng thọ trì đúng như pháp mà tu hành. Vì sao? Vì Bồ-đề của chư Phật từ đây mà sanh, tướng Bồ-đề không giới hạn, do nhân duyên đó nên phước đức cũng không giới hạn. Còn bố thí tài dù nhiều bao nhiêu cũng có chừng mực hạn lượng.

Giả sử có trăm ngàn muôn ức hạt sương lóng lánh như kim cương, cũng không thể đổi với một hạt kim cương thật dù nhỏ. Tại sao? Vì cái giả không sánh với cái thật được. Cũng vậy, cúng dường tài vật thì được phước, nhưng chỉ là phước hữu hạn, bằng hình thức sự tướng, là pháp vô thường, dù nhiều bao nhiêu cũng phải hoại diệt. Còn tánh Bồ-đề không hoại nên nói trở về với Bồ-đề là tối thượng. Do đó đức Phật nói pháp thí là trên hết. Cúng dường tài thí như trên chúng ta không thể thực hiện nổi, nhưng cúng dường pháp là việc làm to tát, người tu ắt có thể làm được.

Như thấy một gia đình nghèo đói, vì thương nên mỗi ngày mình đều đem gạo đến cho, nhưng họ cứ than đói khổ hoài. Tìm hiểu ra mới biết, hai vợ chồng này không chịu khó làm ăn, có tiền ít mà xài nhiều, tất nhiên phải túng thiếu. Như vậy dù cả đời mình đem vật

chất giúp họ cũng không hết khổ. Chỉ cần khéo léo giải thích khuyên bảo họ, phải siêng năng và cần kiệm mới mong thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn thiếu hụt này. Dùng lời khuyên bảo tuy tốn công, nhưng khi hiểu rồi, họ sửa đổi cách sống, biết tiết kiệm, chăm chỉ làm ăn chứ không như trước nữa. Như vậy mình nhịn ăn bớt mặc chưa cứu người hết khổ, mà chính lời nói nhẹ nhàng khéo léo giúp họ thức tỉnh. Việc làm này thấy như tầm thường, nhưng lại cứu người thoát khổ, đó là điều quan trọng.

Thế nên giác ngộ rồi mới thoát khổ sanh tử trong tam giới. Việc cúng dường tuy được phước nhiều, mà không giác ngộ, khi hưởng hết phước vẫn bị đọa. Có nhiều người cho rằng tu sĩ Phật giáo chỉ lo tu cho riêng mình mà không xả thân làm việc từ thiện xã hội, đó là họ chưa hiểu mục đích cứu cánh của đạo Phật. Nếu đọc sử thì thấy vào thời đức Phật tại thế, ngài chỉ khuyên dạy Phật tử làm việc phước thiện, còn chư Tỳ-kheo phải lấy việc tu học giác ngộ giải thoát làm gốc. Như vậy để thấy rõ tinh thần của đạo Phật, người tu phải thấu hiểu đạo lý và chỉ dạy lại cho người được tỉnh thức. Do đó nói phước pháp thí là trên hết. Vì vậy tôi chủ trương, tuy làm việc từ thiện xã hội như Tuệ Tĩnh đường... nhưng không được bỏ việc tu học. Chúng ta giúp dân được bao nhiêu mừng bấy nhiêu, còn việc tu học là chính yếu của người tu giác ngộ giải thoát, nên không thể thiếu.

Trên đây đức Phật nêu lên dẫn dụ so sánh giữa hai pháp cúng dường, để cho thấy cúng dường pháp là cao tột.

Phật bảo Thiên Đế: Thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thời ấy có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên Đại Trang Nghiêm, kiếp là Trang Nghiêm, đức Phật thọ hai mươi tiểu kiếp, hàng Thanh văn tăng của ngài là ba mươi sáu ức na-do-tha vị, hàng Bồ-tát tăng có mười hai ức vị.

Thiên Đế! Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương, tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, là chủ bốn thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chánh dũng kiện, có thể hàng phục kẻ oán thù.

Khi ấy Bảo Cái cùng với quyến thuộc cúng dường đức Dược Vương Như Lai, dâng cúng các thứ được an ổn, đến trọn năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, mới bảo một ngàn người con của ông: "Các ngươi cũng phải như ta, dùng thâm tâm cúng dường đối với đức Phật."

Lúc ấy một ngàn người con vâng lệnh vua cha cúng dường Dược Vương Như Lai trọn năm kiếp nữa, dâng cúng các thứ được an ổn. Một người con vua tên là Nguyệt Cái, ngồi riêng một mình suy nghĩ: "Thật có cúng dường nào thù thắng hơn cúng dường này chăng?"

Do thần lực của Phật nên trong hư không có vị trời nói: "Lành thay thiện nam tử, cúng dường pháp thù thắng hơn các thứ cúng dường." Nguyệt Cái liền hỏi: "Sao gọi là cúng dường pháp?" Vị trời đáp: "Ông hãy đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ rộng vì ông mà nói việc cúng dường pháp."

Liền khi ấy vương tử Nguyệt Cái đi đến Dược Vương Như Lai, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, trong các thứ cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng hơn hết. Thế nào gọi là cúng dường pháp?"

Phật bảo: "Thiện nam tử, cúng dường pháp là kinh điển thâm sâu chư Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải chỗ suy nghĩ phân biệt có thể được. Thâu nhiếp pháp tạng Bồ-tát, dấu ấn của ấn đà-la-ni; đến không thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận theo pháp Bồ-đề, trên hết các kinh..."

Đà-la-ni (Dharani) là tiếng Phạn, dịch là tổng trì, là gom nhớ hết.

Đức Phật Dược Vương giải thích cúng dường pháp là cúng dường kinh điển thâm sâu của Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải do suy nghĩ

phân biệt mà được. Pháp ấy nhiếp thuộc pháp tạng của Bồ-tát, là dấu in của ấn đà-la-ni. Như vậy pháp tạng của Bồ-tát là kho pháp giúp chúng ta tu tiến đến chỗ được tổng trì, bất thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, tùy thuận pháp Bồ-đề, vượt trội hơn các kinh.

Nhập đại từ bi, lìa các ma sự và các tà kiến. Thuận theo pháp nhân duyên, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, Không vô tướng vô tác vô khởi. Hay khiến chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư thiên, long thần, càn-thát-bà... cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh nhập kho pháp của Phật, nhiếp tất cả các trí tuệ của chư hiền thánh.

Vị nào thể nhập kho pháp này, sẽ phát tâm đại từ bi, lìa hết các ma sự, tà kiến. Tùy thuận theo lý nhân duyên, lý vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng và bốn môn giải thoát: Không, vô tướng, vô tác, vô khởi. Hay vì chúng sanh ngồi đạo tràng nói pháp khiến tất cả thiên long, chư thần... đều cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh thâm nhập pháp Phật, nhiếp tất cả trí tuệ của các bậc hiền thánh.

Nói đạo của các vị Bồ-tát đang hành, nương nơi nghĩa thật tướng của các pháp. Nói rõ pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt; hay cứu tất cả chúng sanh phạm giới cấm; hay khiến cho chư ma ngoại đạo và những người tham trước sợ sệt; chỗ chư Phật hiền thánh đều ngợi khen.

Giảng nói đạo của các vị Bồ-tát đang thực hành. Nương nơi nghĩa tướng chân thật, nói cho tất cả chúng sanh biết rõ các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn là tịch diệt. Hay cứu giúp người khỏi các tội hủy phá cấm giới. Khiến cho chúng ma, ngoại đạo đều phải sợ sệt kinh hãi. Còn những vị hiền thánh đều vui mừng khen ngợi cúng dường.

Trái ngược với khổ sanh tử, chỉ bày sự vui Niết-bàn mười phương ba đời chư Phật đã nói. Nếu nghe những kinh điển như thế, tin hiểu

thọ trì đọc tụng, dùng sức phương tiện vì các chúng sanh phân biệt giải nói, chỉ bày rành rõ, gìn giữ giáo pháp, ấy gọi là cúng dường pháp.

Trên đây đã giải thích về nghĩa cúng dường pháp, chúng ta có thể tóm gọn lại như sau: Cúng dường pháp là nương theo pháp của Phật dạy ứng dụng tu hành, tự mình được an ổn thanh tịnh, rồi chỉ dạy lại cho mọi người cùng tu, tiến lần đến chỗ an lạc thanh tịnh. Người thực hành như thế gọi là cúng dường pháp.

Lại nơi các pháp như lời nói mà tu hành, tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, được vô sanh nhẫn; quyết định không có ngã không có chúng sanh, mà đối với nhân duyên quả báo không trái không tranh tụng, lìa các ngã sở. Y nơi nghĩa, không y ngữ; y nơi trí, không y nơi thức; y kinh liễu nghĩa, không y kinh chẳng liễu nghĩa; y nơi pháp, không y nhân.

Kinh Đại Bát-niết-bàn có giảng về tứ y. Ở đây cũng nói tứ y:

1. Y pháp bất y nhân: là nương nơi pháp không nên nương người nói pháp. Điều này rất hệ trọng. Người thế gian thường chấp, lời nói việc làm phải đi đôi, nhưng thầy thuyết pháp hay mà làm chưa được nên không muốn nghe thầy giảng. Nói thế cũng phải, thầy giảng pháp, phải có ứng dụng tu thì lời nói mới có giá trị đủ niềm tin cho người nghe. Như bác sĩ khuyên bệnh nhân hút thuốc nhiều sẽ có hại cho sức khỏe, nhưng chính ông lại hút, nên lời ông nói không có tác dụng. Tuy bác sĩ biết tác hại của hút thuốc nhưng thói quen chưa bỏ được, bệnh nhân đừng nên cố chấp khuyết điểm của ông mà không đến trị thì làm sao hết bệnh.

Cũng vậy, Phật biết trong đời mạt pháp người đạt đạo thì ít, hiểu đạo tương đối nhiều. Nếu hiểu đạo mà chưa đạt đạo, thì hành động chưa đúng, do đó Phật pháp suy vi. Thế nên Phật dạy y pháp bất y nhân, là phải nương pháp mà tu. Thầy còn là phàm tăng, không sao tránh khỏi những sai sót. Vì vậy không nên chấp vào khuyết điểm của thầy rồi không chịu học Phật pháp là thiệt thòi cho mình. Đó là

bổn phận của Phật tử. Còn thầy là người hướng dẫn phải có tư cách mẫu mực, để làm gương cho người noi theo. Nếu thầy vừa rời pháp tòa lại làm những điều không hợp đạo lý, bị người phê phán liền nói Phật dạy y pháp bất y nhân, đó là tai họa. Chúng ta phải có cái nhìn thấu đáo, học hiểu giáo lý để làm tư lương tu hành, đừng đòi hỏi người giảng làm đúng những gì đã nói. Nhưng ít ra cũng được năm mươi phần trăm, dưới thì trái với tư cách của vị đạo sư. Thế nên, người nghe pháp phải có tâm niệm cởi mở và người giảng pháp đừng vì thế mà buông lung.

2. Y nghĩa bất y ngữ: là nương nơi nghĩa không nương lời nói. Muốn chỉ bày nghĩa lý phải dùng phương tiện ngôn ngữ, tuy lời nói diễn đạt không khéo léo nhưng ý nghĩa trình bày thâm sâu. Như vậy không nên chấp lời nói bỏ nghĩa thâm sâu, mà phải nương nơi nghĩa kinh để ứng dụng tu.

3. Y trí bất y thức: là nương nơi trí mà không nương nơi thức. Căn cứ trong kinh Lăng-già, trí là cái biết không sanh diệt, còn thức là cái biết phân biệt sanh diệt. Nếu nương cái biết phân biệt sanh diệt là đi trong sanh tử, còn nương nơi cái biết không sanh diệt, là giải thoát sanh tử.

4. Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh: liễu nghĩa là nghĩa lý được giải bày đầy đủ trọn vẹn; bất liễu nghĩa là nghĩa chưa tròn đủ, chưa hết nghĩa. Liễu nghĩa và bất liễu nghĩa còn có tên khác là cứu cánh và phương tiện. Như trong kinh Thi-ca-la-việt dạy lễ bái lục phương. Có người ngoại đạo dạy con, cha chết rồi con hãy y lời cha dạy, đêm nào cũng hướng về sáu phương mà lễ lạy. Khi ông trưởng giả chết rồi, người con thực hành như lời cha dặn. Một hôm vị ấy đang lễ lạy, đức Phật hỏi nguyên do và giảng dạy cho hiểu ý nghĩa lễ lạy sáu phương:

1. Phương đông là hiếu thuận với cha mẹ.

2. Phương nam là hiếu kính sư trưởng.

3. Phương tây đối đãi tốt với vợ chồng.

4. Phương bắc đối đãi tốt với thân tộc.

5. Phương trên kính phụng Sa-môn.

6. Phương dưới đối xử tốt với tôi tớ.

Những kinh Phật tùy thuận theo sự hiểu biết của ngoại đạo, linh động khiến họ trở về với chánh pháp, gọi là kinh không liễu nghĩa. Như kinh Thi-ca-la-việt, Phật phương tiện vì người giảng nói ý nghĩa lễ lạy sáu phương. Còn những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết-bàn... là kinh liễu nghĩa.

Tùy thuận pháp tướng, không chỗ vào, không chỗ trở về. Khi đã đạt được pháp cứu cánh thanh tịnh, thể tròn đầy trùm khắp nhưng vì tùy thuận pháp tướng để diễn đạt cho mọi người hiểu chứ không kẹt trong pháp tướng, nên nói không chỗ vào, không chỗ trở về.

Vô minh cứu cánh diệt nên các hành cũng cứu cánh diệt; cho đến sanh cứu cánh diệt nên lão tử cũng cứu cánh diệt. Khởi quán như thế, mười hai nhân duyên không có tướng hết, chẳng lại khởi thấy, ấy gọi là cúng dường pháp tối thượng. Như vậy căn cứ trong mười hai nhân duyên, vì vô minh diệt sạch hoàn toàn nên các hành nghiệp cũng hoàn toàn sạch hết. Cho đến cuối cùng sanh diệt nên lão tử cũng diệt. Do đó tuy tu theo các pháp Nhị thừa nhưng không nên chấp vào tướng, cũng đừng kẹt trong đối đãi. Đó là cúng dường pháp tối thượng.

Phật bảo Thiên Đế: Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương nghe pháp như thế, được nhẫn nhu thuận. Liền cởi y báu, đồ dùng trang nghiêm thân để cúng dường Phật, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp, bảo hộ chánh pháp. Nguyện nhờ sức oai thần thương xót dựng lập, khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ-tát." Sau khi nghe Phật giải thích về cúng dường pháp, vương tử Nguyệt Cái liền phát tâm cởi y báu cúng dường Như Lai, đồng thời nguyện oai thần Phật gia hộ cho ngài hàng phục được các ma oán, tu hạnh Bồ-tát.

Phật biết suy nghĩ trong thâm tâm của vương tử, mà thọ ký rằng: "Ông ở đời sau là người bảo vệ thành trì chánh pháp." Này Đế-thích, khi ấy vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, do lòng tin xuất gia, tu tập pháp lành; tinh tấn không bao lâu, được năm pháp thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được đà-la-ni, biện tài không đoạn dứt. Sau khi Phật diệt độ, do được sức thần thông, tổng trì, biện tài của ông, mãn mười tiểu kiếp chuyển pháp luân của đức Dược Vương Như Lai, tùy đó mà phân bố. Tỳ-kheo Nguyệt Cái do thủ hộ pháp, siêng hành tinh tấn, tức ngay nơi thân này giáo hóa trăm muôn ức người đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lập chí không thối chuyển; mười bốn na-do-tha người sâu phát tâm Thanh văn, Bích-chi Phật; vô lượng chúng sanh được sanh lên cõi trời.

Sau khi vương tử Nguyệt Cái xuất gia, chuyên cần tu tập thành tựu đạo Bồ-tát, đem giáo pháp của đức Như Lai Dược Vương đã dạy, truyền bá rộng khắp. Khi Phật diệt độ, Tỳ-kheo Nguyệt Cái với tâm thọ trì, bảo hộ chánh pháp, ngài tinh tấn giáo hóa được trăm muôn ức người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thối chuyển, mười bốn na-do-tha người phát tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, và vô lượng chúng sanh tu thập thiện được sanh lên cõi trời. Như vậy tuy tu hạnh Bồ-tát nhưng với người phát tâm tu theo Nhị thừa, ngài nói pháp Nhị thừa, người thích sanh lên cõi trời thì nói pháp thập thiện. Tùy duyên, tùy căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa, chứ không phải chỉ y cứ vào một pháp chỉ dạy người. Đó là phương tiện độ sanh của chư Bồ-tát.

Này Thiên Đế, khi ấy vua Bảo Cái há là người nào khác ư? Hiện nay được thành Phật hiệu Bảo Diệm Như Lai. Một ngàn vị vương tử đó, tức ở trong Hiền kiếp là một ngàn đức Phật. Vua Bảo Cái không phải người nào khác, hiện đang thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai.

Kiếp trước là kiếp Trang Nghiêm, đức Phật Dược Vương giáo hóa trong thời này. Một ngàn vị vương tử là một ngàn đức Phật trong Hiền kiếp. Chúng ta hiện nay đang ở trong Hiền kiếp.

Từ Ca-la Câu-tôn-đà là vị Phật thứ nhất, đức Phật sau rốt hiệu là Lâu Chí. Tỳ-kheo Nguyệt Cái ắt là thân ta vậy. Như vậy Tỳ-kheo Nguyệt Cái từ thuở kiếp Trang Nghiêm thời đức Phật Dược Vương, chính là đức Phật Thích-ca hiện nay. Từ kiếp xa xưa ngài đã phát tâm tu hành, giáo hóa chúng sanh vô lượng, mãi đến nay mới được thành Phật. Đâu có vị nào chỉ một đời tu liền đắc Vô thượng Bồ-đề, phải có chủng duyên nhiều đời nhiều kiếp, viên mãn công hạnh Bồ-tát mới thành tựu đạo quả.

Như thế, Thiên Đế! Phải biết chỗ thiết yếu này, đối với các pháp cúng dường dùng cúng dường pháp là trên, là tối thắng, là đệ nhất không gì so sánh được. Thế nên Thiên Đế, phải lấy cúng dường pháp để cúng dường chư Phật vậy.

Trong nhà thiền thường nói *Truyền đăng tục diệm*, nghĩa là mồi đèn tiếp lửa. Pháp Phật là ngọn đèn đã thắp sáng, bổn phận con cháu sau này phải mồi cho ánh sáng đó tiếp nối mãi không dừng. Còn những Phật sự khác, tùy duyên làm bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Trọng trách tối thượng của chúng ta là phải đem ánh sáng pháp của Phật tổ truyền bá cho mọi người. Điều thiết yếu Phật tổ đã chỉ dạy, cúng dường pháp là tối thắng, là trên hết, thực hành như thế ắt là cúng dường chư Phật cao tột không gì sánh bằng.

Kết thúc phẩm này, đức Phật nêu rõ hai phần cụ thể để chúng ta thấy cúng dường pháp là trên hết:

- Cúng dường chư Phật nhiều vô số, được phước đức không thể nghĩ lường, nhưng không thể sánh với người nghe kinh điển này, hiểu ứng dụng tu hành, đem ra chỉ dạy cho người.

- Đức Phật kể lại việc quá khứ, ngài và những vị huynh đệ cùng tu để chứng minh việc này.

Trong một ngàn vị thiên tử, chỉ có ngài suy nghĩ không biết cúng dường như thế nào là trên hết. Nhờ oai thần của đức Dược Vương Như Lai nên ngài biết cúng dường pháp là trên hết. Từ đó ngài phát tâm thọ trì pháp, ứng dụng tu và đem pháp đó giáo hóa chúng sanh cho đến khi thành Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni. Như trên nói đức Phật Dược Vương thọ ký, trong thời Hiền kiếp này có một ngàn đức Phật ra đời. Hiện đã có bảy vị và đức Thích-ca là vị thứ bảy.

14. PHẨM CHÚC LỤY

Chúc lụy là đem hết tâm tư dặn dò lại người sau cố gắng thực hiện đúng theo tinh thần đức Phật chỉ dạy, duy trì bảo vệ kinh và ứng dụng tu hành. Như cha mẹ khi gần trăm tuổi, gọi con cháu đến dặn dò, gọi là di chúc.

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

- Nay ta dùng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhóm họp pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để phó chúc cho ông. Những kinh như thế, sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp các ông phải dùng thần lực lưu truyền rộng khắp cõi Diêm-phù-đề, không khiến cho đoạn tuyệt. Vì cớ sao? Trong đời vị lai sẽ có những người thiện nam thiện nữ, thiên long, quỷ thần, càn-thát-bà, la-sát... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa pháp Đại thừa; nếu như không được nghe những kinh như thế ắt mất lợi lành. Những người như đây nghe kinh này ắt thêm lòng tin vui, phát tâm hy hữu, sẽ đảnh lễ lãnh thọ. Tùy chỗ ứng hợp lợi lạc cho các chúng sanh, mà vì họ rộng diễn nói.

Di-lặc nên biết! Bồ-tát có hai tướng: một là ưa thích tạp cú văn chương, hai là không sợ nghĩa lý sâu xa như thật có thể thâm nhập. Nếu người ưa tạp cú văn chương, nên biết ấy là Bồ-tát mới học. Nếu đối với kinh điển thâm sâu không nhiễm không trước, không kinh sợ, có thể nhận hiểu trong đó, nghe rồi tâm liền thanh tịnh, thọ trì đọc tụng, như lời nói mà tu hành, nên biết ấy là người tu hành đã lâu.

Này Di-lặc, lại có hai pháp gọi là người mới học không thể quyết định được pháp sâu xa. Những gì là hai? Một là những kinh điển sâu xa chưa từng nghe, khi nghe họ kinh sợ sanh

nghi, không thể tùy thuận, chê bai không tin mà lại nói: "Trước đây tôi không nghe! Kinh này từ đâu mà đến?" Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh thâm sâu như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung kính, hoặc trong khi đó nói lỗi xấu vị kia. Có hai pháp này nên biết ấy là Bồ-tát mới học, vì làm tổn hại chính mình và không thể ở trong pháp sâu xa mà điều phục tâm kia.

Này Di-lặc, lại có hai pháp, Bồ-tát tuy tin hiểu pháp sâu xa vẫn còn tổn hại chính mình và không thể được pháp vô sanh nhẫn. Những gì là hai?

Một là khinh thường Bồ-tát mới học mà không dạy dỗ. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu xa mà chấp tướng phân biệt. Ấy là hai pháp.

Bồ-tát Di-lặc nghe nói lời này rồi, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chưa từng có vậy. Như Phật đã nói, con sẽ xa lìa các ác như thế và phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Như Lai nhóm họp từ vô số kiếp. Nếu ở đời sau có người thiện nam thiện nữ cầu pháp Đại thừa, sẽ khiến tay họ liền được quyển kinh như thế và khiến họ có sức ghi nhớ thọ trì đọc tụng, vì người giảng nói rộng khắp. Bạch Thế Tôn, nếu về sau đời mạt pháp, có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, nên biết đều là do sức thần của Di-lặc kiến lập.

Phật nói:

- Lành thay, lành thay, Di-lặc! Như lời ông đã nói, Phật sẽ giúp ông thêm vui.

Khi ấy tất cả Bồ-tát chắp tay bạch Phật:

- Chúng con sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở cõi nước mười phương rộng nói lưu truyền pháp Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, lại sẽ dẫn dắt cho những người nói pháp khiến họ nhận được kinh này.

Lúc ấy Tứ thiên vương bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, ở nơi chốn nào thành ấp xóm làng, rừng núi đồng trống, có người đọc tụng, giải nói quyển kinh này, con sẽ đưa các quan thuộc vì nghe pháp nên đến chỗ kia ủng hộ người ấy, khiến cho khoảng một trăm do-tuần không ai rình tìm và có cơ hội để phá được.

Bấy giờ Phật bảo A-nan:

- Nên thọ trì kinh này, rộng nói để truyền bá.

Tôn giả A-nan thưa:

- Xin vâng, con đã thọ trì những chỗ cốt yếu. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì?

Phật bảo:

- A-nan, kinh này tên là "Duy-ma-cật Sở Thuyết", cũng tên "Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn", ông như thế mà thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, trưởng giả Duy-ma-cật, ngài Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan... và chư thiên, nhân, a-tu-la... tất cả đại chúng nghe Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận và kính cẩn vâng làm.

Giảng:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: Nay ta dùng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhóm họp pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để phó chúc cho ông.

Đức Phật phó chúc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ-tát Di-lặc.

Những kinh như thế, sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp các ông phải dùng thần lực lưu truyền rộng khắp cõi Diêm-phù-đề, không khiến cho đoạn tuyệt. Vì có sao? Trong đời vị lai sẽ có những người thiện nam thiện nữ, thiên long, quỷ thần, càn-thát-bà, la-sát... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ưa pháp Đại thừa.

Những phẩm trên chúng ta không nghe nhắc nhiều về Bồ-tát Di-lặc, nhưng đến phẩm này Phật lại gọi ngài đến để dặn dò là ý nghĩa gì? Kinh này dạy cho hàng Bồ-tát thượng thặng, chỉ còn một kiếp nữa được bổ xứ thành Phật. Cư sĩ Duy-ma-cật là người ở nước Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động đến cõi Ta-bà làm Phật sự, cũng như Bồ-tát Di-lặc hiện đang ở cung trời Đâu-suất sẽ sanh vào cõi Ta-bà chỉ còn một đời nữa thành Phật. Như vậy công hạnh của hai vị tương xứng nhau, nên đức Phật mới dặn dò phó chúc cho ngài Di-lặc.

Chúng ta thường có mặc cảm sanh trong đời mạt pháp, không được duyên lành để tu hành chóng tiến. Ở đây đức Phật nói, vào thời này cũng có những thiện nam, thiện nữ, hoặc quỷ thần... phát tâm Vô thượng Bồ-đề, ưa nghe pháp Đại thừa. Như vậy chúng ta tuy ít phước nhưng nếu phát tâm Bồ-đề cũng có phần trong đó. Điều này khiến chúng ta tin mình có thể nhận hiểu và tu được theo lời Phật dạy.

Nếu như không được nghe những kinh như thế ắt mất lợi lành. Những người như đây nghe kinh này ắt thêm lòng tin vui, phát tâm hy hữu, sẽ đảnh lễ lãnh thọ. Tùy chỗ ứng hợp lợi lạc cho các chúng sanh, mà vì họ rộng diễn nói. Chúng sanh ở đời mạt pháp không được nghe kinh điển này sẽ mất lợi lành. Còn những người nghe pháp muốn được lợi ích lớn cho họ, nên tùy căn cơ của mỗi người mà diễn nói.

Di-lặc nên biết! Bồ-tát có hai tướng: một là ưa thích tạp cú văn chương, hai là không sợ nghĩa lý sâu xa như thật có thể thâm nhập. Nếu người ưa tạp cú văn chương, nên biết ấy là Bồ-tát mới học. Nếu đối với kinh điển thâm sâu không nhiễm không trước, không kinh sợ,

có thể nhận hiểu trong đó, nghe rồi tâm liền thanh tịnh, thọ trì đọc tụng, như lời nói mà tu hành, nên biết ấy là người tu hành đã lâu.

Bồ-tát có hai tướng: Bồ-tát mới học ưa thích văn chương tạp cú, Bồ-tát tu hành đã lâu thì thích kinh điển nghĩa lý sâu xa. Như chúng ta thấy ở chùa, người mới tu thích đọc những kinh sách văn chương lưu loát, những tích truyện hấp dẫn có thể quên ăn quên ngủ, còn kinh điển khô khan dễ sanh chán ngán. Chẳng hạn thuở tôi là học tăng, rất thích đọc sử Phật giáo của tác giả Võ Đình Cường, như quyển Ánh Đạo Vàng, đọc đến say mê. Sau này tu lâu rồi, không còn thích nữa, vì văn vẻ quá, làm mất đi bản chất thâm sâu của nó. Đó là tùy trình độ sai biệt của mỗi người. Người sơ cơ đến với đạo, phần nhiều hợp với văn chương bóng bẩy văn từ hoa mỹ, còn người đã thấm nhuần đạo lý chỉ thích ý nghĩa thâm sâu để ứng dụng tu hành.

Này Di-lặc, lại có hai pháp gọi là người mới học không thể quyết định được pháp sâu xa. Những gì là hai? Một là những kinh điển sâu xa chưa từng nghe, khi nghe họ kinh sợ sanh nghi, không thể tùy thuận, chê bai không tin mà lại nói: "Trước đây tôi không nghe, kinh này từ đâu mà đến?" Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh thâm sâu như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung kính, hoặc trong khi đó nói lỗi xấu vị kia. Có hai pháp này nên biết ấy là Bồ-tát mới học, vì làm tổn hại chính mình và không thể ở trong pháp sâu xa mà điều phục tâm kia.

Này Di-lặc, lại có hai pháp, Bồ-tát tuy tin hiểu pháp sâu xa vẫn còn tổn hại chính mình và không thể được pháp vô sanh nhẫn. Những gì là hai? Một là khinh thường Bồ-tát mới học mà không dạy dỗ. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu xa mà chấp tướng phân biệt. Ấy là hai pháp.

Phật chia ra hai hạng người: người chưa thông hiểu Phật pháp, nghe kinh này sanh kinh sợ, nghi ngờ, chê bai; hoặc nghe người hộ trì giảng nói kinh này, chẳng những không thân cận cúng dường mà còn tìm lỗi để nói xấu. Những người này tự làm tổn hại mình, đối với kinh điển thâm sâu không chịu học hiểu để điều phục tâm.

Người đã tin hiểu sâu nhưng vẫn còn bị tổn hại và không được vô sanh pháp nhẫn, vì có hai điều:

1. Khinh mạn người mới học, không chịu dạy dỗ. Người học đạo không phải chỉ hiểu đạo là đủ, mà phải có tâm giáo hóa chỉ dạy những người mới học, không nên xem thường họ.

2. Tuy tin hiểu pháp sâu mà còn chấp tướng phân biệt và dính mắc trong ngôn từ của đạo. Nên phải dẹp trừ tâm này mới được vô sanh pháp nhẫn.

Bồ-tát Di-lặc nghe nói lời này rồi, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, chưa từng có vậy. Như Phật đã nói, con sẽ xa lìa các ác như thế và phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Như Lai nhóm họp từ vô số kiếp. Nếu ở đời sau có người thiện nam thiện nữ cầu pháp Đại thừa, sẽ khiến tay họ liền được quyển kinh như thế và khiến họ có sức ghi nhớ thọ trì đọc tụng, vì người giảng nói rộng khắp. Bạch Thế Tôn, nếu về sau đời mạt pháp, có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, nên biết đều là do sức thần của Di-lặc kiến lập.

Phật nói: Lành thay, lành thay, Di-lặc! Như lời ông đã nói, Phật sẽ giúp ông thêm vui.

Khi ấy tất cả Bồ-tát chắp tay bạch Phật: Chúng con sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở cõi nước mười phương rộng nói lưu truyền pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại sẽ dẫn dắt cho những người nói pháp khiến họ nhận được kinh này.

Bồ-tát Di-lặc nguyện xin phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Phật chứa nhóm trong vô lượng kiếp. Đời sau nếu có chúng sanh cầu pháp Đại thừa tu hành trì tụng hoặc giảng nói kinh này, ngài sẽ ủng hộ họ thành tựu sở nguyện. Kế đến chư Bồ-tát cũng phát nguyện sẽ lưu truyền rộng khắp pháp này và dẫn dắt những người nói pháp khiến họ nhận hiểu. Vì vậy chúng ta tu theo kinh này được kết quả phần nào và có thể giảng nói cho mọi người nghe, đó là nhờ sự trợ lực của ngài Di-lặc cùng chư Bồ-tát.

Lúc ấy Tứ thiên vương bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ở nơi chốn nào thành ấp xóm làng, rừng núi đồng trống, có người đọc tụng, giải nói quyển kinh này, con sẽ đưa các quan thuộc vì nghe pháp nên đến chỗ kia ủng hộ người ấy, khiến cho khoảng một trăm do-tuần không ai rình tìm và có cơ hội để phá được.

Tứ thiên vương đi đâu thì dẫn quan quân tùy tùng theo đó, nên dùng chữ quan thuộc mà không dùng chữ quyến thuộc. Tứ thiên vương cũng hứa nguyện, dù ở bất cứ nơi nào sẽ luôn ủng hộ bảo vệ người đọc tụng giảng nói kinh này.

Bấy giờ Phật bảo A-nan: Nên thọ trì kinh này, rộng nói để truyền bá.

Tôn giả A-nan thưa: Xin vâng, con đã thọ trì những chỗ cốt yếu. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì?

Phật bảo: A-nan, kinh này tên là Duy-ma-cật Sở Thuyết, cũng tên Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, ông như thế mà thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, trưởng giả Duy-ma-cật, ngài Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan... và chư thiên, nhân, a-tu-la... tất cả đại chúng nghe Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận và kính cẩn vâng làm.

Phẩm Chúc Lụy là phẩm cuối của bộ kinh, chỉ là những lời đức Phật nhắc nhở tôn giả A-nan phải ghi nhớ những điều Thế Tôn chỉ dạy để mai kia trùng tuyên lại cho người sau. Phẩm này đơn giản dễ hiểu không nói đến nghĩa lý thâm sâu nữa.

TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH

Phần toát yếu nói về trọng tâm của bộ kinh, chứ không nói riêng từng phẩm. Nội dung mỗi bộ kinh đều có đủ bốn phần: giáo, lý, hạnh, quả. Cũng có khi giáo và lý chung nhau nên chỉ có ba là lý, hạnh, quả. Kinh này chú trọng về hạnh, như trong phẩm đầu có vị trời hỏi Phật, phải hành thế nào để được cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi Phật thanh tịnh, không phải chỉ nguyện suông mà phải hành động và tu tập theo gương hạnh chư Bồ-tát. Vì vậy những phẩm kế nói về việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật, đã thể hiện tâm vị tha sẵn sàng quên mình, dùng nhiều phương tiện giáo hóa chúng sanh trong mọi hoàn cảnh. Như Bồ-tát tu chứng Niết-bàn mà không trụ Niết-bàn, vì an trụ Niết-bàn thì không còn sanh tử, làm sao độ thoát chúng sanh. Tu chứng tất cả pháp mà không trụ tất cả pháp, vì muốn đi trong tam giới lục đạo để giáo hóa chúng sanh.

Công đức của chư Phật đều ngang nhau, nhưng hạnh nguyện của mỗi vị có khác. Như cõi nước của đức Phật Tu-di Đăng Vương trang nghiêm đẹp đẽ, chúng Bồ-tát đều thanh tịnh. Còn đức Phật Thích-ca vì muốn độ chúng sanh tâm nhiều xấu ác, nên thị hiện trong cõi Ta-bà đầy uế trược để cứu độ họ. Điều này khiến chúng ta cảm thấy hổ thẹn, vì biết tâm mình nhiều cấu nhiễm nên mới sanh vào chỗ xấu xa gò nổng. Tu là phải lấy tâm làm gốc, chỉ cần chuyển tâm chứ không chuyển cảnh. Cõi Phật ở ngay tâm mình, chẳng phải tìm đâu xa, không phải cầu xin mà được. Do tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Chánh báo y báo theo nhau, cảnh tùy tâm hiện. Như vậy việc làm này không đơn giản, phải cố gắng nỗ lực tu để tâm thanh tịnh nhất như, vượt ngoài đối đãi. Bởi có bên này bên kia, phải quấy, hữu vi vô vi... là còn trong tương đối, chưa thật thanh tịnh.

Trong phẩm Phật Đạo có câu, *muốn hành Phật đạo phải đi trong phi đạo*, nghe thật trái với lý thường, nhưng nói lên tinh thần hy sinh cao cả của chư Bồ-tát. Đó là hành động phi thường hiếm có mà lâu nay chúng ta không bao giờ dám nghĩ tưởng. Có khi các ngài làm

những điều không hợp với tư cách người tu, nhưng vì lòng từ bi tràn trề, dù bị khinh chê mắng chửi vẫn không ngại, sẵn sàng làm tất cả, miễn đem an vui đến cho chúng sanh. Còn chúng ta nghĩ rằng tu thanh tịnh là phải làm việc hợp với đạo lý, giữ được uy tín. Bồ-tát không như thế, trong mục thứ mười của Mười Bức Tranh Chăn Trâu Thiền Tông, hình ảnh một thầy tu tay xách bầu rượu, tay xách cá chép đi vào chợ. Việc làm đó là phi đạo nhưng vì lợi ích chúng sanh, các ngài phải chịu cảnh đầu tro mặt đất, chỉ có những vị Bồ-tát đạt đến chỗ cao siêu mới dám làm.

Toàn bộ kinh này nói về việc làm của chư Bồ-tát chứ không phải lý thuyết suông, nghĩa là ngôn hạnh tương ưng. Các ngài trải qua tất cả pháp Phật dạy, nhưng không an trụ chỗ sở chứng, mà lăn lộn trong ba cõi sáu đường, dù khó khổ cũng không từ nan. Tâm hạnh lợi tha của Bồ-tát thật chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật nói: *Tôi bệnh vì chúng sanh bệnh,* nghĩa là chúng sanh còn sanh tử, nên ông phải còn sanh tử. Việc làm của ông thật vượt quá phàm tình, như trường hợp có Ma vương hóa làm chư thiên hiến Thiên nữ cho Bồ-tát Trì Thế, ngài liền từ chối vì nghĩ việc cúng dường đó phi pháp. Còn cư sĩ Duy-ma-cật lại nói thôi cho tôi đi, dù biết việc phi pháp vẫn nhận để giáo hóa chúng ma.

Kinh Duy-ma-cật nêu lên tinh thần vì chúng sanh của hàng Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ. Các ngài đã trụ pháp môn Bất khả tư nghì giải thoát nên sức thần thông diệu dụng không thể nghĩ lường, có công năng mượn các tòa sư tử cao to ở cõi nước đức Phật Tu-di Đăng Vương dời về trong thất nhỏ mà không bị ép ngặt. Hoặc sai hóa Bồ-tát đến cõi Hương Tích xin bát cơm thơm về cho chư Bồ-tát và chúng hội dùng. Hoặc đem thế giới Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động đặt vào cõi Ta-bà vẫn y như cũ không thay đổi. Những công năng không thể nghĩ nghì này là từ tâm lượng thênh thang, vượt ngoài hình thức phân biệt đối đãi, không gì chướng ngại. Vì vậy kinh này có tên khác là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn.

Bồ-tát tân học cũng cứu độ chúng sanh nhưng việc làm còn trong giới hạn. Chúng ta mới phát tâm hành Bồ-tát đạo, nên những Phật sự đã làm thật tầm thường hạn hẹp. Trong việc tu chỉ mong được kiến tánh ngộ đạo cũng vui lắm rồi, vậy mà còn chưa được. Tuy học pháp Đại thừa nhưng không có tâm vị tha mà ích kỷ hẹp hòi, chỉ muốn thoát khổ sanh tử sớm thành Phật trụ Niết-bàn để hưởng sự an lạc cho riêng mình, không như Bồ-tát luôn lấy niềm vui nỗi khổ của chúng sanh làm niềm vui nỗi khổ của chính mình.

Học kinh này rồi, chúng ta mới hiểu ý nghĩa thâm sâu của bộ kinh và thêm cung kính gương hạnh của các ngài, cố gắng noi theo ứng dụng tu hành, dù không được trăm phần trăm, ít ra cũng vài mươi phần trăm để tâm ngày càng thêm rộng mở. Đó là sự mong mỏi của tôi./.